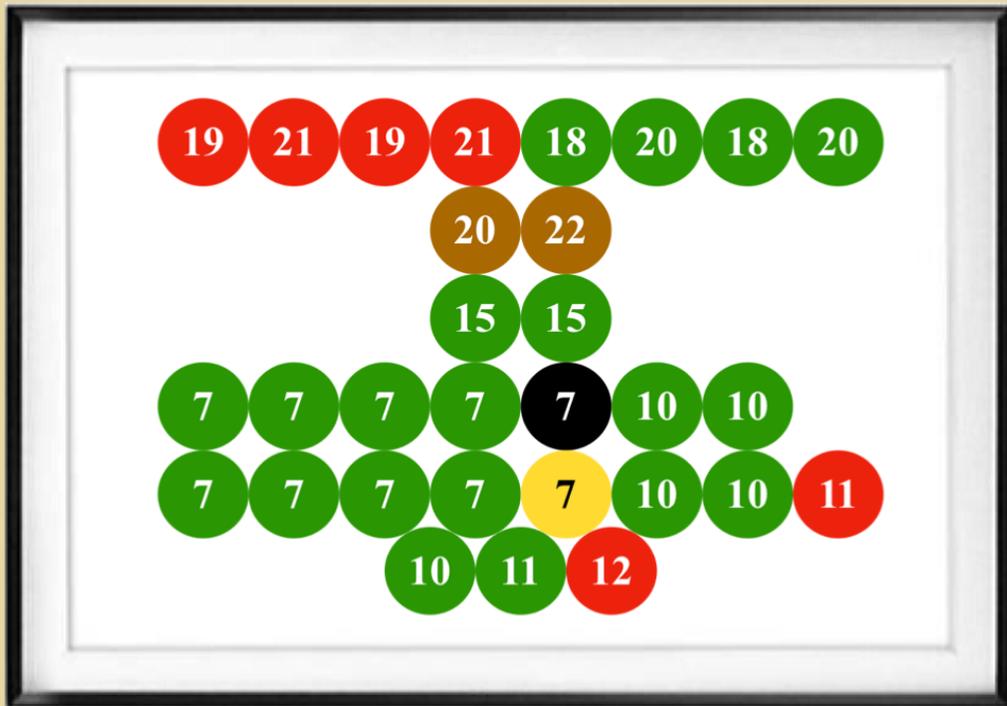


THERAVADĀ



GIÁO TRÌNH

VI DIỆU PHÁP

SƠ ĐẲNG TẬP I

Hòa thượng Tiến sĩ Bửu Chánh biên soạn
Nguyễn Như biên tập

Lời nói đầu,

Namo Tassa Bhagavato Arahato
Sammāsambuddhassa.

Con xin hết lòng thành kính làm lễ Đức Bhagavā đó, Ngài là bậc Arahán cao thượng, được chứng quả Chánh Biến Tri, do Ngài tự ngộ, không thầy chỉ dạy.

Những loài hữu tình được sanh ra trong ba cõi với thiên hình vạn trạng, khác nhau hết thảy về mọi mặt từ thân, khẩu cho đến ý. Trong thế gian, việc thuận lòng thì ít mà việc bất toại nguyện thì lại quá nhiều. Người thành công thì chẳng được bao nhiêu, mà người bất đắc chí thì hằng hà sa số. Vì sao sự thành công, thất bại, danh thơm, tiếng xấu, khen ngợi, chê bai, hạnh phúc và khổ đau của mỗi con người khác nhau? Làm sao chúng ta có thể thoát ra được cảnh trầm luân sanh tử?

Để lý giải những vấn đề trên, chúng ta không thể bỏ qua môn học Vi Diệu Pháp, một trong ba tạng

thánh điển mà Đức Thế Tôn đã truyền lại cho hàng hậu bối chúng ta. Môn học này hết sức uyên thâm và khó hiểu, cho nên rất nhiều người đã bỏ cuộc.

Thật may mắn thay cho chúng con, Hoà Thượng Tiến Sĩ Bửu Chánh trong chuyến đi hoằng pháp tại

Hoa Kỳ mùa đông năm 2019. Ngài đã dừng chân tại Chân Lý Thiên Đường, và Chùa Metta, là những ngôi chùa nhỏ âm cúng thuộc hệ phái Theravada ở Virginia. Với tâm từ và lòng bi mẫn, sư phụ Bửu Chánh như một người cha từ phương xa trở về. Ngài đã chỉ dạy cho chúng con từng ly từng tí từ cách Chia Pháp, tới cách Gồm Pháp, tới các sơ đồ cơ bản và những định nghĩa thật là dễ hiểu. Sư phụ Bửu Chánh đã đem môn học Vi Diệu Pháp này tới tận tay những người cư sĩ ở Hải Ngoại như chúng con.

Chúng con đã cố gắng vẽ ra sơ đồ và trình bày những lời dạy của sư phụ bằng hình màu để phần

nào làm môn học này dễ thâm nhập hơn vào tâm khảm của những vị muốn nghiên cứu tạng Vi Diệu Pháp.

Chúng con cũng đã tạo thêm một tự điển Pali - Việt - Anh nhỏ nhỏ để giúp quý vị có thêm tài liệu tham khảo.

Hiểu được tạng Vi Diệu Pháp thì những kiến thức nhân sinh quan của chư vị sẽ được thay đổi rất nhiều. Quý vị sẽ không thấy Đạo Phật là một tôn giáo nữa mà thật ra đó là một khoa học tân tiến nhất của loài người. Sử dụng được những kiến thức Vi Diệu Pháp sẽ giúp đỡ cho quý vị rất nhiều trong pháp hành thiền Tứ Niệm Xứ. Có thể nói một cách khiêm tốn, quý vị đang từng bước đi trên con đường Bát Thánh Đạo.

Chúng con kính dâng món pháp bảo này đến Sư Phụ Bửu Chánh, đến Chư Tăng và Giáo hội Tăng Già cao quý.

Nguyễn Như kính bút
Tháng Tư 2020, Virginia

Lời tri ân,

Chúng con thành kính tri ân Sư Phụ Bửu Chánh - Người đã biên soạn bài giảng trong bộ **Giáo Trình Vi Diệu Pháp Sơ Đẳng** này, cũng như đã tận tình chỉ dạy cho chúng con trong công trình vẽ các sơ đồ minh họa.

Chúng con thành kính tri ân Sư Phụ Kim Triệu, Sư Thanh Tâm, Sư Chánh Hạnh đã giúp cho chúng con trong việc tìm kiếm tài liệu tham khảo.

Chúng con cũng xin có lời tri ân đến các bạn đạo Nguyên Trang, Kim Nhung, Hà Nguyễn, Lý Phạm, Cavin Lê, và Bình Đỗ đã giúp đỡ cho chúng con trong việc chỉnh sửa quyển sách nhỏ này.

Và cuối cùng xin tri ân nhóm Vi Diệu Pháp 822, và lớp Nguyên Như Kỳ Viên Paltalk đã động viên và sách tấn cho chúng con trong thời gian thực hiện giáo trình này.

Chúng con mong rằng sự đóng góp nhỏ bé này có thể giúp cho những vị có lòng muốn nghiên cứu về Tạng Luận có thể đến gần hơn với môn học Vi Diệu Pháp uyên thâm của Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác

Nguyễn Như kính bút
Tháng Tư 2020, Virginia

HÒI HƯƠNG

Idaṃ me puññaṃ āsavakkhayā'vahaṃ hotu.

Idaṃ me puññaṃ nibbānassa paccayo hotu.

Phước lành này của chúng con, nguyện đoạn trừ các lậu hoặc - trầm luân.

Phước lành này của chúng con, nguyện là duyên thành tựu được Niết bàn.

Mama puññabhāgaṃ sabbasattānaṃ bhājemi;

Te sabbe me samaṃ puññabhāgaṃ labhantu.

Phần phước của chúng con, xin chia đều đến tất cả sanh linh, Mong tất cả hãy thọ nhận phần phước ấy được đều nhau.

Sādhu! Sādhu! Sādhu!

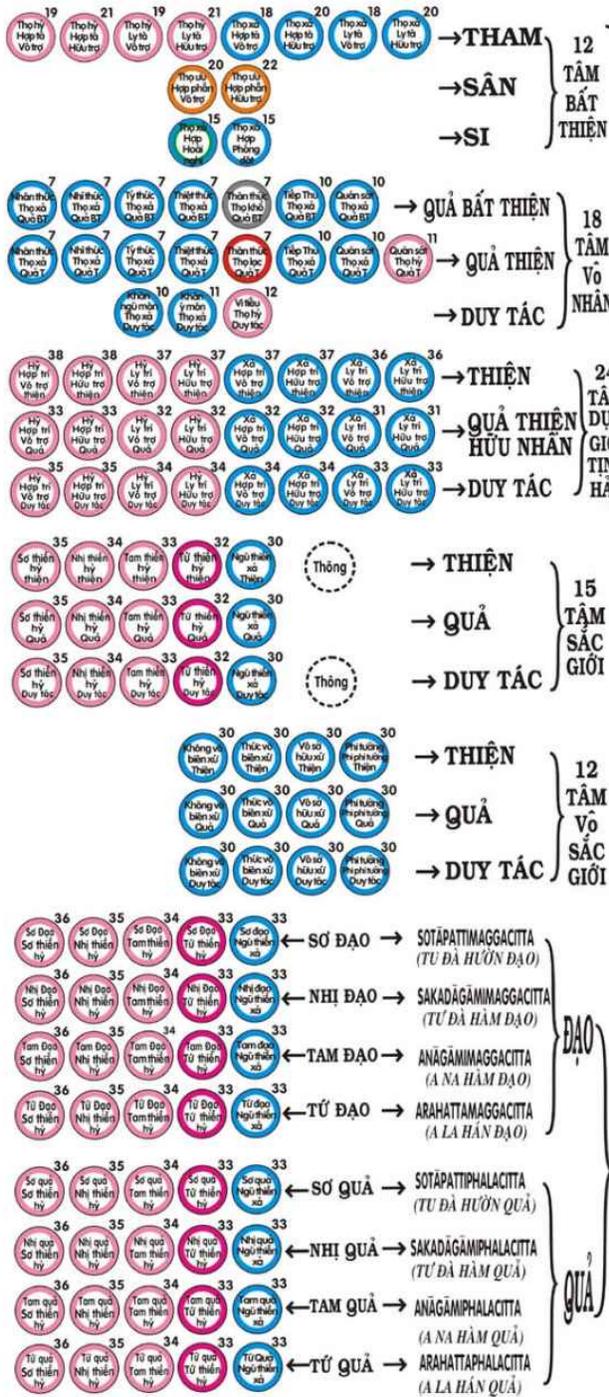
SÁCH THAM KHẢO

- * Bản Giải Siêu Lý Tiểu Học - Ngài Hoà Thượng Tịnh Sự
- * Vi Diệu Pháp Nhập Môn - Ngài Hoà Thượng Giác Chánh
- * Triết Học A Tỳ Đàm - Sư Giác Nguyên
- * A manual of Abhidhamma (Abhidhamma Sangaha) - Narada Maha Thera
- * A Comprehensive Manual of Abhidhamma - Bhikkhu Bodhi

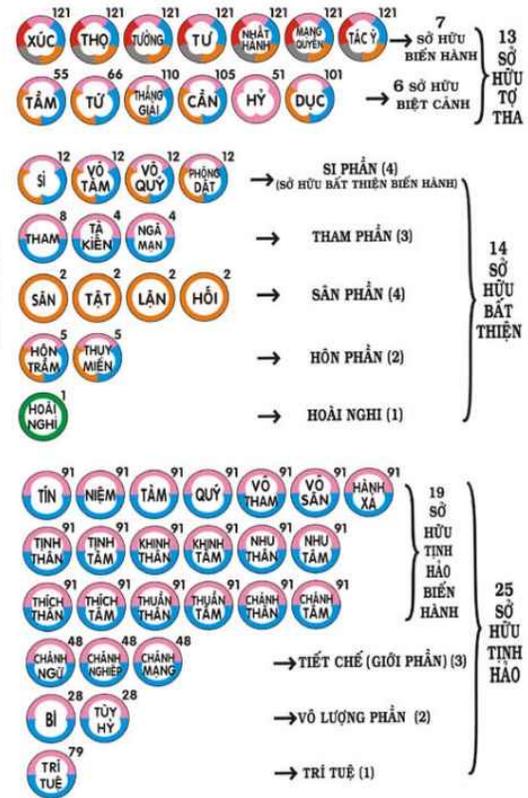
ABHIDHAMMA



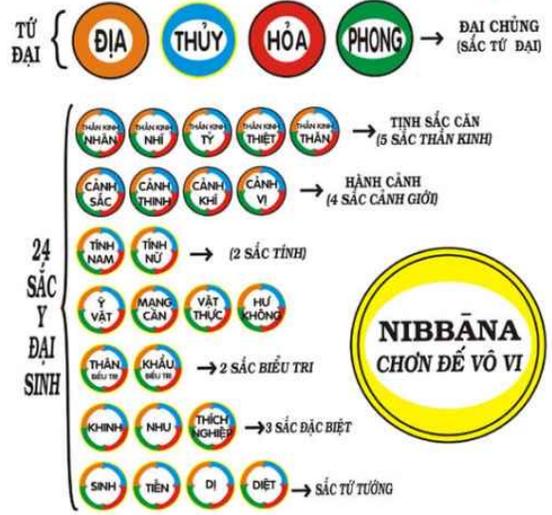
CITTA - TÂM VƯƠNG



CETASIKA-TÂM SỞ



RŪPA SẮC = 28 { (12 SẮC THỌ) + (16 SẮC TẾ) }



NĀMAPAÑÑATTI - DANH CHẾ ĐỊNH

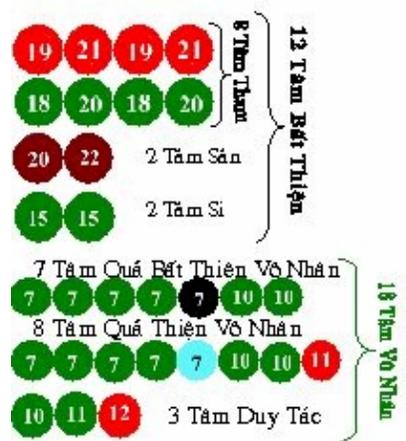


ATTHAPAÑÑATTI - NGHĨA CHẾ ĐỊNH

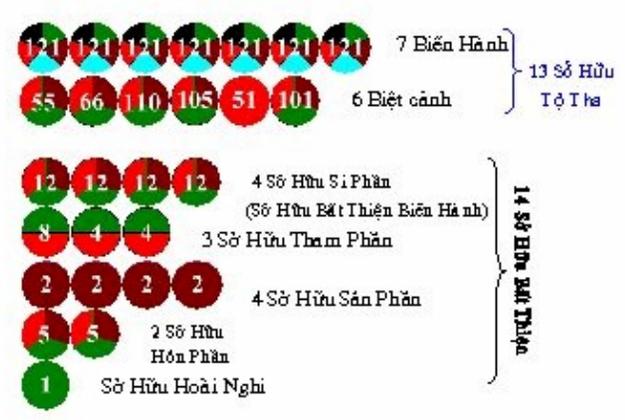


Vi Diệu Pháp (Abhidhamma)

Tâm (Tâm Vương)



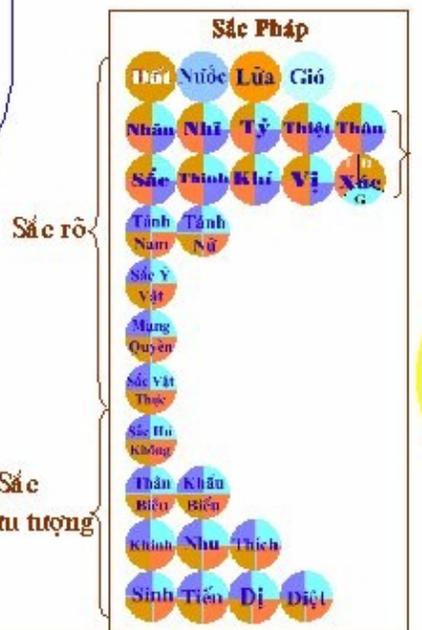
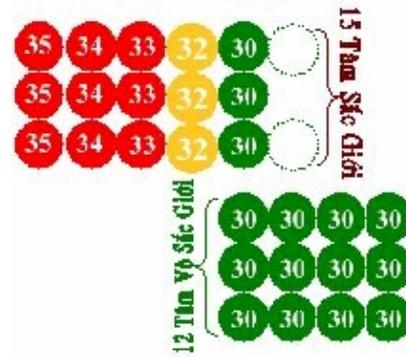
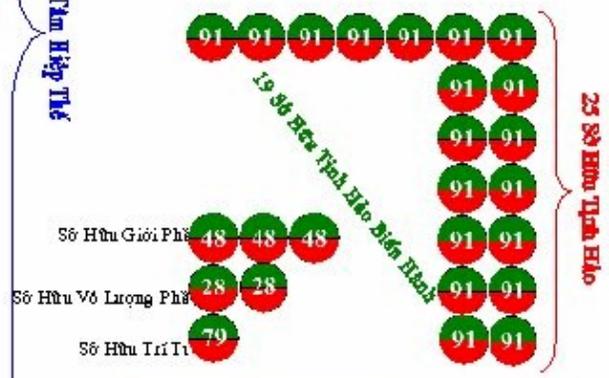
Sở Hữu Tâm (Tâm Sở)



54 Tâm Dục Giới

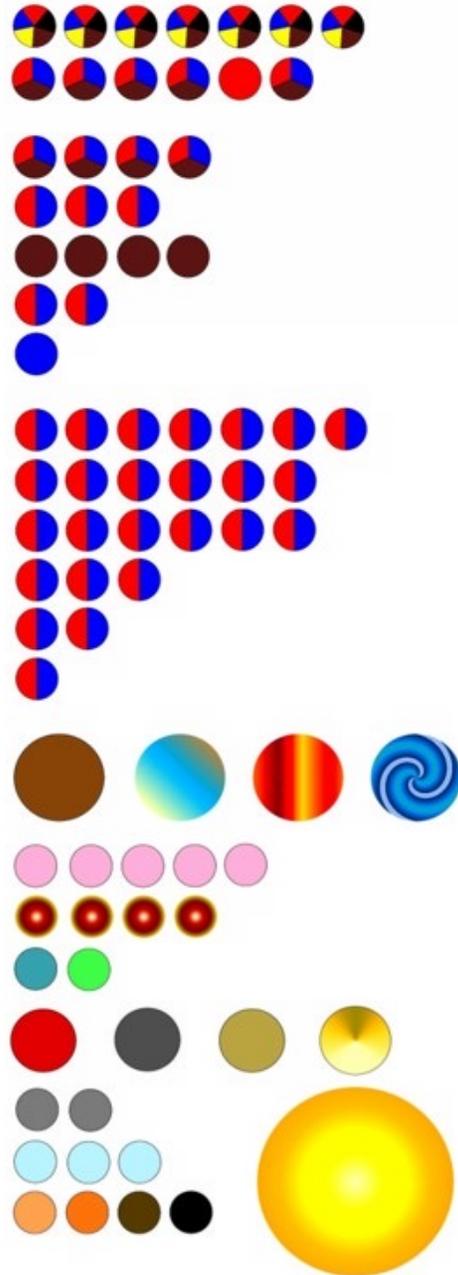
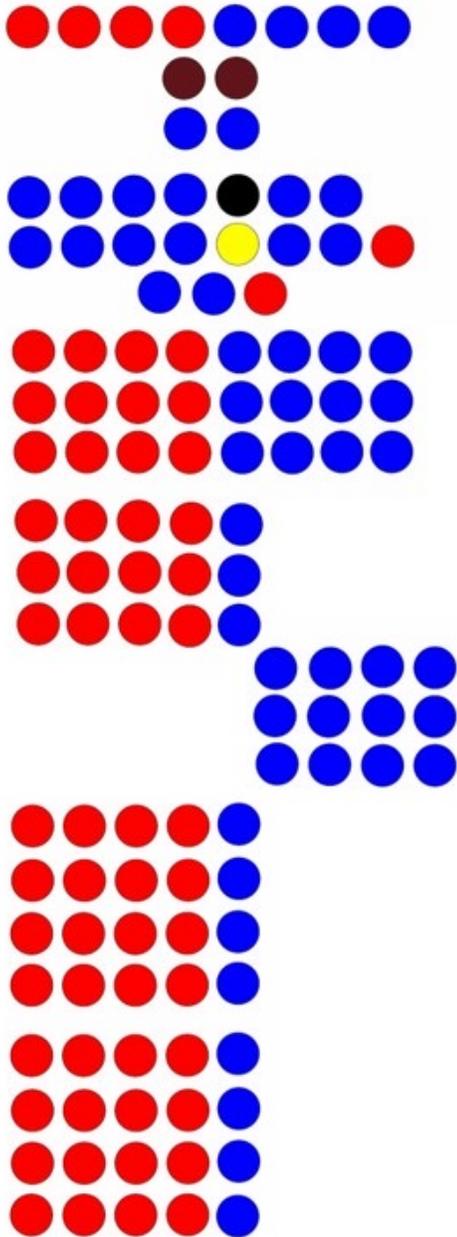


81 Tâm Hiệp Thế



- Thọ Khố
- Thọ Lạc
- Thọ Ưu
- Thọ Hỷ
- Thọ Xả

ABHIDHAMMA



Created by: Bhikkhu Tịnh Sĩ

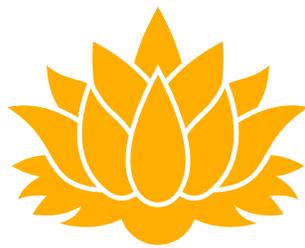


Computer Design by: Jean Dan 04/04/2000

CHƯƠNG I (BÀI 1)



PHẦN CHIA PHÁP



1. Tất cả là Pháp.
2. Pháp được chia làm 2:
Pháp tục đế
Pháp chơn đế
3. Pháp chơn đế được chia làm 2:
Chơn đế vô vi
Chơn đế hữu vi
4. Chơn đế hữu vi được chia làm 2:
Sắc pháp
Danh pháp
5. Danh pháp được chia làm 2:
Sở hữu tâm
Tâm
6. Tâm được chia làm 2:
Tâm siêu thế
Tâm hiệp thế
7. Tâm hiệp thế được chia làm 2:

Tâm đạo đại
Tâm dục giới

8. Tâm dục giới được chia làm 2:

Tâm dục giới tịnh hảo

Tâm dục giới vô tịnh hảo

9. Tâm dục giới vô tịnh hảo được chia làm 2:

Tâm vô nhân

Tâm bất thiện

10. Tâm bất thiện được chia làm 3:

Tâm tham

Tâm sân

Tâm si

11. Tâm tham được chia làm 8:

Tâm tham thọ hỷ hợp tà vô trợ

Tâm tham thọ hỷ hợp tà hữu trợ

Tâm tham thọ hỷ ly tà vô trợ

Tâm tham thọ hỷ ly tà hữu trợ

Tâm tham thọ xả hợp tà vô trợ

Tâm tham thọ xả hợp tà hữu trợ

Tâm tham thọ xả ly tà vô trợ
Tâm tham thọ xả ly tà hữu trợ

12. Tâm sân được chia làm 2:

Tâm sân thọ ưu hợp phần vô trợ
Tâm sân thọ ưu hợp phần hữu trợ

13. Tâm si được chia làm 2:

Tâm si thọ xả hợp hoài nghi
Tâm si thọ xả hợp phóng dật

14. Tâm vô nhân được chia làm 2:

Tâm quả vô nhân
Tâm duy tác vô nhân

15. Tâm quả vô nhân được chia làm 2:

Tâm quả bất thiện vô nhân
Tâm quả thiện vô nhân

16. Tâm quả bất thiện vô nhân được chia làm 7:

Tâm nhãn thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
Tâm nhĩ thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
Tâm tỷ thức thọ xả quả bất thiện vô nhân

Tâm thiết thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
Tâm thân thức thọ khổ quả bất thiện vô nhân
Tâm tiếp thân thọ xả quả bất thiện vô nhân
Tâm quan sát thọ xả quả bất thiện vô nhân

17. Tâm quả thiện vô nhân được chia làm 8:

Tâm nhân thức thọ xả quả thiện vô nhân
Tâm nhĩ thức thọ xả quả thiện vô nhân
Tâm tỷ thức thọ xả quả thiện vô nhân
Tâm thiết thức thọ xả quả thiện vô nhân
Tâm thân thức thọ lạc quả thiện vô nhân
Tâm tiếp thân thọ xả quả thiện vô nhân
Tâm quan sát thọ xả quả thiện vô nhân
Tâm quan sát thọ hỷ quả thiện vô nhân

18. Tâm duy tác vô nhân được chia làm 3:

Tâm khán ngũ môn thọ xả
Tâm khán ý môn thọ xả
Tâm ứng cúng vi tiểu thọ hỷ

19. Tâm dục giới tịnh hảo được chia làm 3:

Tâm thiện dục giới tịnh hảo
Tâm quả dục giới tịnh hảo

Tâm duy tác dụng giới tịnh hảo

20. Tâm thiện dụng giới tịnh hảo được chia làm 8:

Tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ

Tâm thiện thọ hỷ hợp trí hữu trợ

Tâm thiện thọ hỷ ly trí vô trợ

Tâm thiện thọ hỷ ly trí hữu trợ

Tâm thiện thọ xả hợp trí vô trợ

Tâm thiện thọ xả hợp trí hữu trợ

Tâm thiện thọ xả ly trí vô trợ

Tâm thiện thọ xả ly trí hữu trợ

21. Tâm quả dụng giới tịnh hảo được chia làm 8:

Tâm quả thọ hỷ hợp trí vô trợ

Tâm quả thọ hỷ hợp trí hữu trợ

Tâm quả thọ hỷ ly trí vô trợ

Tâm quả thọ hỷ ly trí hữu trợ

Tâm quả thọ xả hợp trí vô trợ

Tâm quả thọ xả hợp trí hữu trợ

Tâm quả thọ xả ly trí vô trợ

Tâm quả thọ xả ly trí hữu trợ

22. Tâm duy tác dục giới tịnh hảo được chia làm 8:

Tâm duy tác thọ hỷ hợp trí vô trợ
Tâm duy tác thọ hỷ hợp trí hữu trợ
Tâm duy tác thọ hỷ ly trí vô trợ
Tâm duy tác thọ hỷ ly trí hữu trợ
Tâm duy tác thọ xả hợp trí vô trợ
Tâm duy tác thọ xả hợp trí hữu trợ
Tâm duy tác thọ xả ly trí vô trợ
Tâm duy tác thọ xả ly trí hữu trợ

23. Tâm đạo đại được chia làm 2:

Tâm sắc giới
Tâm vô sắc giới

24. Tâm sắc giới được chia làm 3:

Tâm thiện sắc giới
Tâm quả sắc giới
Tâm duy tác sắc giới

25. Tâm thiện sắc giới được chia làm 5:

Tâm thiện sơ thiền sắc giới

Tâm thiện nhị thiên sắc giới
Tâm thiện tam thiên sắc giới
Tâm thiện tứ thiên sắc giới
Tâm thiện ngũ thiên sắc giới

26. Tâm quả sắc giới được chia làm 5:

Tâm quả sơ thiên sắc giới
Tâm quả nhị thiên sắc giới
Tâm quả tam thiên sắc giới
Tâm quả tứ thiên sắc giới
Tâm quả ngũ thiên sắc giới

27. Tâm duy tác sắc giới được chia làm 5:

Tâm duy tác sơ thiên sắc giới
Tâm duy tác nhị thiên sắc giới
Tâm duy tác tam thiên sắc giới
Tâm duy tác tứ thiên sắc giới
Tâm duy tác ngũ thiên sắc giới

28. Tâm vô sắc giới được chia làm 3:

Tâm thiện vô sắc giới
Tâm quả vô sắc giới
Tâm duy tác vô sắc giới

29. Tâm thiện vô sắc giới được chia làm 4:
Tâm thiện không vô biên xứ
Tâm thiện thức vô biên xứ
Tâm thiện vô sở hữu xứ
Tâm thiện phi tướng phi phi tướng xứ
30. Tâm quả vô sắc giới được chia làm 4:
Tâm quả không vô biên xứ
Tâm quả thức vô biên xứ
Tâm quả vô sở hữu xứ
Tâm quả phi tướng phi phi tướng xứ
31. Tâm duy tác vô sắc giới được chia làm 4:
Tâm duy tác không vô biên xứ
Tâm duy tác thức vô biên xứ
Tâm duy tác vô sở hữu xứ
Tâm duy tác phi tướng phi phi tướng xứ
32. Tâm siêu thế được chia làm 2:
Tâm đạo
Tâm quả siêu thế
33. Tâm đạo được chia làm 4:

Tâm sơ đạo
Tâm nhị đạo
Tâm tam đạo
Tâm tứ đạo

34. Tâm sơ đạo được chia làm 5:

Tâm sơ đạo sơ thiên
Tâm sơ đạo nhị thiên
Tâm sơ đạo tam thiên
Tâm sơ đạo tứ thiên
Tâm sơ đạo ngũ thiên

35. Tâm nhị đạo được chia làm 5:

Tâm nhị đạo sơ thiên
Tâm nhị đạo nhị thiên
Tâm nhị đạo tam thiên
Tâm nhị đạo tứ thiên
Tâm nhị đạo ngũ thiên

36. Tâm tam đạo được chia làm 5

Tâm tam đạo sơ thiên
Tâm tam đạo nhị thiên
Tâm tam đạo tam thiên

Tâm tam đạo tứ thiên
Tâm tam đạo ngũ thiên

37. Tâm tứ đạo được chia làm 5:

Tâm tứ đạo sơ thiên
Tâm tứ đạo nhị thiên
Tâm tứ đạo tam thiên
Tâm tứ đạo tứ thiên
Tâm tứ đạo ngũ thiên

38. Tâm quả siêu thế được chia làm 4:

Tâm sơ quả
Tâm nhị quả
Tâm tam quả
Tâm tứ quả

39. Tâm sơ quả được chia làm 5:

Tâm sơ quả sơ thiên
Tâm sơ quả nhị thiên
Tâm sơ quả tam thiên
Tâm sơ quả tứ thiên
Tâm sơ quả ngũ thiên

40. Tâm nhị quả được chia làm 5:

Tâm nhị quả sơ thiên
Tâm nhị quả nhị thiên
Tâm nhị quả tam thiên
Tâm nhị quả tứ thiên
Tâm nhị quả ngũ thiên

41. Tâm tam quả được chia làm 5:

Tâm tam quả sơ thiên
Tâm tam quả nhị thiên
Tâm tam quả tam thiên
Tâm tam quả tứ thiên
Tâm tam quả ngũ thiên

42. Tâm tứ quả được chia làm 5:

Tâm tứ quả sơ thiên
Tâm tứ quả nhị thiên
Tâm tứ quả tam thiên
Tâm tứ quả tứ thiên
Tâm tứ quả ngũ thiên

43. Sở hữu tâm được chia làm 3:

Sở hữu tợ tha

Sở hữu bất thiện
Sở hữu tịnh hảo

44. Sở hữu tợ tha được chia làm 2:

Sở hữu biến hành
Sở hữu biệt cảnh

45. Sở hữu biến hành được chia làm 7:

Xúc
Thọ
Tưởng
Tư
Nhất hành
Mạng quyền
Tác ý

46. Sở hữu biệt cảnh được chia làm 6:

Tâm
Tứ
Thắng giải
Cần
Hỷ
Dục

47. Sở hữu bất thiện được chia làm 5:

Sở hữu bất thiện biến hành

Sở hữu tham phần

Sở hữu sân phần

Sở hữu hôn phần

Sở hữu hoại nghi

48. Sở hữu bất thiện biến hành được chia làm 4:

Si

Vô tâm

Vô úy

Phóng dật

49. Sở hữu tham phần được chia làm 3:

Tham

Tà kiến

Ngã mạn

50. Sở hữu sân phần được chia làm 4:

Sân

Tật

Lận

Hối

51. Sở hữu hôn phần được chia làm 2:
Hôn trầm
Thụy miên

52. Sở hữu hoại nghi có 1.

53. Sở hữu tịnh hảo được chia làm 4:
Sở hữu tịnh hảo biến hành
Sở hữu giới phần
Sở hữu vô lượng phần
Sở hữu trí tuệ

54. Sở hữu tịnh hảo biến hành được chia làm 19:
Tín
Niệm
Tàm
Quý
Vô tham
Vô sân
Hành xả
Tịnh thân
Tịnh tâm
Khinh thân

Khinh tâm
Nhu thân
Nhu tâm
Thích thân
Thích tâm
Thuần thân
Thuần tâm
Chánh thân
Chánh tâm

55. Sở hữu giới phần được chia làm 3:

Chánh ngữ
Chánh nghiệp
Chánh mạng

56. Sở hữu vô lượng phần được chia làm 2:

Bi
Tùy hỷ

57. Sở hữu trí tuệ có 1.

58. Sắc pháp được chia làm 2:

Sắc tứ đại

Sắc y đại sinh

59. Sắc tứ đại được chia làm 4:

Sắc đất

Sắc nước

Sắc lửa

Sắc gió

60. Sắc y đại sinh được chia làm 10:

Sắc thần kinh

Sắc cảnh giới

Sắc tính

Sắc ý vật

Sắc mạng quyền

Sắc vật thực

Sắc hư không

Sắc biểu tri

Sắc đặc biệt

Sắc tứ tướng

61. Sắc thần kinh được chia làm 5:

Sắc thần kinh nhãn

Sắc thần kinh nhĩ

Sắc thần kinh tử
Sắc thần kinh thiệt
Sắc thần kinh thân

62. Sắc cảnh giới được chia làm 4:

Sắc cảnh sắc
Sắc cảnh thanh
Sắc cảnh khí
Sắc cảnh vị

63. Sắc tính được chia làm 2:

Sắc nam tính
Sắc nữ tính

64. Sắc ý vật có 1.

65. Sắc mạng quyền có 1.

66. Sắc vật thực có 1

67. Sắc hư không có 1

68. Sắc biểu tri được chia làm 2:

Sắc thân biểu tri
Sắc khẩu biểu tri

69. Sắc đặc biệt được chia làm 3:

Sắc khinh
Sắc nhu
Sắc thích nghiệp

70. Sắc tứ tướng được chia làm 4:

Sắc sinh
Sắc tiến
Sắc dị
Sắc diệt

71. Pháp tục đế được chia làm 2:

Danh chế định
Nghĩa chế định

72. Danh chế định được chia làm 6:

Danh chơn chế định
Phi danh chơn chế định
Danh chơn phi danh chơn chế định
Phi danh chơn danh chơn chế định

Danh chơn danh chơn chế định
Phi danh chơn, phi danh chơn chế định

73. Nghĩa chế định được chia làm 7:
Hình thức chế định
Hiệp thành chế định
Chúng sanh chế định
Phương hướng chế định
Thời gian chế định
Hư không chế định
Hình tướng chế định.

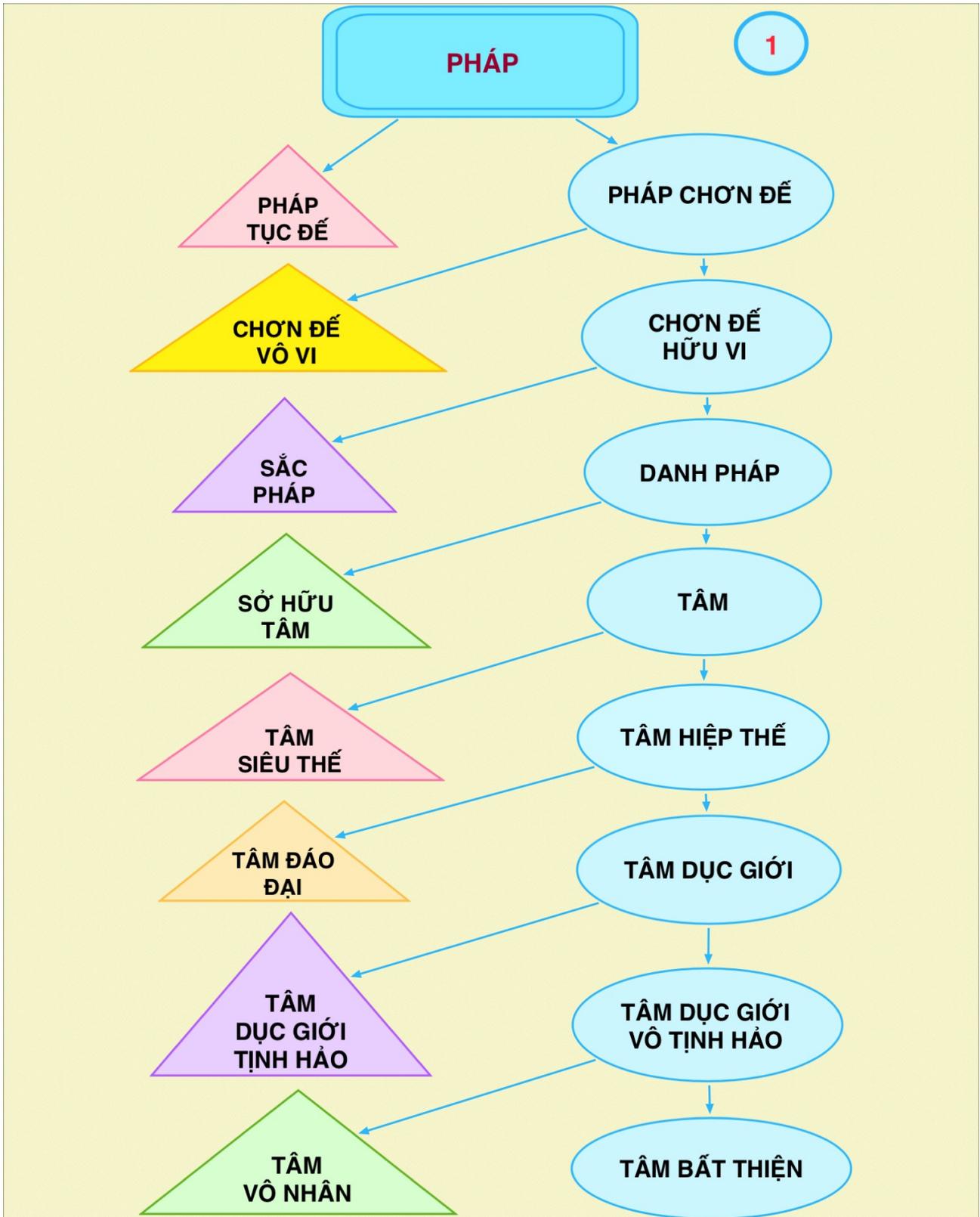
*Thiền viện Phước Sơn - Chùa Đồi Lá
Giang
Ngày 01/03/2020
Hòa Thượng Bửu Chánh biên soạn.*

CHƯƠNG II (BÀI 2)



SƠ ĐỒ CHIA PHÁP BẰNG CHỮ





TÂM BẤT THIỆN

Được chia làm 3:

2



TÂM VÔ NHÂN được chia làm 2:

Tâm quả vô nhân

Tâm quả bất thiện vô nhân

1. Tâm nhãn thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
2. Tâm nhĩ thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
3. Tâm tỷ thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
4. Tâm thiệt thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
5. Tâm thân thức thọ khổ quả bất thiện vô nhân
6. Tâm tiếp xúc thọ xả quả bất thiện vô nhân
7. Tâm quan sát thọ xả quả bất thiện vô nhân

Tâm quả thiện vô nhân

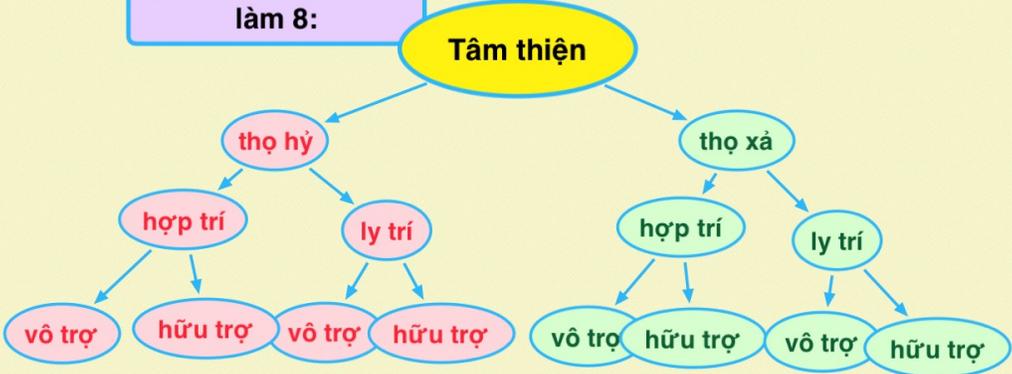
1. Tâm nhãn thức thọ xả quả thiện vô nhân
2. Tâm nhĩ thức thọ xả quả thiện vô nhân
3. Tâm tỷ thức thọ xả quả thiện vô nhân
4. Tâm thiệt thức thọ xả quả thiện vô nhân
5. Tâm thân thức thọ lạc quả thiện vô nhân
6. Tâm tiếp xúc thọ xả quả thiện vô nhân
7. Tâm quan sát thọ xả quả thiện vô nhân
8. Tâm quan sát thọ hỷ quả thiện vô nhân

Tâm duy tác vô nhân

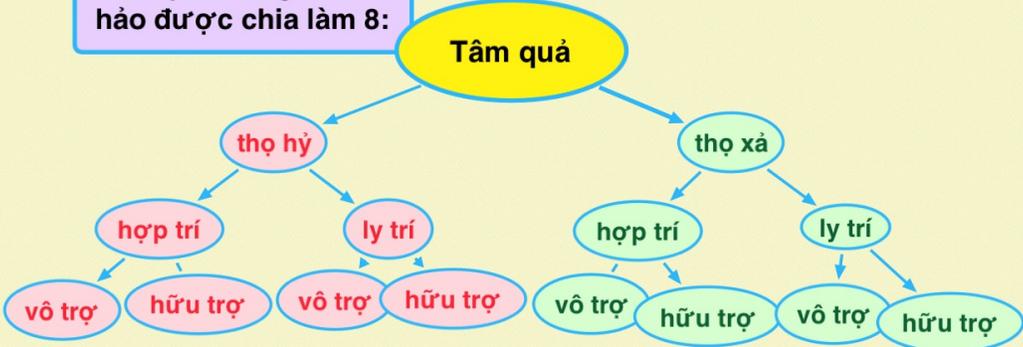
1. Tâm khán ngũ môn thọ xả
2. Tâm khán ý môn thọ xả
3. Tâm ứng cúng vi tiểu thọ hỷ

TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO được chia làm 3:

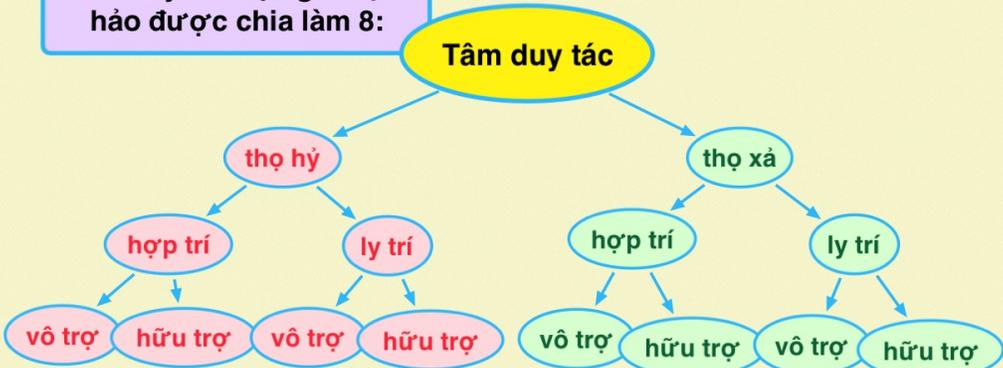
Tâm thiện dục giới tịnh hảo được chia làm 8:



Tâm quả dục giới tịnh hảo được chia làm 8:



Tâm duy tác dục giới tịnh hảo được chia làm 8:



TÂM ĐÁO ĐẠI
được chia làm 2:

5

Tâm sắc giới được chia làm 3:

Tâm thiện sắc giới được chia làm 5:

1. Tâm thiện sơ thiền sắc giới
2. Tâm thiện nhị thiền sắc giới
3. Tâm thiện tam thiền sắc giới
4. Tâm thiện tứ thiền sắc giới
5. Tâm thiện ngũ thiền sắc giới

Tâm quả sắc giới được chia làm 5:

1. Tâm quả sơ thiền sắc giới
2. Tâm quả nhị thiền sắc giới
3. Tâm quả tam thiền sắc giới
4. Tâm quả tứ thiền sắc giới
5. Tâm quả ngũ thiền sắc giới

Tâm duy tác sắc giới được chia làm 5:

1. Tâm duy tác sơ thiền sắc giới
2. Tâm duy tác nhị thiền sắc giới
3. Tâm duy tác tam thiền sắc giới
4. Tâm duy tác tứ thiền sắc giới
5. Tâm duy tác ngũ thiền sắc giới

Tâm vô sắc giới được chia làm 3:

Tâm thiện vô sắc giới được chia làm 4:

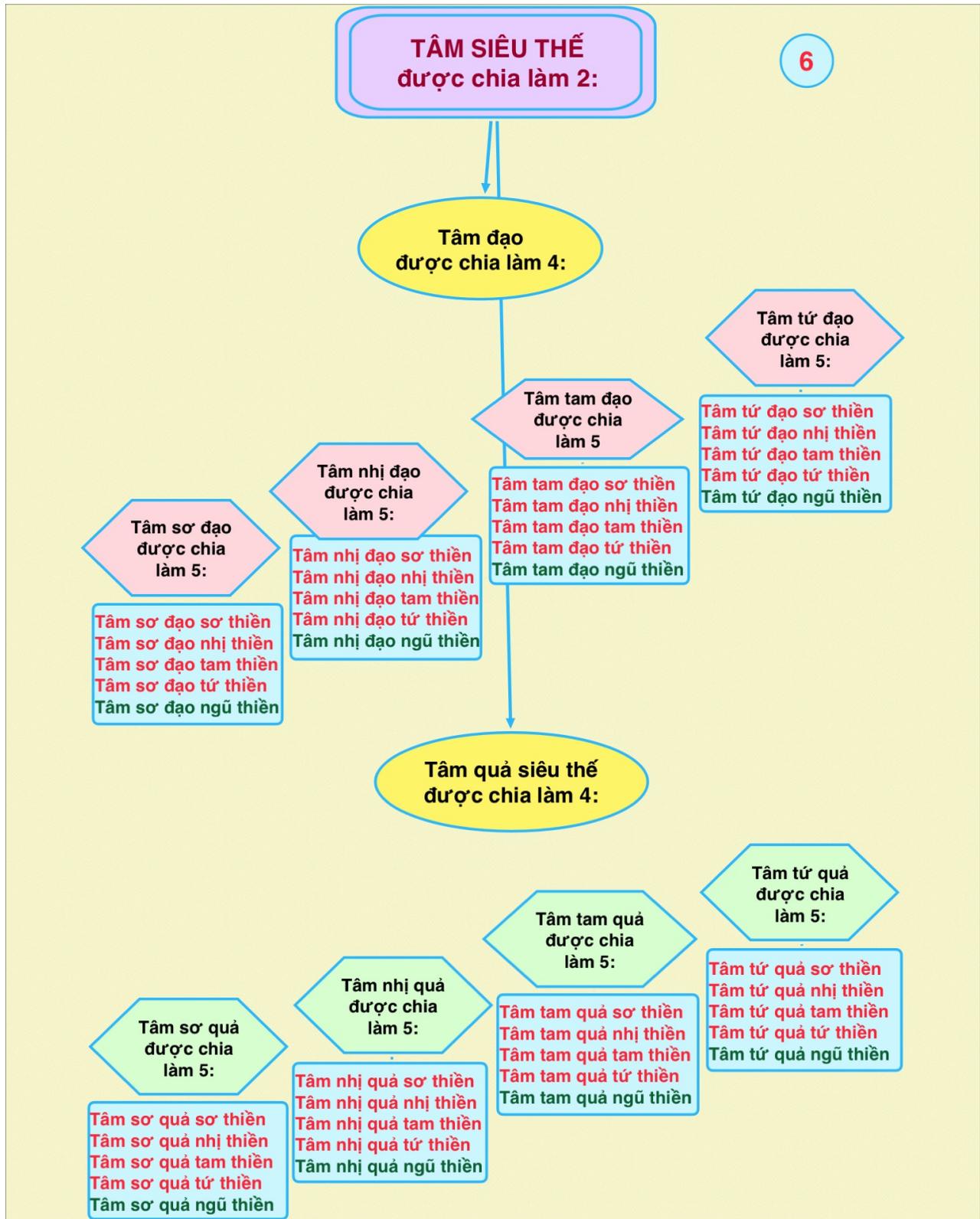
1. Tâm thiện không vô biên xứ
2. Tâm thiện thức vô biên xứ
3. Tâm thiện vô sở hữu xứ
4. Tâm thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ

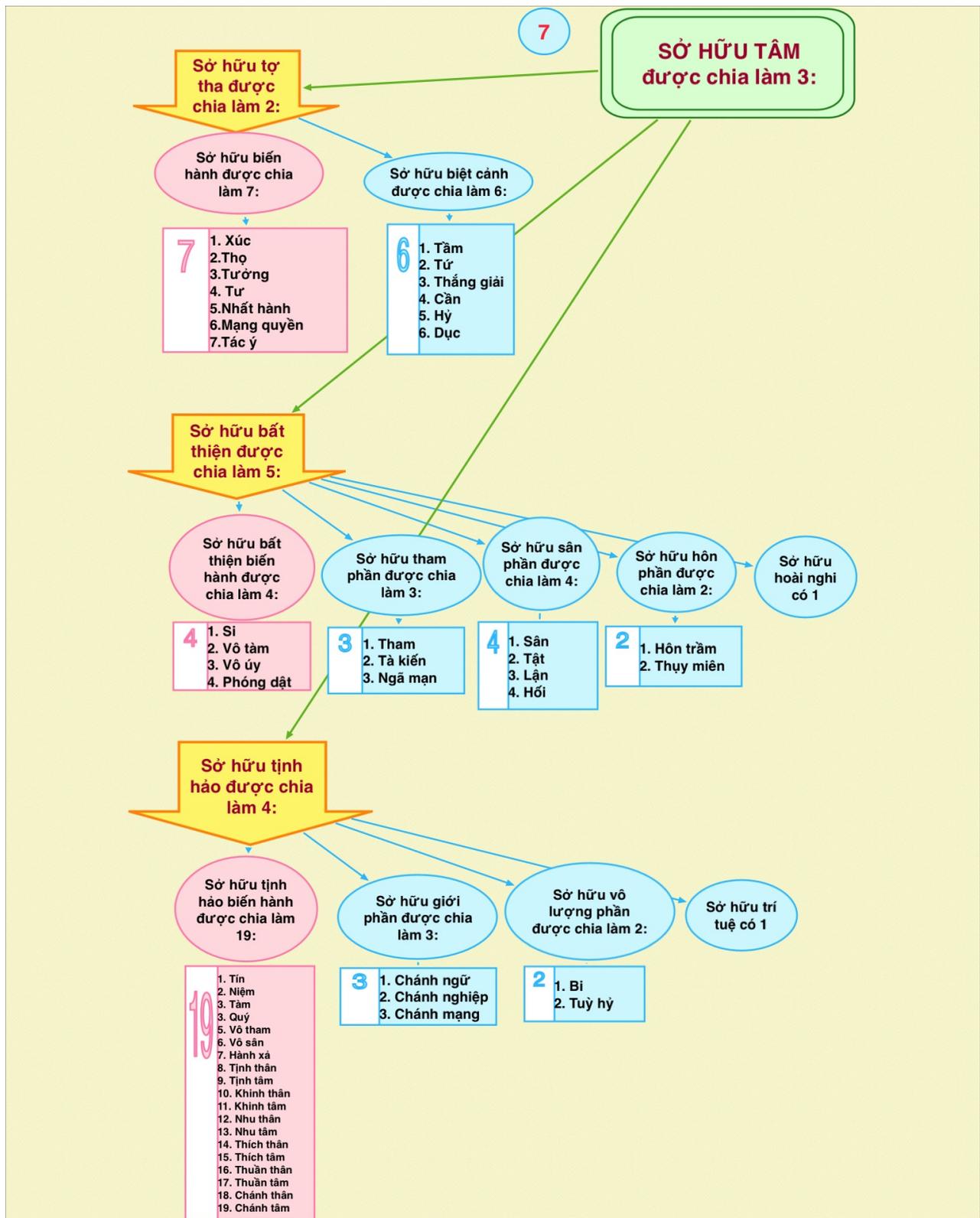
Tâm quả vô sắc giới được chia làm 4:

1. Tâm quả không vô biên xứ
2. Tâm quả thức vô biên xứ
3. Tâm quả vô sở hữu xứ
4. Tâm quả phi tưởng phi phi tưởng xứ

Tâm duy tác vô sắc giới được chia làm 4:

1. Tâm duy tác không vô biên xứ
2. Tâm duy tác thức vô biên xứ
3. Tâm duy tác vô sở hữu xứ
4. Tâm duy tác phi tưởng phi phi tưởng xứ





SẮC PHÁP
được chia làm 2:

SẮC TỨ ĐẠI
được chia làm 4:

- 4
1. Sắc đất
 2. Sắc nước
 3. Sắc lửa
 4. Sắc gió

SẮC Y ĐẠI SINH
được chia làm 10:

Sắc thần kinh
được chia làm 5:

- 5
- Sắc thần kinh nhãn
 - Sắc thần kinh nhĩ
 - Sắc thần kinh tý
 - Sắc thần kinh thiệt
 - Sắc thần kinh thân

Sắc cảnh giới
được chia làm 4:

- 4
1. Sắc cảnh sắc
 2. Sắc cảnh thanh
 3. Sắc cảnh khí
 4. Sắc cảnh vị

Sắc tính được
chia làm 2:

- 2
- Sắc nam tính
 - Sắc nữ tính

Sắc ý vật
có 1

Sắc mạng
quyền có 1

Sắc vật
thực có 1

Sắc hư
không có 1

Sắc biểu tri
được chia làm 2:

- 2
1. Sắc thân biểu tri
 2. Sắc khẩu biểu tri

Sắc đặc biệt được
chia làm 3:

- 3
1. Sắc khinh
 2. Sắc nhu
 3. Sắc thích nghiệp

Sắc tứ tướng
được chia làm 4:

- 4
1. Sắc sinh
 2. Sắc tiến
 3. Sắc dị
 4. Sắc diệt

**PHÁP TỤC ĐỂ
được chia làm 2:**

9

**Danh chế định
được chia làm 6:**

6

1. Danh chơn chế định
2. Phi danh chơn chế định
3. Danh chơn phi danh chơn chế định
4. Phi danh chơn danh chơn chế định
5. Danh chơn danh chơn chế định
6. Phi danh chơn phi danh chơn chế định

**Nghĩa chế định
được chia làm 7:**

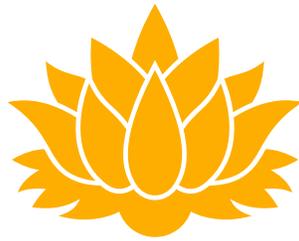
7

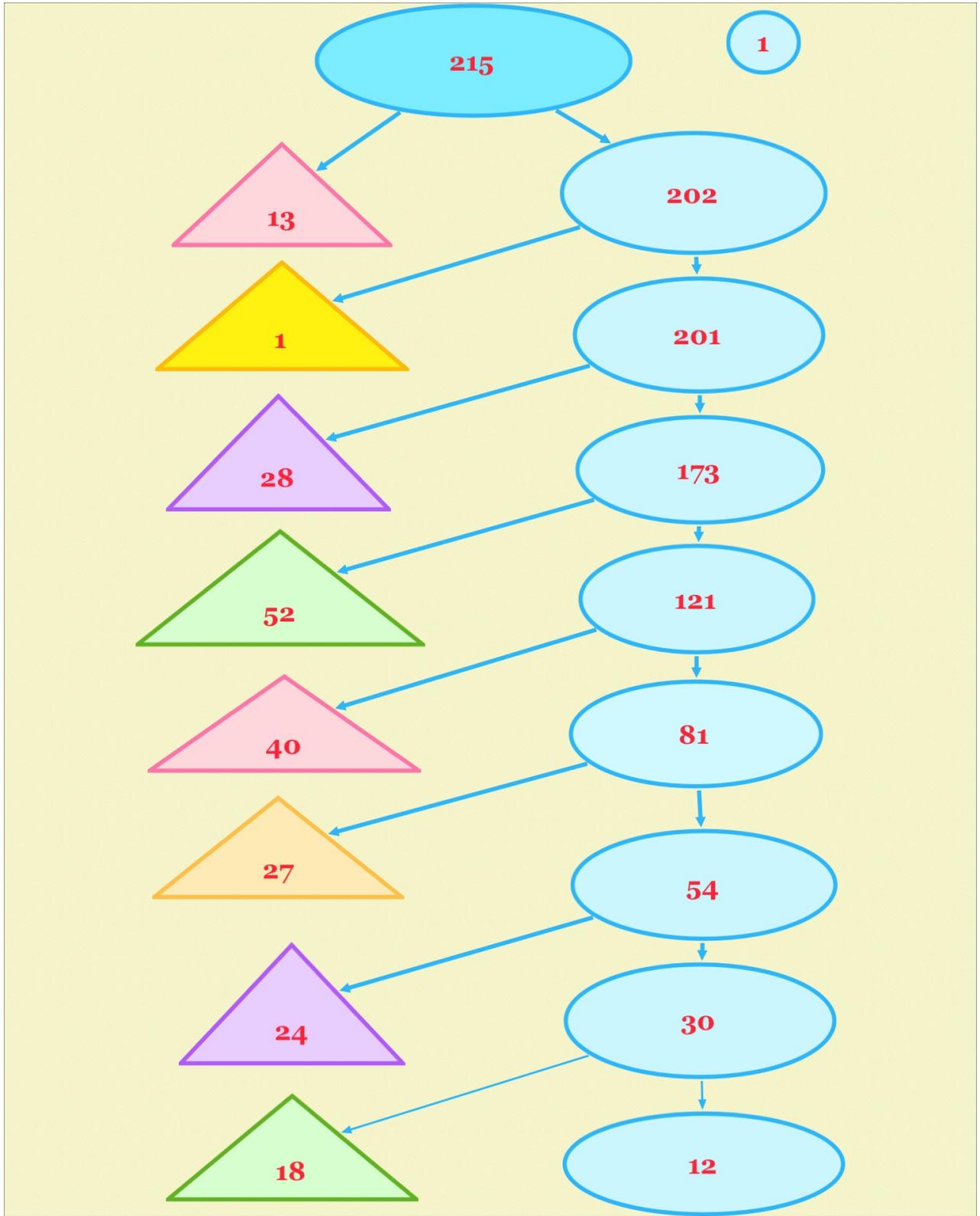
1. Hình thức chế định
2. Hiệp thành chế định
3. Chúng sanh chế định
4. Phương hướng chế định
5. Thời gian chế định
6. Hư không chế định
7. Hình tượng chế định.

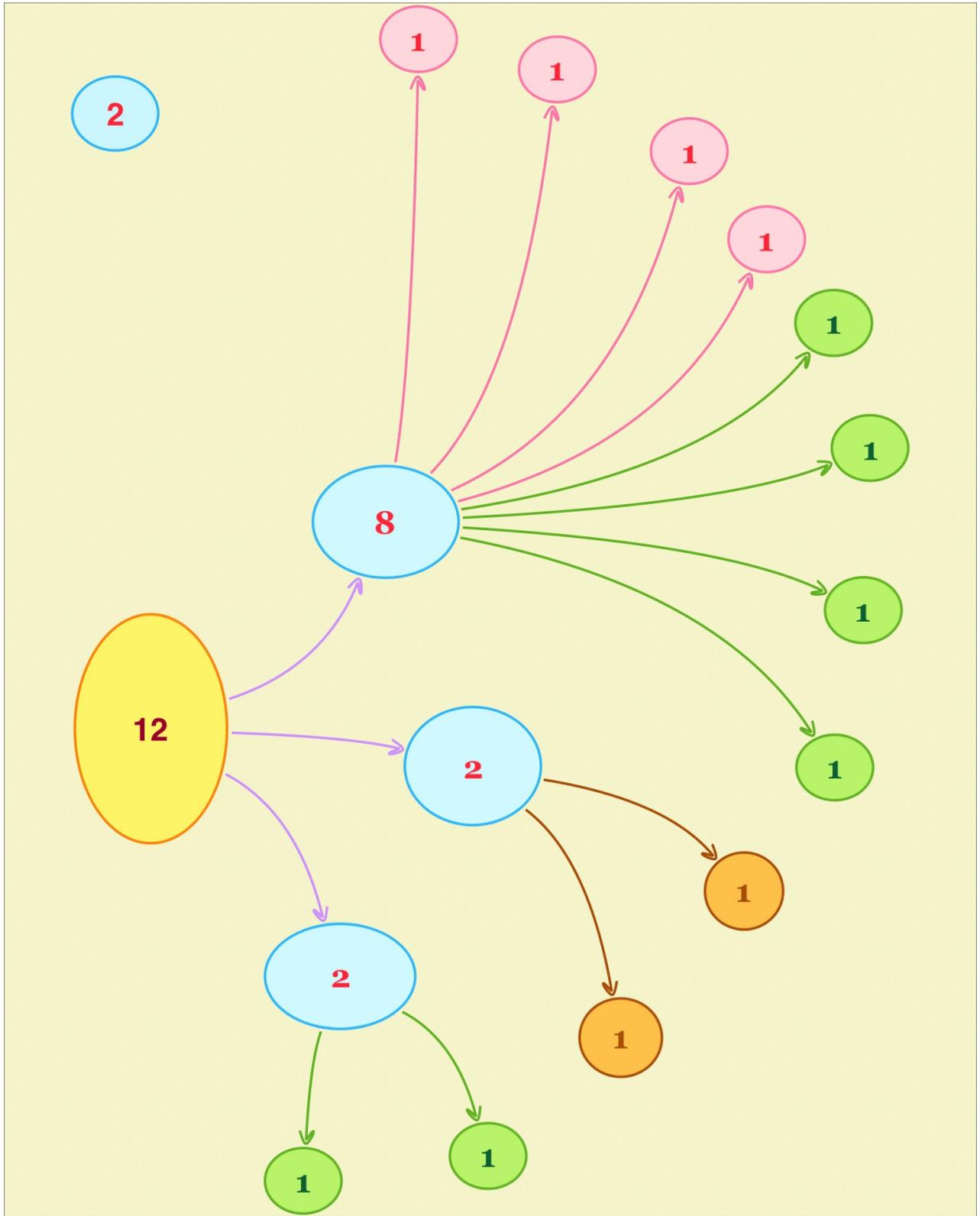
CHƯƠNG III (BÀI 3)

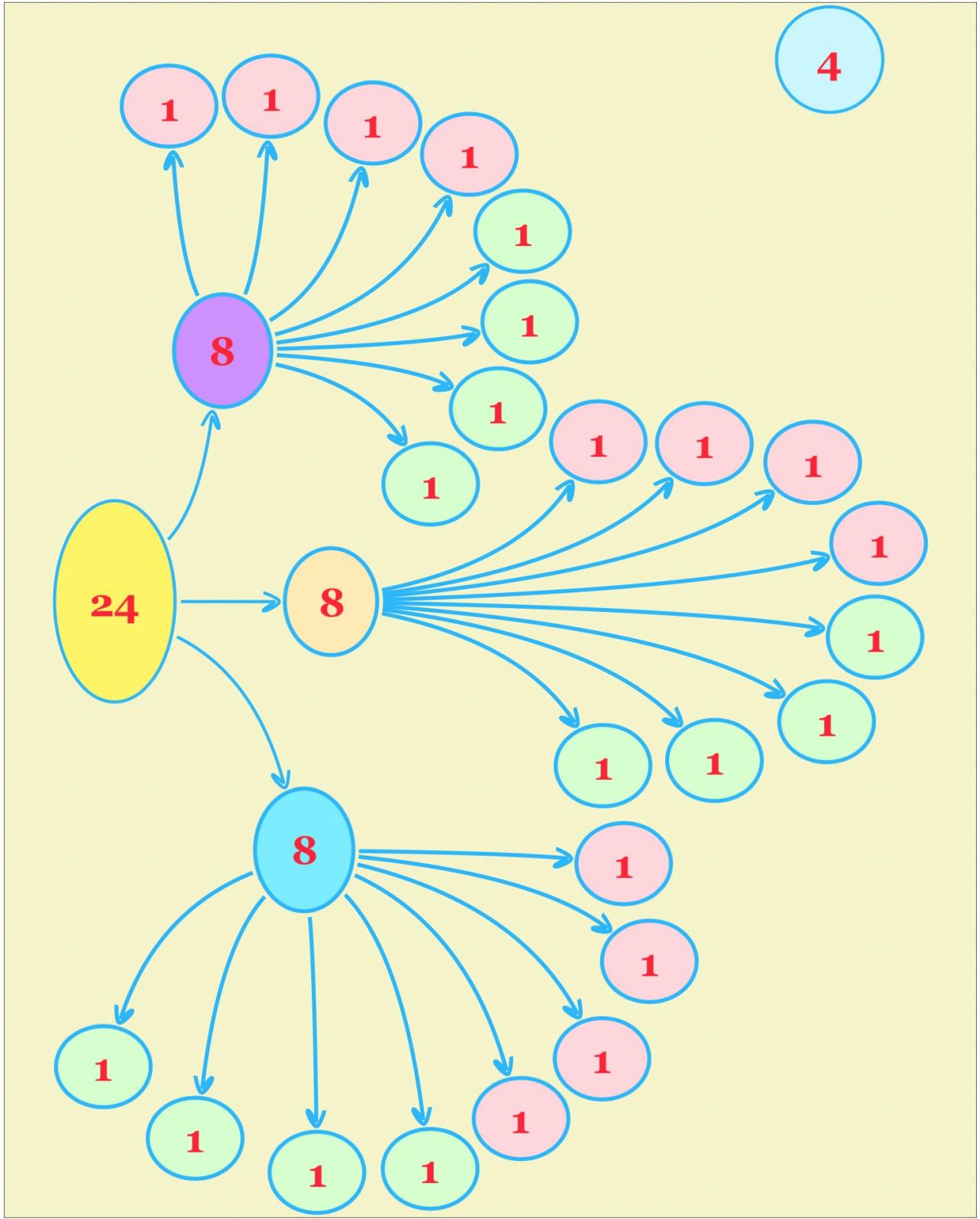


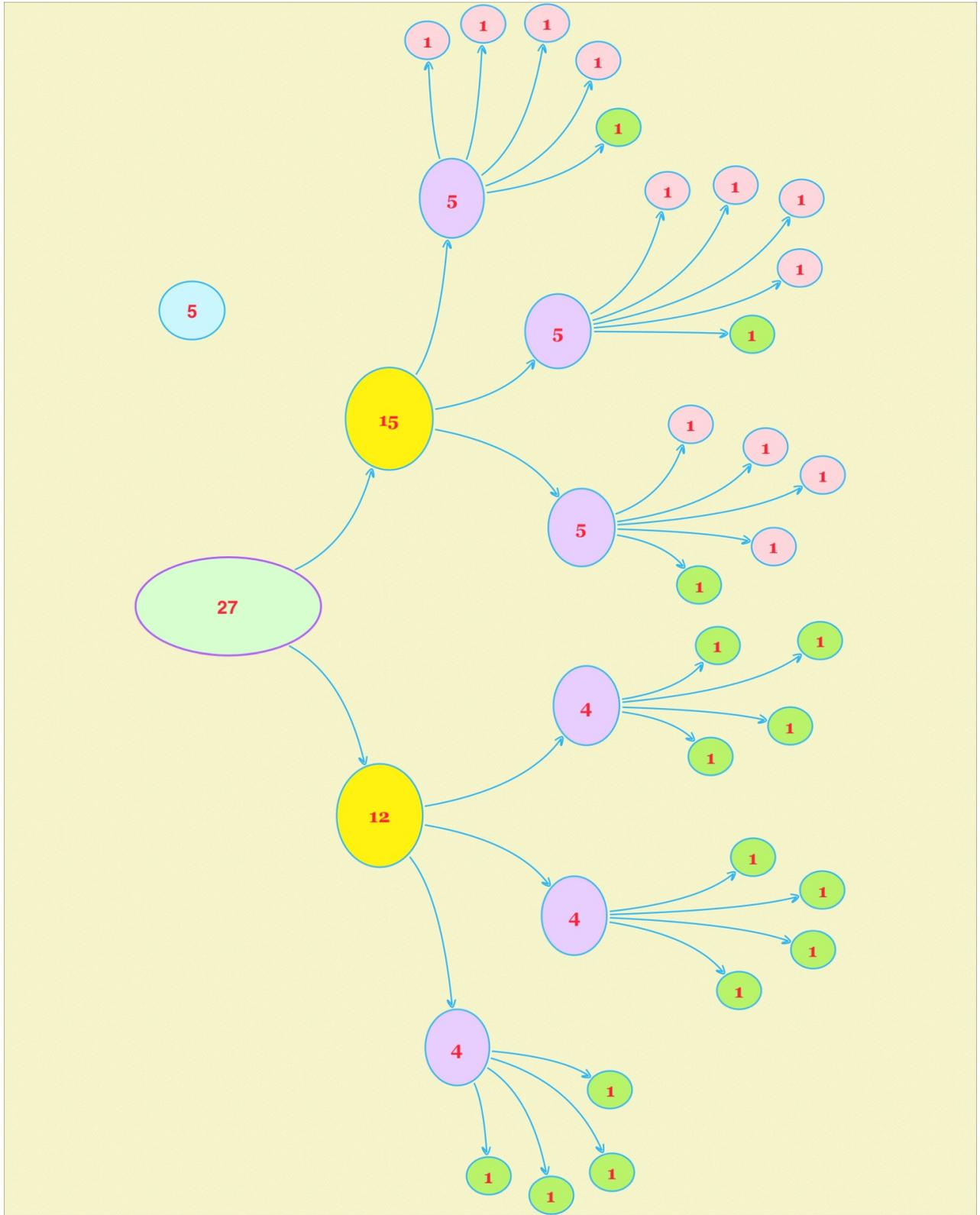
SƠ ĐỒ CHIA PHÁP BẰNG SỐ

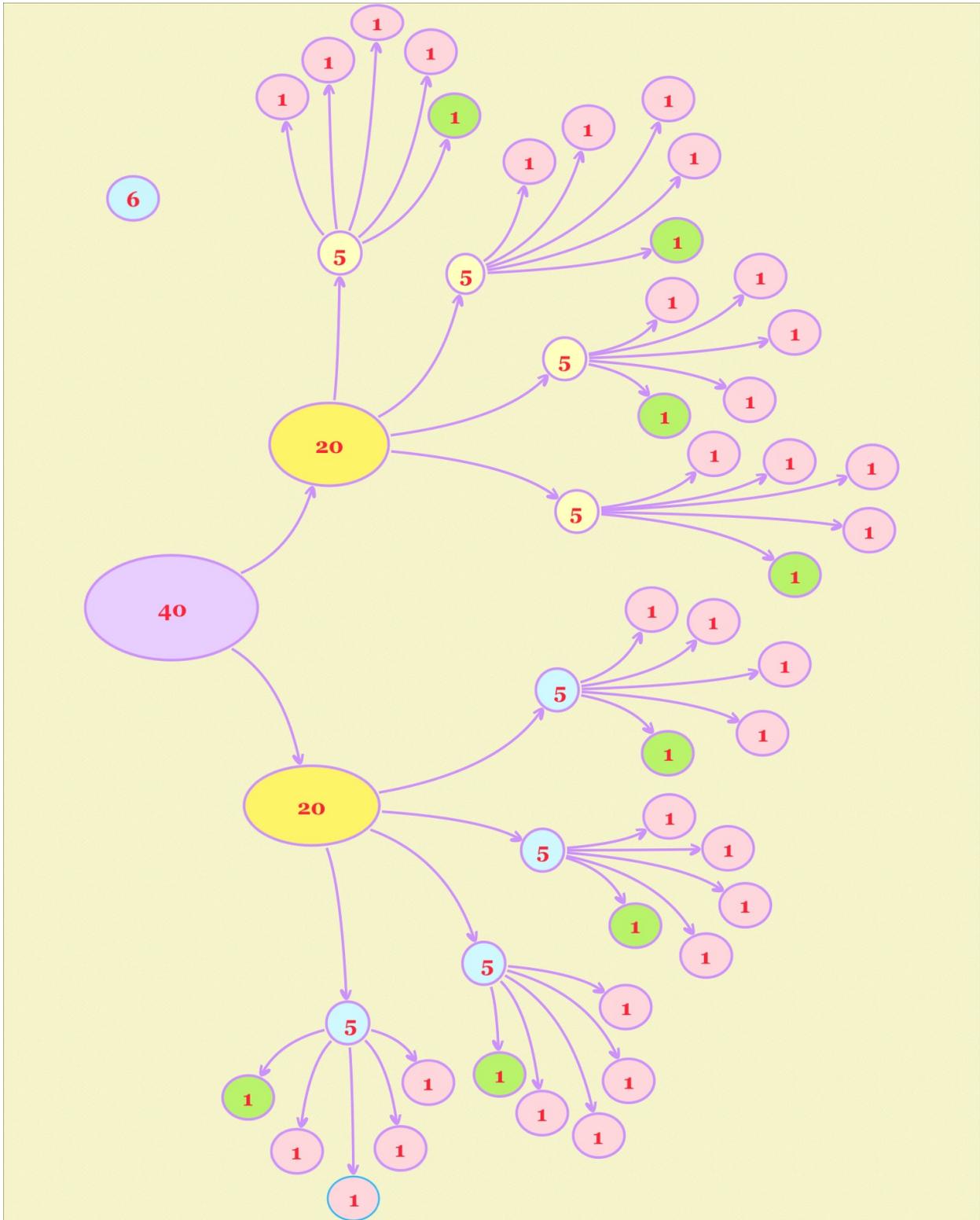


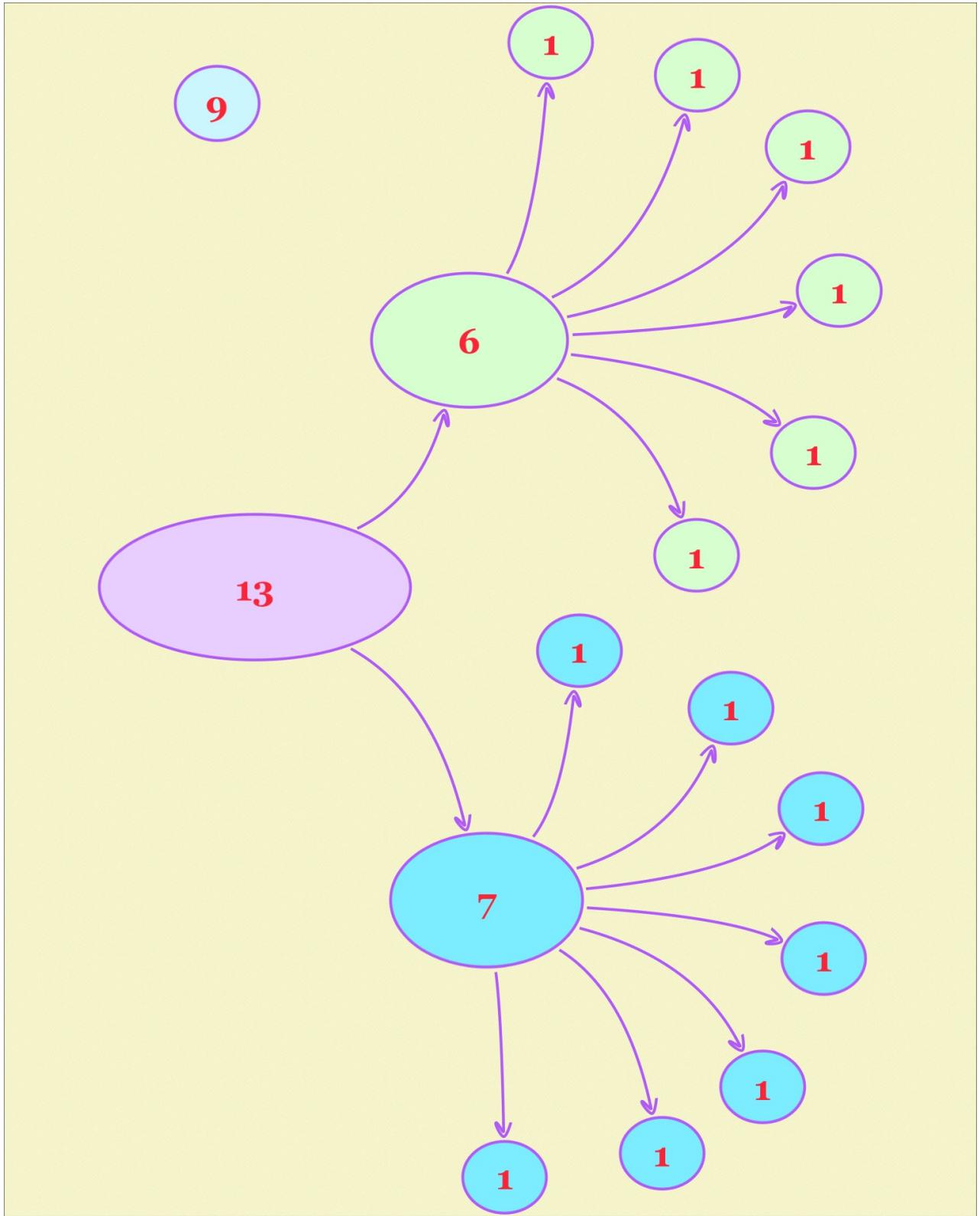










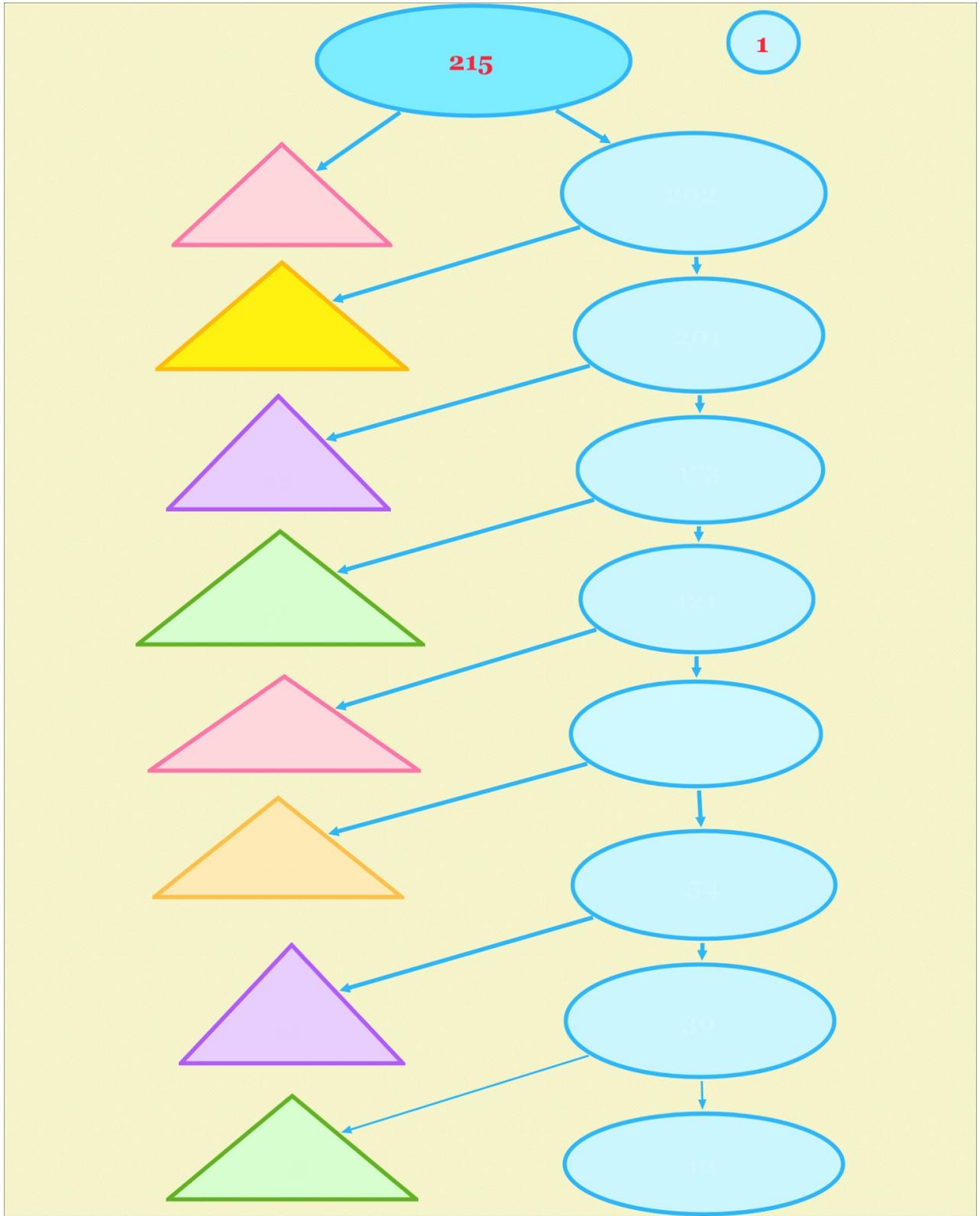


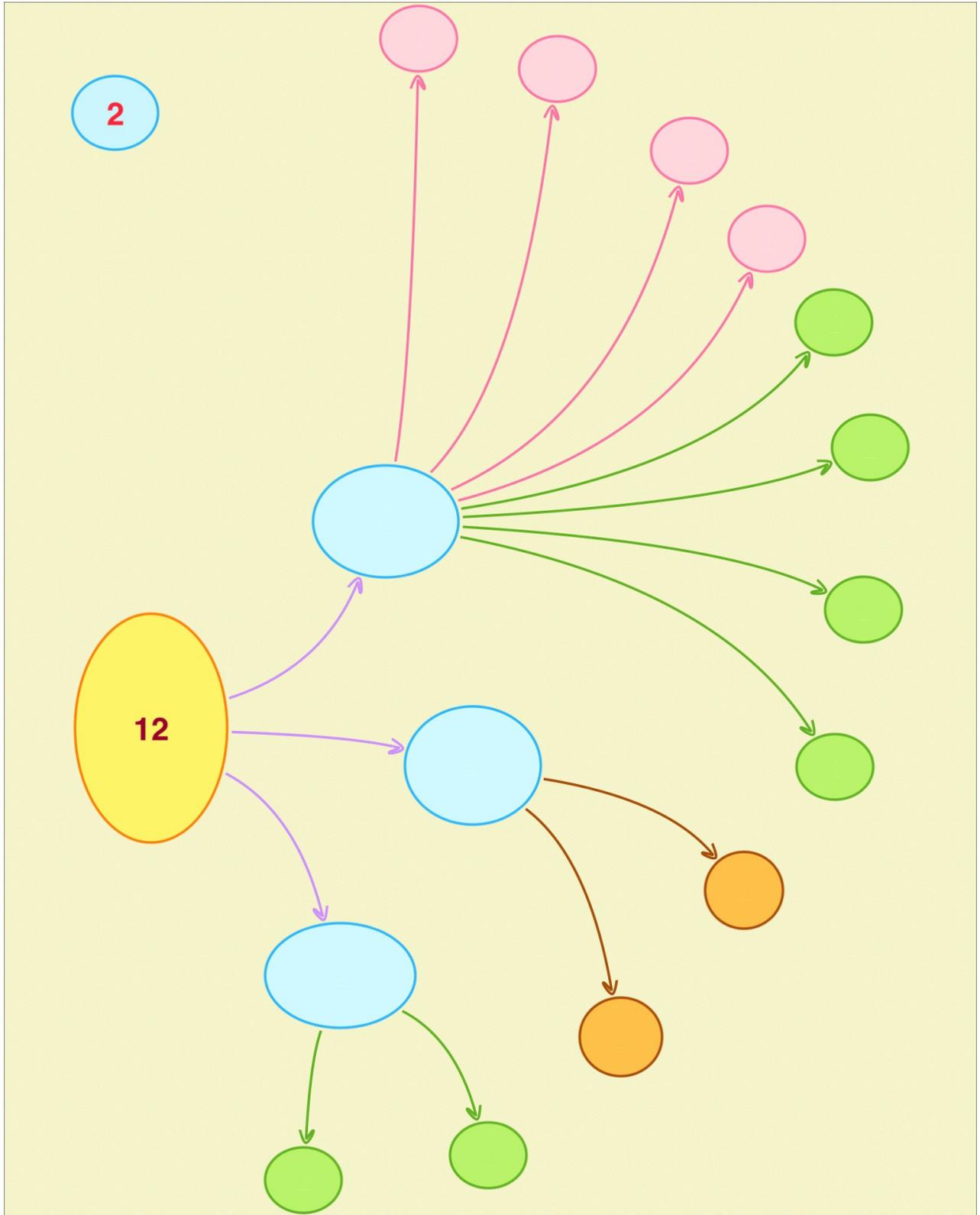
CHƯƠNG IV

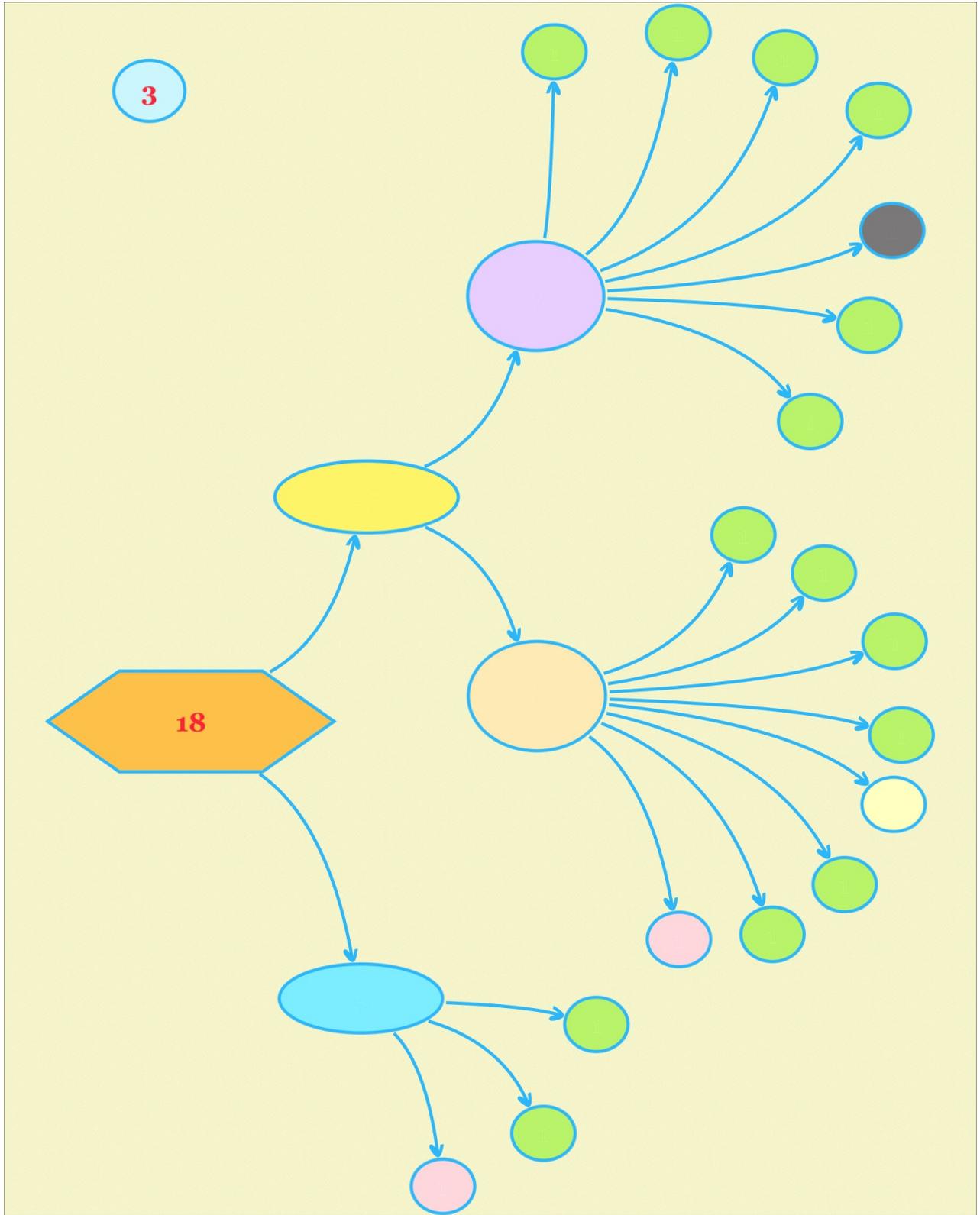


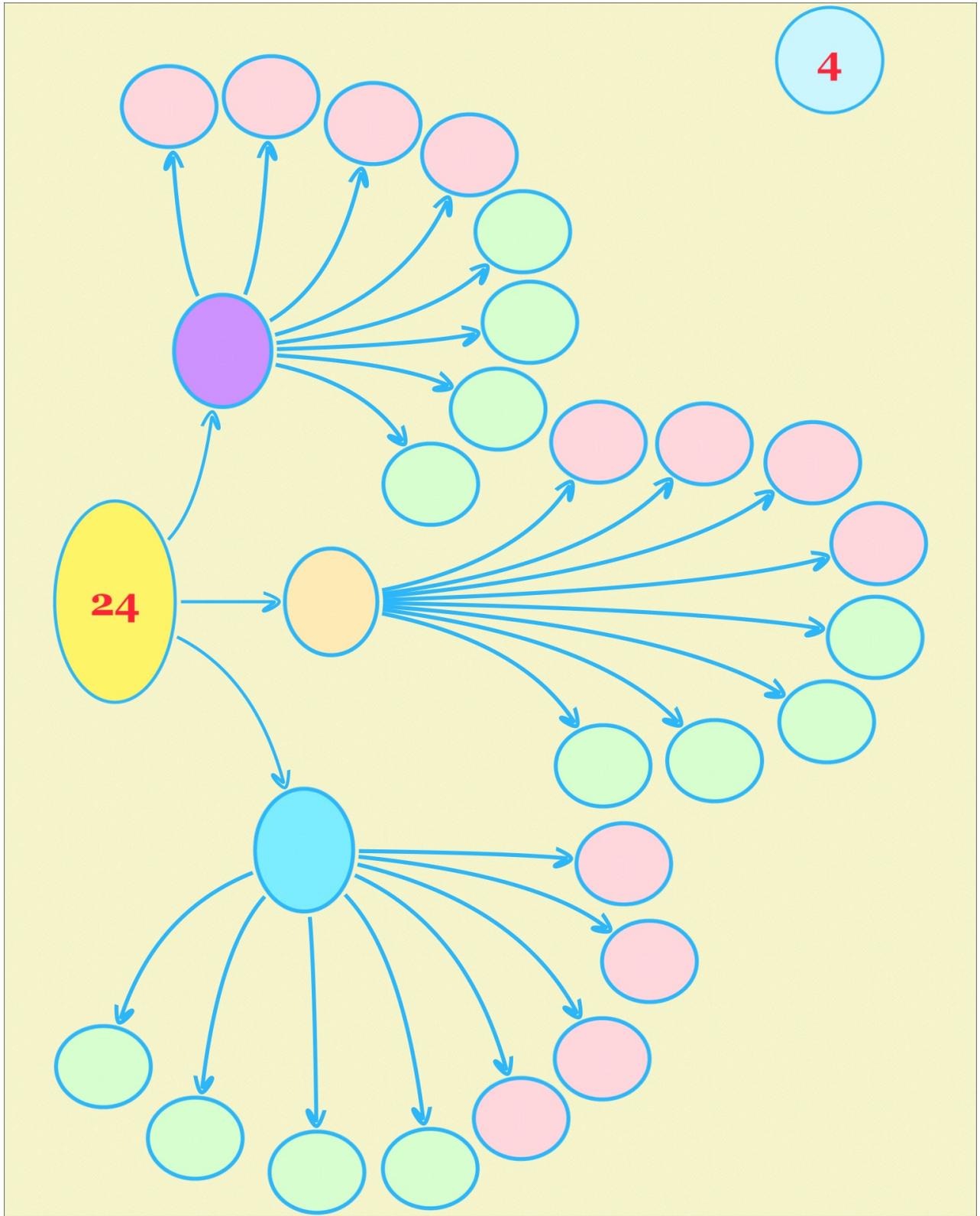
SƠ ĐỒ CHIA PHÁP TRỌNG

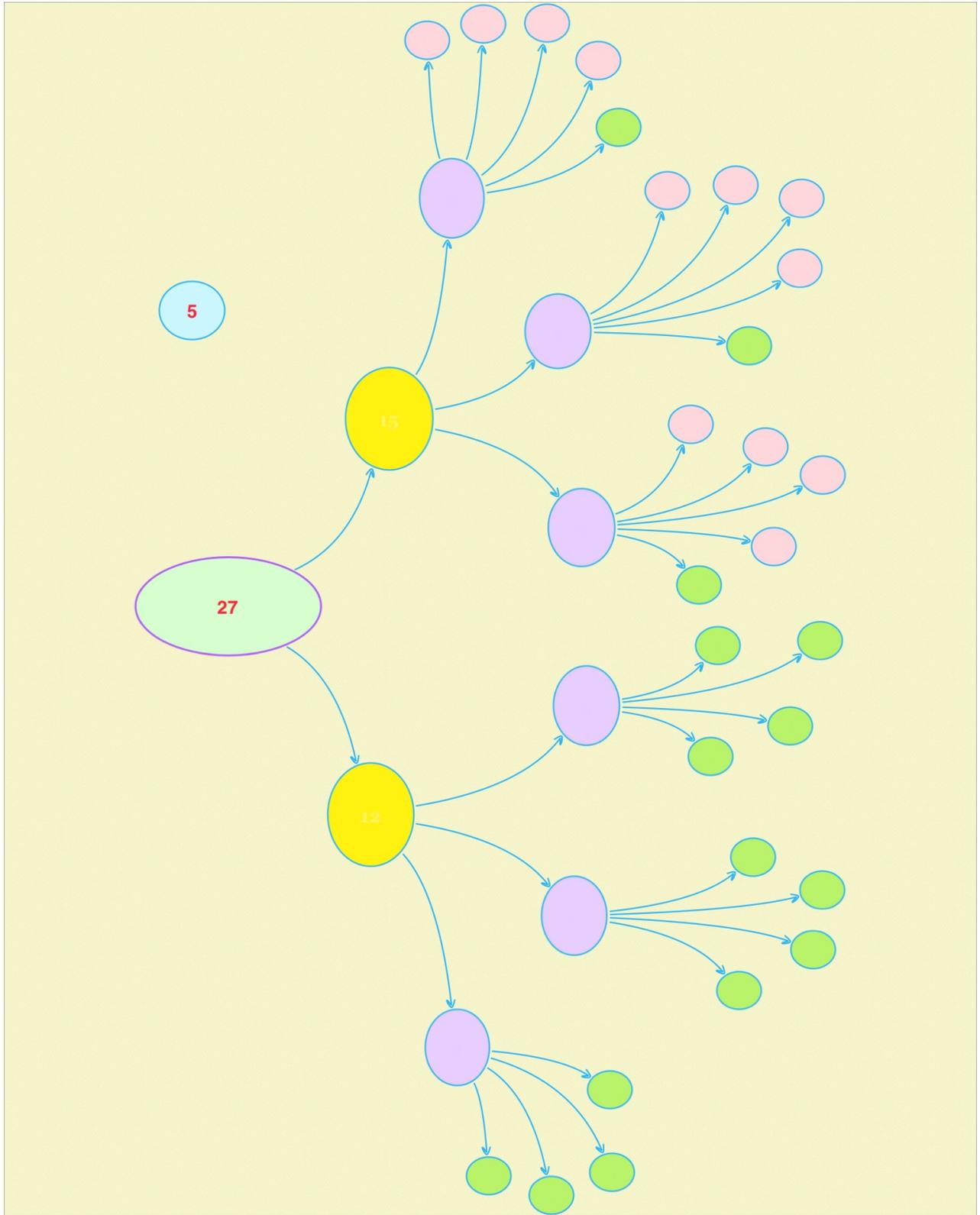


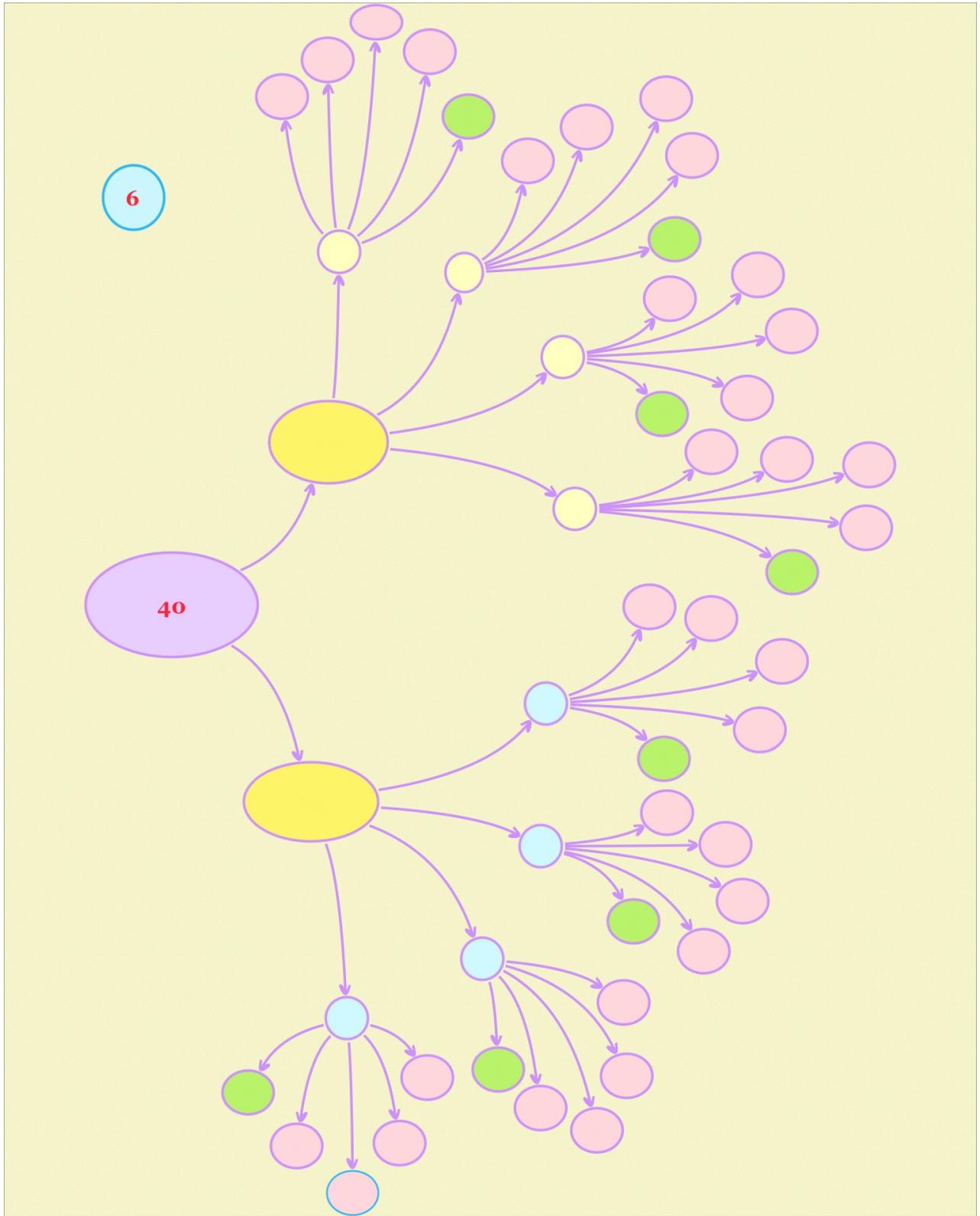


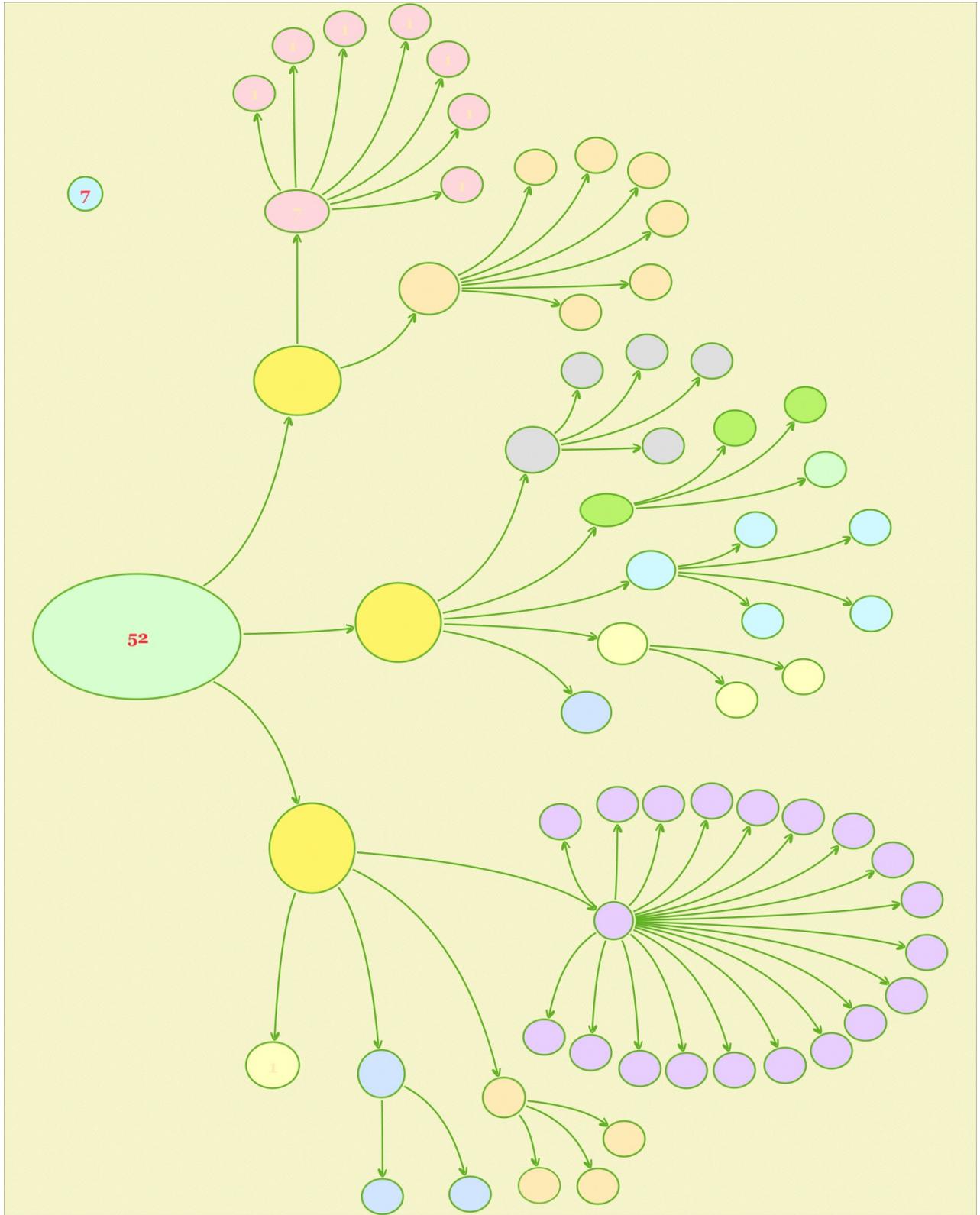


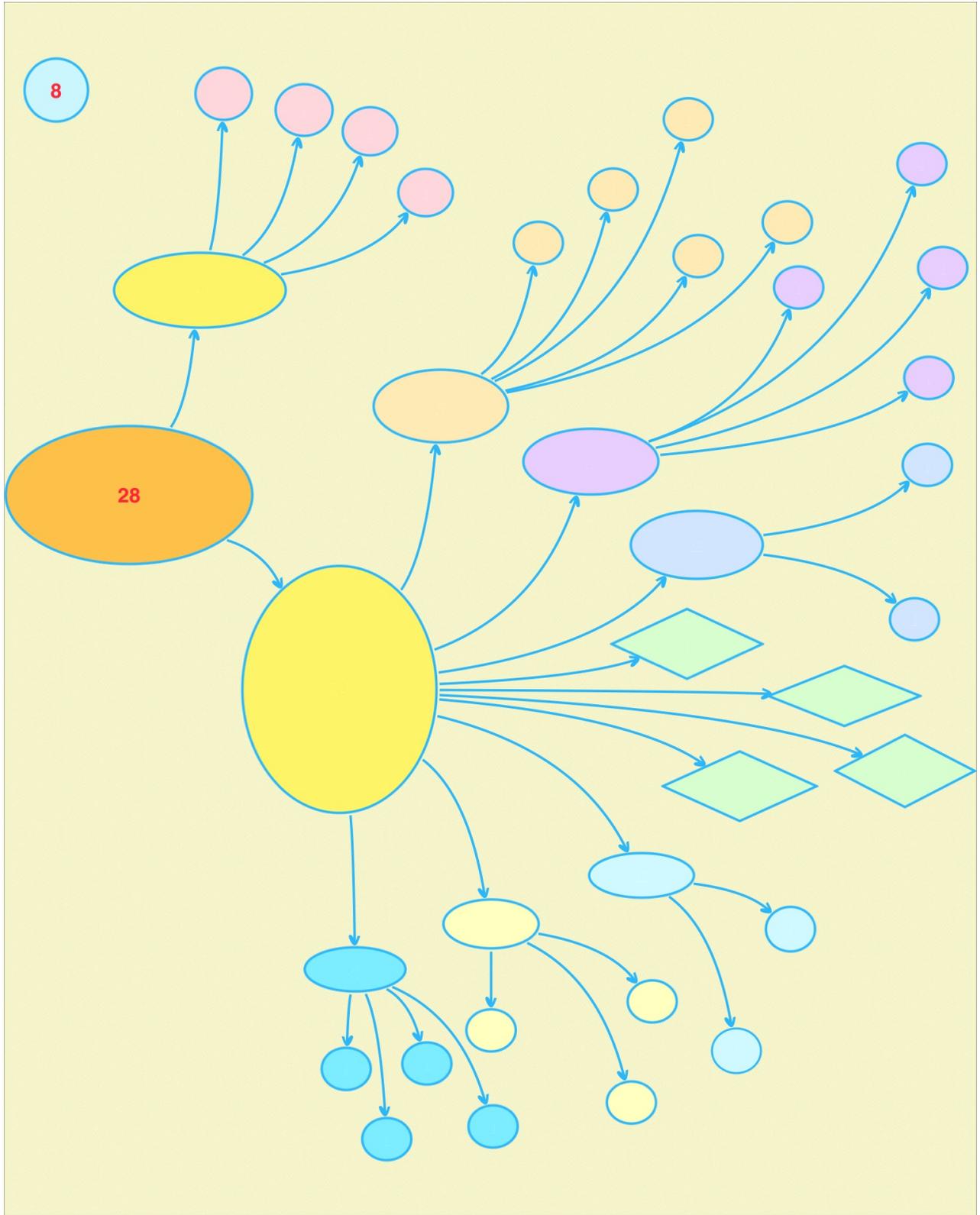


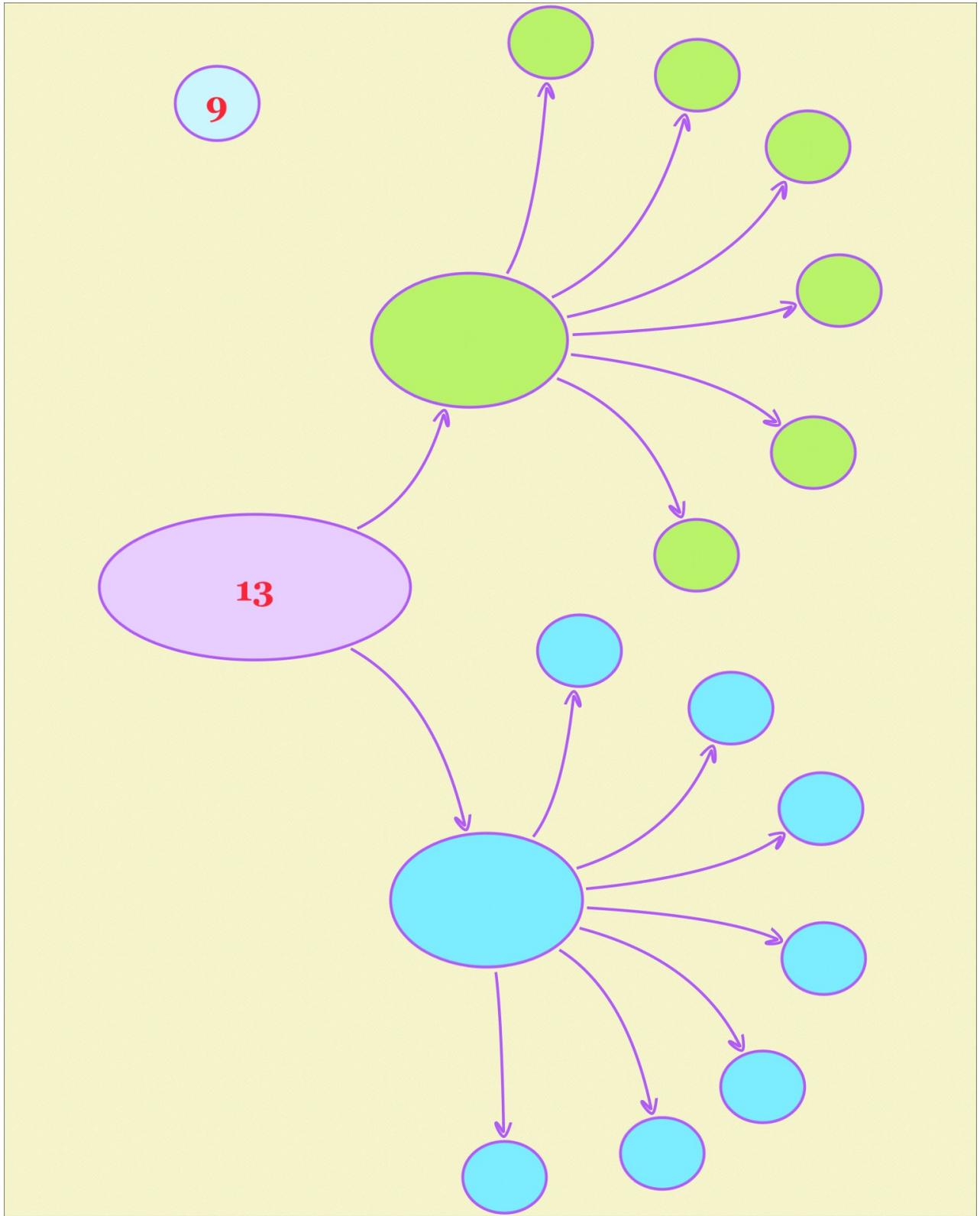


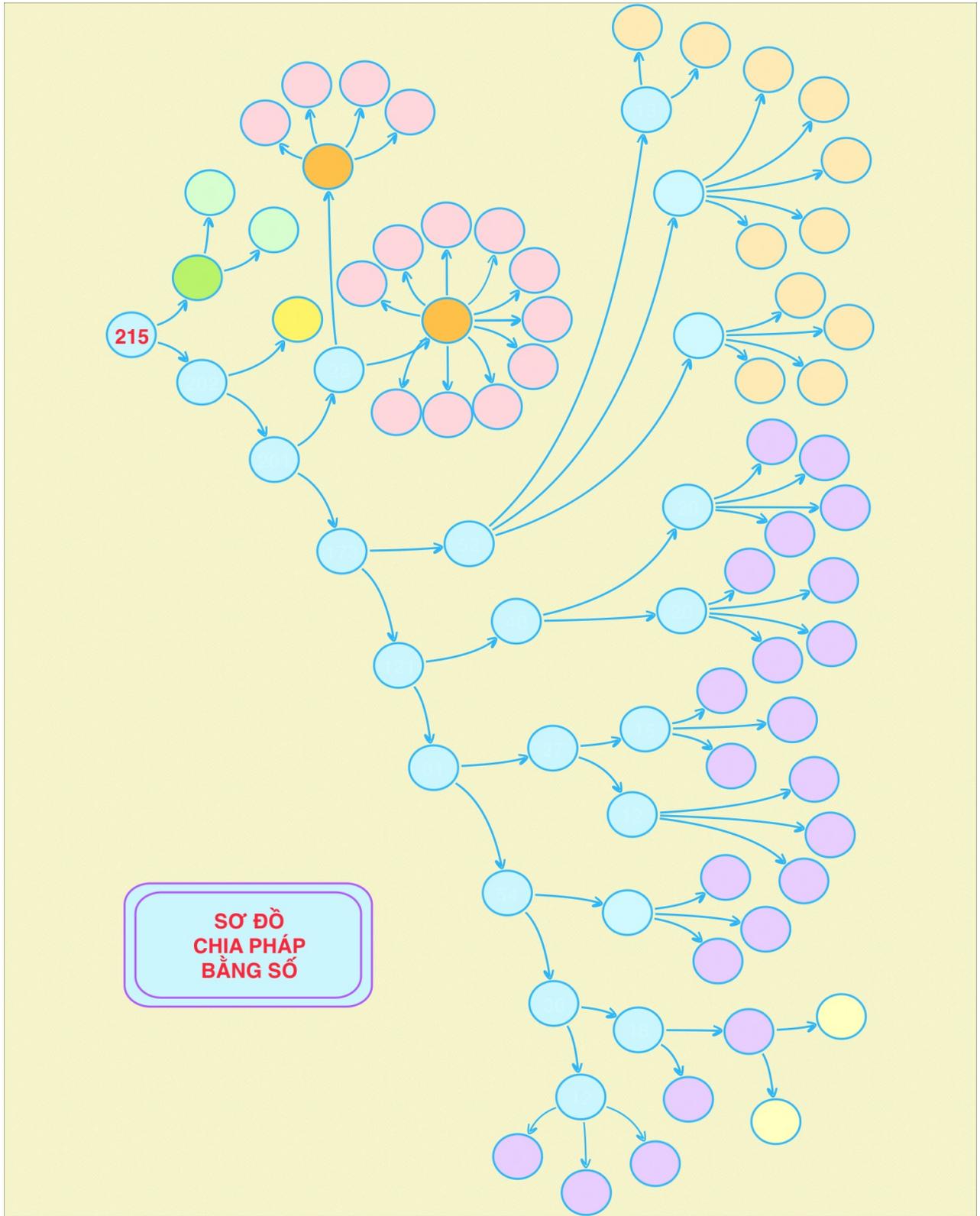












CHƯƠNG V (BÀI 4)



PHẦN GỒM PHÁP ABHIDHAMMA



1. Tâm tham thọ hỷ hợp tà vô trợ.
 Tâm tham thọ hỷ hợp tà hữu trợ
 Tâm tham thọ hỷ ly tà vô trợ
 Tâm tham thọ hỷ ly tà hữu trợ
 Tâm tham thọ xả hợp tà vô trợ
 Tâm tham thọ xả hợp tà hữu trợ
 Tâm tham thọ xả ly tà vô trợ
 Tâm tham thọ xả ly tà hữu trợ
Gồm lại gọi là 8 tâm tham

2. Tâm sân thọ ưu hợp phán vô trợ.
 Tâm sân thọ ưu hợp phán hữu trợ
Gồm lại gọi là 2 tâm sân

3. Tâm si thọ xả hợp hoài nghi.
 Tâm si thọ xả hợp phóng dật
Gồm lại gọi là 2 tâm si

4. 8 Tâm tham, 2 tâm sân, 2 tâm si
Gồm lại gọi là 12 tâm bất thiện

5. Tâm nhãn thức thọ xả quả bất thiện vô nhân.
 Tâm nhĩ thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
 Tâm tỷ thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
 Tâm thiệt thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
 Tâm thân thức thọ khổ quả bất thiện vô nhân
 Tâm tiếp thân thọ xả quả bất thiện vô nhân

Tâm quan sát thọ xả quả bất thiện vô nhân
Gồm lại gọi là 7 tâm quả bất thiện vô nhân.

6. Tâm nhân thức thọ xả quả thiện vô nhân.
 Tâm nhĩ thức thọ xả quả thiện vô nhân
 Tâm tỷ thức thọ xả quả thiện vô nhân
 Tâm thiết thức thọ xả quả thiện vô nhân
 Tâm thân thức thọ lạc quả thiện vô nhân
 Tâm tiếp thân thọ xả quả thiện vô nhân
 Tâm quan sát thọ xả quả thiện vô nhân
 Tâm quan sát thọ hỷ quả thiện vô nhân
Gồm lại gọi là 8 tâm quả thiện vô nhân.

7. 7 Tâm quả bất thiện vô nhân
 8 Tâm quả thiện vô nhân
Gồm lại gọi là 15 tâm quả vô nhân.

8. Tâm khán ngũ môn thọ xả
 Tâm khán ý môn thọ xả
 Tâm ứng cúng vi tiểu thọ hỷ
Gồm lại gọi là 3 tâm duy tác vô nhân.

9. 15 Tâm quả vô nhân
 3 Tâm duy tác vô nhân
Gồm lại gọi là 18 tâm vô nhân.

10. 12 Tâm bất thiện

18 Tâm vô nhân

Gồm lại gọi là 30 tâm dục giới vô tịnh hảo.

11. Tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ

Tâm thiện thọ hỷ hợp trí hữu trợ

Tâm thiện thọ hỷ ly trí vô trợ

Tâm thiện thọ hỷ ly trí hữu trợ

Tâm thiện thọ xả hợp trí vô trợ

Tâm thiện thọ xả hợp trí hữu trợ

Tâm thiện thọ xả ly trí vô trợ

Tâm thiện thọ xả ly trí hữu trợ

Gồm lại gọi là 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo

12. Tâm quả thọ hỷ hợp trí vô trợ

Tâm quả thọ hỷ hợp trí hữu trợ

Tâm quả thọ hỷ ly trí vô trợ

Tâm quả thọ hỷ ly trí hữu trợ

Tâm quả thọ xả hợp trí vô trợ

Tâm quả thọ xả hợp trí hữu trợ

Tâm quả thọ xả ly trí vô trợ

Tâm quả thọ xả ly trí hữu trợ

Gồm lại gọi là 8 tâm quả dục giới tịnh hảo.

13. Tâm duy tác thọ hỷ hợp trí vô trợ

Tâm duy tác thọ hỷ hợp trí hữu trợ

Tâm duy tác thọ hỷ ly trí vô trợ
 Tâm duy tác thọ hỷ ly trí hữu trợ
 Tâm duy tác thọ xả hợp trí vô trợ
 Tâm duy tác thọ xả hợp trí hữu trợ
 Tâm duy tác thọ xả ly trí vô trợ
 Tâm duy tác thọ xả ly trí hữu trợ
Gồm lại gọi là 8 tâm duy tác dụng giới tịnh hảo.

14. 8 Tâm thiện dụng giới tịnh hảo
 8 Tâm quả dụng giới tịnh hảo
 8 Tâm duy tác dụng giới tịnh hảo
Gồm lại gọi là 24 tâm dụng giới tịnh hảo.

15. 30 Tâm dụng giới vô tịnh hảo
 24 Tâm dụng giới tịnh hảo
Gồm lại gọi là 54 tâm dụng giới.

16. Tâm thiện sơ thiên sắc giới.
 Tâm thiện nhị thiên sắc giới.
 Tâm thiện tam thiên sắc giới.
 Tâm thiện tứ thiên sắc giới.
 Tâm thiện ngũ thiên sắc giới.
Gồm lại gọi là 5 tâm thiện sắc giới.

17. Tâm quả sơ thiên sắc giới.
 Tâm quả nhị thiên sắc giới.

Tâm quả tam thiên sắc giới.

Tâm quả tứ thiên sắc giới.

Tâm quả ngũ thiên sắc giới.

Gồm lại gọi là 5 tâm quả sắc giới.

18. Tâm duy tác sơ thiên sắc giới.

Tâm duy tác nhị thiên sắc giới.

Tâm duy tác tam thiên sắc giới.

Tâm duy tác tứ thiên sắc giới.

Tâm duy tác ngũ thiên sắc giới.

Gồm lại gọi là 5 tâm duy tác sắc giới.

19. 5 Tâm thiện sắc giới.

5 Tâm quả sắc giới.

5 Tâm duy tác sắc giới.

Gồm lại gọi là 15 tâm sắc giới.

20. Tâm thiện không vô biên xứ

Tâm thiện thức vô biên xứ

Tâm thiện vô sở hữu xứ

Tâm thiện phi tướng phi phi tướng xứ.

Gồm lại gọi là 4 tâm thiện vô sắc giới.

21. Tâm quả không vô biên xứ

Tâm quả thức vô biên xứ

Tâm quả vô sở hữu xứ

Tâm quả phi tướng phi phi tướng xứ.
Gồm lại gọi là 4 tâm quả vô sắc giới.

22. Tâm duy tác không vô biên xứ
 Tâm duy tác thức vô biên xứ
 Tâm duy tác vô sở hữu xứ
 Tâm duy tác phi tướng phi phi tướng xứ.
Gồm lại gọi là 4 tâm duy tác vô sắc giới.

23. 4 Tâm thiện vô sắc giới.
 4 Tâm quả vô sắc giới.
 4 Tâm duy tác vô sắc giới.
Gồm lại gọi là 12 tâm vô sắc giới.

24. 15 Tâm sắc giới.
 12 Tâm vô sắc giới.
Gồm lại gọi là 27 tâm đáo đại.

25. 54 Tâm dục giới.
 27 Tâm đáo đại.
Gồm lại gọi là 81 tâm hiệp thế.

26. Tâm sơ đạo sơ thiên.
 Tâm sơ đạo nhị thiên.
 Tâm sơ đạo tam thiên.
 Tâm sơ đạo tứ thiên.

Tâm sơ đạo ngũ thiên.
Gồm lại gọi là 5 tâm sơ đạo.

27. Tâm nhị đạo sơ thiên.
 Tâm nhị đạo nhị thiên.
 Tâm nhị đạo tam thiên.
 Tâm nhị đạo tứ thiên.
 Tâm nhị đạo ngũ thiên.
Gồm lại gọi là 5 tâm nhị đạo.

28. Tâm tam đạo sơ thiên.
 Tâm tam đạo nhị thiên.
 Tâm tam đạo tam thiên.
 Tâm tam đạo tứ thiên.
 Tâm tam đạo ngũ thiên.
Gồm lại gọi là 5 tâm tam đạo.

29. Tâm tứ đạo sơ thiên.
 Tâm tứ đạo nhị thiên.
 Tâm tứ đạo tam thiên.
 Tâm tứ đạo tứ thiên.
 Tâm tứ đạo ngũ thiên.
Gồm lại gọi là 5 tâm tứ đạo.

30. 5 Tâm sơ đạo.
 5 Tâm nhị đạo.

5 Tâm tam đạo.

5 Tâm tứ đạo.

Gồm lại gọi là 20 tâm đạo

31. Tâm sơ quả sơ thiên.

Tâm sơ quả nhị thiên.

Tâm sơ quả tam thiên.

Tâm sơ quả tứ thiên.

Tâm sơ quả ngũ thiên.

Gồm lại gọi là 5 tâm sơ quả

32. Tâm nhị quả sơ thiên.

Tâm nhị quả nhị thiên.

Tâm nhị quả tam thiên.

Tâm nhị quả tứ thiên.

Tâm nhị quả ngũ thiên.

Gồm lại gọi là 5 tâm nhị quả

33. Tâm tam quả sơ thiên.

Tâm tam quả nhị thiên.

Tâm tam quả tam thiên.

Tâm tam quả tứ thiên.

Tâm tam quả ngũ thiên.

Gồm lại gọi là 5 tâm tam quả

34. Tâm tứ quả sơ thiên.
 Tâm tứ quả nhị thiên.
 Tâm tứ quả tam thiên.
 Tâm tứ quả tứ thiên.
 Tâm tứ quả ngũ thiên.
Gồm lại gọi là 5 tâm tứ quả

35. 5 Tâm sơ quả.
 5 Tâm nhị quả.
 5 Tâm tam quả.
 5 Tâm tứ quả.
Gồm lại gọi là 20 tâm quả siêu thế.

36. 20 Tâm đạo.
 20 Tâm quả siêu thế
Gồm lại gọi là 40 tâm siêu thế.

37. 81 Tâm hiệp thế.
 40 Tâm siêu thế
Gồm lại gọi là 121 tâm.

38. Xúc
 Thọ
 Tưởng
 Tư
 Nhất hành

Mạng quyền

Tác ý

Gồm lại gọi là 7 sở hữu biến hành.

39. Tâm

Tứ

Thắng giải

Cần

Hỷ

Dục

Gồm lại gọi là 6 sở hữu biệt cảnh.

40. 7 Sở hữu biến hành

6 Sở hữu biệt cảnh

Gồm lại gọi là 13 sở hữu tợ tha.

41. Si

Vô tà

Vô úy

Phóng dật

Gồm lại gọi là 4 sở hữu bất thiện biến hành.

42. Tham

Tà kiến

Ngã mạn

Gồm lại gọi là 3 sở hữu tham phần.

43. Sân

Tật

Lận

Hối

Gồm lại gọi là 4 sở hữu sân phần.**44. Hôn trầm**

Thụy miên

Gồm lại gọi là 2 sở hữu hôn phần.**45. Sở hữu hoại nghi có 1.****46. 4 Sở hữu bất thiện biến hành**

3 Sở hữu tham phần

4 Sở hữu sân phần

2 Sở hữu hôn phần

1 Sở hữu hoại nghi

Gồm lại gọi là 14 sở hữu bất thiện.**47. Tín**

Niệm

Tàm

Quý

Vô tham

Vô sân

Hành xả

Tịnh thân

Tịnh tâm

Khinh thân

Khinh tâm

Nhu thân

Nhu tâm

Thích thân

Thích tâm

Thuần thân

Thuần tâm

Chánh thân

Chánh tâm

Gồm lại gọi là 19 sở hữu tịnh hảo biến hành.

48. Chánh ngữ

Chánh nghiệp

Chánh mạng

Gồm lại gọi là 3 sở hữu giới phần.

49. Bi

Tùy hỷ

Gồm lại gọi là 2 sở hữu vô lượng phần.

50. Sở hữu trí tuệ có 1

51. 19 Sở hữu tịnh hảo
 3 Sở hữu giới phần
 2 Sở hữu vô lượng phần
 1 sở hữu trí tuệ
Gồm lại gọi là 25 sở hữu tịnh hảo.

52. 13 Sở hữu tợ tha
 14 Sở hữu bất thiện
 25 Sở hữu tịnh hảo
Gồm lại gọi là 52 sở hữu tâm.

53. 121 Tâm
 52 Sở hữu tâm
Gồm lại gọi là 173 danh pháp

54. Sắc đất
 Sắc nước
 Sắc lửa
 Sắc gió
Gồm lại gọi là 4 sắc tứ đại.

55. Sắc thần kinh nhãn
 Sắc thần kinh nhĩ
 Sắc thần kinh tỷ
 Sắc thần kinh thiệt
 Sắc thần kinh thân
Gồm lại gọi là 5 sắc thần kinh.

56. Sắc cảnh sắc
Sắc cảnh thanh
Sắc cảnh khí
Sắc cảnh vị
Gồm lại gọi là 4 sắc cảnh giới.

57. Sắc nam tính
Sắc nữ tính
Gồm lại gọi là 2 sắc tính.

58. Sắc ý vật có 1

59. Sắc mạng quyền có 1

60. Sắc vật thực có 1

61. Sắc hư không có 1

62. Sắc thân biểu tri
Sắc khẩu biểu tri
Gồm lại gọi là 2 sắc biểu tri.

63. Sắc khinh
Sắc nhu
Sắc thích nghiệp
Gồm lại gọi là 3 sắc đặc biệt.

64. Sắc sinh

Sắc tiến

Sắc dị

Sắc diệt

Gồm lại gọi là 4 sắc tứ tướng.

65. 5 Sắc thân kinh

4 Sắc cảnh giới

2 Sắc tính

1 Sắc ý vật

1 Sắc mạng quyền

1 Sắc vật thực

1 Sắc hư không

2 Sắc biểu tri

3 Sắc đặc biệt

4 Sắc tứ tướng

Gồm lại gọi là 24 sắc y đại sinh.

66. 4 Sắc tứ đại

24 Sắc y đại sinh

Gồm lại gọi là 28 sắc pháp.

67. 173 Danh pháp

28 Sắc pháp

Gồm lại gọi là 201 chơn đế hữu vi.

68. 1 Chơn đế vô vi

201 chơn đế hữu vi
Gồm lại gọi là 202 pháp chơn đế.

69. Danh chơn chế định
 Phi danh chơn chế định
 Danh chơn phi danh chơn chế định
 Phi danh chơn danh chơn chế định
 Danh chơn danh chơn chế định
 Phi danh chơn phi danh chơn chế định
Gồm lại gọi là 6 danh chế định.

70. Hình thức chế định.
 Hiệp thành chế định
 Chúng sanh chế định
 Phương hướng chế định
 Thời gian chế định
 Hư không chế định
 Hình tướng chế định
Gồm lại gọi là 7 nghĩa chế định.

71. 6 Danh chế định
 7 Nghĩa chế định
Gồm lại gọi là 13 pháp tục đế.

72. 202 pháp chơn đế
 13 pháp tục đế
Gồm lại gọi là 215 pháp.

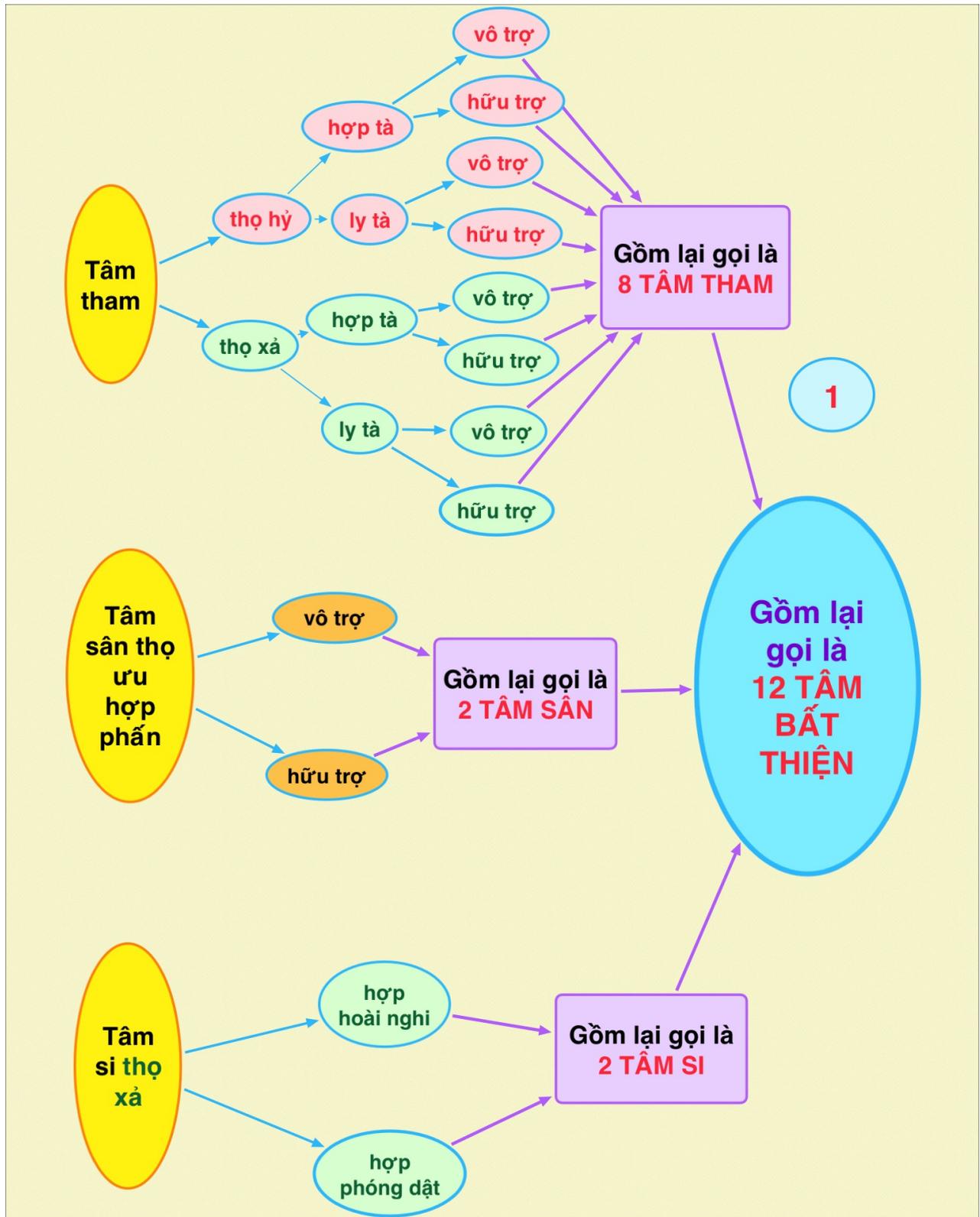
Thiền viện Phước Sơn - Chùa Đồi Lá Giang
Ngày 01/03/2020
Hòa Thượng Bửu Chánh biên soạn.

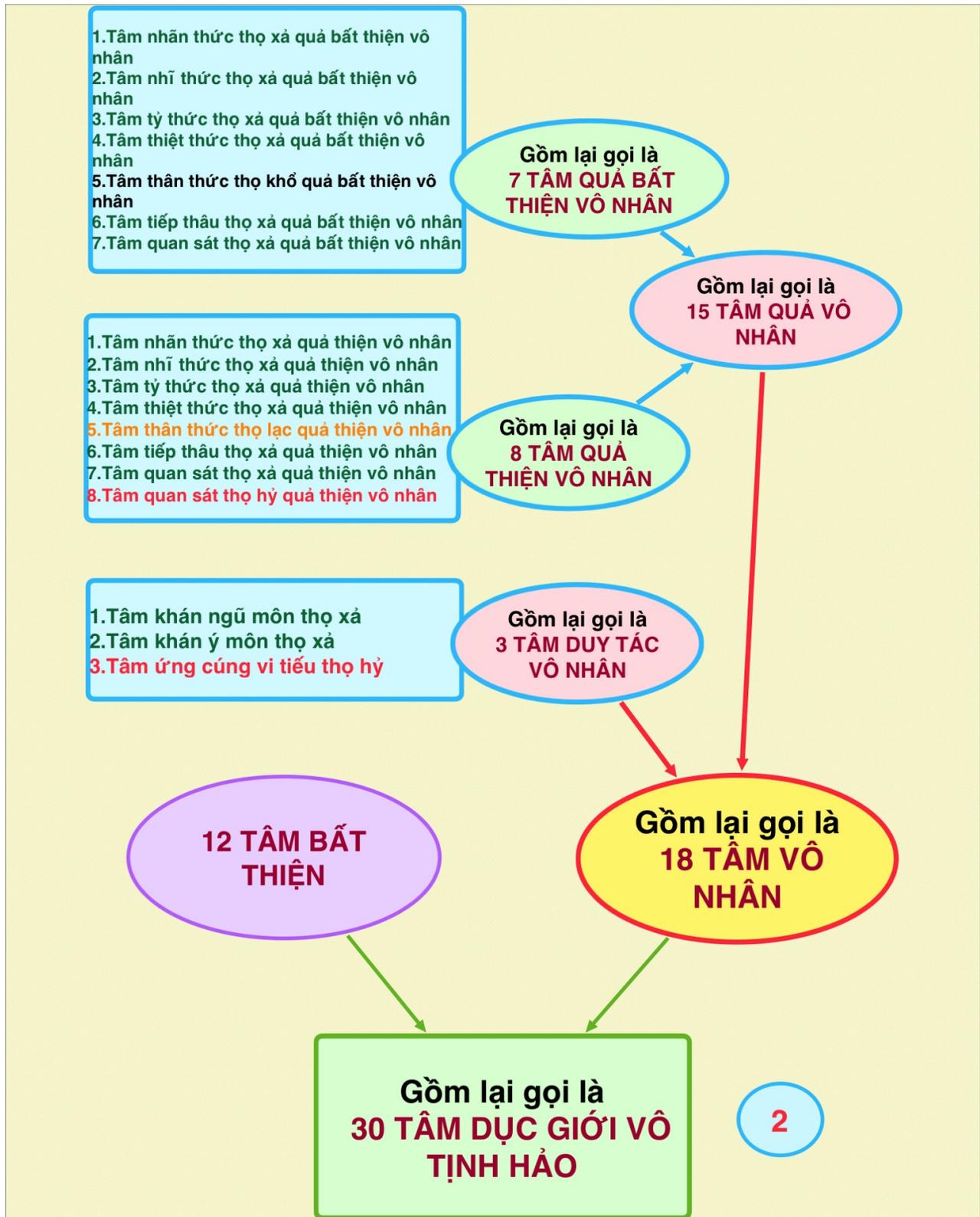
CHƯƠNG VI (BÀI 5)



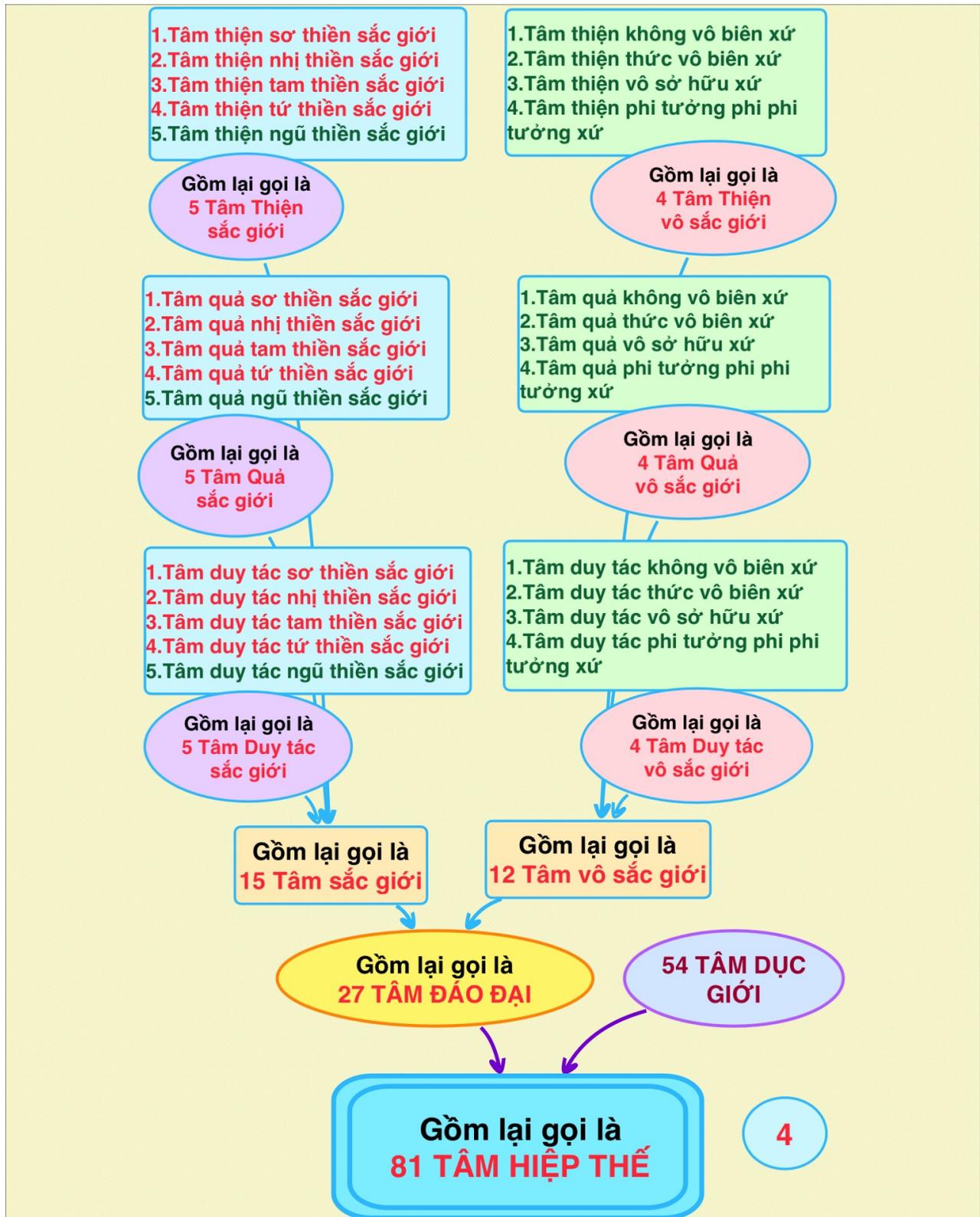
SƠ ĐỒ GỒM PHÁP BẰNG CHỮ

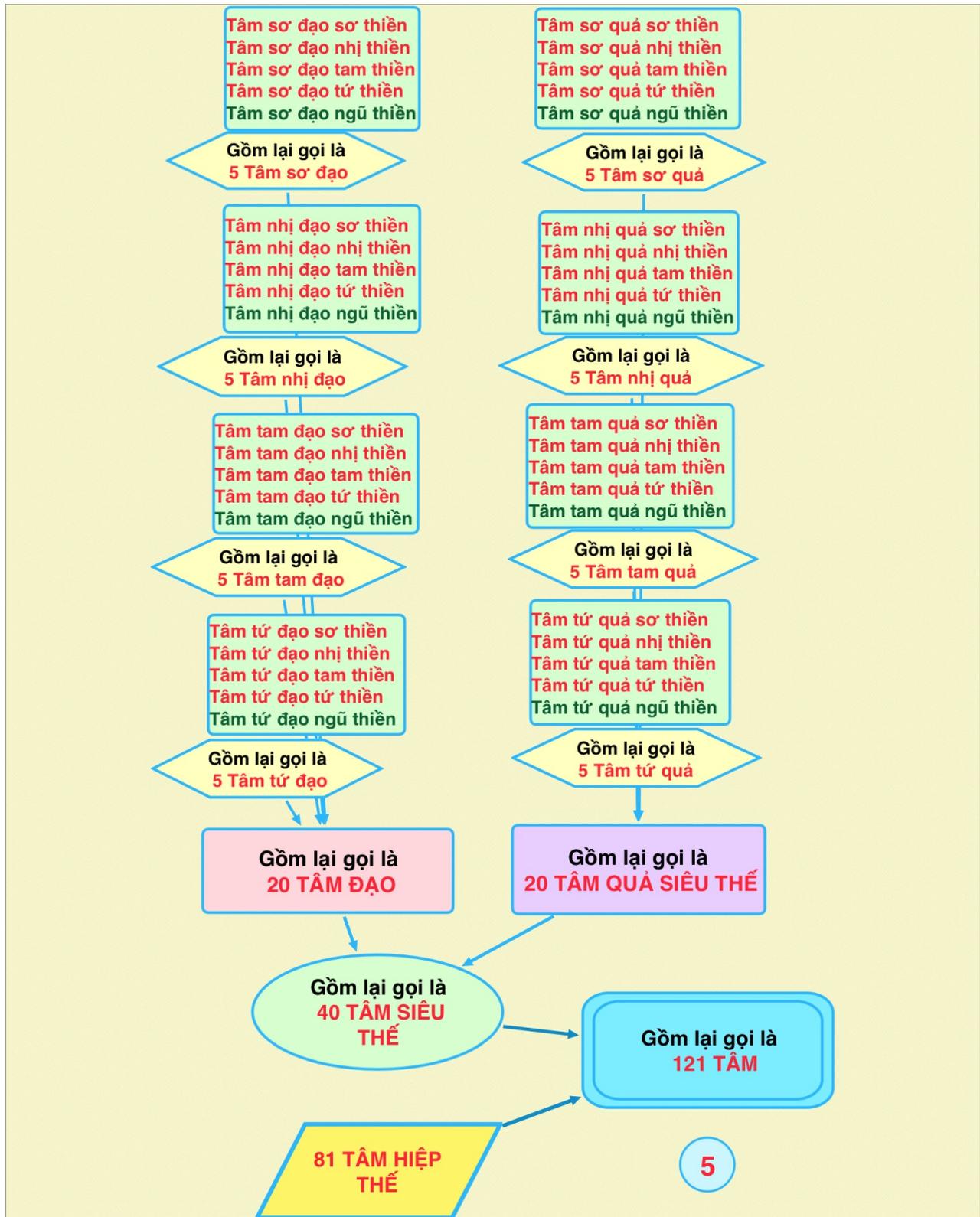


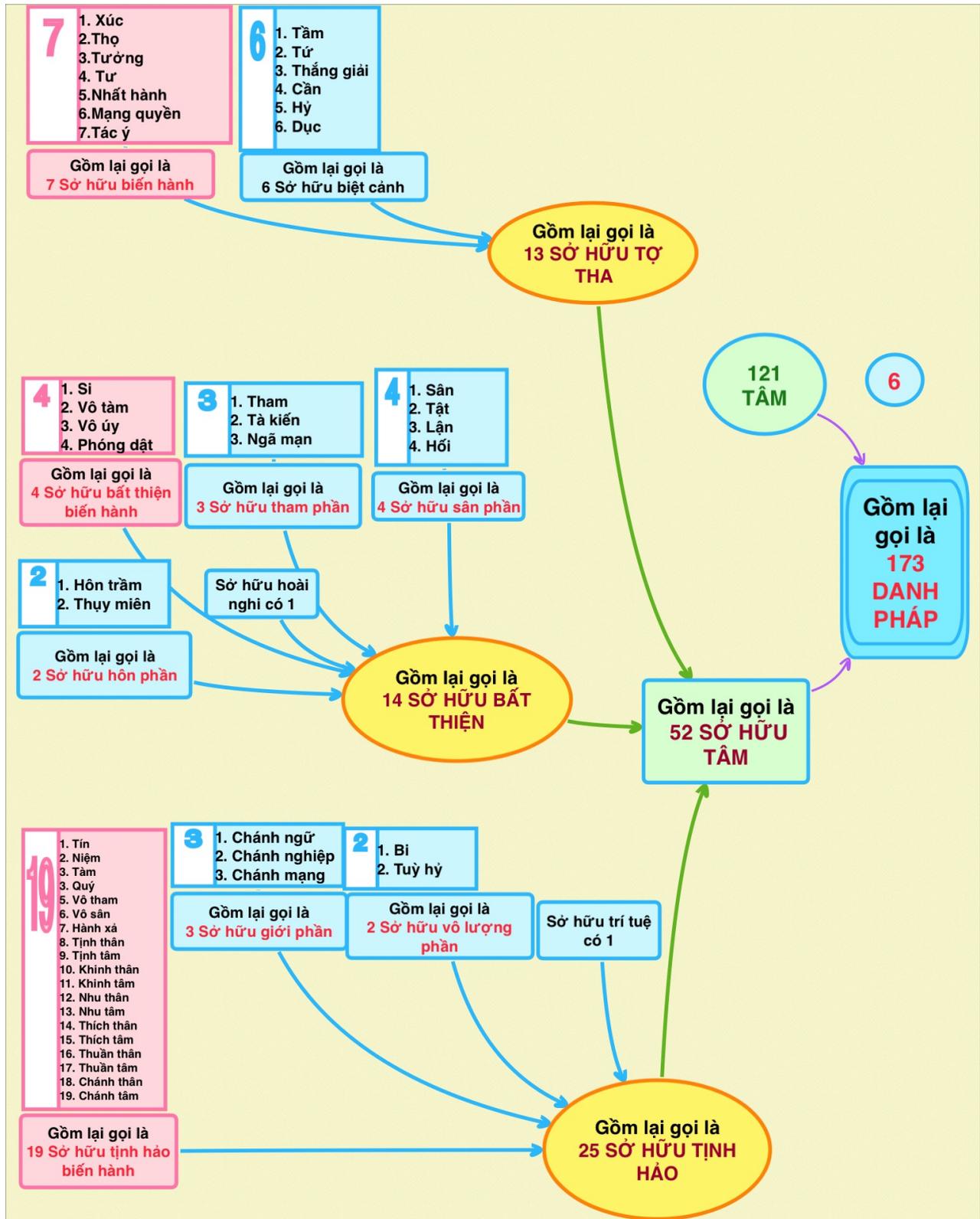


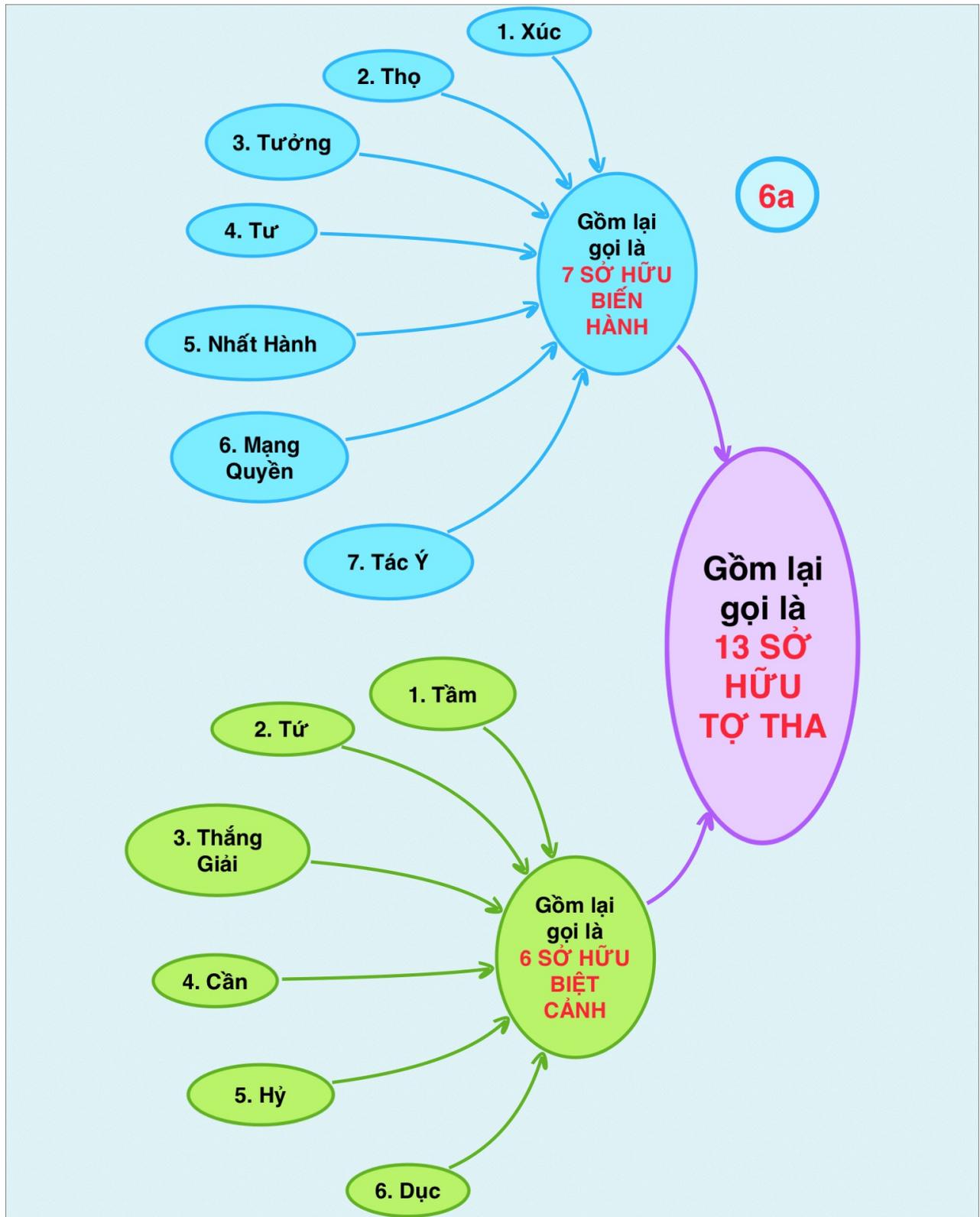




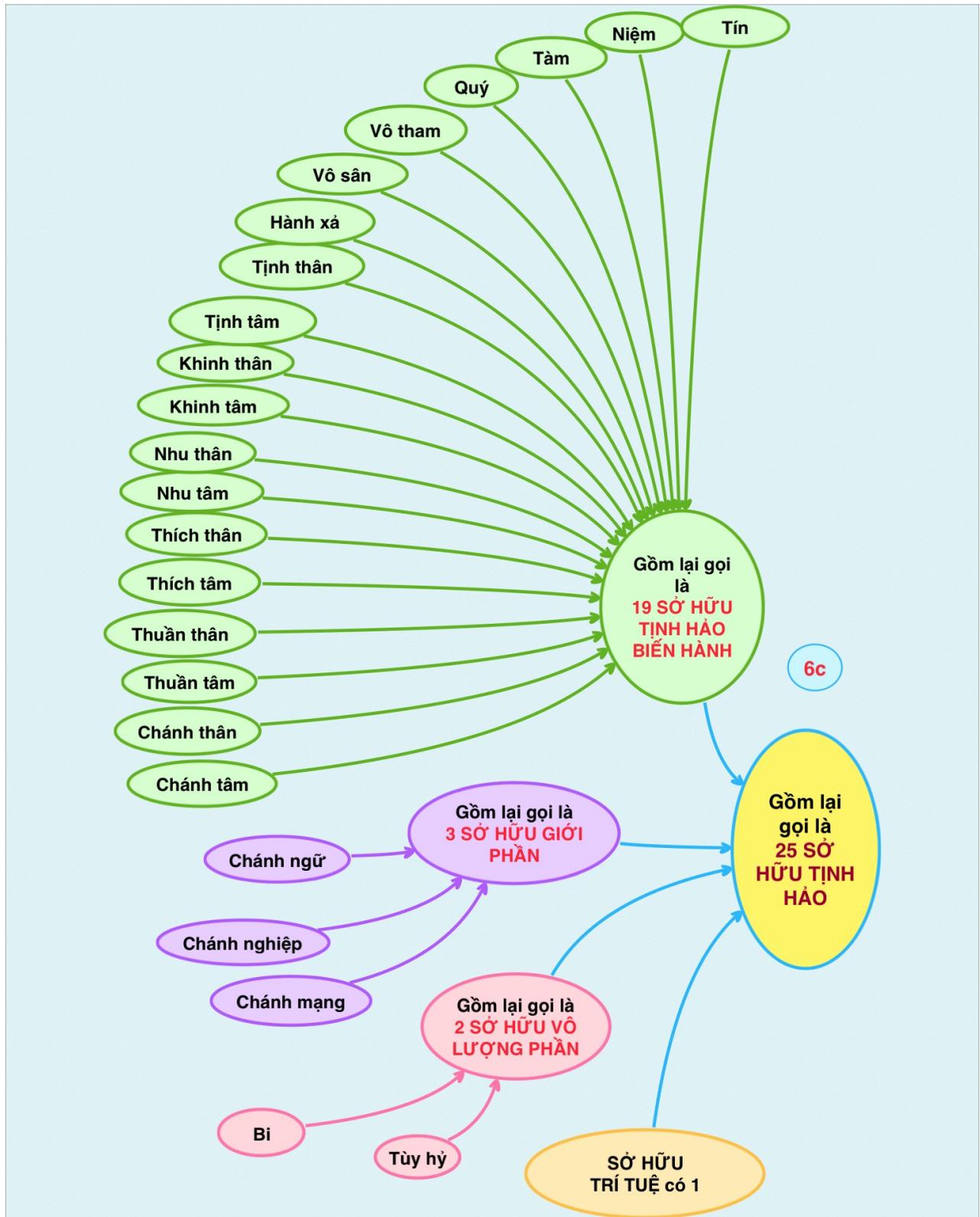


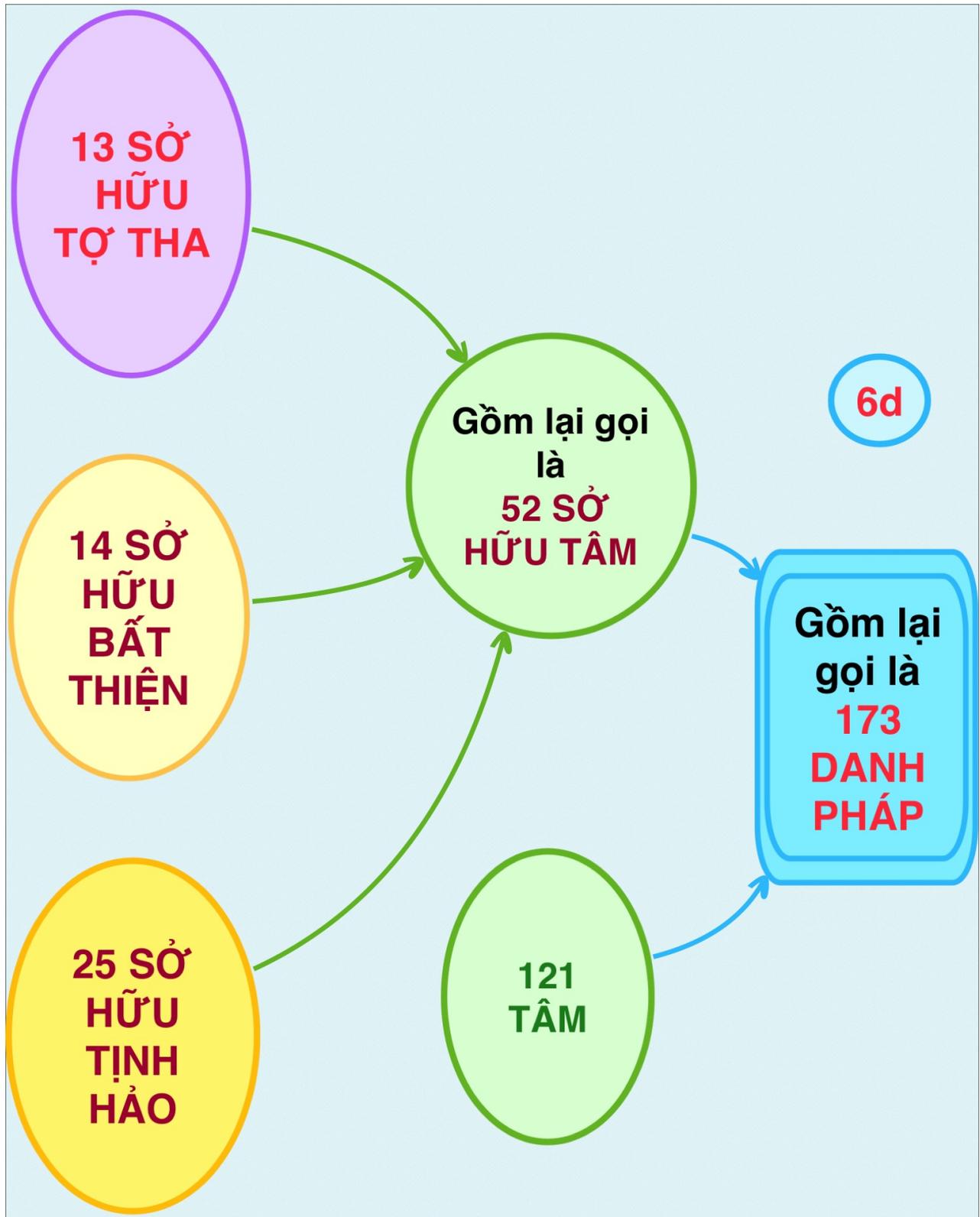


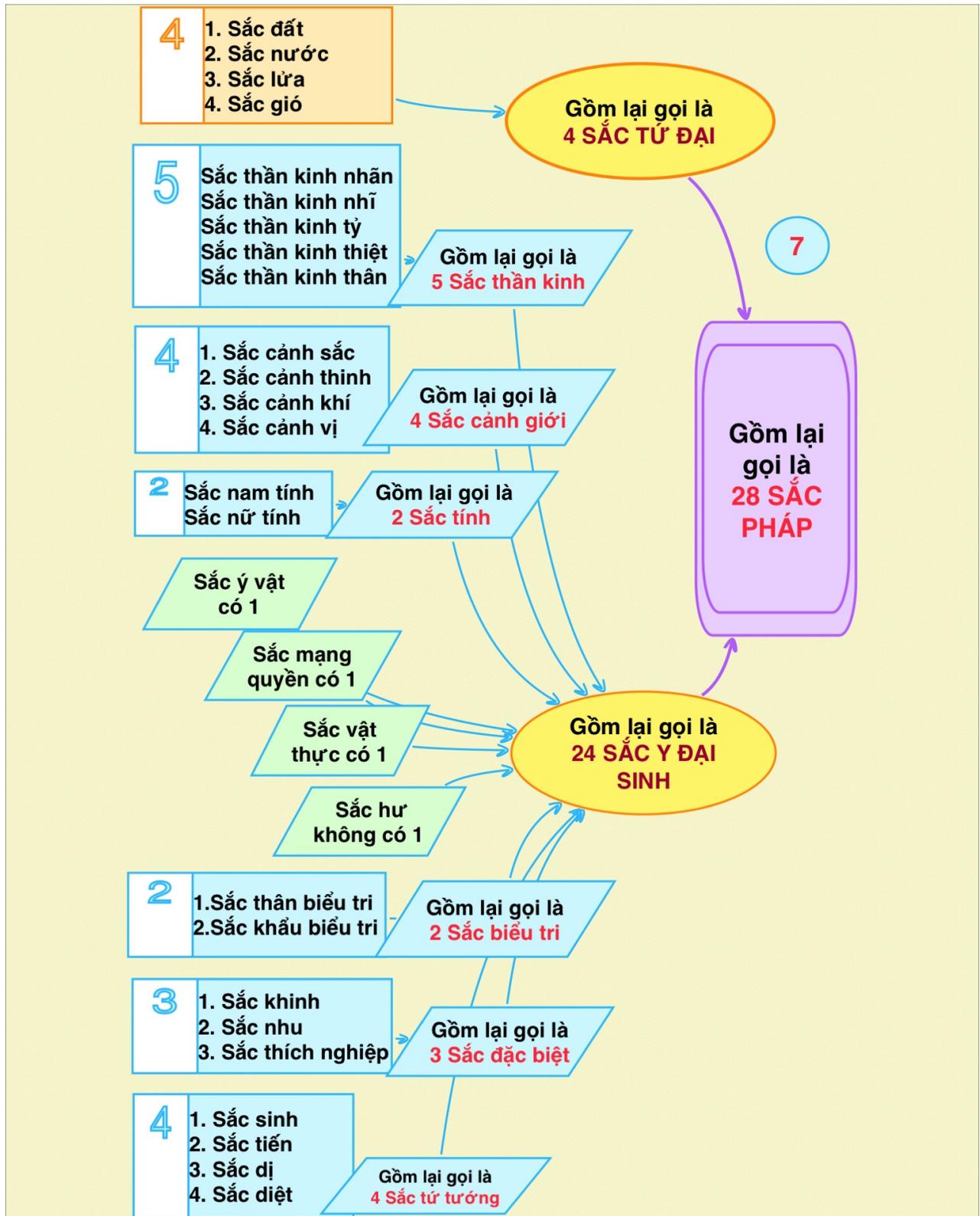


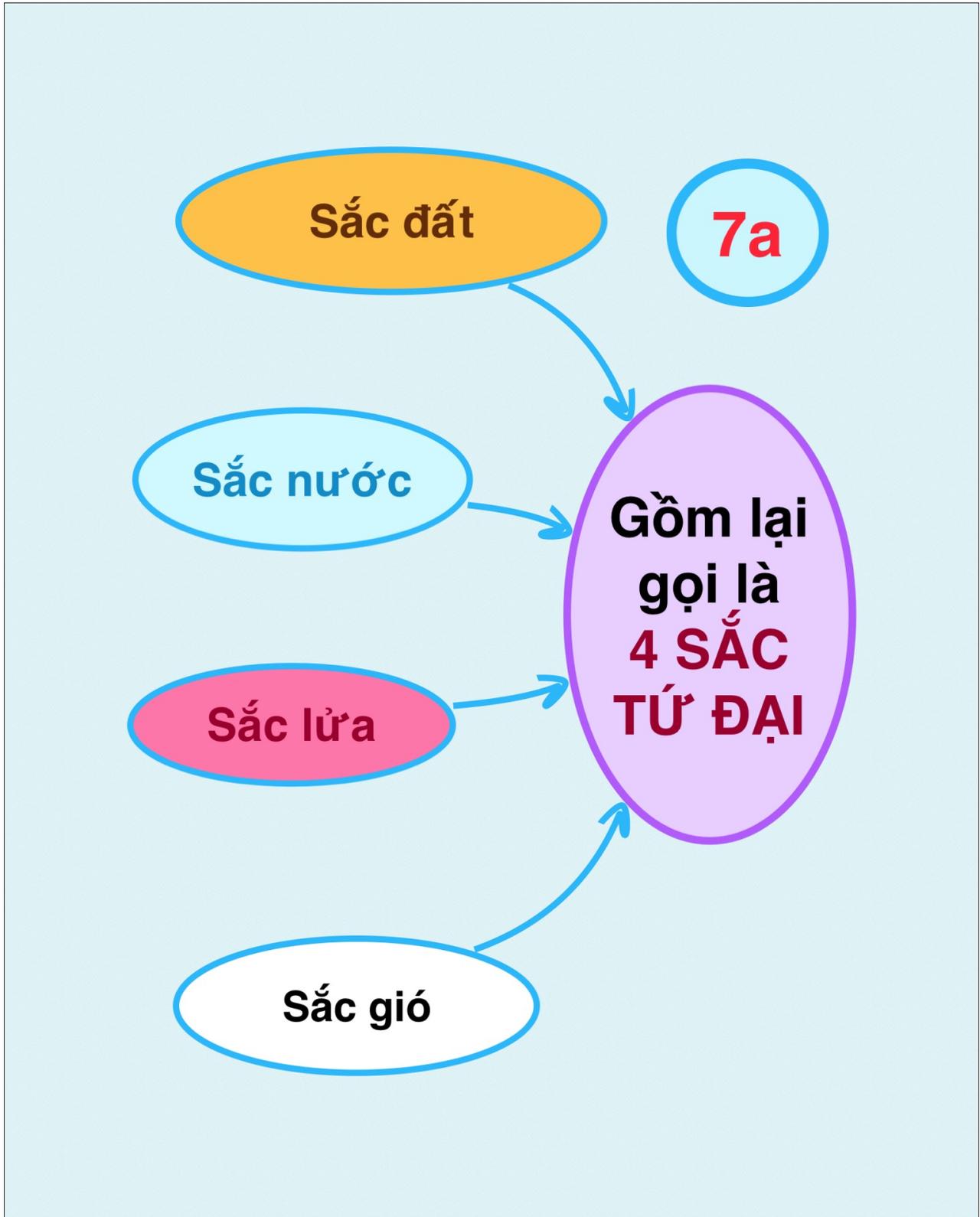


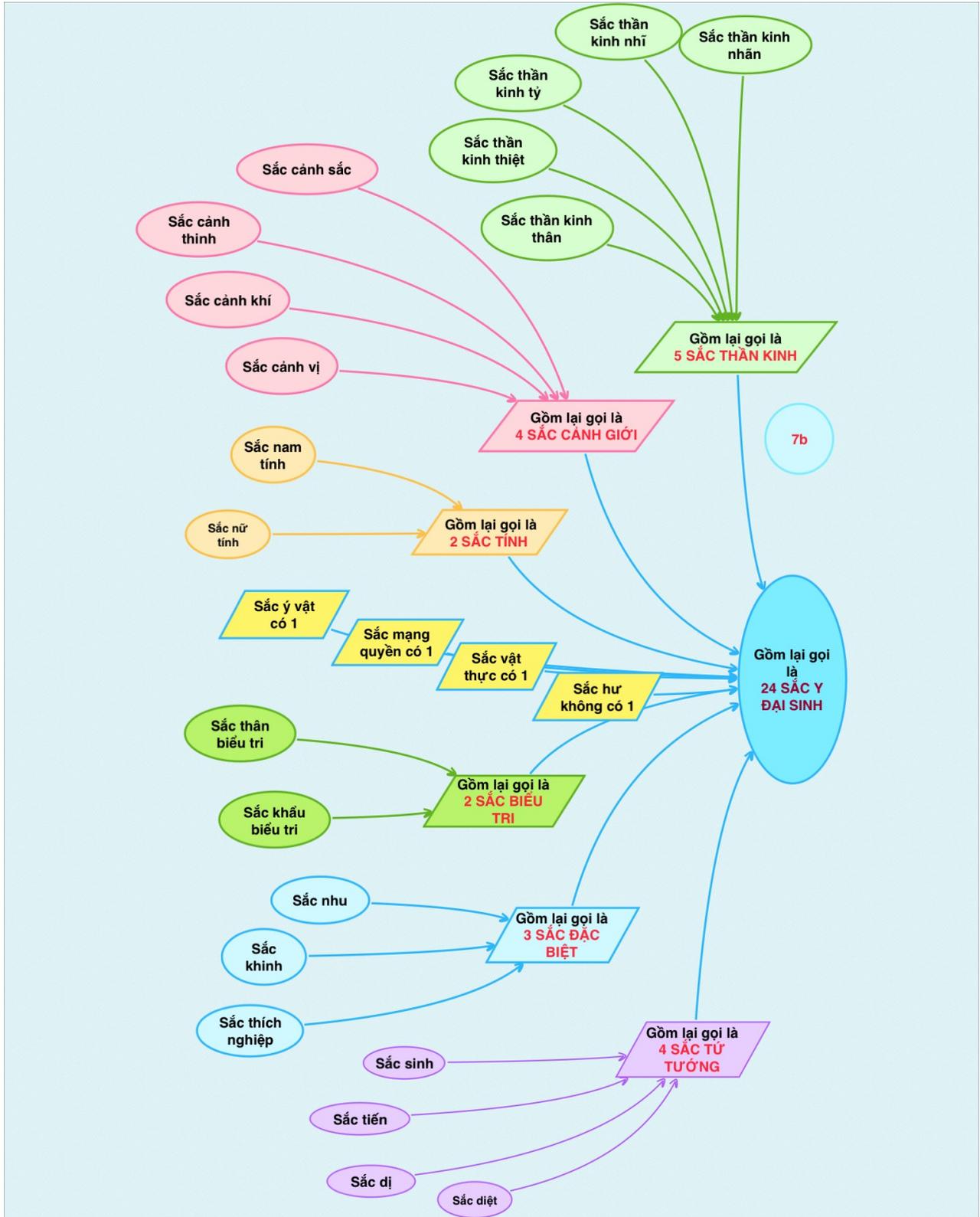










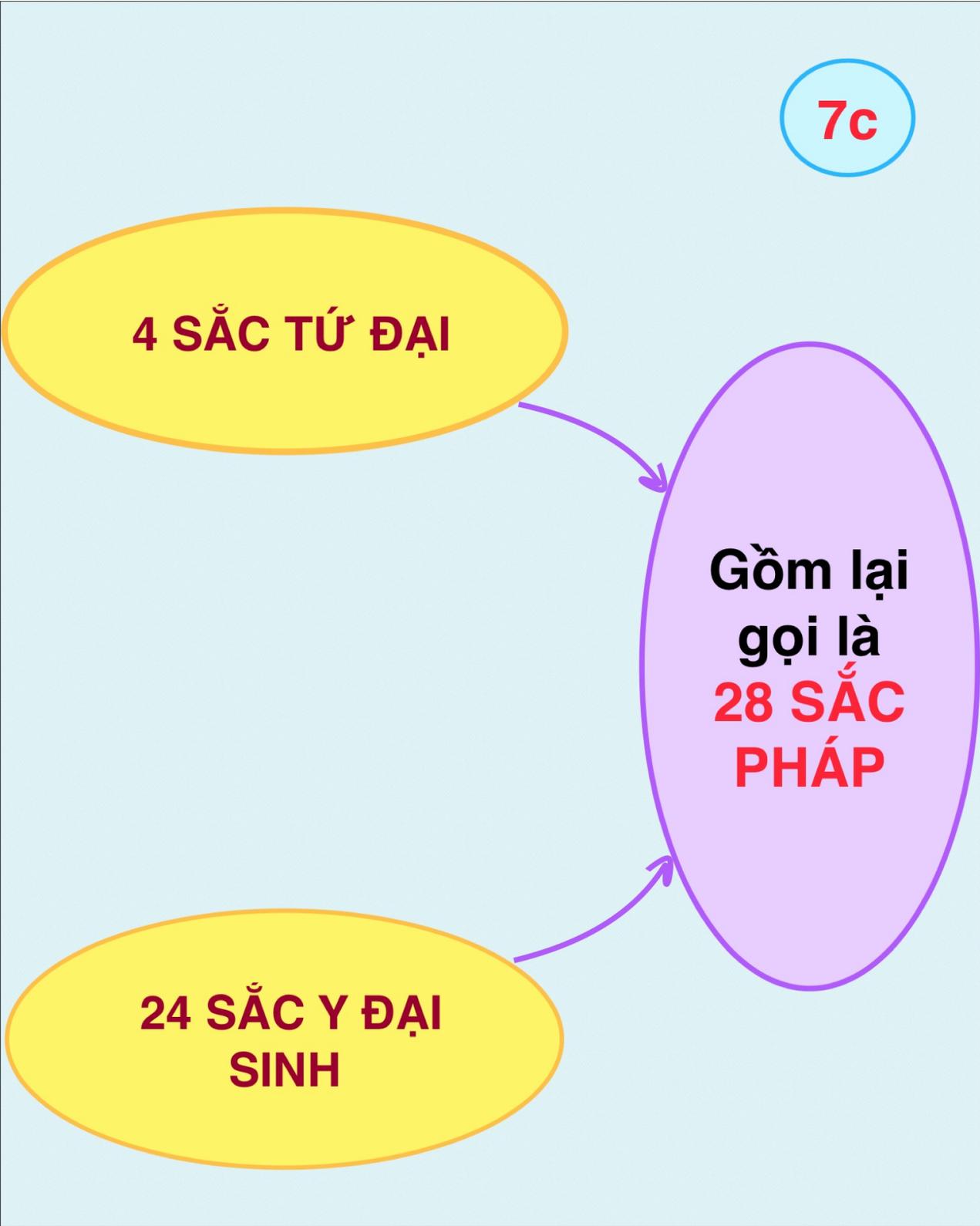


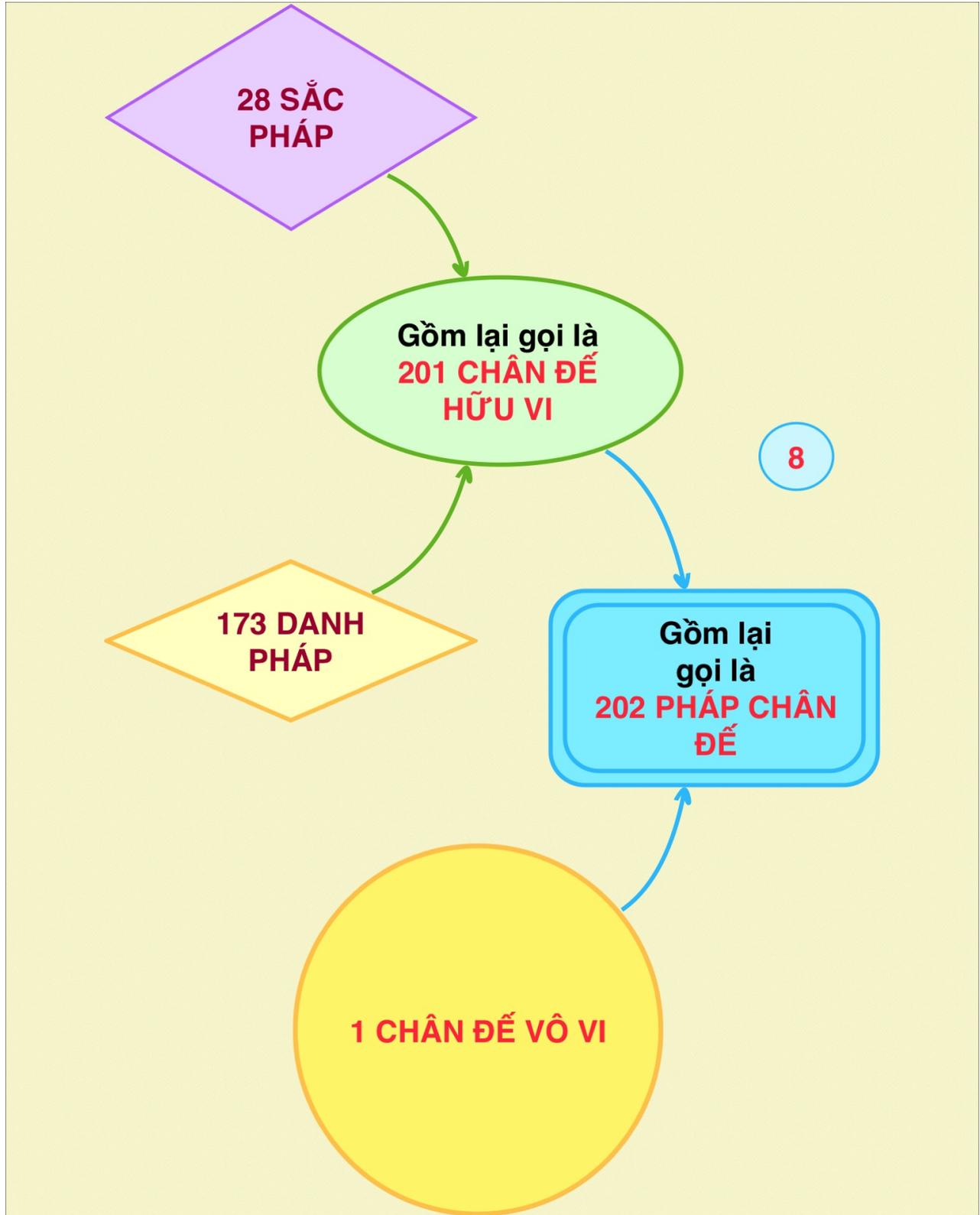
7c

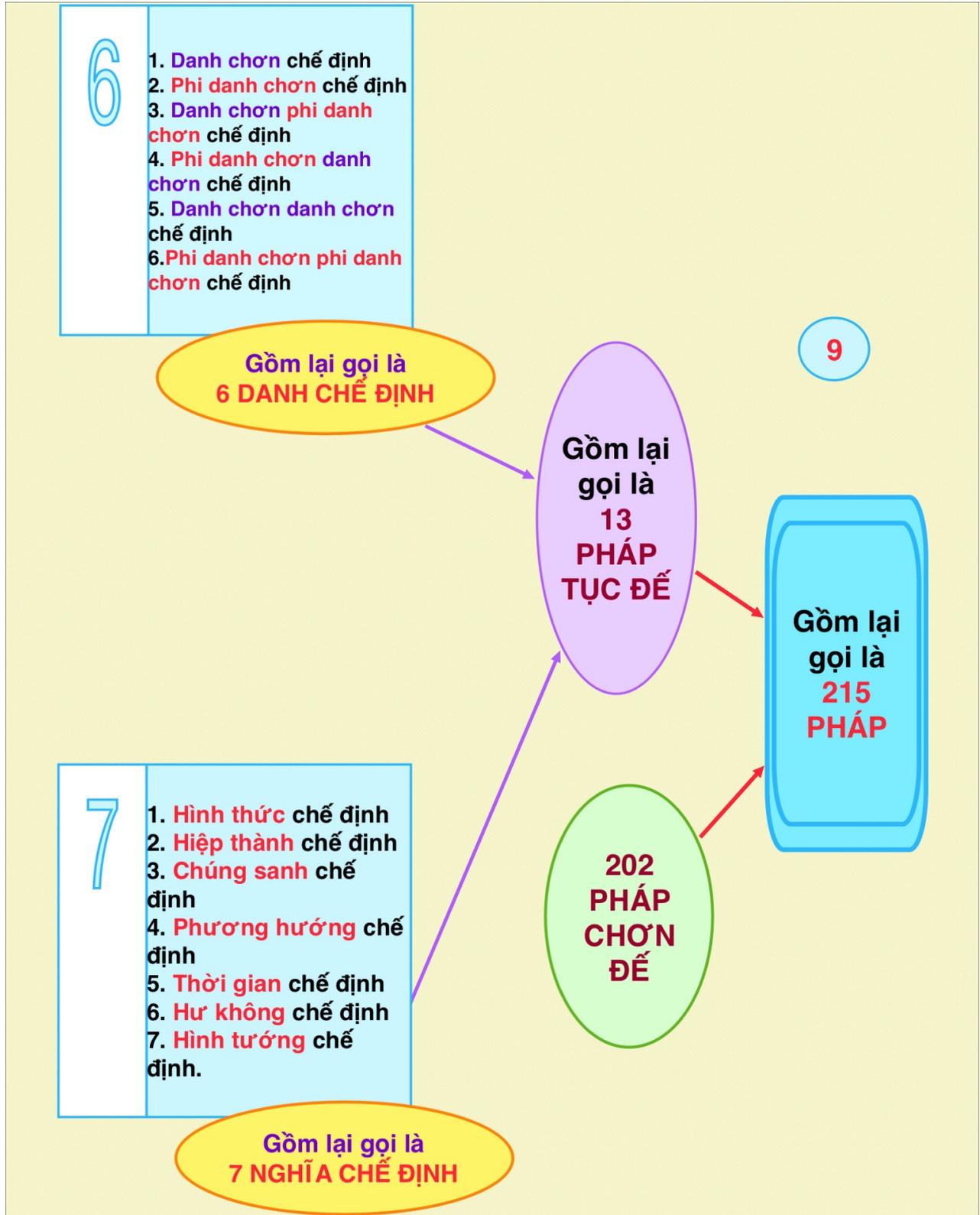
4 SẮC TỨ ĐẠI

Gồm lại
gọi là
28 SẮC
PHÁP

24 SẮC Y ĐẠI
SINH



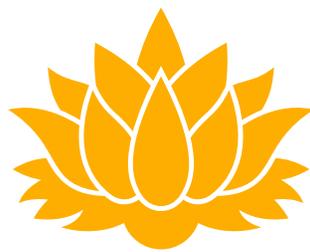


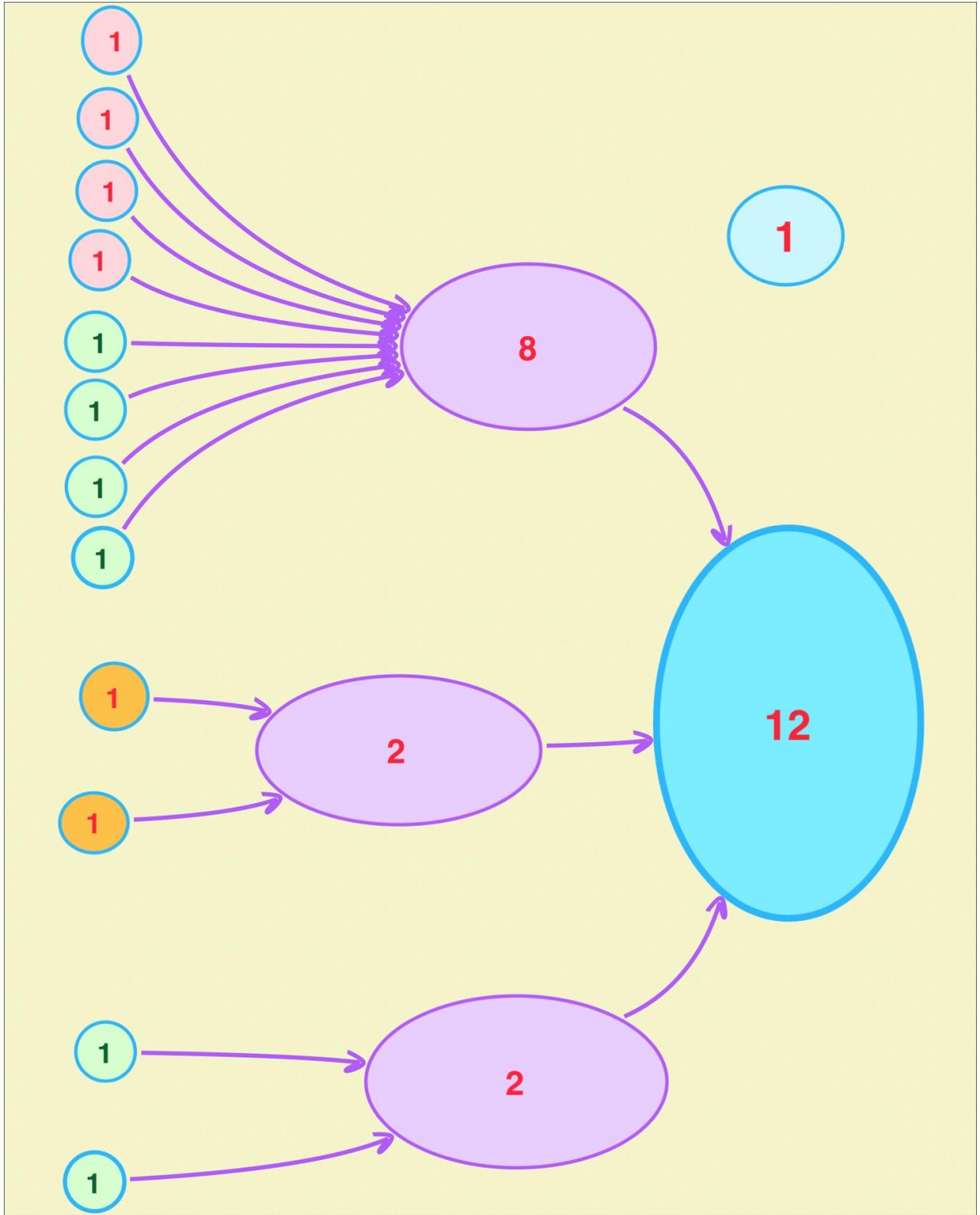


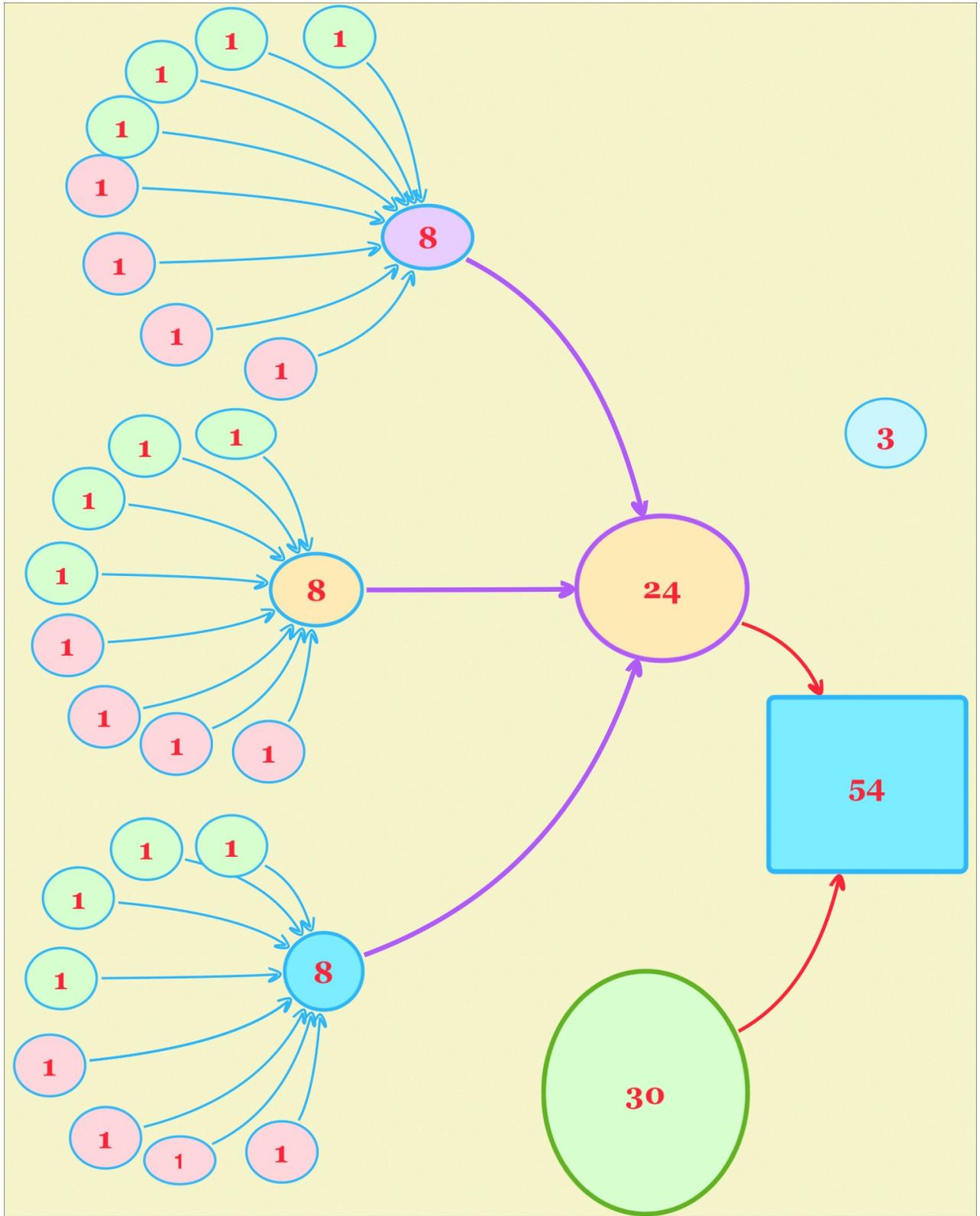
CHƯƠNG VII (BÀI 6)

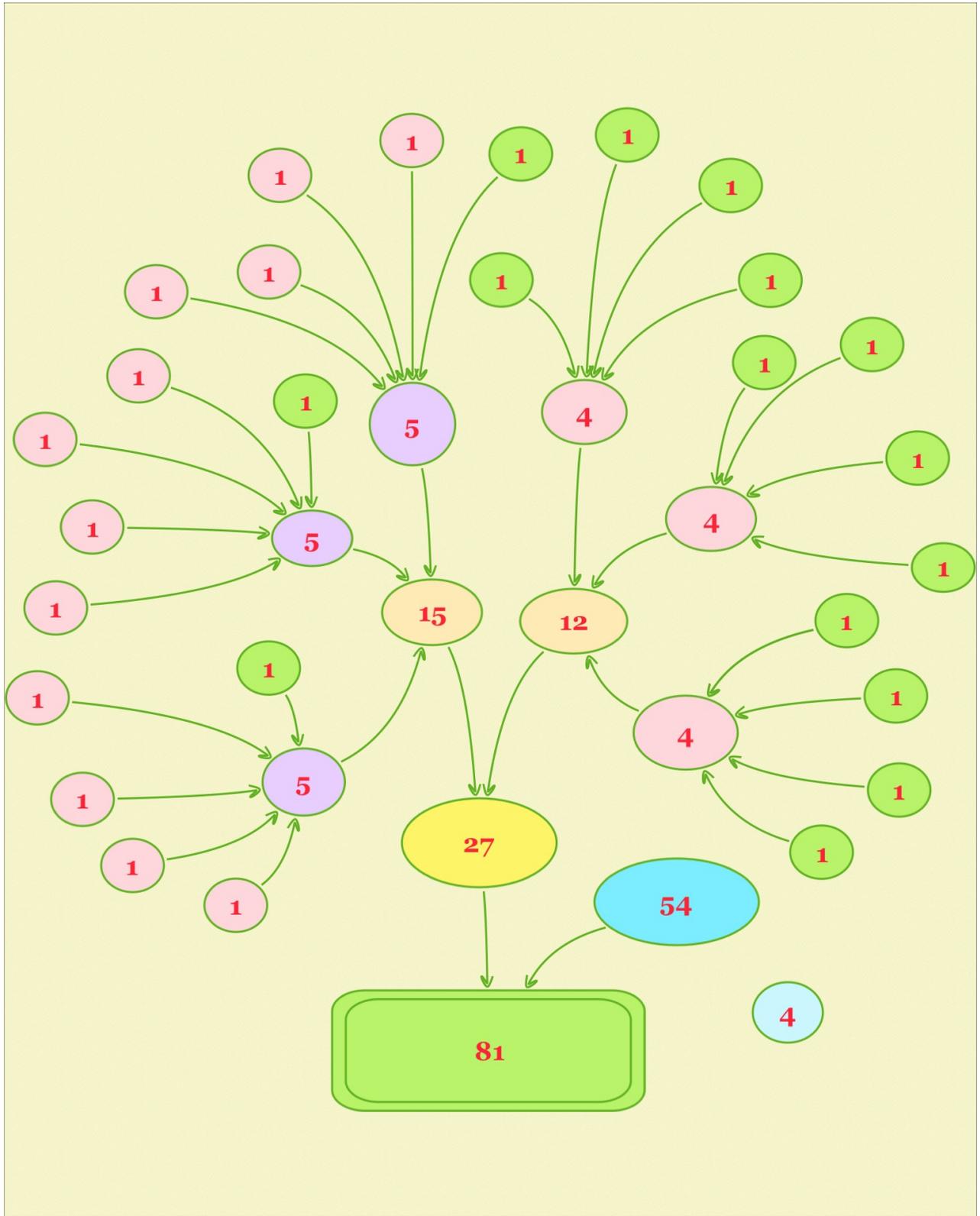


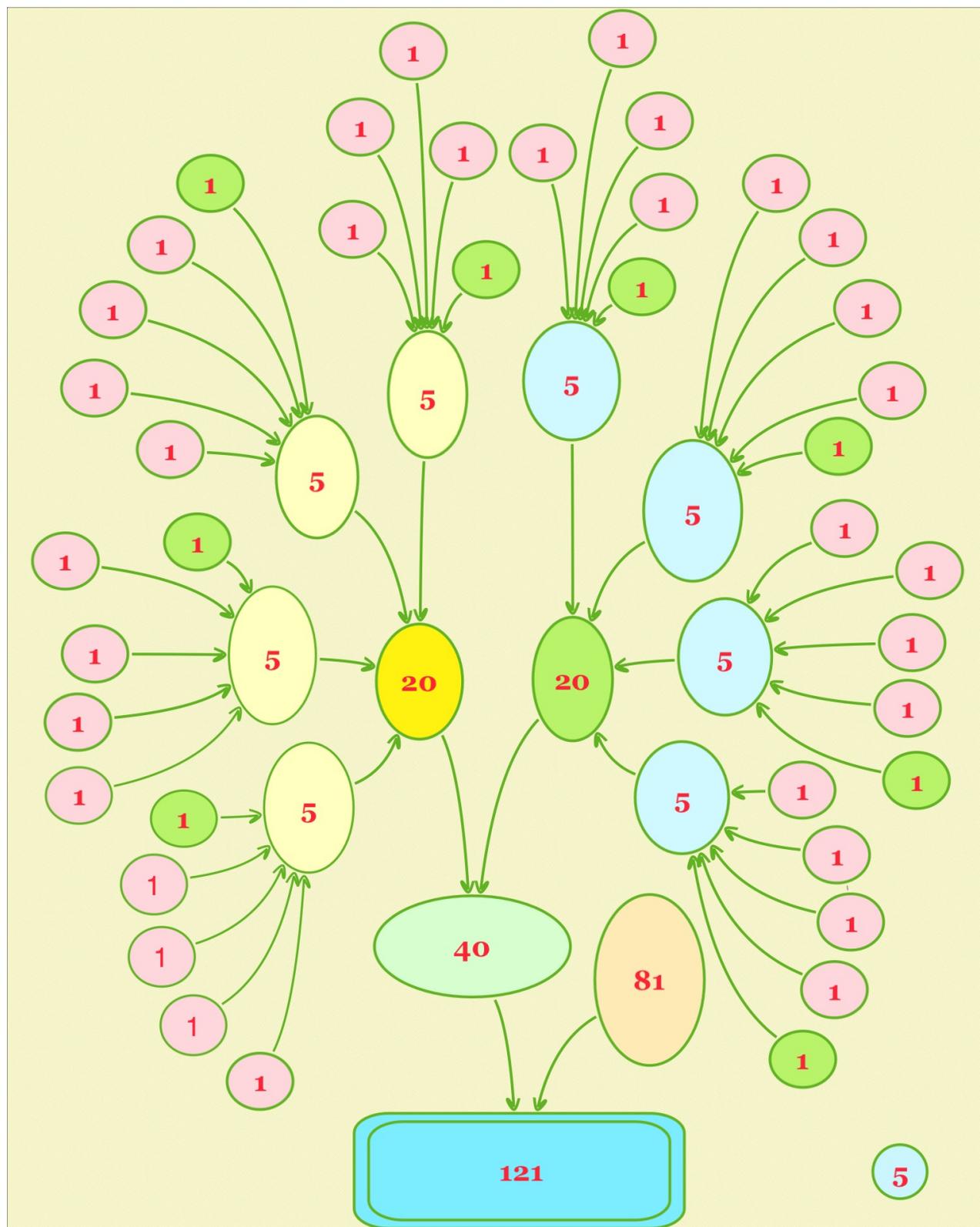
SƠ ĐỒ GỒM PHÁP BẰNG SỐ

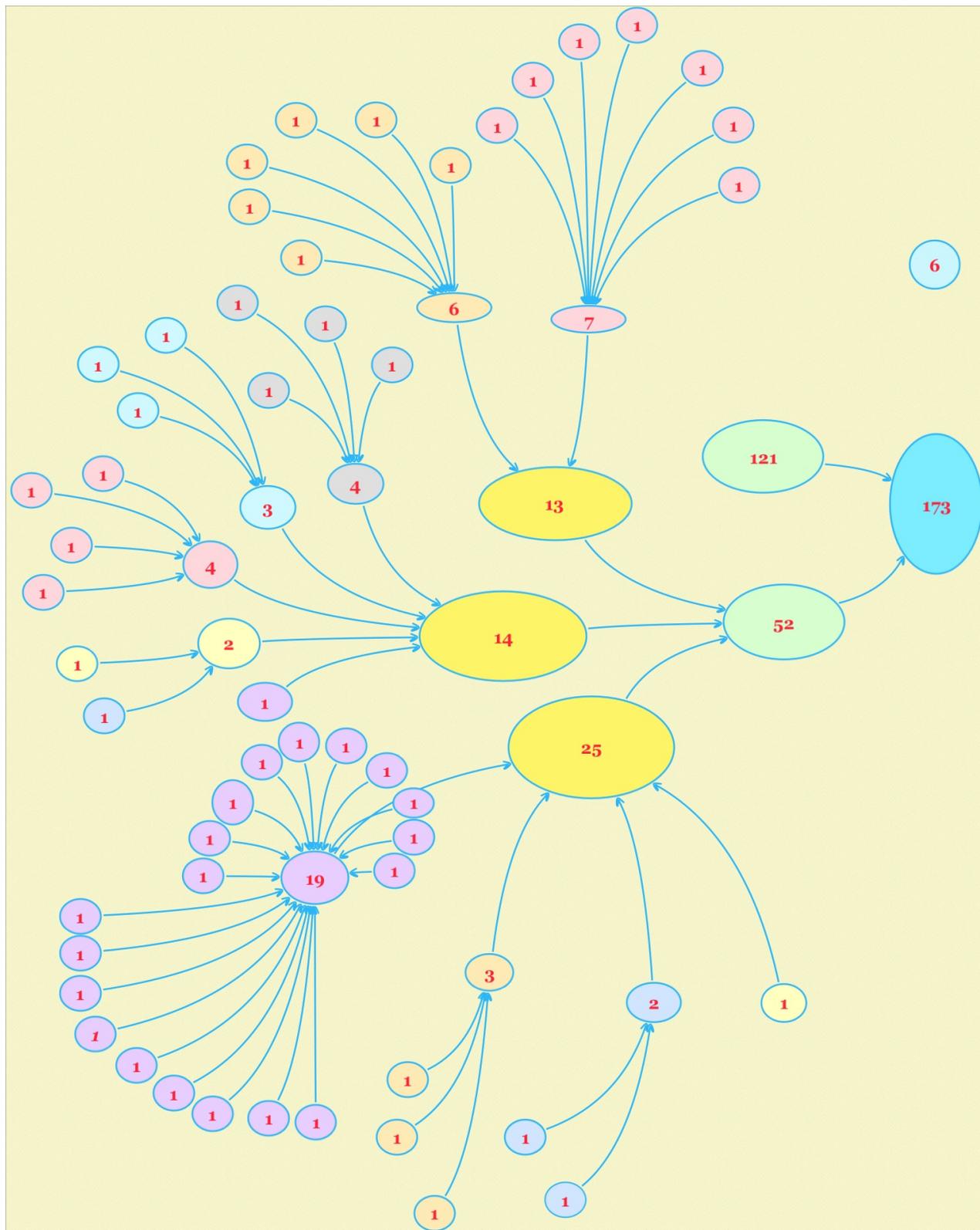


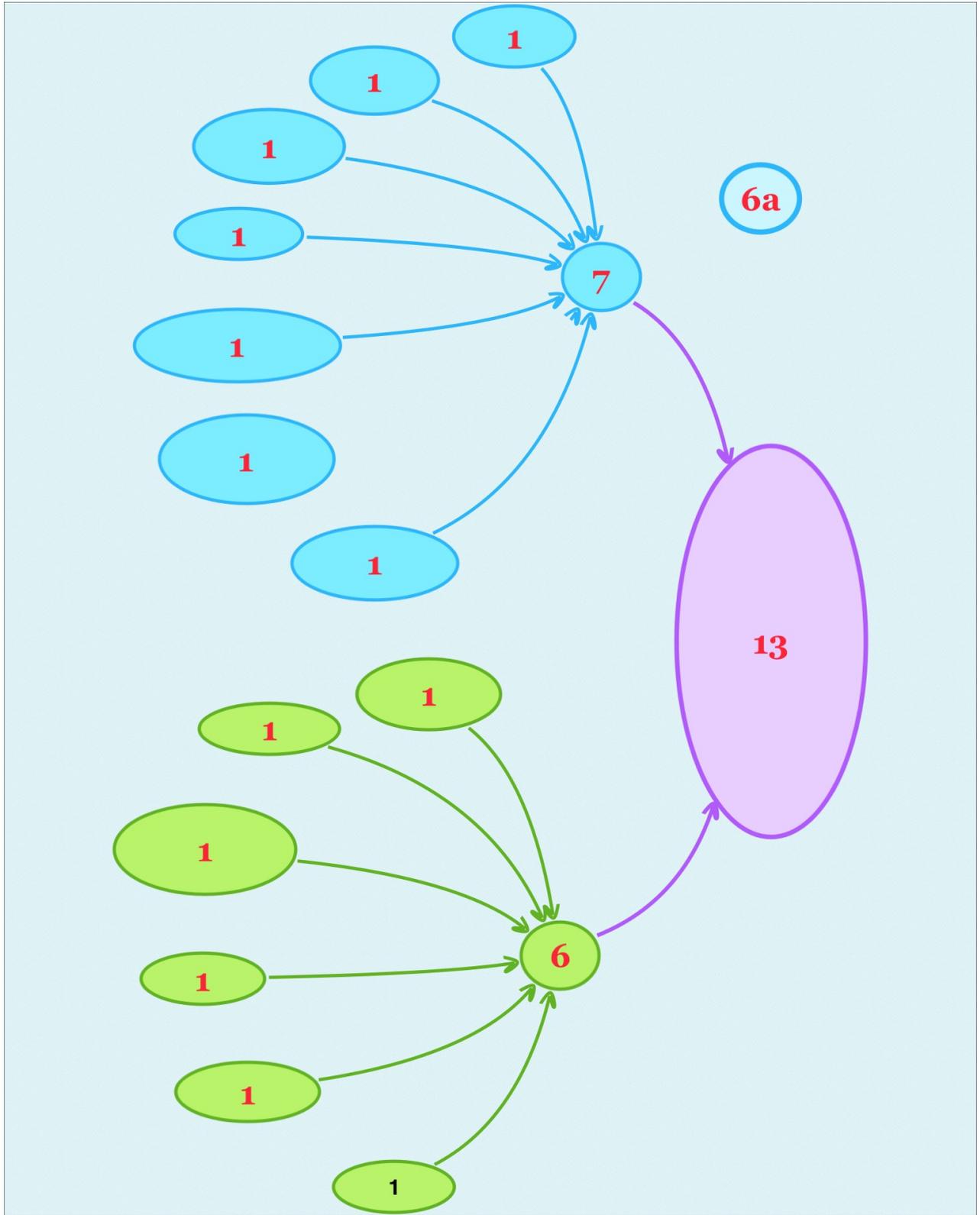


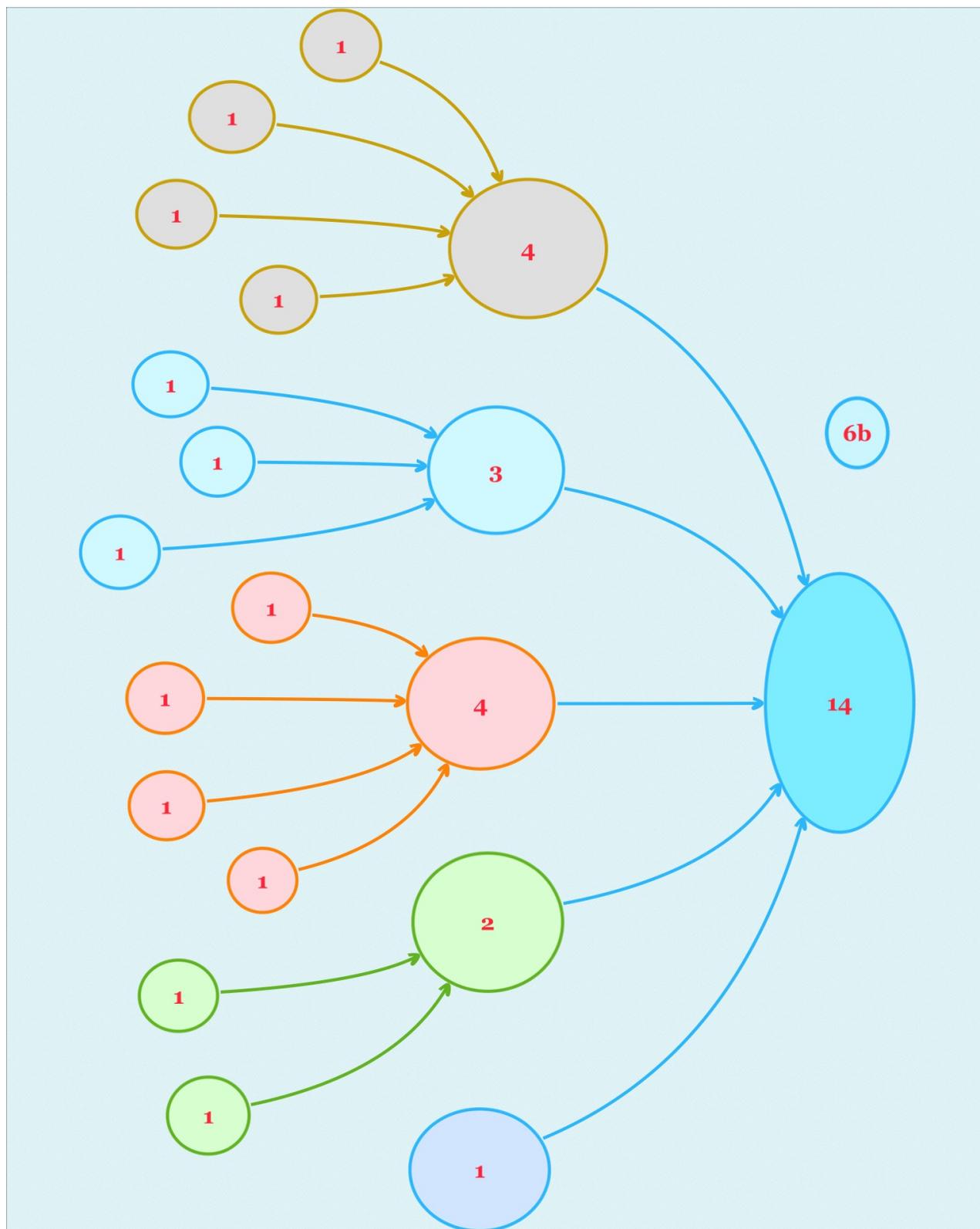


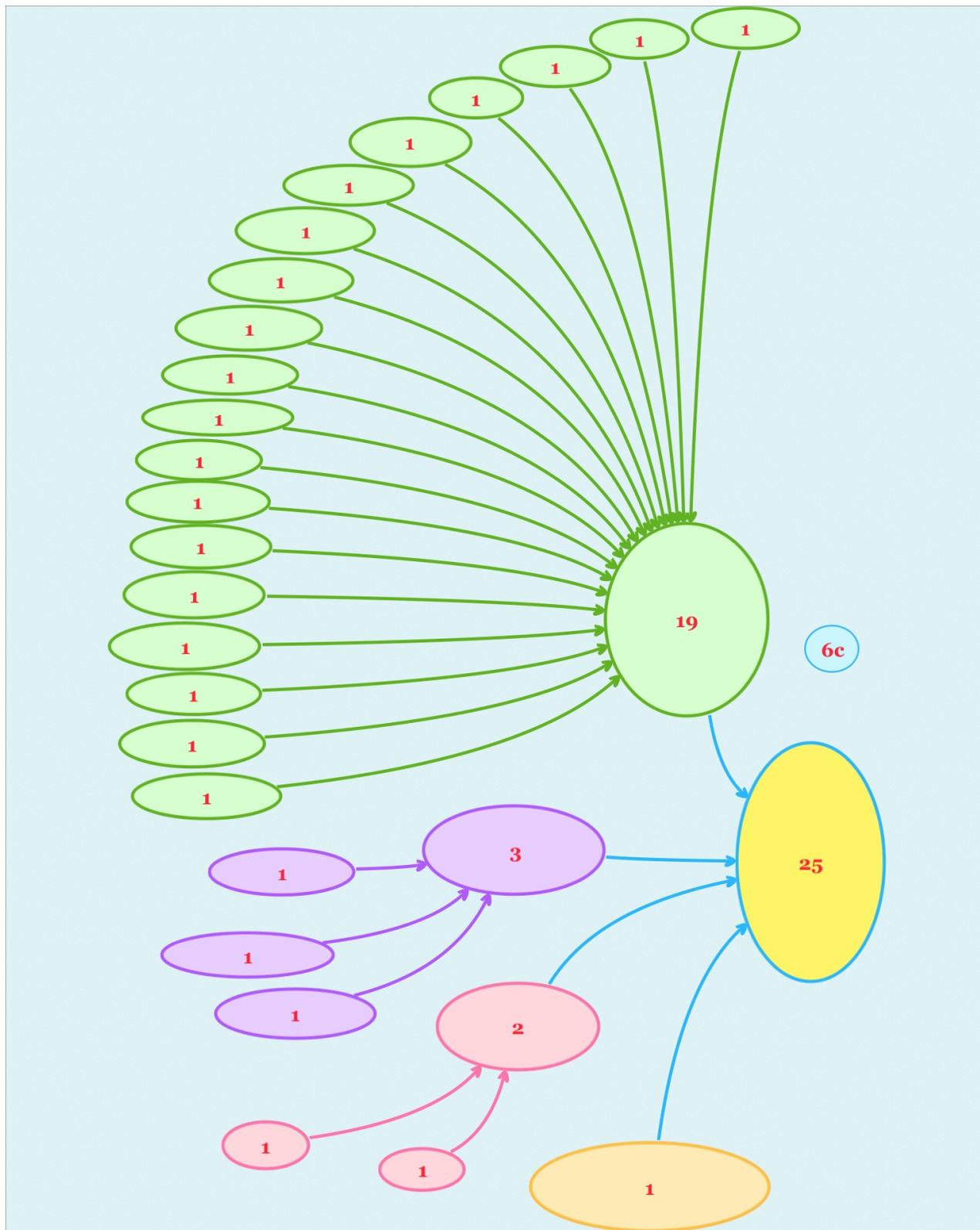


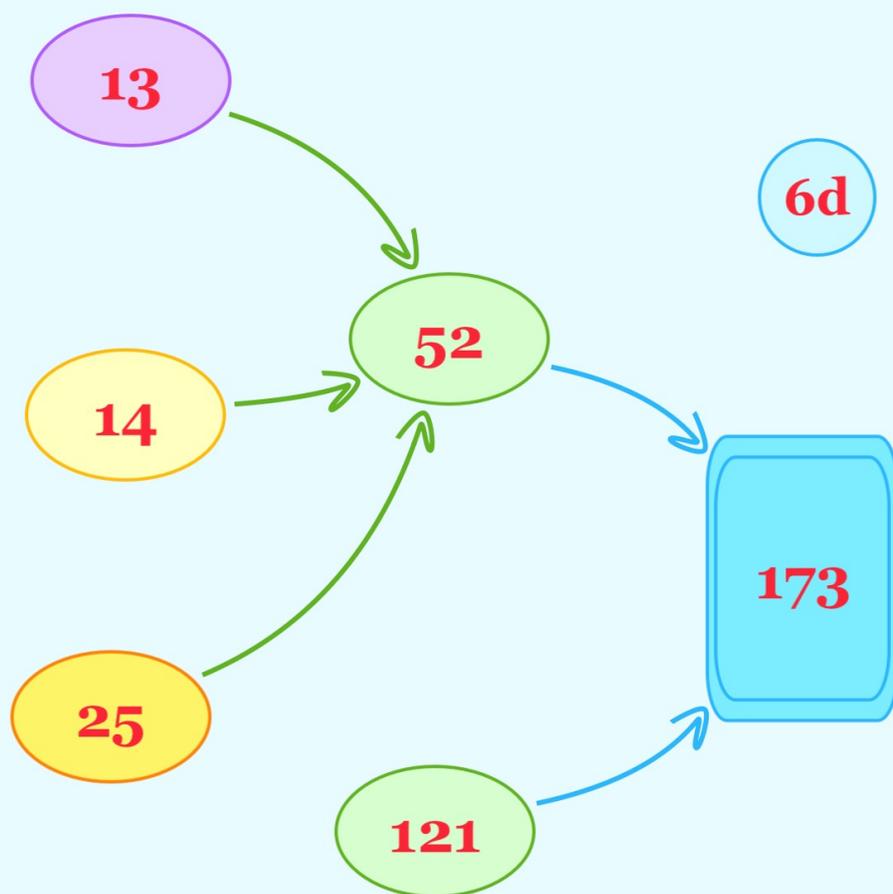


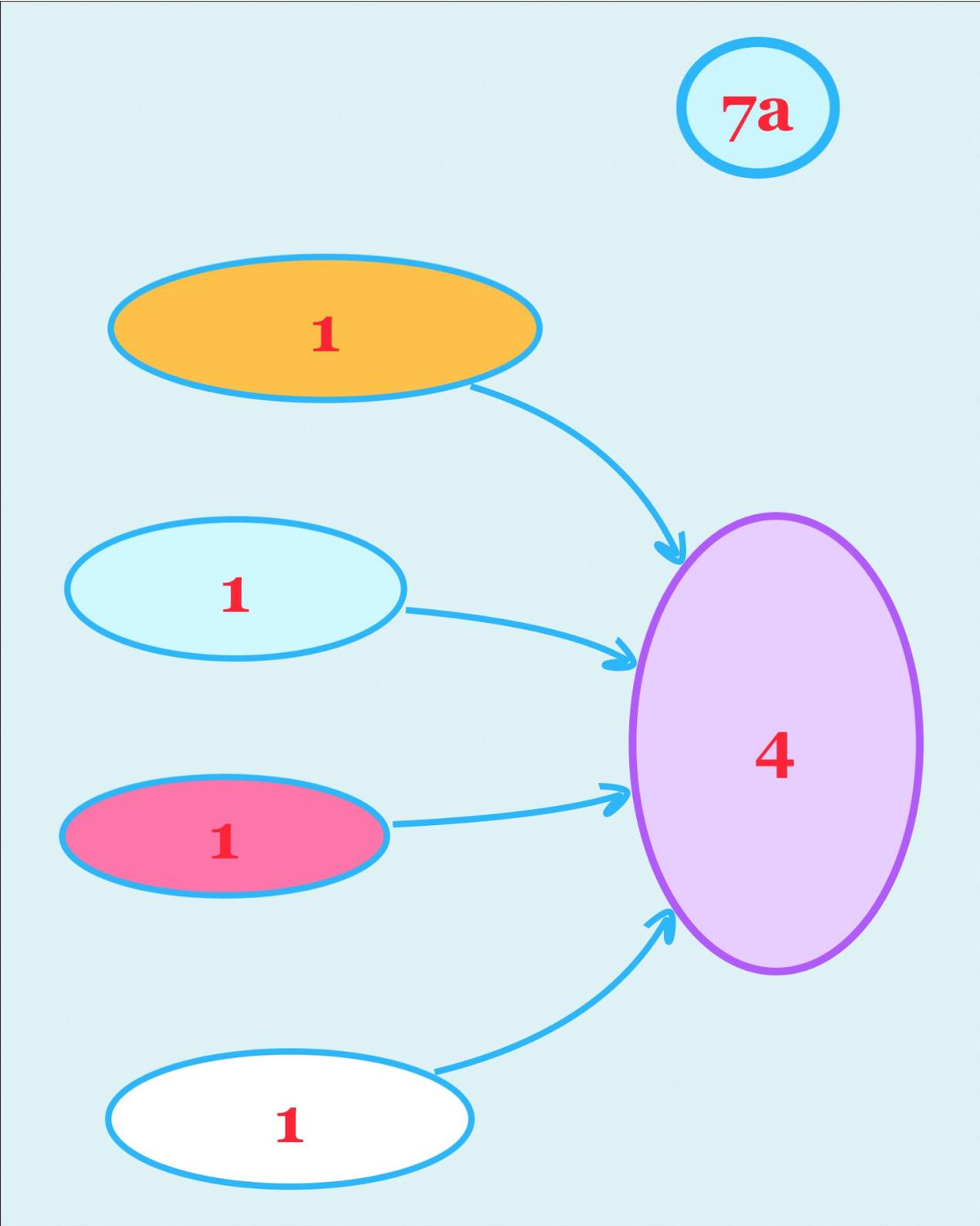


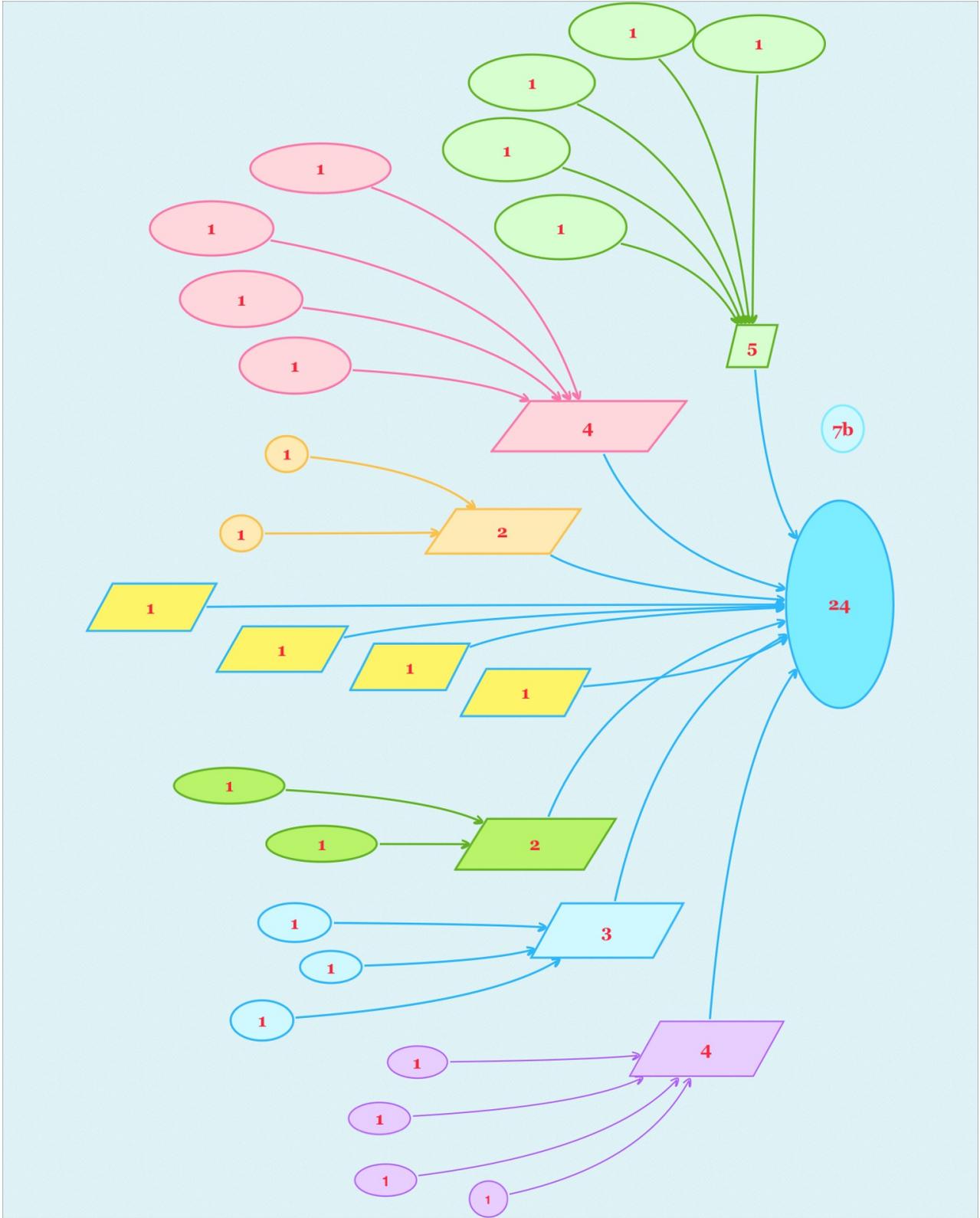


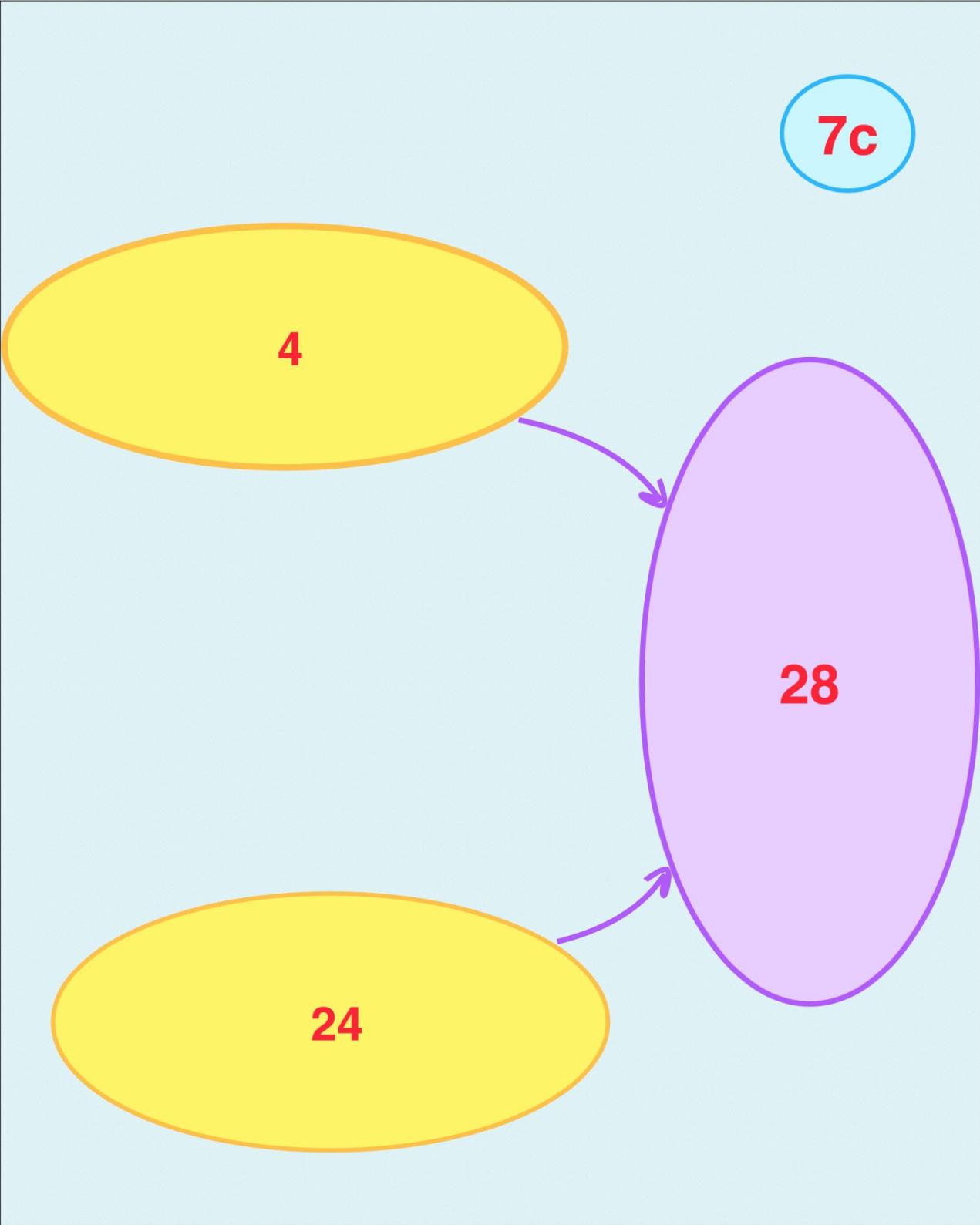


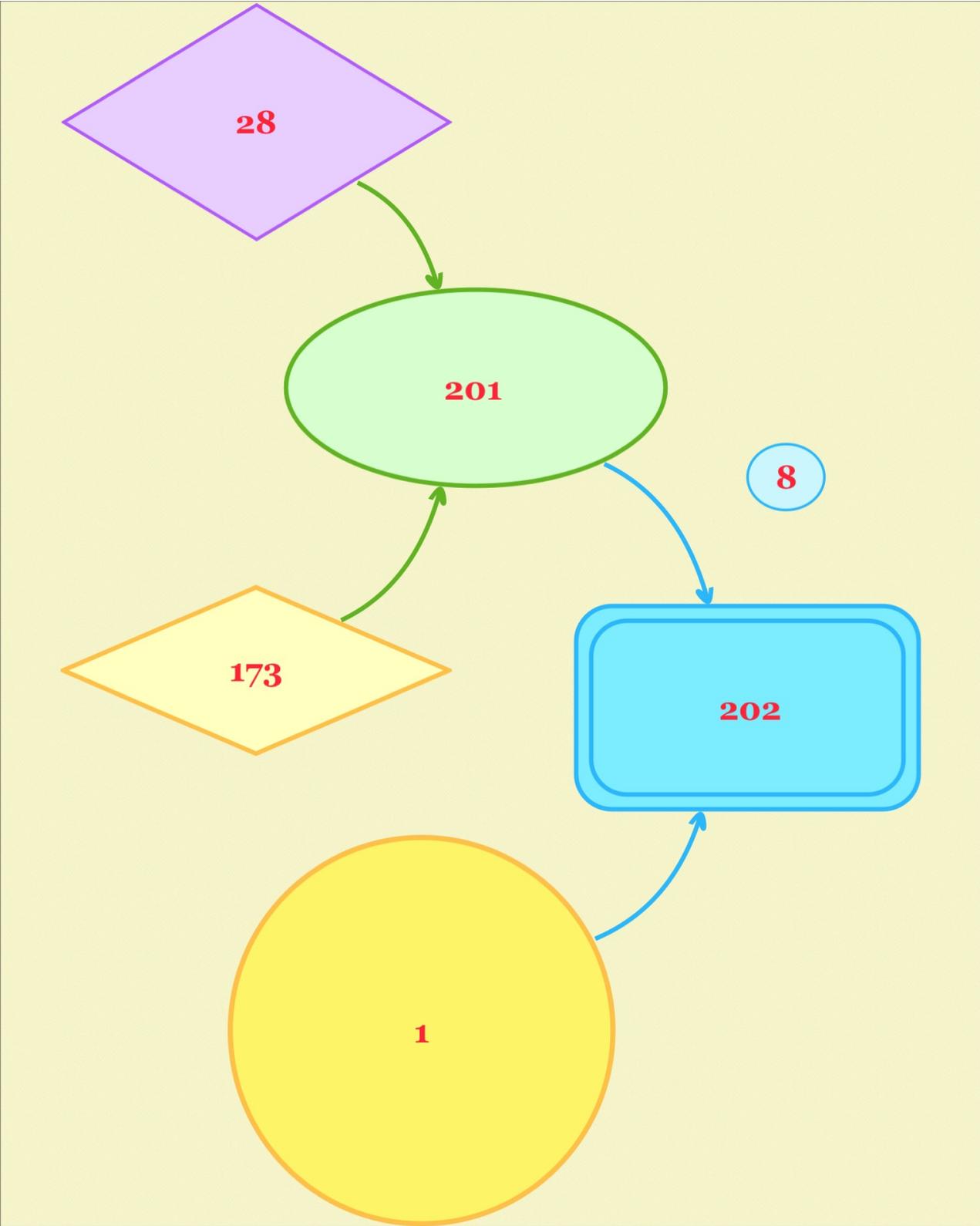


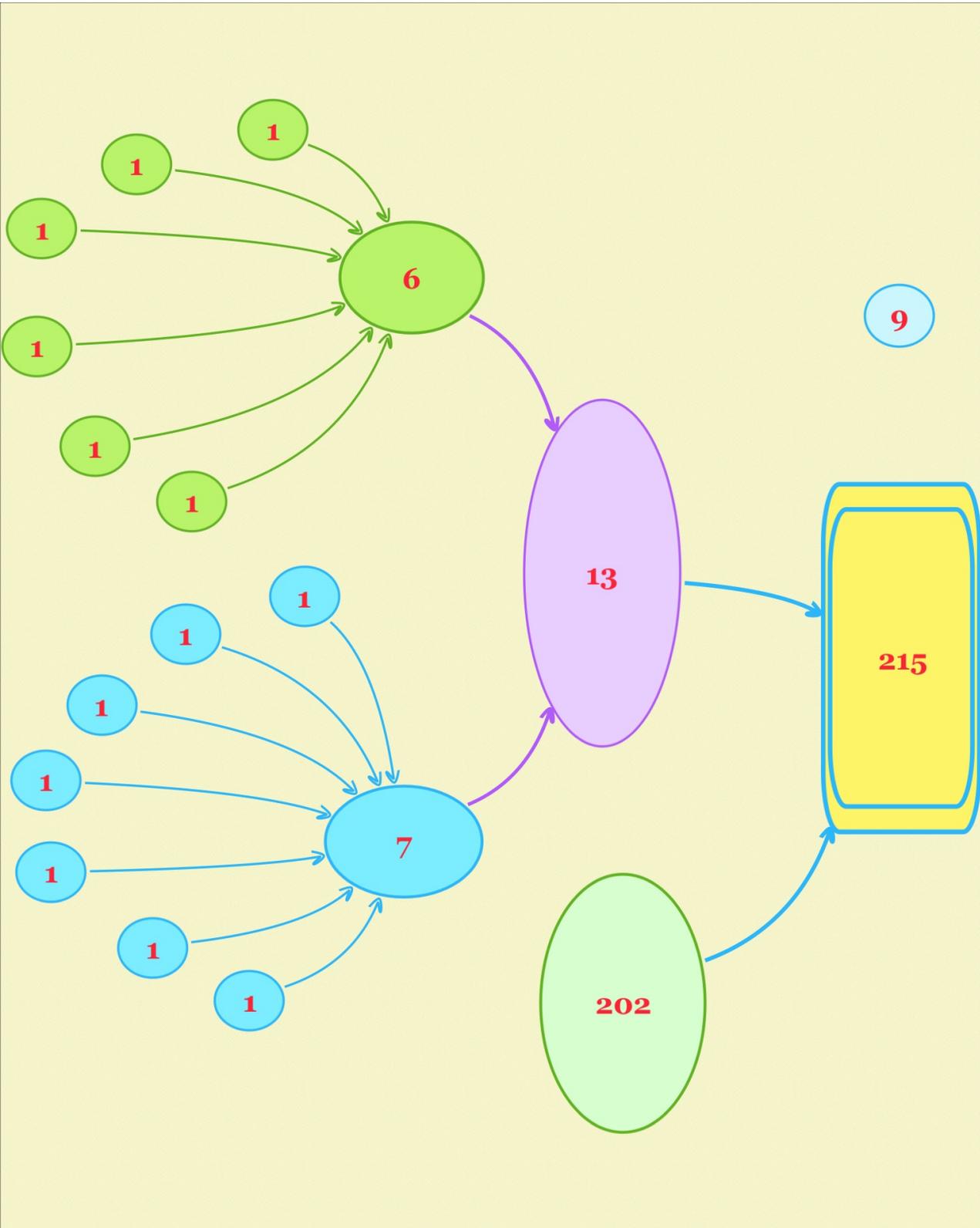










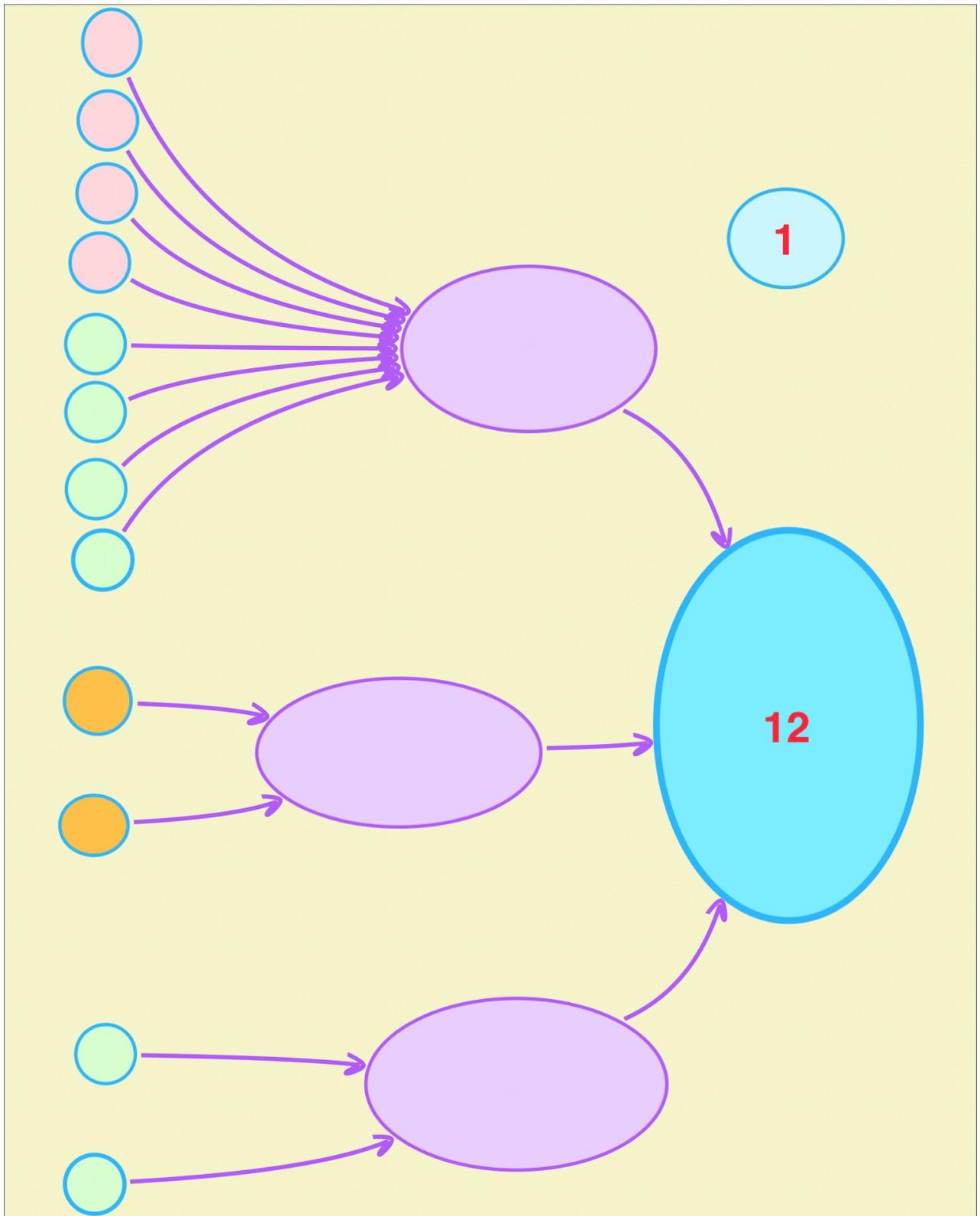


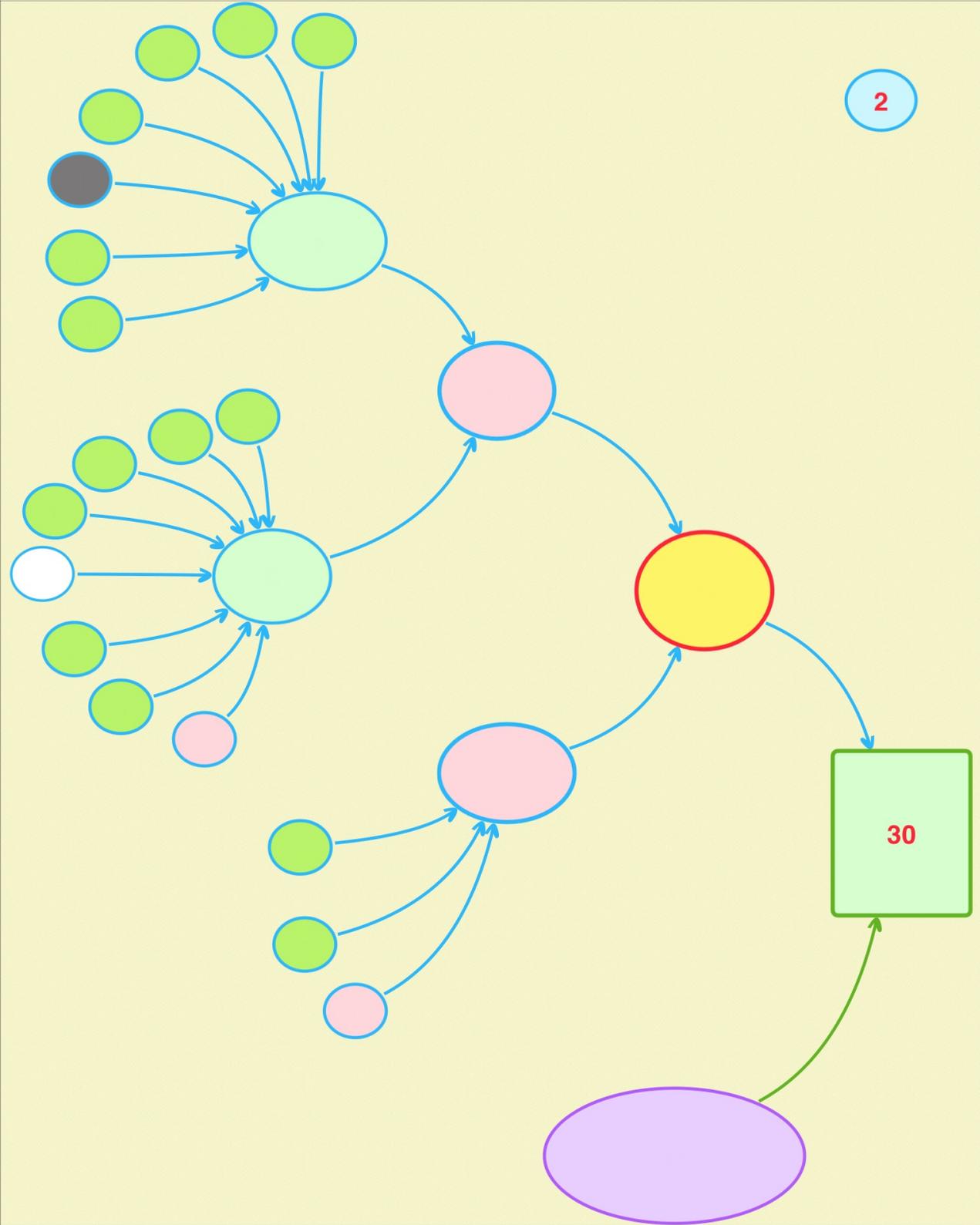
CHƯƠNG VIII

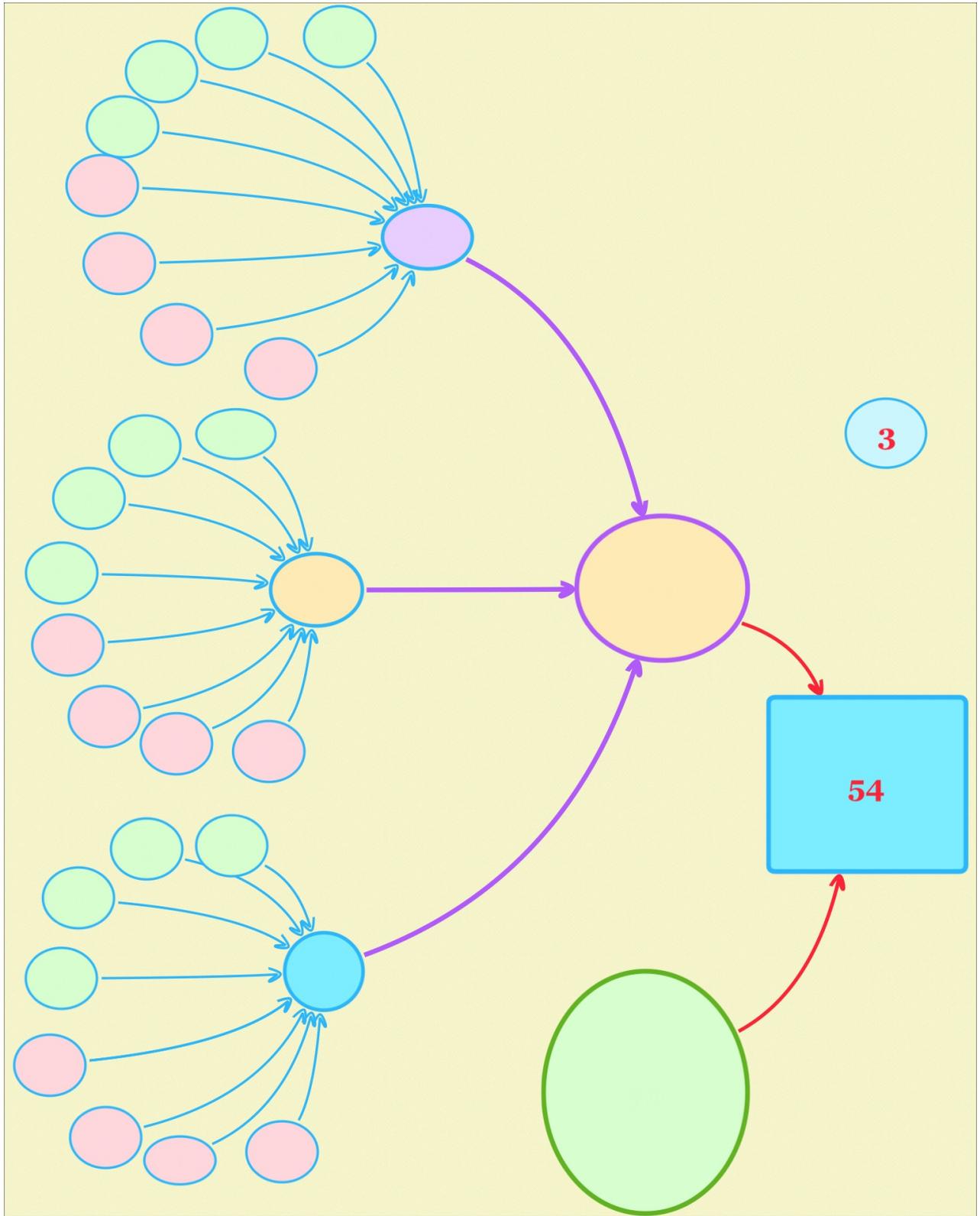


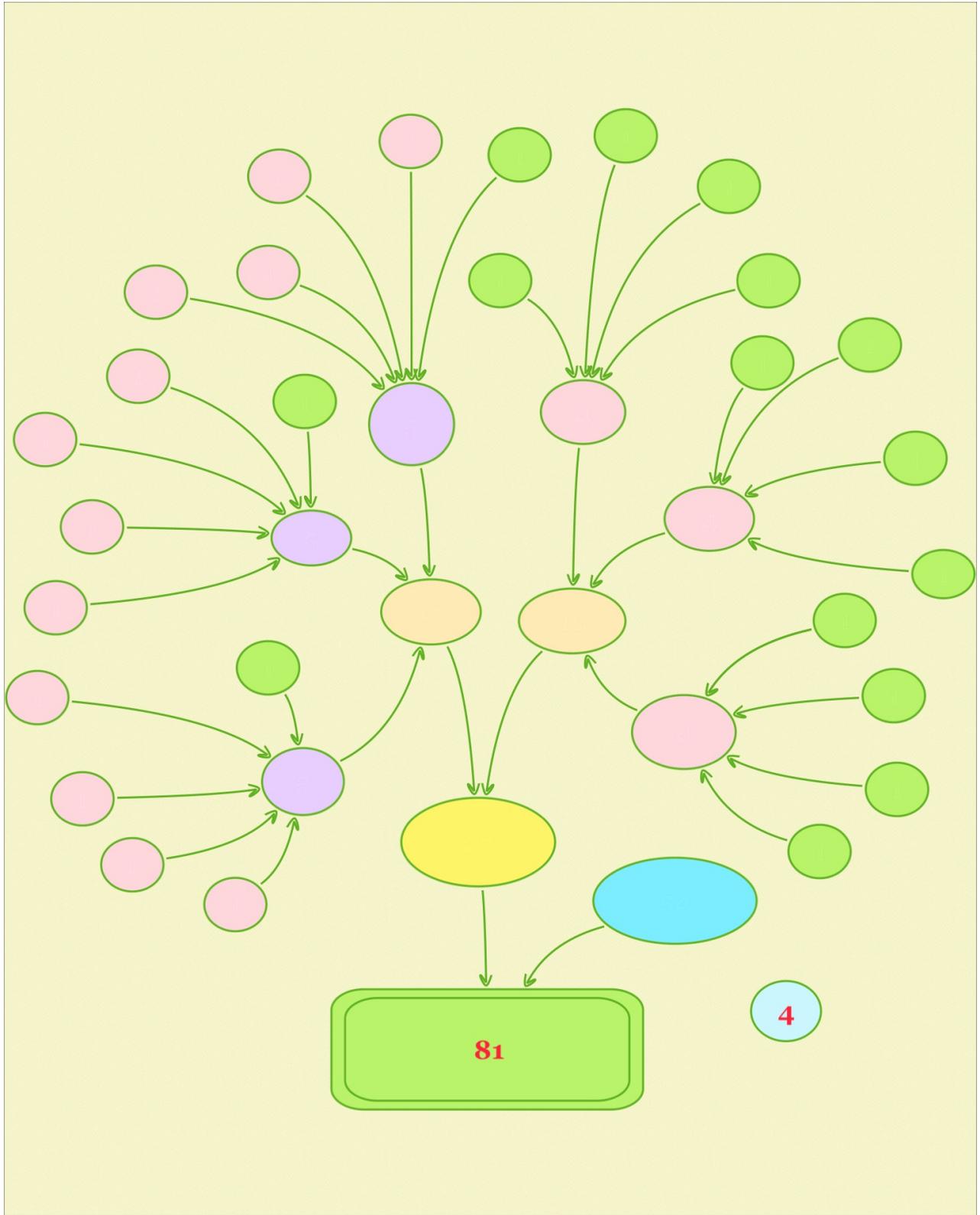
SƠ ĐỒ GỒM PHÁP TRỒNG

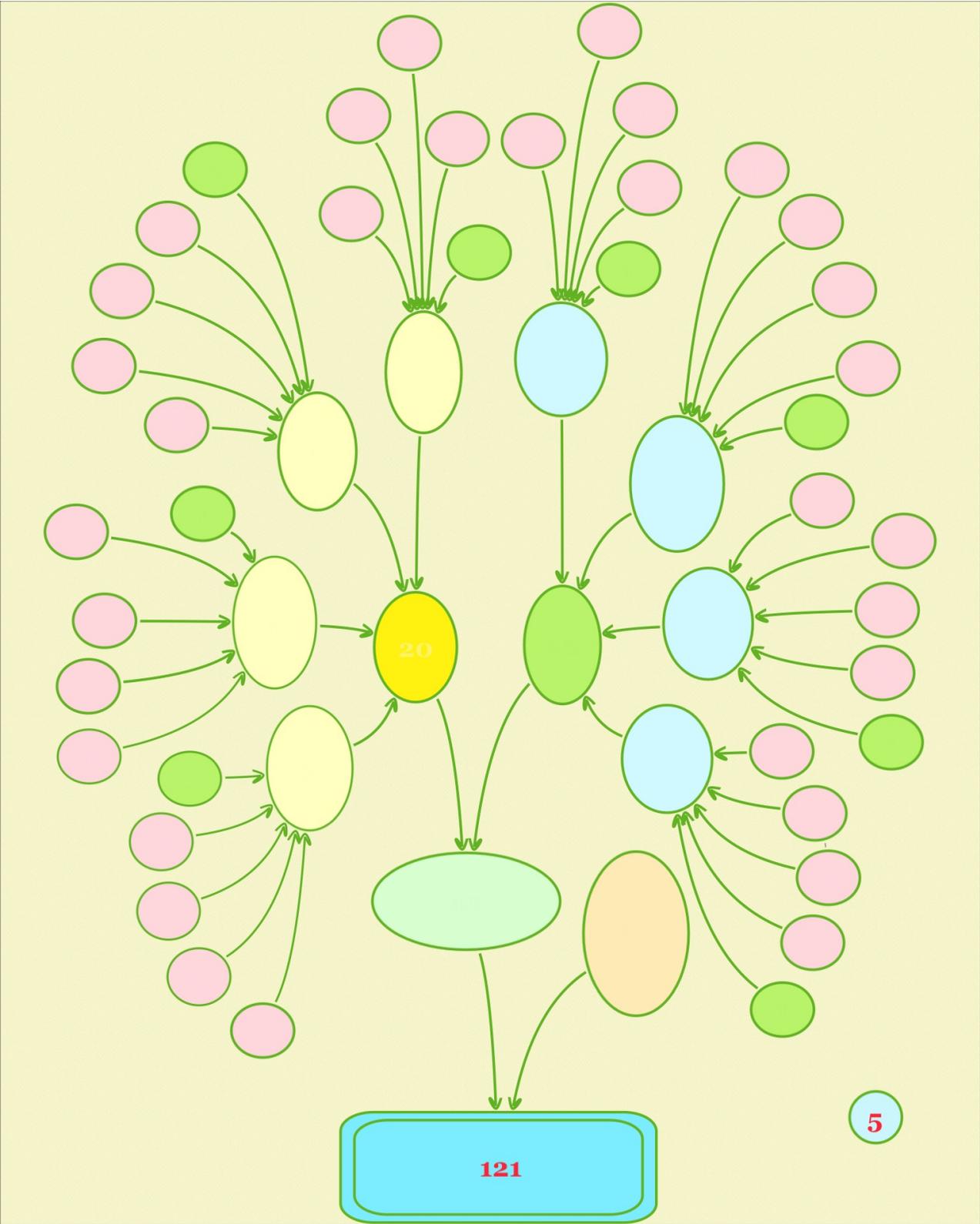


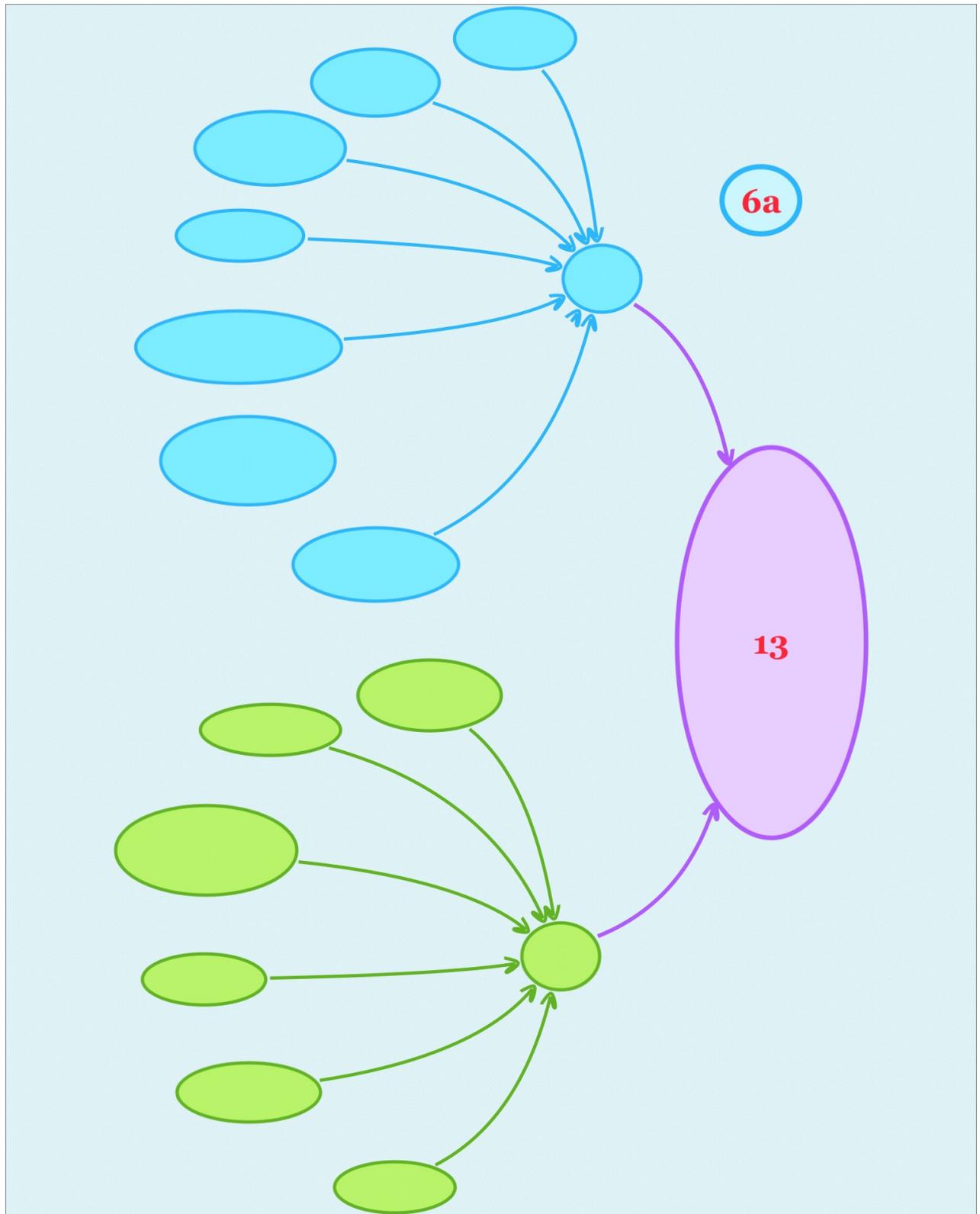


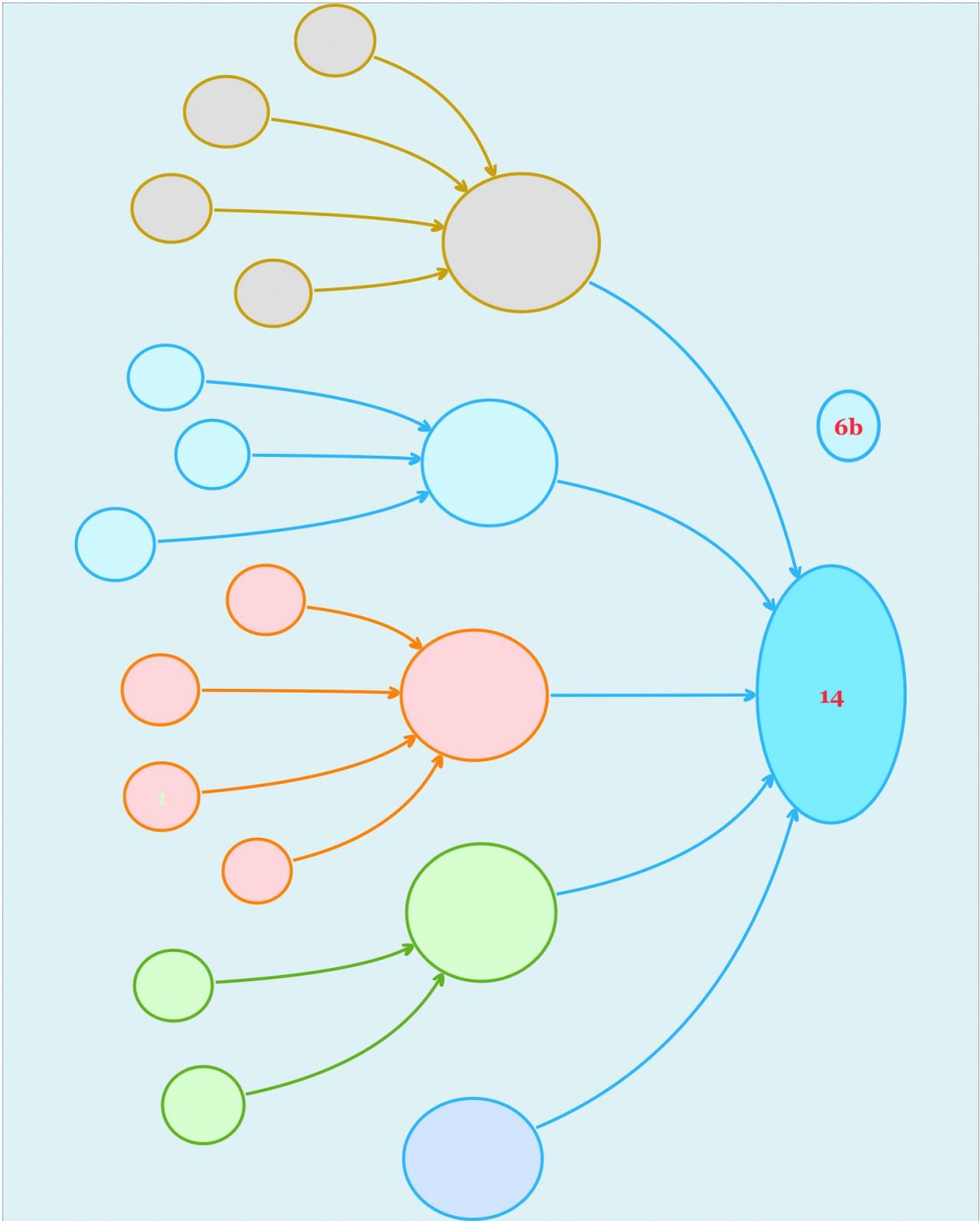


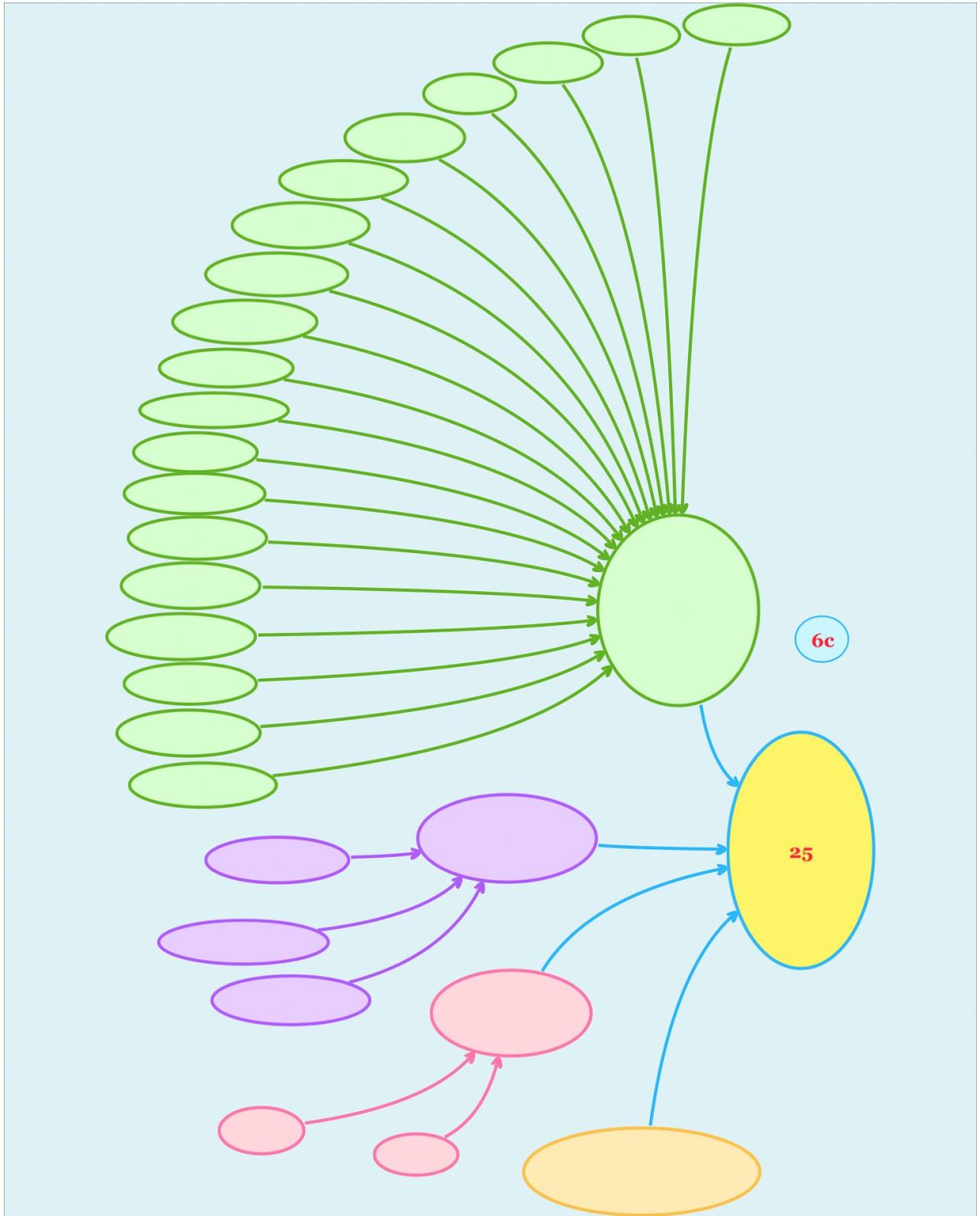


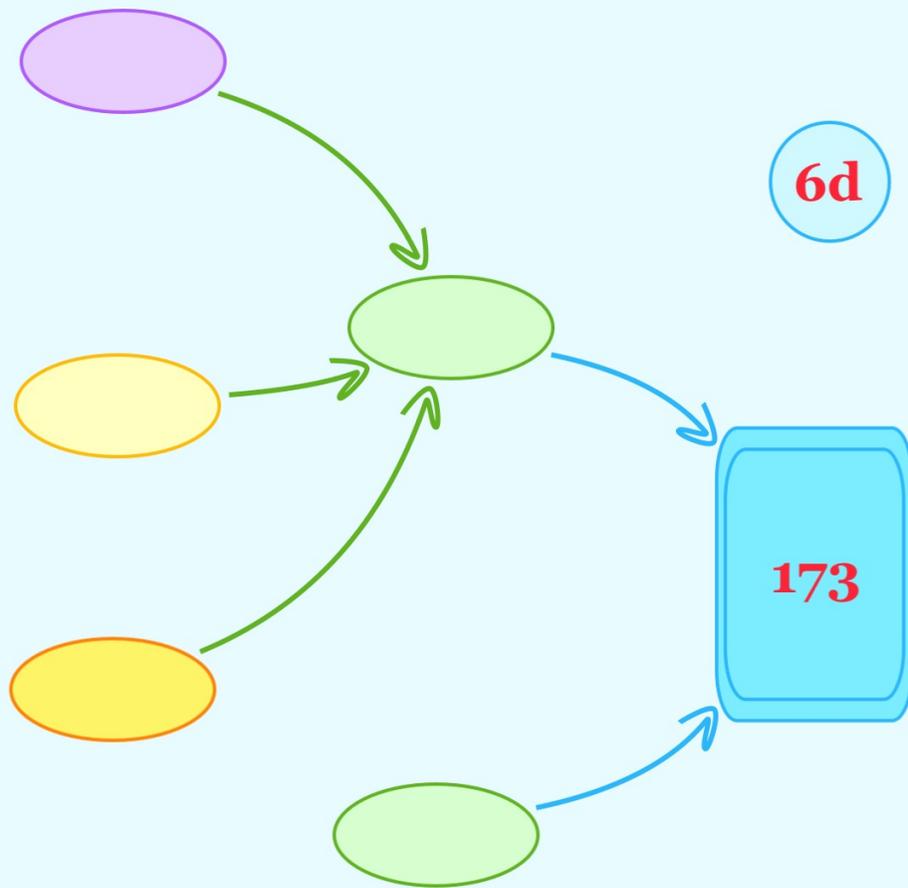


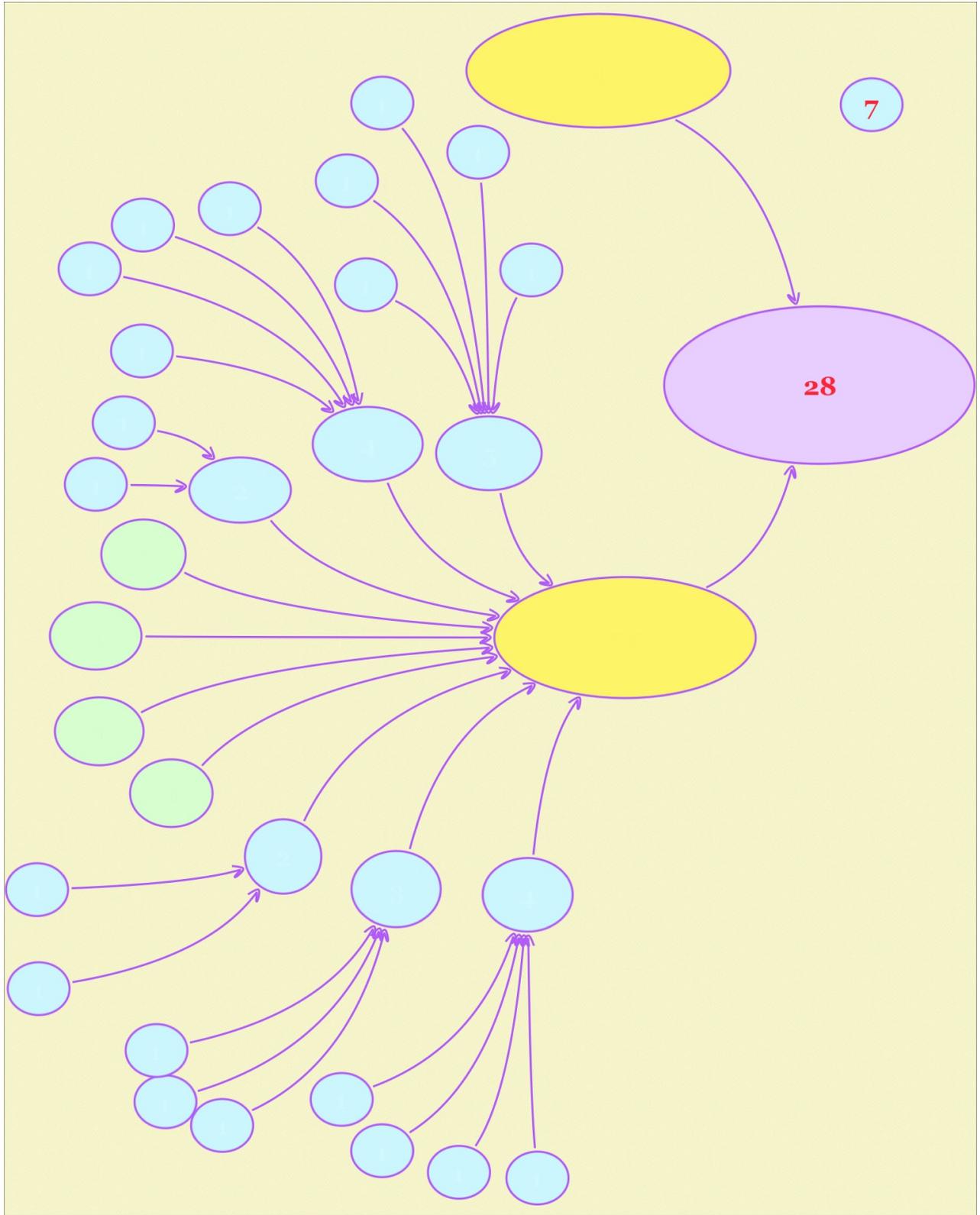


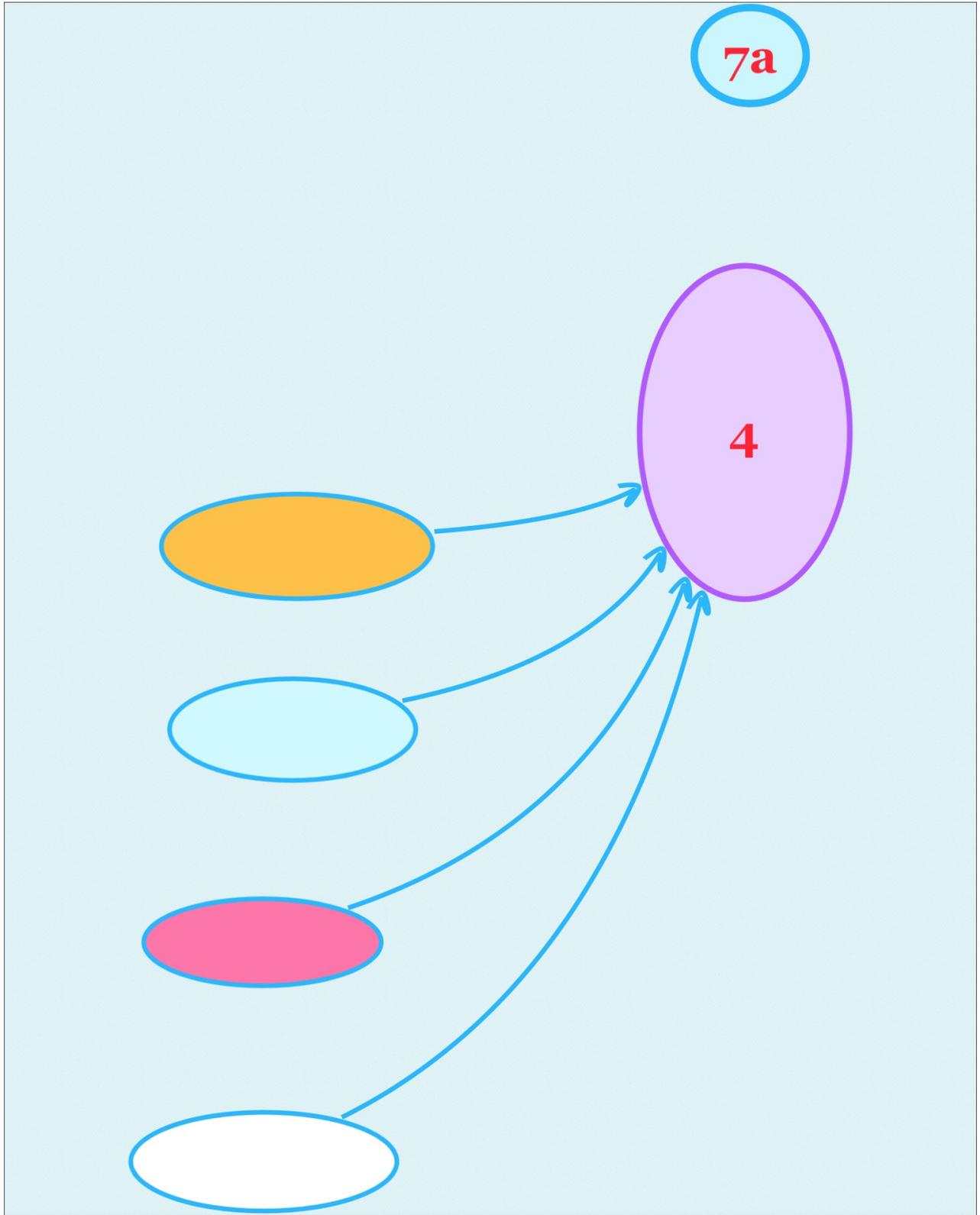


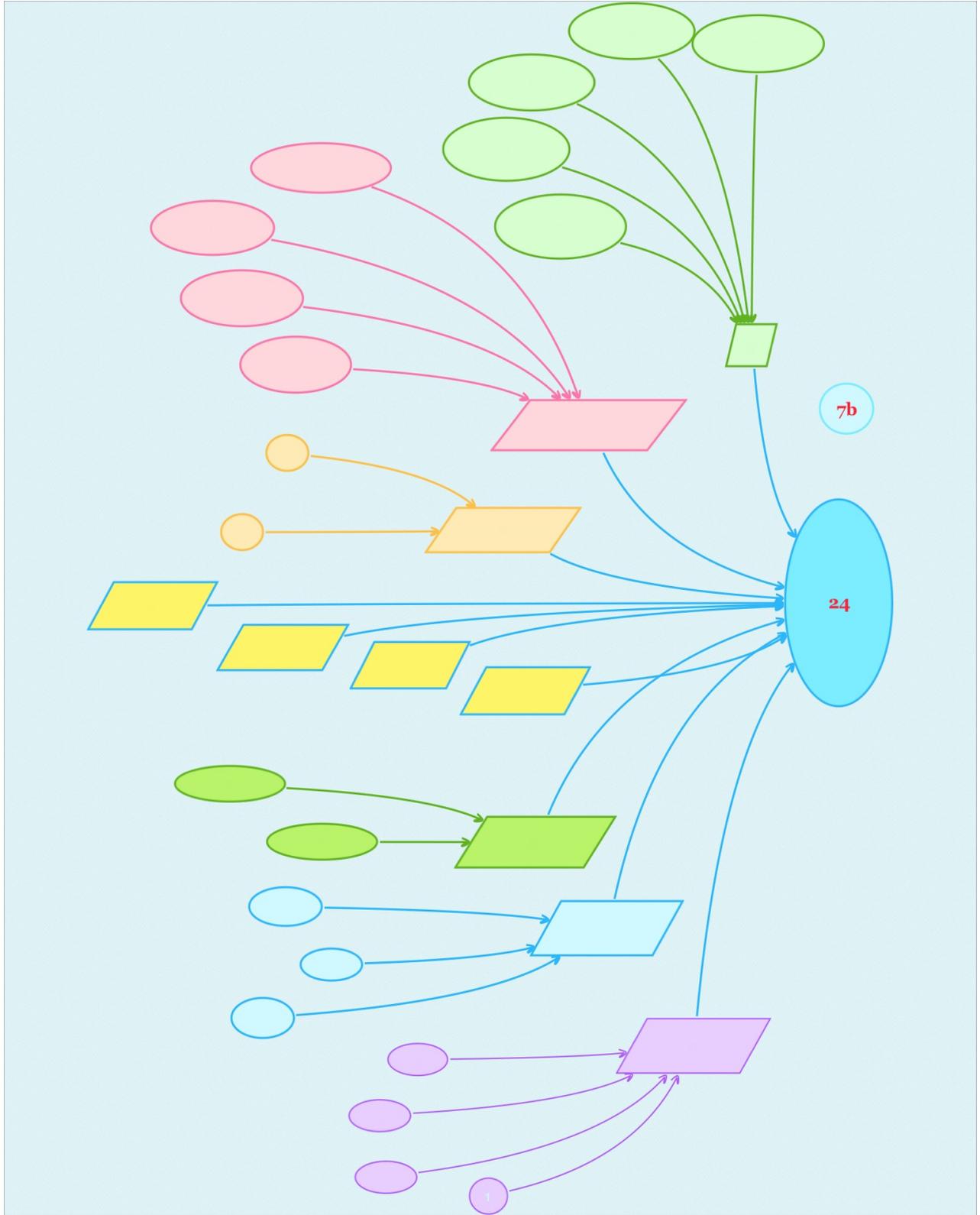


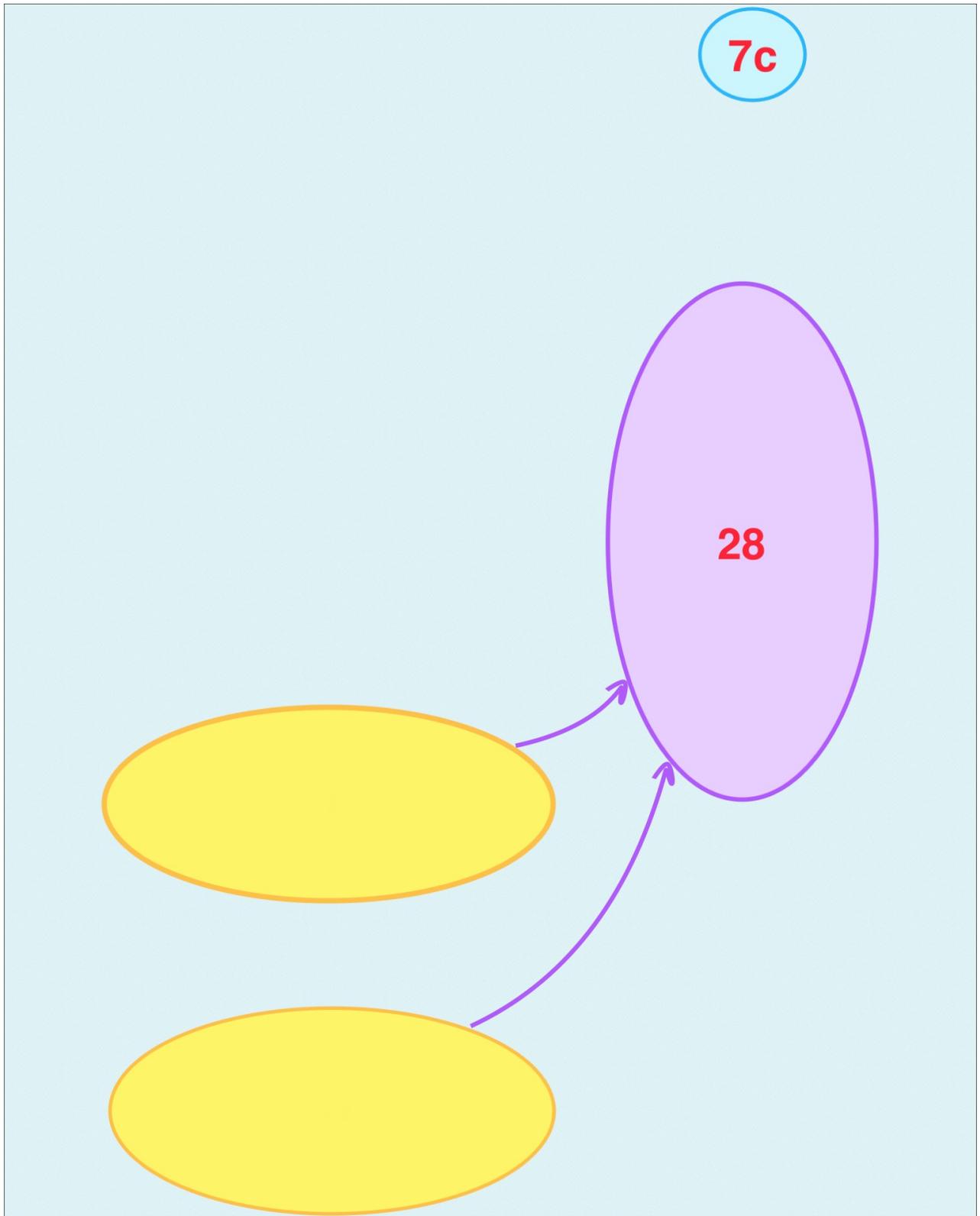


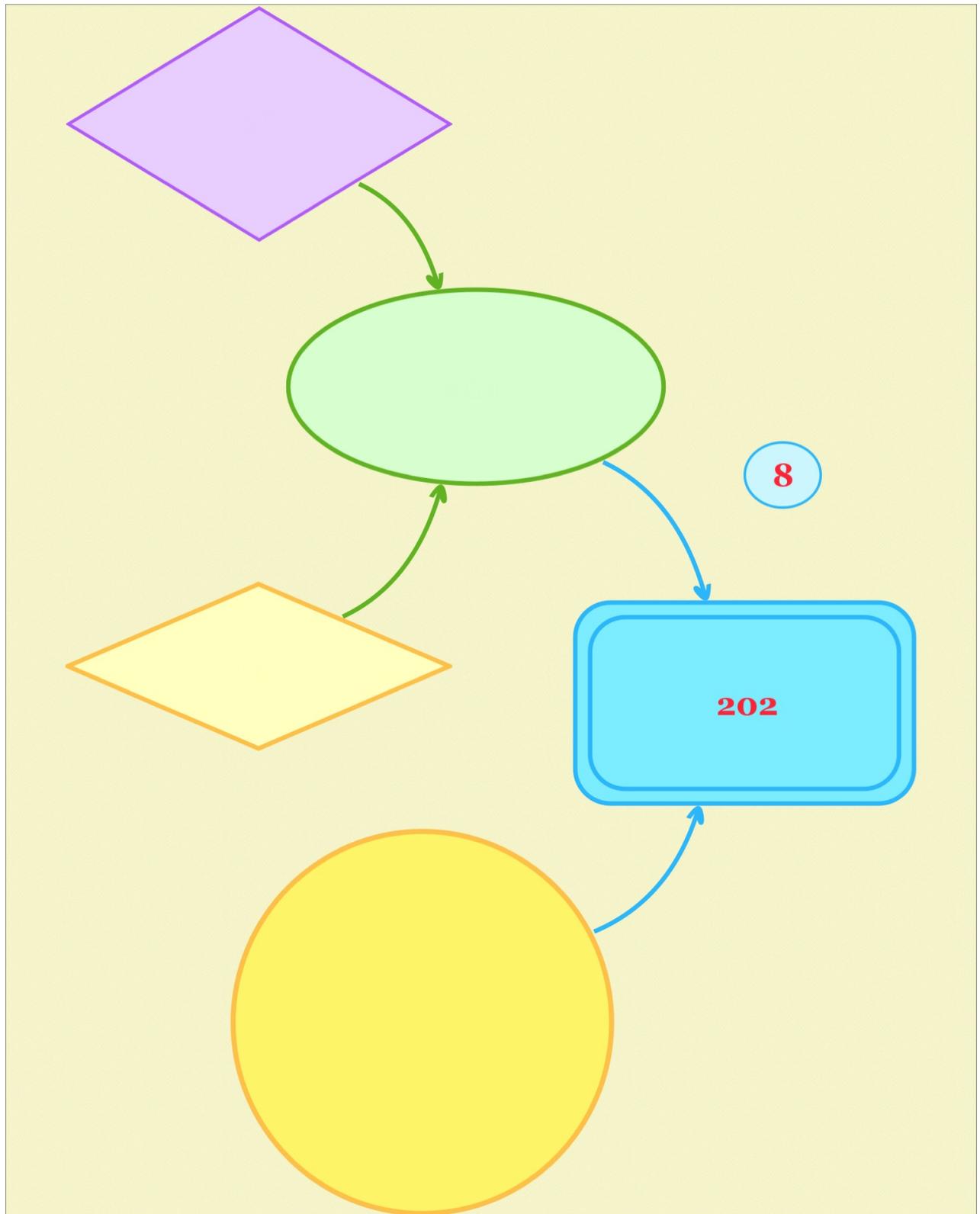


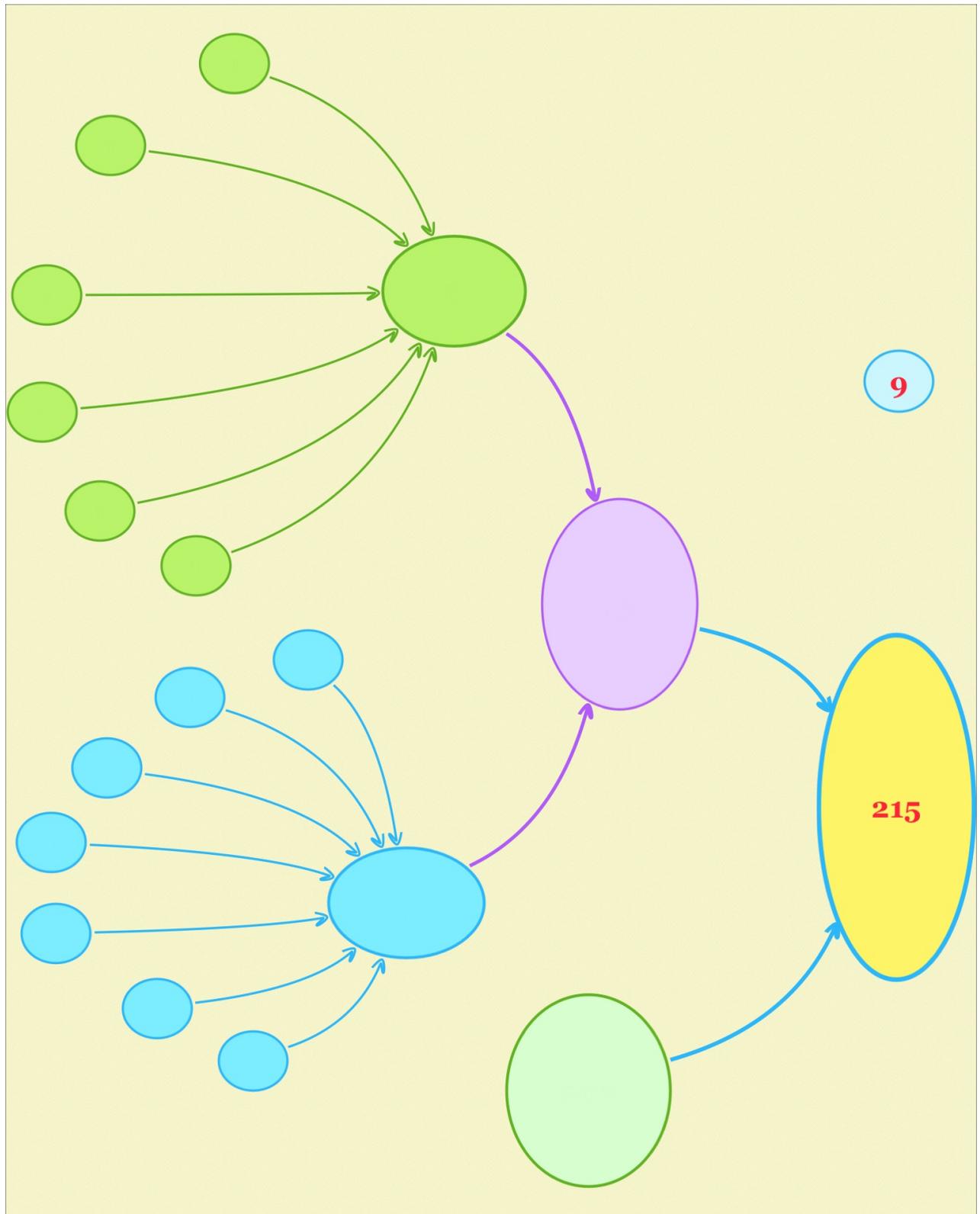








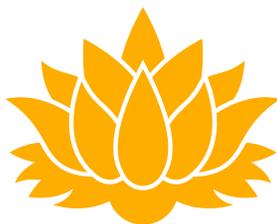




CHƯƠNG IX (BÀI 7)



ĐỊNH NGHĨA DANH TỬ ABHIDHAMMA



1. Pháp:

Là tất cả

2. Pháp Tục Đế:

Là pháp thuộc về sự thật của thế tục.

3. Pháp Chân Đế:

Là pháp thuộc về sự thật của sự thật.

4. Chân Đế vô vi:

Là pháp thuộc về sự thật của sự thật mà không còn có hành vi bằng thân, khẩu, ý. Còn gọi là Niết Bàn.

5. Chân Đế hữu vi:

Là pháp thuộc về sự thật của sự thật mà còn có hành vi bằng thân, khẩu, ý.

6. Sắc pháp:

Là pháp thuộc về sắc.

7. Danh pháp:

Là pháp thuộc về danh.

8. Sở hữu tâm:

Là pháp phụ thuộc tâm.

9. Tâm:

Là sự biết cảnh.

10. Tâm Siêu Thế:

Là tâm biết cảnh ngoài thế gian, tức biết cảnh Niết Bàn.

11. Tâm Hiệp Thế:

Là tâm biết cảnh hợp thế gian.

12. Tâm Đáo Đại:

Là tâm biết cảnh lớn tức cảnh đề mục thiền sắc giới, thiền vô sắc giới.

13. Tâm Dục Giới:

Là tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thanh, khí (hương), vị, xúc, pháp.

14. Tâm Dục Giới Tịnh Hảo:

Là tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thính, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có 25 sở hữu tịnh hảo cùng sanh.

15. Tâm Dục Giới Vô Tịnh Hảo:

Là tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thính, khí (hương), vị, xúc, pháp mà không có 25 sở hữu tịnh hảo cùng sanh.

16. Tâm Vô Nhân:

Là tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thính, khí (hương), vị, xúc, pháp mà không có 6 nhân tham, sân, si, vô tham, vô sân, vô si cùng sanh.

17. Tâm Bất Thiện:

Là tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thính, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có 14 sở hữu bất thiện cùng sanh.

18. Tâm Tham:

Là Tâm biết cảnh lục trần. lục dục: sắc, thính, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu tham phần (3) cùng sanh.

19. Tâm Sân:

Là Tâm biết cảnh lục trần lục dục: sắc, thính, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu sân phần (4) cùng sanh.

20. Tâm Si:

Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thính, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu si phần (4) cùng sanh.

21. Tâm Tham thọ hỷ hợp tà vô trợ:

Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thính, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu tham phần cùng sanh, có thọ hỷ vui mừng, hợp với tà kiến thấy sai, không có sự trợ giúp bằng thân, khẩu, ý của mình hoặc chúng sanh khác, khởi lên một cách nhanh nhẹn không chần chừ, chậm chạp.

Ví dụ như một người vô chùa thấy tượng Phật bằng vàng khởi lên lòng ham muốn và ăn trộm với sự vui mừng, đồng thời nghĩ rằng không có tội. Trộm cắp một cách nhanh nhẹn, không cần sự trợ giúp của bất cứ ai.

22. Tâm Tham thọ hỷ hợp tà hữu trợ:

Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thanh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu tham phần cùng sanh, có sự vui mừng, có tà kiến, có sự trợ giúp.

Ví dụ như một người vô chùa thấy tượng Phật bằng vàng khởi lên lòng ham muốn và ăn trộm với sự vui mừng đồng thời nghĩ rằng không có tội. Và có sự trợ giúp bằng thân, khẩu, ý của mình hoặc của chúng sanh khác.

23. Tâm Tham thọ hỷ ly tà vô trợ:

Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thanh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu tham phần cùng sanh, có sự vui mừng, không có tà kiến, không có sự trợ giúp.

24. Tâm Tham thọ hỷ ly tà hữu trợ:

Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thanh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu tham phần cùng sanh, có sự vui mừng, không có tà kiến, có sự trợ giúp.

25. Tâm Tham thọ xả hợp tà vô trợ:

Là Tâm biết cảnh lục, trần lục dục: sắc, thính, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu tham phần cùng sanh, có cảm thọ xả, hợp với tà kiến thấy sai, không có sự trợ giúp bằng thân, khẩu, ý của mình hoặc chúng sanh khác, khởi lên một cách nhanh nhẹn, không chần chừ, chậm chạp.

26. Tâm Tham thọ xả hợp tà hữu trợ:

Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thính, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu tham phần cùng sanh, có cảm thọ xả, có tà kiến, có sự trợ giúp.

27. Tâm Tham thọ xả ly tà vô trợ:

Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thính, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu tham phần cùng sanh, có cảm thọ xả, không có tà kiến, không có sự trợ giúp.

28. Tâm Tham thọ xả ly tà hữu trợ:

Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thính, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu tham

phần cùng sanh, có cảm thọ xả, không có tà kiến, có sự trợ giúp.

29. Tâm Sân thọ ưu hợp phần vô trợ:

Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thính, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu sân phần cùng sanh, có trạng thái ưu phiền, hợp với phần nô, không có sự trợ giúp.

30. Tâm Sân thọ ưu hợp phần hữu trợ:

Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thính, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu sân phần cùng sanh, có trạng thái ưu phiền, hợp với phần nô, có sự trợ giúp.

31. Tâm Si thọ xả hợp hoại nghi:

Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thính, khí (hương), vị, xúc, pháp, có cảm thọ xả, có sự nghi ngờ về nhân quả, nghiệp báo, về luân hồi tái sanh, về Phật, Pháp, Tăng v...v...

32. Tâm Si thọ xả hợp phóng dật:

Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thanh, khí (hương), vị, xúc, pháp, có cảm thọ xả, có sự phóng túng, lao chao, loạn động.

33. Tâm Quả bất thiện vô nhân:

Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thanh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà chỉ là cảnh xấu.

Tâm này là quả báo của 12 tâm bất thiện.

Tâm này không có 6 nhân: tham, sân, si, vô tham, vô sân, vô si cùng sanh.

34. Tâm Nhãn thức thọ xả Quả bất thiện vô nhân:

Tâm này là cái biết của con mắt khi bắt cảnh sắc xấu, có cảm thọ xả.

Tâm này là quả báo của 12 tâm bất thiện,

Tâm này không có 6 nhân: tham, sân, si, vô tham, vô sân, vô si cùng sanh.

35. Tâm Nhĩ thức thọ xả Quả bất thiện vô nhân:

Tâm này là cái biết của tai khi bắt cảnh thanh xấu, có cảm thọ xả.

Tâm này là quả báo của 12 tâm bất thiện.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

36. Tâm Tỷ thức thọ xả Quả bất thiện vô nhân:

Tâm này là cái biết của mũi khi bắt cảnh khí hôi thối không vừa lòng, có cảm thọ xả.

Tâm này là quả báo của 12 tâm bất thiện.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

37. Tâm Thiệt thức thọ xả Quả bất thiện vô nhân:

Tâm này là cái biết của lưỡi khi bắt cảnh vị xấu, có cảm thọ xả.

Tâm này là quả báo của 12 tâm bất thiện.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

38. Tâm Thân thức thọ khổ Quả bất thiện vô nhân:

Tâm này là cái biết của thân kinh thân khi bắt cảnh xúc xấu, có cảm thọ khổ.

Tâm này là quả báo của 12 tâm bất thiện.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

39. Tâm Tiếp thu cảnh sắc, cảnh thanh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc xấu, có cảm thọ xả.
nhân:

Là tâm tiếp thu cảnh sắc, cảnh thanh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc xấu, có cảm thọ xả.

Tâm này là quả báo của 12 tâm bất thiện.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

40. Tâm Quan sát thọ xả Quả bất thiện vô nhân:

Là tâm quan sát cảnh sắc, cảnh thanh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc xấu, có cảm thọ xả.

Tâm này là quả báo của 12 tâm bất thiện.

Tâm này làm việc tái sinh, hộ kiếp và tử cho người ở cõi khổ.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

41. Tâm Quả thiện vô nhân:

Là Tâm biết cảnh sắc, cảnh thanh, cảnh khí (hương), cảnh vị, cảnh xúc, cảnh pháp tốt tức là sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, thân xúc lạc.

Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

42. Tâm Nhãn thức thọ xả Quả thiện vô nhân:

Tâm này là cái biết của con mắt khi bắt cảnh sắc tốt, có cảm thọ xả.

Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

43. Tâm Nhĩ thức thọ xả Quả thiện vô nhân:

Tâm này là cái biết của tai khi bắt cảnh thanh tốt, có cảm thọ xả.

Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

44. Tâm Tỷ thức thọ xả Quả thiện vô nhân:

Tâm này là cái biết của mũi khi tiếp xúc với cảnh khí tốt tức là hương thơm, có cảm thọ xả.

Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

45. Tâm Thiệt thức thọ xả Quả thiện vô nhân:

Tâm này là cái biết của lưỡi khi tiếp xúc với cảnh vị ngon, có cảm thọ xả.

Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

46. Tâm Thân thức thọ lạc Quả thiện vô nhân:

Tâm này là cái biết của thân kinh thân khi tiếp xúc với cảnh xúc êm ái, có cảm thọ lạc.

Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

47. Tâm Tiếp thân thọ xả Quả thiện vô nhân:

Tâm này là tâm tiếp thân cảnh sắc, cảnh thanh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc tốt tức là sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, thân xúc lạc, có cảm thọ xả.

Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

48. Tâm Quan sát thọ xả Quả thiện vô nhân:

Tâm này là tâm quan sát cảnh sắc, cảnh thính, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc tốt tức là sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, thân xúc lạc, có cảm thọ xả.

Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.

Tâm này làm việc tái sinh, hộ kiếp và tử cho người lạc vô nhân.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

49. Tâm Quan sát thọ hỷ Quả thiện vô nhân:

Tâm này là tâm quan sát cảnh sắc, cảnh thính, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc tốt tức là sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, thân xúc lạc, nhưng vì cảnh quá tốt, quá đặc biệt nên có cảm thọ hỷ.

Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

50. Tâm Duy tác vô nhân:

Là Tâm biết cảnh sắc, thính, khí (hương), vị, xúc, pháp chỉ duy nhất có hành động mà không có kết quả của hành động.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

51. Tâm Khán Ngũ môn thọ xả:
Là Tâm hướng đến 5 cảnh sắc, thanh, khí (hương), vị, xúc, có cảm thọ xả.
Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

52. Tâm Khán Ý môn thọ xả:
Là Tâm hướng đến cảnh pháp, có cảm thọ xả.
Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

53. Tâm Ứng cúng vi tiêu thọ hỷ:
Là Tâm làm việc cười của bậc A La Hán.
Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

54. Tâm Thiện dục giới tịnh hảo:
Là Tâm biết cảnh sắc, thanh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành.
Tâm này có 25 sở hữu tịnh hảo cùng sanh.

55. Tâm Thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ:
Là Tâm biết cảnh sắc, thanh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, có sự hoan hỷ, hợp với trí tuệ, không có sự trợ giúp bằng thân, khẩu, ý của mình hoặc của chúng sanh khác.

Ví dụ như một người thấy một vị sư đi khát thực lòng rất vui mừng liền nhanh chóng cúng dường thức ăn và nghĩ rằng cúng dường được phước báu. Vui mừng là thọ hỷ. Biết cúng dường có phước là hợp trí. Bồ thí cúng dường là tâm thiện dục giới. Cúng dường nhanh chóng là vô trợ.

56. Tâm Thiện thọ hỷ hợp trí hữu trợ:

Là Tâm biết cảnh sắc, thanh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, có sự hoan hỷ, hợp với trí tuệ, có sự trợ giúp.

57. Tâm Thiện thọ hỷ ly trí vô trợ:

Là Tâm biết cảnh sắc, thanh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, có sự hoan hỷ, không có trí tuệ, không có sự trợ giúp.

58. Tâm Thiện thọ hỷ ly trí hữu trợ:

Là Tâm biết cảnh sắc, thanh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, có sự hoan hỷ, không có trí tuệ, có sự trợ giúp.

59. Tâm Thiện thọ xả hợp trí vô trợ:

Là Tâm biết cảnh sắc, thanh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, có cảm thọ xả, hợp với trí tuệ, không có sự trợ giúp.

60. Tâm Thiện thọ xả hợp trí hữu trợ:

Là Tâm biết cảnh sắc, thanh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, có cảm thọ xả, hợp với trí tuệ, có sự trợ giúp.

61. Tâm Thiện thọ xả ly trí vô trợ:

Là Tâm biết cảnh sắc, thanh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, có cảm thọ xả, không có trí tuệ, không có sự trợ giúp.

62. Tâm Thiện thọ xả ly trí hữu trợ:

Là Tâm biết cảnh sắc, thanh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, có cảm thọ xả, không có trí tuệ, có sự trợ giúp.

63. Tâm Quả dục giới tịnh hảo:

Là Quả của tâm thiện dục giới tịnh hảo.

Tâm này làm việc tái sinh, hộ kiếp và tử cho người và chư thiên ở cõi dục giới.

64. Tâm Quả thọ hỷ hợp trí vô trợ:
Là Quả của tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ.

65. Tâm Quả thọ hỷ hợp trí hữu trợ:
Là Quả của tâm thiện thọ hỷ hợp trí hữu trợ.

66. Tâm Quả thọ hỷ ly trí vô trợ:
Là Quả của tâm thiện thọ hỷ ly trí vô trợ.

67. Tâm Quả thọ hỷ ly trí hữu trợ:
Là Quả của tâm thiện thọ hỷ ly trí hữu trợ.

68. Tâm Quả thọ xả hợp trí vô trợ:
Là Quả của tâm thiện thọ xả hợp trí vô trợ.

69. Tâm Quả thọ xả hợp trí hữu trợ:
Là Quả của tâm thiện thọ xả hợp trí hữu trợ.

70. Tâm Quả thọ xả ly trí vô trợ:
Là Quả của tâm thiện thọ xả ly trí vô trợ.

71. Tâm Quả thọ xả ly trí hữu trợ:
Là Quả của tâm thiện thọ xả ly trí hữu trợ.

72. Tâm Duy tác dục giới tịnh hảo:

Là Tâm làm việc lành của các bậc A La Hán.

Tâm này cũng giống như tâm thiện dục giới tịnh hảo nhưng không cho quá.

73. Tâm Duy Tác thọ hỷ hợp trí vô trợ:

Là Tâm làm việc lành của các bậc A La Hán.

Tâm này giống như Tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ nhưng không cho quá.

74. Tâm Duy Tác thọ hỷ hợp trí hữu trợ:

Là Tâm làm việc lành của các bậc A La Hán.

Tâm này giống như Tâm thiện thọ hỷ hợp trí hữu trợ nhưng không cho quá.

75. Tâm Duy Tác thọ hỷ ly trí vô trợ:

Là Tâm làm việc lành của các bậc A La Hán.

Tâm này giống như Tâm thiện thọ hỷ ly trí vô trợ nhưng không cho quá.

76. Tâm Duy Tác thọ hỷ ly trí hữu trợ:

Là Tâm làm việc lành của các bậc A La Hán.

Tâm này giống như Tâm thiện thọ hỷ ly trí hữu trợ nhưng không cho quá.

77. Tâm Duy Tác thọ xả hợp trí vô trợ:
Là Tâm làm việc lành của các bậc A La Hán.
Tâm này giống như Tâm thiện thọ xả hợp trí vô trợ nhưng không cho quả.

78. Tâm Duy Tác thọ xả hợp trí hữu trợ:
Là Tâm làm việc lành của các bậc A La Hán.
Tâm này giống như Tâm thiện thọ xả hợp trí hữu trợ nhưng không cho quả.

79. Tâm Duy Tác thọ xả ly trí vô trợ:
Là Tâm làm việc lành của các bậc A La Hán.
Tâm này giống như Tâm thiện thọ xả ly trí vô trợ nhưng không cho quả.

80. Tâm Duy Tác thọ xả ly trí hữu trợ:
Là Tâm làm việc lành của các bậc A La Hán.
Tâm này giống như Tâm thiện thọ xả ly trí hữu trợ nhưng không cho quả.

81. Tâm sắc giới:
Là Tâm biết cảnh đề mục thiền sắc giới liên quan đến cõi sắc giới .

82. Tâm Thiền sắc giới:

Là Tâm tu thiền đề mục sắc giới và đặc thiền sắc giới.

83. Tâm Thiền sơ thiền sắc giới:

Là Tâm tu thiền đề mục sắc giới và đặc thiền sắc giới lần thứ nhất.

Có 5 chi thiền là tâm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm.

84. Tâm Thiền nhị thiền sắc giới:

Là Tâm tu thiền đề mục sắc giới và đặc thiền sắc giới lần thứ 2.

Có 4 chi thiền là tứ, hỷ, lạc và nhất tâm.

85. Tâm Thiền tam thiền sắc giới:

Là Tâm tu thiền đề mục sắc giới và đặc thiền sắc giới lần thứ 3.

Có 3 chi thiền là hỷ, lạc và nhất tâm.

86. Tâm Thiền tứ thiền sắc giới:

Là Tâm tu thiền đề mục sắc giới và đặc thiền sắc giới lần thứ 4.

Có 2 chi thiền là lạc và nhất tâm.

87. Tâm Thiện ngũ thiên sắc giới:

Là Tâm tu thiên đề mục sắc giới và đắc thiên sắc giới lần thứ 5.

Có 2 chi thiên là xả và nhất tâm.

88. Tâm Quả sắc giới:

Là Quả của tâm thiện sắc giới.

Tâm này làm việc tái sinh, hộ kiếp và tử cho các vị Phạm thiên ở cõi sắc giới.

89. Tâm Quả sơ thiên sắc giới:

Là Quả của tâm thiện sơ thiên sắc giới.

90. Tâm Quả nhị thiên sắc giới:

Là Quả của tâm thiện nhị thiên sắc giới.

91. Tâm Quả tam thiên sắc giới:

Là Quả của tâm thiện tam thiên sắc giới.

92. Tâm Quả tứ thiên sắc giới:

Là Quả của tâm thiện tứ thiên sắc giới.

93. Tâm Quả ngũ thiên sắc giới:

Là Quả của tâm thiện ngũ thiên sắc giới.

94. Tâm Duy Tác sắc giới:

Là Tâm tu thiền đặc thiền sắc giới của các bậc A La Hán.

Tâm này cũng giống như tâm thiện sắc giới nhưng không cho quả.

95. Tâm Duy Tác sơ thiền sắc giới:

Là Tâm tu thiền và đặc thiền sắc giới lần thứ nhất của các bậc A La Hán.

Có 5 chi thiền là tâm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm.

96. Tâm Duy Tác nhị thiền sắc giới:

Là Tâm tu thiền và đặc thiền sắc giới lần thứ 2 của các bậc A La Hán.

Có 4 chi thiền là tứ, hỷ, lạc và nhất tâm.

97. Tâm Duy Tác tam thiền sắc giới:

Là Tâm tu thiền và đặc thiền sắc giới lần thứ 3 của các bậc A La Hán.

Có 3 chi thiền là hỷ, lạc và nhất tâm.

98. Tâm Duy Tác tứ thiền sắc giới:

Là Tâm tu thiền và đặc thiền sắc giới lần thứ 4 của các bậc A La Hán.

Có 2 chi thiên là lạc và nhất tâm.

99. Tâm Duy Tác ngũ thiên sắc giới:

Là Tâm tu thiên và đặc thiên sắc giới lần thứ 5 của các bậc A La Hán.

Có 2 chi thiên là xả và nhất tâm.

100. Tâm vô sắc giới:

Là tâm tu thiên đề mục vô sắc, liên quan đến cõi vô sắc.

101. Tâm Thiện vô sắc giới:

Là tâm thiện tu thiên và đặc thiên đề mục vô sắc.

102. Tâm Thiện không vô biên xứ:

Là tâm tu thiên và đặc thiên đề mục hư không không biên giới, vô cùng tận, không bờ mé.

Tâm này là nhân sanh làm Phạm thiên ở cõi không vô biên xứ.

103. Tâm Thiện thức vô biên xứ:

Là tâm tu thiên và đặc thiên đề mục thức không biên giới, thức không cùng tận, thức không bờ mé.

Tâm này là nhân sanh làm Phạm thiên ở cõi thức vô biên xứ.

104. Tâm Thiện vô sở hữu xứ:

Là tâm tu thiền và đặc thiền đề mục không có chi cả. Tâm này là nhân sanh làm Phạm thiên ở cõi vô sở hữu xứ.

105. Tâm Thiện phi tướng phi phi tướng xứ:

Là tâm tu thiền đặc thiền đề mục không có tướng cũng không không có tướng.

Trạng thái tâm này rất vi tế, dường như không có tướng nhưng chẳng phải là không có tướng .

Tâm này là nhân sanh làm Phạm thiên ở cõi phi tướng phi phi tướng xứ.

106. Tâm Quả vô sắc giới:

Là Quả của Tâm Thiện vô sắc giới.

Tâm này làm việc tục sinh, hộ kiếp và tử cho các vị Phạm thiên ở cõi vô sắc.

107. Tâm Quả không vô biên xứ:

Là Quả của Tâm Thiện không vô biên xứ.

108. Tâm Quả thức vô biên xứ:
Là Quả của Tâm Thiện thức vô biên xứ.

109. Tâm Quả vô sở hữu xứ:
Là Quả của Tâm Thiện vô sở hữu xứ.

110. Tâm Quả phi tướng phi phi tướng xứ:
Là Quả của Tâm Thiện phi tướng phi phi tướng xứ.

111. Tâm Duy Tác vô sắc giới:
Là Tâm tu thiền và đặc thiền đề mục vô sắc của các bậc A La Hán.

112. Tâm Duy Tác không vô biên xứ:
Là Tâm tu thiền và đặc thiền đề mục không vô biên xứ của các bậc A La Hán.

Tâm này cũng giống như Tâm Thiện không vô biên xứ nhưng không cho quả.

113. Tâm Duy Tác thức vô biên xứ:
Là Tâm tu thiền và đặc thiền đề mục thức vô biên xứ của các bậc A La Hán.

Tâm này cũng giống như Tâm Thiện thức vô biên xứ nhưng không cho quả.

114. Tâm Duy Tác vô sở hữu xứ:

Là Tâm tu thiền và đặc thiền đề mục vô sở hữu xứ của các bậc A La Hán.

Tâm này cũng giống như Tâm Thiện vô sở hữu xứ nhưng không cho quả.

115. Tâm Duy Tác phi tướng phi phi tướng xứ:

Là Tâm tu thiền và đặc thiền đề mục phi tướng phi phi tướng xứ của các bậc A La Hán.

Tâm này cũng giống như Tâm Thiện phi tướng phi phi tướng xứ nhưng không cho quả.

116. Tâm Đạo:

Là Tâm đặc đạo.

Là tâm đang sát trừ phiền não.

Là tâm đang thấy rõ Niết Bàn.

117. Tâm Sơ đạo:

Là Tâm đặc đạo lần thứ nhất.

Là Tâm đang sát trừ phiền não lần thứ nhất.

Là Tâm đang thấy rõ Niết Bàn lần thứ nhất.
Tâm Sơ Đạo diệt trừ được: Thân kiến, Hoài
ngi, Giới cấm thủ.

Tâm Sơ đạo:

cũng được gọi là Thất lai đạo,
cũng được gọi là Dự lưu đạo hay Nhập lưu đạo,
cũng được gọi là Tu Đà Hườn đạo.

118. Tâm Sơ đạo Sơ thiên:
Là Tâm đắc đạo lần thứ nhất
và đắc thiên sắc giới lần thứ nhất.

119. Tâm Sơ đạo Nhị thiên:
Là Tâm đắc đạo lần thứ nhất
và đắc thiên sắc giới lần thứ 2.

120. Tâm Sơ đạo Tam thiên:
Là Tâm đắc đạo lần thứ nhất
và đắc thiên sắc giới lần thứ 3.

121. Tâm Sơ đạo Tứ thiên:
Là Tâm đắc đạo lần thứ nhất
và đắc thiên sắc giới lần thứ 4.

122. Tâm Sơ đạo Ngũ thiên:

Là Tâm đặc đạo lần thứ nhất
và đặc thiên sắc giới lần thứ 5.

123. Tâm Nhị đạo:
Là Tâm đặc đạo lần thứ 2.
Là tâm đang sát trừ phiền não lần thứ 2.
Là tâm đang thấy rõ Niết Bàn lần thứ 2.
Tâm Nhị đạo làm giảm nhẹ: Dục ái và Sân.
Tâm Nhị đạo cũng được gọi là Nhất lai đạo.
Cũng được gọi là Tư Đà Hàm đạo.

124. Tâm Nhị đạo Sơ thiên:
Là Tâm đặc đạo lần thứ 2
và đặc thiên sắc giới lần thứ nhất.

125. Tâm Nhị đạo Nhị thiên:
Là Tâm đặc đạo lần thứ 2
và đặc thiên sắc giới lần thứ 2.

126. Tâm Nhị đạo Tam thiên:
Là Tâm đặc đạo lần thứ 2
và đặc thiên sắc giới lần thứ 3.

127. Tâm Nhị đạo Tứ Thiên:

Là Tâm đặc đạo lần thứ 2
và đặc thiên sắc giới lần thứ 4.

128. Tâm Nhị đạo Ngũ thiên:
Là Tâm đặc đạo lần thứ 2
và đặc thiên sắc giới lần thứ 5.

129. Tâm Tam đạo:
Là Tâm đặc đạo lần thứ 3.
Là Tâm đang sát trừ phiền não lần thứ 3.
Là Tâm đang thấy rõ Niết Bàn lần thứ 3.
Tâm Tam đạo diệt trừ được Dục ái và Sân.
Tâm Tam đạo cũng được gọi là Bất lai đạo, cũng
được gọi là A Na Hàm đạo.

130. Tâm Tam đạo Sơ thiên:
Là Tâm đặc đạo lần thứ 3
và đặc thiên sắc giới lần thứ nhất.

131. Tâm Tam đạo Nhị thiên:
Là Tâm đặc đạo lần thứ 3
và đặc thiên sắc giới lần thứ 2.

132. Tâm Tam đạo Tam thiên:

Là Tâm đặc đạo lần thứ 3
và đặc thiên sắc giới lần thứ 3.

133. Tâm Tam đạo Tứ thiên:
Là Tâm đặc đạo lần thứ 3
và đặc thiên sắc giới lần thứ 4.

134. Tâm Tam đạo Ngũ thiên:
Là Tâm đặc đạo lần thứ 3
và đặc thiên sắc giới lần thứ 5.

135. Tâm Tứ đạo:
Là Tâm đặc đạo lần thứ 4.
Là Tâm đang sát trừ phiền não lần thứ 4.
Là Tâm đang thấy rõ Niết Bàn lần thứ 4.
Tâm Tứ đạo diệt trừ được Ái sắc, Ái vô sắc, Ngã
mạn, Phóng dật và Vô minh.
Tâm Tứ đạo cũng được gọi là Vô Sanh đạo tức,
cũng được gọi là A La Hán đạo.

136. Tâm Tứ đạo Sơ thiên:
Là Tâm đặc đạo lần thứ 4
và đặc thiên sắc giới lần thứ nhất.

137. Tâm Tứ đạo Nhị thiên:

Là Tâm đặc đạo lần thứ 4
và đặc thiên sắc giới lần thứ 2.

138. Tâm Tứ đạo Tam thiên:
Là Tâm đặc đạo lần thứ 4
và đặc thiên sắc giới lần thứ 3.

139. Tâm Tứ đạo Tứ thiên:
Là Tâm đặc đạo lần thứ 4
và đặc thiên sắc giới lần thứ 4.

140. Tâm Tứ đạo Ngũ thiên:
Là Tâm đặc đạo lần thứ 4
và đặc thiên sắc giới lần thứ 5.

141. Tâm Quả Siêu Thế:
Là Tâm đặc quả siêu thế.
Là Tâm đã sát trừ phiền não.
Là Tâm thấy rõ Niết Bàn.

142. Tâm Sơ quả:
Là Tâm đặc quả lần thứ nhất.
Là Tâm đã sát trừ phiền não lần thứ nhất.
Là Tâm thấy rõ Niết Bàn lần thứ nhất.

Tâm Sơ quả đã diệt trừ được Thân kiến, Hoài nghi và Giới cấm thủ.

143. Tâm Sơ quả Sơ thiên:
Là Tâm đặc quả lần thứ nhất
và đặc thiên sắc giới lần thứ nhất.

144. Tâm Sơ quả Nhị thiên:
Là Tâm đặc quả lần thứ nhất
và đặc thiên sắc giới lần thứ 2.

145. Tâm Sơ quả Tam thiên:
Là Tâm đặc quả lần thứ nhất
và đặc thiên sắc giới lần thứ 3.

146. Tâm Sơ quả Tứ thiên:
Là Tâm đặc quả lần thứ nhất
và đặc thiên sắc giới lần thứ 4.

147. Tâm Sơ quả Ngũ thiên:
Là Tâm đặc quả lần thứ nhất
và đặc thiên sắc giới lần thứ 5.

148. Tâm Nhị quả:
Là Tâm đặc quả lần thứ 2.

Là Tâm đã sát trừ phiền não lần thứ 2.
 Là Tâm thấy rõ Niết Bàn lần thứ 2.
 Tâm Nhị quả làm giảm nhẹ Dục ái và Sân.

149. Tâm Nhị quả Sơ thiên:
 Là Tâm đắc quả lần thứ 2
 và đắc thiên sắc giới lần thứ nhất.

150. Tâm Nhị quả Nhị thiên:
 Là Tâm đắc quả lần thứ 2
 và đắc thiên sắc giới lần thứ 2.

151. Tâm Nhị quả Tam thiên:
 Là Tâm đắc quả lần thứ 2
 và đắc thiên sắc giới lần thứ 3.

152. Tâm Nhị quả Tứ thiên:
 Là Tâm đắc quả lần thứ 2
 và đắc thiên sắc giới lần thứ 4.

153. Tâm Nhị quả Ngũ thiên:
 Là Tâm đắc quả lần thứ 2
 và đắc thiên sắc giới lần thứ 5.

154. Tâm Tam quả:
 Là Tâm đắc quả lần thứ 3.
 Là Tâm đã sát trừ phiền não lần thứ 3.
 Là Tâm thấy rõ Niết Bàn lần thứ 3.
 Tâm Tam quả diệt trừ được Dục ái và Sân.

155. Tâm Tam quả Sơ thiên:
 Là Tâm đắc quả lần thứ 3
 và đắc thiên sắc giới lần thứ nhất.

156. Tâm Tam quả Nhị thiên:
 Là Tâm đắc quả lần thứ 3
 và đắc thiên sắc giới lần thứ 2.

157. Tâm Tam quả Tam thiên:
 Là Tâm đắc quả lần thứ 3
 và đắc thiên sắc giới lần thứ 3.

158. Tâm Tam quả Tứ thiên:
 Là Tâm đắc quả lần thứ 3
 và đắc thiên sắc giới lần thứ 4.

159. Tâm Tam quả Ngũ thiên:
 Là Tâm đắc quả lần thứ 3
 và đắc thiên sắc giới lần thứ 5.

160. Tâm Tứ quả:

Là Tâm đắc quả lần thứ 4.

Là Tâm đã sát trừ phiền não lần thứ 4.

Là tâm thấy rõ Niết Bàn lần thứ 4.

Tâm Tứ quả diệt trừ được Ái sắc, Ái vô sắc, Ngã mạn, Phóng dật và Vô minh.

161. Tâm Tứ quả Sơ thiên:

Là Tâm đắc quả lần thứ 4

và đắc thiên sắc giới lần thứ nhất.

162. Tâm Tứ quả Nhị thiên:

Là Tâm đắc quả lần thứ 4

và đắc thiên sắc giới lần thứ 2.

163. Tâm Tứ quả Tam thiên:

Là Tâm đắc quả lần thứ 4

và đắc thiên sắc giới lần thứ 3.

164. Tâm Tứ quả Tứ thiên:

Là Tâm đắc quả lần thứ 4

và đắc thiên sắc giới lần thứ 4.

165. Tâm Tứ quả Ngũ thiên:

Là Tâm đắc quả lần thứ 4

và đặc thiên sắc giới lần thứ 5.

166. Sở Hữu Tợ Tha:

Là những sở hữu tương tợ theo các pháp khác.
 Nếu chúng hợp với tâm thiện thì là pháp thiện.
 Nếu chúng hợp với tâm bất thiện thì là pháp bất thiện.

Nếu chúng hợp với tâm vô ký thì là pháp vô ký.

167. Sở Hữu Biên Hành:

Là sở hữu có mặt, đồng hành với 121 tâm.

168. Sở Hữu Xúc:

Là sự gặp gỡ tiếp xúc giữa 6 vật (nhãn vật, nhĩ vật, tỷ vật, thiệt vật, thân vật, ý vật), hoặc 6 căn (nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn), với 6 cảnh (cảnh sắc, cảnh thanh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc, cảnh pháp), và với 6 thức (nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức).

Có 6 loại xúc là:

Nhãn xúc (nằm trong nhãn thức),

Nhĩ xúc (nằm trong nhĩ thức),

Tỷ xúc (nằm trong tỷ thức),

Thiệt xúc (nằm trong thiệt thức),
 Thân xúc (nằm trong thân thức),
 Ý xúc (nằm trong ý thức).

169. Sở Hữu Thọ:

Thọ là trạng thái tiếp nhận các cảm thọ từ các đối tượng.

Thọ có 5 thứ và 6 loại.

5 thứ là:

Thọ Khổ: Đau nhức thân

Thọ Lạc: Êm ái thân

Thọ Ưu: Ưu phiền, đau đớn của tâm

Thọ Hỷ: Vui mừng, dễ chịu của tâm

Thọ Xả: ngoài ra ưu, hỷ, lạc, khổ.

6 loại là:

Nhãn thọ: là Sở Hữu Thọ trong tâm nhãn thức để tiếp nhận cảnh sắc.

Nhĩ thọ: là Sở Hữu Thọ trong tâm nhĩ thức để tiếp nhận cảnh thanh.

Tỷ thọ: là Sở Hữu Thọ trong tâm tỷ thức để tiếp nhận cảnh khí.

Thiệt thọ: là Sở Hữu Thọ trong tâm thiệt thức để tiếp nhận cảnh vị.

Thân thọ: là Sở Hữu Thọ trong tâm thân thức để tiếp nhận cảnh xúc.

Ý thọ: là Sở Hữu Thọ trong tâm ý thức để tiếp nhận cảnh pháp.

170. Sở Hữu Tưởng:

Tưởng là trạng thái nhớ lại, hồi tưởng lại những cảnh vật đã qua, đã mất, đã diệt mà trước kia đã từng gặp.

Tưởng có 6 loại là:

Sắc tưởng, thanh tưởng, khí tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng.

171. Sở Hữu Tư:

Tư là trạng thái cố ý, cố quyết, cố tâm, cũng còn gọi là nghiệp.

Sở Hữu Tư có 6 loại là:

Sắc tư, thanh tư, khí tư, vị tư, xúc tư, pháp tư.

172. Sở Hữu Nhất Hành:

Là trạng thái gom tâm vào một đề mục chong ngay vào cảnh, an trụ vào đối tượng, hay còn gọi là Sở hữu Định.

173. Sở Hữu Mạng Quyền:

Là Sở Hữu có quyền bảo vệ mạng sống của các danh pháp khác.

Gọi là mạng vì bảo tồn sự sống của các danh pháp trong 3 sát na tiểu (sinh, trụ, diệt).

Gọi là quyền vì có quyền điều hành các danh pháp cùng sanh, cùng làm một phận sự.

174. Sở Hữu Tác Ý:

Là trạng thái gom thấu đối tượng làm thành cảnh cho tâm.

175. Sở Hữu Biệt Cảnh:

Là những sở hữu tùy theo những hoàn cảnh riêng biệt, có mặt với một số tâm này, không có mặt với một số tâm kia.

176. Sở Hữu Tâm:

Là trạng thái tâm lý hướng tâm đến cảnh hay đem tâm đến đối tượng.

Tâm tức là tìm kiếm cảnh cho tâm.
Ví dụ như con ong bay đi tìm hoa.

Tâm có 6 loại là:
Sắc tâm, thanh tâm, khí tâm, vị tâm, xúc tâm,
pháp tâm.

177. Sở Hữu Tứ:

Là trạng thái tâm lý quan sát đối tượng một cách
khẩn khít, chăm chú.

Ví dụ như con ong bay rà rà chung quanh cái
bông mà nó đã gặp.

Tứ có 6 loại là:

Sắc tứ, khinh tứ, khí tứ, vị tứ, xúc tứ,
pháp tứ.

178. Sở Hữu Thắng Giải:

Là trạng thái tâm lý quyết đoán, giải quyết một
cách thù thắng trước một sự vật.

Ví dụ như vị quan toà tuyên án một vụ kiện.

179. Sở Hữu Cần:

Là trạng thái tâm lý siêng năng, tinh tấn, cần mẫn, chuyên cần, cố gắng, nỗ lực.

180. Sở Hữu Hỷ:

Là trạng thái tâm lý no vui bằng cảnh.

181. Sở Hữu Dục:

Là trạng thái tâm lý mong muốn.

Dục có 3 loại là:

- a. Tham Dục: Ham muốn lục trần, lục dục.
- b. Pháp dục: Ham muốn làm các thiện pháp.
- c. Tác Dục: Ham muốn làm các thiện pháp của các bậc A La Hán.

182. Sở Hữu Bất Thiện:

Là những trạng thái tâm lý không lành, không tốt, ác, xấu.

183. Sở Hữu Bất Thiện biến hành còn gọi là Sở Hữu Si phân:

Là trạng thái tâm lý có mặt phổ biến, đồng hành với 12 tâm bất thiện.

184. Sở Hữu Si:

Là trạng thái tâm lý mê mờ, tăm tối, ngược với trí tuệ, đồng nghĩa với vô minh.

Chính vì Sở Hữu Si làm cho tâm chúng sanh đen tối không biết rõ pháp chơn đế như Tứ đế, ngũ uẩn, 12 xứ, 18 giới.

185. Sở Hữu Vô tà:

Là trạng thái tâm lý không hổ thẹn với tội lỗi.

186. Sở Hữu Vô úy (Vô quý):

Là trạng thái tâm lý không ghê sợ tội lỗi.

187. Sở Hữu Phóng dật:

Là trạng thái tâm lý phóng túng, dao động, bị trần cảnh chi phối.

188. Sở Hữu Tham phần:

Là những sở hữu trong thành phần của ham muốn.

189. Sở Hữu Tham:

Là trạng thái tâm lý tham đắm, chấp trước, luyến ái, say đắm đối tượng sắc, thanh, khí, vị, xúc, pháp.

190. Sở Hữu Tà kiến:

Là trạng thái tâm lý thấy sai, hiểu lầm, hiểu không đúng.

191. Sở Hữu Ngã mạn:

Là trạng thái tâm lý tự đắc, tự kiêu, tự đại, tự cao, tự mãn, tự tôn.

192. Sở Hữu Sân phần:

Là nhóm trạng thái tâm lý sân hận, khó chịu, nóng nảy, bực bội, bất toại nguyện, không vừa ý.

193. Sở Hữu Sân:

Là trạng thái tâm lý bất bình, phẫn nộ, ưu phiền.

194. Sở Hữu Tật:

Là trạng thái tâm lý ganh tỵ, tật đố.

195. Sở Hữu Lận:

Là trạng thái tâm lý keo kiệt, bòn xén, bòn rít, hà tiện.

196. Sở Hữu Hối:

Là trạng thái tâm lý hối tiếc những việc đã qua: hối hận việc ác đã làm, hối tiếc việc thiện đã bỏ qua.

197. Sở Hữu Hôn phần:

Là những trạng thái tâm lý mê mờ, yếu đuối, lười biếng, đã dượi.

198. Sở Hữu Hôn trầm:

Là trạng thái tâm lý lười biếng, lui sụt.

199. Sở Hữu Thuy miên (Thùy miên):

Là trạng thái tâm lý buồn ngủ, đã dượi.

200. Sở Hữu Hoài nghi:

Là trạng thái tâm lý lưỡng lự, phân vân, nghi ngờ về nhân quả, nghiệp báo, luân hồi, tái sanh.

201. Sở Hữu Tịnh Hảo:

Là những trạng thái tâm lý thanh tịnh, tốt đẹp.

202. Sở Hữu Tịnh Hảo biến hành:

Là những trạng thái tâm lý thanh tịnh, tốt đẹp. Có mặt trong 91 tâm tịnh hảo.

203. Sở Hữu Tín:

Là trạng thái tâm lý tin tưởng, tín ngưỡng.

Tín có 2 loại: Phàm tín và Thánh tín.

hoặc là Chánh tín và Tà tín.

204. Sở Hữu Niệm:

Là trạng thái tâm lý biết ngay, biết rõ ở thời điểm hiện tại.

Niệm có 4 đối tượng là: Thân, Thọ, Tâm, Pháp.

205. Sở Hữu Tàm:

Là trạng thái tâm lý hổ thẹn với tội lỗi, mắc cỡ với tội lỗi.

206. Sở Hữu Uý (Quý):

Là trạng thái ghê sợ với tội lỗi.

207. Sở Hữu Vô tham:

Là trạng thái tâm lý không tham muốn lục dục, lục trần.

Ví dụ như nước không dính lá sen.

208. Sở Hữu Vô sân:

Là trạng thái tâm lý không nóng nảy, không sân hận, không bất bình, không bất mãn, không bất toại nguyện. Vô sân đồng nghĩa với tâm từ.

209. Sở Hữu Hành xả:

Là trạng thái tâm lý quân bình, không thiên lệch.

210. Sở Hữu Tĩnh thân:

Là trạng thái tâm lý làm cho các sở hữu cùng sanh với nó được an tịnh.

211. Sở Hữu Tĩnh tâm:

Là trạng thái tâm lý làm cho tâm cùng sanh với nó được an tịnh.

212. Sở Hữu Khinh thân:

Là trạng thái tâm lý làm cho các sở hữu cùng sanh với nó được nhẹ nhàng.

213. Sở Hữu Khinh tâm:

Là trạng thái tâm lý làm cho tâm cùng sanh với nó được nhẹ nhàng.

214. Sở Hữu Nhu thân:

Là trạng thái tâm lý làm cho các sở hữu cùng sanh với nó được mềm mại, nhu nhuyễn.

215. Sở Hữu Nhu tâm:

Là trạng thái tâm lý làm cho tâm cùng sanh với nó được mềm mại, nhu nhuyễn.

216. Sở Hữu Thích thân:

Là trạng thái tâm lý làm cho các sở hữu cùng sanh với nó được thích ứng, thích nghi, thích hợp với việc làm.

217. Sở Hữu Thích tâm:

Là trạng thái tâm lý làm cho tâm cùng sanh với nó được thích ứng, thích nghi, thích hợp với việc làm.

218. Sở Hữu Thuần thân:

Là trạng thái tâm lý làm cho các sở hữu cùng sanh với nó được thuần thực.

219. Sở Hữu Thuần tâm:

Là trạng thái tâm lý làm cho tâm cùng sanh với nó được thuần thực.

220. Sở Hữu Chánh thân:

Là trạng thái tâm lý làm cho các sở hữu cùng sanh với nó được chân chánh, ngay thẳng.

221. Sở Hữu Chánh tâm:

Là trạng thái tâm lý làm cho tâm cùng sanh với nó được chân chánh, ngay thẳng.

Ví dụ như kim chỉ nam giúp cho kẻ lữ hành không lạc hướng.

222. Sở Hữu Giới phần:

Là những sở hữu có năng lực sát trừ nghiệp ác của thân và khẩu khi hợp với tâm siêu thế; chế ngự nghiệp ác của thân và khẩu khi hợp với Tâm Thiện dục giới tịnh hảo.

223. Sở hữu Chánh ngữ:

Là trạng thái tâm lý điều khiển lời nói chân chánh; là ngăn ngừa hoặc sát trừ ác nghiệp của khẩu; là không nói dối, không nói lời hung dữ, không nói lời chia rẽ, không nói lời vô ích.

224. Sở hữu Chánh nghiệp:

Là trạng thái tâm lý ngăn ngừa và sát trừ ác nghiệp của thân: là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm.

225. Sở Hữu Chánh mạng:

Là trạng thái tâm lý ngăn ngừa và sát trừ sự nuôi mạng bằng cách tà vạy, là không dùng thân, khẩu, ý ác để nuôi mạng.

226. Sở Hữu Vô lượng phần:

Là trạng thái tâm lý lấy vô lượng chúng sanh đau khổ và hạnh phúc làm đối tượng.

227. Sở Hữu Bi:

Là trạng thái tâm lý thương xót chúng sanh đau khổ.

228. Sở Hữu Tuỳ hỷ:

Là trạng thái tâm lý vui theo sự hạnh phúc hay thành công của tất cả chúng sanh, dù là người thân hay kẻ thù.

229. Sở Hữu Trí tuệ:

Là trạng thái tâm lý sáng suốt, thông minh, hiểu biết sự vật đúng với sự thật. Hiểu biết Tứ đế. Ngược lại với vô minh.

230. Sắc Tứ Đại:

Là 4 sắc lớn: Đất, Nước, Lửa, Gió.

231. Sắc Đất:

Là sắc pháp có trạng thái cứng hoặc mềm.

232. Sắc Nước:

Là sắc pháp có trạng thái thấm, rịn, tươm, ướt, chảy ra và quên lại.

233. Sắc Lửa:

Là sắc pháp có trạng thái lạnh hoặc nóng.

234. Sắc Gió:

Là sắc pháp có trạng thái chuyển động, rung động, rung chuyển, di chuyển.

235. Sắc Y Đại Sinh:

Là sắc pháp y cứ theo Tứ đại mà sinh ra.

236. Sắc Thần kinh:
Là tinh chất của Tứ đại.

237. Sắc Thần kinh Nhãn:
Là tinh chất của Tứ đại.
Là chỗ nương nhờ của Nhãn thức.
Có khả năng thu bắt cảnh sắc.
Có hình như đầu con chí đực, nằm trong móng mắt con người.

238. Sắc Thần kinh Nhĩ:
Là tinh chất của Tứ đại.
Là chỗ nương nhờ của Nhĩ thức.
Có khả năng thu bắt cảnh thính.
Có hình như lông con cừu, nằm trong lỗ tai.

239. Sắc Thần kinh Tỷ:
Là tinh chất của Tứ đại.
Là chỗ nương nhờ của Tỷ thức.
Có khả năng thu bắt cảnh khí.
Có hình như móng chân con dê, nằm trong lỗ mũi.

240. Sắc Thần kinh Thiệt:

Là tinh chất của Tứ đại.
 Là chỗ nương nhờ của Thiệt thức.
 Có khả năng thu bắt cảnh vị.
 Có hình như đầu lông con nhím, nằm trong lưới.

241. Sắc Thần kinh Thân:

Là tinh chất của Tứ đại.
 Là chỗ nương nhờ của thân thức.
 Có khả năng thu bắt cảnh xúc.
 Sắc thần kinh thân phủ trùm khắp toàn thân.

242. Sắc Cảnh giới:

Là đối tượng của 5 sắc thần kinh.
 Đó là cảnh sắc, cảnh thính, cảnh khí, cảnh vị,
 còn cảnh xúc là Đất, Lửa, Gió trong sắc Tứ đại.

243. Sắc Cảnh sắc:

Là tất cả hình, sắc, vật mà mắt thấy được.

244. Sắc Cảnh thính:

Là tất cả tiếng, âm thanh mà tai nghe được.

245. Sắc Cảnh khí:

Là tất cả hơi hay mùi mà mũi ngửi được.

246. Sắc Cảnh vị:

Là tất cả vị cay, đắng, ngọt, bùi mà lưỡi nếm được.

247. Sắc Tính:

Là sắc pháp biểu hiện tính nam hoặc tính nữ.

248. Sắc Nam tính:

Là sắc pháp biểu hiện tướng trạng của người nam, giống đực, trổng, có trạng thái hùng dũng, cứng cỏi.

249. Sắc Nữ tính:

Là sắc pháp biểu hiện tướng trạng của người nữ, giống cái, mái, có trạng thái ôn hoà, dịu dàng, yếu điệu, yếu ớt, hiền hoà, dễ thương.

250. Sắc Ý vật:

Là sắc trái tim, hay sắc bộ não, hoặc sắc nào mà ý thức nương nhờ sinh ra.

251. Sắc Mạng quyền:

Là sắc pháp có khả năng bảo tồn các sắc nghiệp đồng sanh được tồn tại.

252. Sắc Vật thực:

Là sắc pháp có chất dinh dưỡng, có đặc tính nuôi dưỡng các sắc pháp khác được phát triển lớn mạnh.

253. Sắc Hư không:

Là khoảng giữa của các sắc pháp.

254. Sắc Biểu tri (biểu - hiện; tri - bày):

Là sắc pháp biểu hiện tri bày, hiện bày nơi thân, hoặc khẩu để khi thấy hoặc nghe mà hiểu được.

255. Sắc Thân biểu tri:

Là sắc pháp hiện bày biểu lộ bằng thân như cử động, múa tay, ra dấu để người khác thấy mà biết được.

256. Sắc Khẩu biểu tri:

Là sắc pháp hiện bày biểu lộ bằng miệng như tiếng nói, tiếng cười để người khác nghe mà hiểu được.

257. Sắc Đặc biệt:

Là sắc pháp có tính chất riêng biệt, thù thắng.

258. Sắc Khinh:

Là sắc pháp có trạng thái nhẹ nhàng.

259. Sắc Nhu:

Là sắc pháp có trạng thái mềm dịu, không thô cứng.

260. Sắc Thích nghiệp:

Là sắc pháp có trạng thái thích hợp với việc làm.

261. Sắc Tứ tướng:

Là sắc pháp có tướng trạng riêng biệt.

262. Sắc Sinh:

Là sắc pháp vừa sinh khởi, vừa sinh ra.

263. Sắc Tiến:

Là sắc pháp được phát triển, tăng thêm.

264. Sắc Dị:

Là sắc già đi, khác đi.

265. Sắc Diệt:

Là sắc pháp bị tiêu hoại, tiêu diệt.

266. Danh chế định:
Là đặt tên cho các pháp.

267. Danh chơn chế định:
Là đặt tên cho một sự thật chơn đế.
Ví dụ như tâm tham...

268. Phi danh chơn chế định:
Là đặt tên cho một pháp không phải là sự thật.
Ví dụ như chồng, vợ, sư phụ, đệ tử...

269. Danh chơn Phi danh chơn chế định:
Là đặt tên cho một pháp đầu có thực và pháp sau
là không có thực.
Ví dụ như tâm tham của tôi...

270. Phi danh chơn Danh chơn chế định:
Là đặt tên cho pháp đầu không có thực và pháp
sau là có thực.
Ví dụ như tôi có trí tuệ...

271. Danh chơn Danh chơn chế định:
Là đặt tên cho pháp đầu có thực và pháp sau
cũng có thực.

Ví dụ như tâm chánh niệm...

272. Phi danh chơn Phi danh chơn chế định:
Là đặt tên cho pháp đầu không có thực mà pháp sau cũng không có thực.

Ví dụ như chồng của em, sư phụ của con...

273. Nghĩa chế định:
Là dùng ý nghĩa để đặt tên cho các pháp.

274. Hình thức chế định:
Là dùng hình thức để đặt tên cho các pháp.
Ví dụ như biển, núi, sông, hồ...

275. Hiệp thành chế định:
Là hợp lại nhiều bộ phận để đặt tên cho các pháp.

Ví dụ như rui, mè, kèo, cột hợp lại thành một ngôi nhà

276. Chúng sanh chế định:
Là nhìn các loại chúng sanh mà đặt tên.
Ví dụ như thú, người, trời, ma, quỷ, thánh, thần, tiên, Phật...

277. Phương hướng chế định:
Là nhìn phương hướng mà đặt tên.
Ví dụ như Đông, Tây, Nam, Bắc.

278. Thời gian chế định:
Là nhìn thời gian mà đặt tên.
Ví dụ như Xuân, Hạ, Thu, Đông, sáng, trưa,
chiều, tối.

279. Hư không chế định:
Là nhìn các chỗ trống, khe hở, khoảng hư không
mà đặt tên.
Ví dụ như giếng, hang, hồ, huyết...

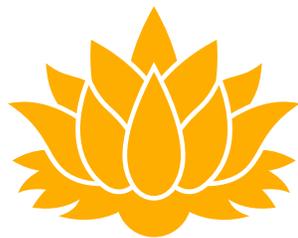
280. Hình tướng chế định:
Là nhìn những tướng trạng khác nhau mà đặt
tên.
Ví dụ như lá cờ, bảng hiệu, tượng Phật.

Virginia USA
21-20-2020

CHƯƠNG X



280 ĐỊNH NGHĨA BẰNG HÌNH DANH TỪ ABHIDHAMMA



1. Pháp:
Là tất cả.

**2. Pháp tục
đế:**
Pháp thuộc về
sự thật của thế
tục.

**3. Pháp
Chân Đế:**
Pháp
thuộc về
sự thật
của sự
thật.

4. Chân Đế vô vi:
Là pháp thuộc về sự thật của sự
thật mà không còn có hành vi bằng
thân, khẩu, ý. Còn gọi là Niết Bàn.

5. Chân Đế hữu vi:
Là pháp thuộc về sự thật của sự thật mà còn có hành vi bằng thân, khẩu, ý.

6. Sắc pháp:
Là pháp thuộc về sắc.

7. Danh pháp:
Là pháp thuộc về danh.

8. Sở hữu tâm:
Là pháp phụ thuộc tâm

9. Tâm:
Là sự biết cảnh.

10. Tâm Siêu Thế:
Là tâm biết cảnh ngoài
thế gian, tức biết cảnh
Niết Bàn.

**11. Tâm
Hiệp Thế:**
Là tâm biết
cảnh hợp
thế gian.

**12. Tâm Đáo
Đại:**
Là tâm biết
cảnh lớn tức
cảnh đê mục
thiên sắc giới,
thiên vô sắc
giới.

**13. Tâm Dục
Giới:**
Là tâm biết cảnh
lục trần, lục dục:
sắc, thanh, khí
(hương), vị, xúc,
pháp.

**14. Tâm Dục
Giới Tịnh Hảo:**
Là tâm biết
cảnh lục trần,
lục dục: sắc,
thanh, khí
(hương), vị,
xúc, pháp **mà**
có 25 sở hữu
tịnh hảo cùng
sanh.

15. Tâm Dục Giới Vô Tịnh

Hảo:

Là tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thanh, khí (hương), vị, xúc, pháp **mà không có 25 sở hữu tịnh hảo cùng sanh.**

16. Tâm Vô Nhân:

Là tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thanh, khí (hương), vị, xúc, pháp **mà không có 6 nhân tham, sân, si, vô tham, vô sân, vô si cùng sanh.**

17. Tâm Bất Thiện:

Là tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thanh, khí (hương), vị, xúc, pháp **mà có 14 sở hữu bất thiện cùng sanh.**



18. Tâm Tham:

Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thính, khí (hương), vị, xúc, pháp **mà có 3 sở hữu thuộc tham phần cùng sanh.**

19. Tâm Sân:

Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thính, khí (hương), vị, xúc, pháp **mà có 4 sở hữu thuộc sân phần cùng sanh.**

20. Tâm Si:

Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thính, khí (hương), vị, xúc, pháp **mà có 4 sở hữu thuộc si phần cùng sanh.**

21. Tâm Tham thọ hỷ hợp tà vô trợ:

Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thính, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu tham phần cùng sanh, **có thọ hỷ vui mừng**, hợp với tà kiến thấy sai, không có sự trợ giúp bằng thân, khẩu, ý của mình hoặc chúng sanh khác, khởi lên một cách nhanh nhẹn không chần chừ, chậm chạp.

Ví dụ như một người vô chùa thấy tượng Phật bằng vàng khởi lên lòng ham muốn và ăn trộm với sự vui mừng, đồng thời nghĩ rằng không có tội. Trộm cắp một cách nhanh nhẹn, không cần sự trợ giúp của bất cứ ai.

22. Tâm Tham thọ hỷ hợp tà hữu trợ:

Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thính, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu tham phần cùng sanh, **có sự vui mừng**, có tà kiến, có sự trợ giúp.

Ví dụ như một người vô chùa thấy tượng Phật bằng vàng khởi lên lòng ham muốn và ăn trộm với sự vui mừng đồng thời nghĩ rằng không có tội. Và có sự trợ giúp bằng thân, khẩu, ý của mình hoặc của chúng sanh khác.

23. Tâm Tham thọ hỷ ly tà vô trợ:

Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thính, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu tham phần cùng sanh, **có sự vui mừng**, không có tà kiến, không có sự trợ giúp.



24. Tâm Tham thọ hỷ ly tà hữu trợ:

Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thính, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu tham phần cùng sanh, **có sự vui mừng**, không có tà kiến, có sự trợ giúp.

25. Tâm Tham thọ xả hợp tà vô trợ:

Là Tâm biết cảnh lục, trần lục dục: sắc, thính, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu tham phần cùng sanh, **có cảm thọ xả**, hợp với tà kiến thấy sai, không có sự trợ giúp bằng thân, khẩu, ý của mình hoặc chúng sanh khác, khởi lên một cách nhanh nhẹn, không chần chừ, chậm chạp.

26. Tâm Tham thọ xả hợp tà hữu trợ:

Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thính, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu tham phần cùng sanh, **có cảm thọ xả**, có tà kiến, và có sự trợ giúp.

**27. Tâm Tham thọ xả
ly tà vô trợ:**

Là Tâm biết cảnh lục
trần, lục dục: sắc, thính,
khí (hương), vị, xúc,
pháp mà có sở hữu
tham phần cùng sanh,
có cảm thọ xả, không có
tà kiến, không có sự trợ
giúp.

**28. Tâm Tham thọ xả ly tà hữu
trợ:**

Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục:
sắc, thính, khí (hương), vị, xúc,
pháp mà có sở hữu tham phần
cùng sanh, **có cảm thọ xả**, không
có tà kiến, có sự trợ giúp.

**29. Tâm Sân thọ ưu
hợp phần vô trợ:**

Là Tâm biết cảnh lục
trần, lục dục: sắc, thính,
khí (hương), vị, xúc,
pháp mà có sở hữu sân
phần cùng sanh, có trạng
thái ưu phiền, hợp với
phần nộ, không có sự
trợ giúp.

**30. Tâm Sân thọ
ưu hợp phần hữu
trợ:**

Là Tâm biết cảnh lục
trần, lục dục: sắc,
thính, khí (hương),
vị, xúc, pháp mà có
sở hữu sân phần
cùng sanh, có trạng
thái ưu phiền, hợp
với phần nộ, và có
sự trợ giúp.

31. Tâm Si thọ xả hợp hoài nghi:
 Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục:
 sắc, thính, khí (hương), vị, xúc,
 pháp, **có cảm thọ xả**, có sự nghi
 ngờ về nhân quả, nghiệp báo, về
 luân hồi tái sinh, về Phật, Pháp,
 Tăng v...v...



32. Tâm Si thọ xả hợp phóng dật:
 Là Tâm biết cảnh lục
 trần, lục dục: sắc, thính,
 khí (hương), vị, xúc,
 pháp, **có cảm thọ xả**, có
 sự phóng túng, lao chao,
 loạn động.

33. Tâm Quả bất thiện vô nhân:

Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thính, khí (hương), vị, xúc, pháp mà chỉ là cảnh xấu.

Những Tâm này là quả báo của 12 tâm bất thiện.

Tâm này không có 6 nhân: tham, sân, si, vô tham, vô sân, vô si cùng sanh.



34. Tâm Nhãn thức thọ xả Quả bất thiện vô nhân:

Tâm này là cái biết của con mắt khi bắt cảnh sắc xấu, có cảm thọ xả. Tâm này là quả báo của 12 tâm bất thiện, Tâm này không có 6 nhân: tham, sân, si, vô tham, vô sân, vô si cùng sanh.

**35. Tâm Nhĩ thức thọ xả
Quả bất thiện vô nhân:**

Tâm này là cái biết của tai
khi bắt cảnh thanh xấu,
có cảm thọ xả.

Tâm này là quả báo của
12 tâm bất thiện.

Tâm này không có 6 nhân
cùng sanh.



**36. Tâm Tỷ thức thọ xả Quả bất
thiện vô nhân:**

Tâm này là cái biết của mũi khi
bắt cảnh khí hôi thối không vừa
lòng, **có cảm thọ xả.**

Tâm này là quả báo của 12 tâm
bất thiện.

Tâm này không có 6 nhân cùng
sanh.



37. Tâm Thiệt thức thọ xả
Quả bất thiện vô nhân:

Tâm này là cái biết của lưỡi
 khi bắt cảnh vị xấu, có cảm
 thọ xả.

Tâm này là quả báo của 12
 tâm bất thiện.

Tâm này không có 6 nhân
 cùng sanh.



38. Tâm Thân thức thọ khổ
Quả bất thiện vô nhân:

Tâm này là cái biết của thân
 kinh thân khi bắt cảnh xúc
 xấu, có cảm thọ khổ.

Tâm này là quả báo của 12
 tâm bất thiện.

Tâm này không có 6 nhân
 cùng sanh.

39. Tâm Tiếp thu thọ xả Quả bất thiện vô nhân:

Là tâm tiếp thu cảnh sắc, cảnh thính, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc xấu, **có cảm thọ xả.**

Tâm này là quả báo của 12 tâm bất thiện.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

40. Tâm Quan sát thọ xả Quả bất thiện vô nhân:

Là tâm tiếp thu cảnh sắc, cảnh thính, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc xấu, **có cảm thọ xả.**

Tâm này là quả báo của 12 tâm bất thiện.

Tâm này làm việc tái sinh, hộ kiếp và tử cho người ở cõi khổ.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

41. Tâm Quả thiện vô nhân:

Là Tâm biết cảnh sắc, cảnh thanh, cảnh khí (hương), cảnh vị, cảnh xúc tốt tức là sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, thân xúc lạc. Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.



42. Tâm Nhãn thức thọ xả Quả thiện vô nhân:

Tâm này là cái biết của con mắt khi bắt cảnh sắc tốt, có cảm thọ xả.

Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

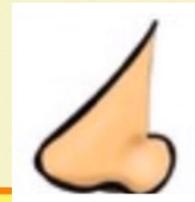


43. Tâm Nhĩ thức thọ xả Quả thiện vô nhân:

Tâm này là cái biết của tai khi bắt cảnh thanh tốt, **có cảm thọ xả.**

Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.



44. Tâm Tỷ thức thọ xả Quả thiện vô nhân:

Tâm này là cái biết của mũi khi tiếp xúc với cảnh khí tốt tức là hương thơm, **có cảm thọ xả.**

Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.



**45. Tâm Thiệt thức thọ xả Quả
thiện vô nhân:**

Tâm này là cái biết của lưỡi khi tiếp xúc với cảnh vị ngon, **có cảm thọ xả.**

Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.



**46. Tâm Thân thức thọ lạc Quả
thiện vô nhân:**

Tâm này là cái biết của thân kinh thân khi tiếp xúc với cảnh xúc êm ái, **có cảm thọ lạc.**

Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.



**47. Tâm Tiếp thâu thọ xả
Quả thiện vô nhân:**

Tâm này là tâm tiếp thâu
cảnh sắc, cảnh thanh,
cảnh khí, cảnh vị, cảnh
xúc tốt tức là sắc đẹp,
tiếng hay, mùi thơm, vị
ngon, thân xúc lạc,
có cảm thọ xả.

Tâm này là quả báu của
tâm thiện dục giới tịnh
hảo.

Tâm này không có 6 nhân
cùng sanh.

48. Tâm Quan sát thọ xả Quả thiện vô nhân:

Tâm này là tâm quan sát cảnh sắc, cảnh thanh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc tốt tức là sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, thân xúc lạc, **có cảm thọ xả.**

Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.

Tâm này làm việc tái sinh, hộ kiếp và tử cho người lạc vô nhân.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

49. Tâm Quan sát thọ hỷ Quả thiện vô nhân:

Tâm này là tâm quan sát cảnh sắc, cảnh thanh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc tốt tức là sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, thân xúc lạc, nhưng vì cảnh quá tốt, quá đặc biệt nên **có cảm thọ hỷ.**

Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.

50. Tâm Duy tác vô nhân:

Là Tâm biết cảnh sắc, thính, khí (hương), vị, xúc, pháp chỉ duy nhất có hành động mà không có kết quả của hành động. Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

51. Tâm Khán Ngũ môn thọ xả:

Là Tâm hướng đến 5 cảnh sắc, thính, khí (hương), vị, xúc, có cảm thọ xả. Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

**52. Tâm Khán Ý
môn thọ xả:**
Là Tâm hướng
đến cảnh pháp,
có cảm thọ xả.
Tâm này không có
6 nhân cùng sanh.

53. Tâm Ưng cúng vi tiểu thọ hỷ:
Là Tâm làm việc cười của bậc A
La Hán.
Tâm này không có 6 nhân cùng
sanh.

**54. Tâm Thiện dục giới
tịnh hảo:**

Là Tâm biết cảnh sắc,
thinh, khí (hương), vị,
xúc, pháp mà khởi lên sự
thiện lành.

Tâm này có 25 sở hữu tịnh
hảo cùng sanh.

55. Tâm Thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ:

Là Tâm biết cảnh sắc, tinh, khí
(hương), vị, xúc, pháp mà khởi lên
sự thiện lành, **có sự hoan hỷ**, hợp với
trí tuệ và không có sự trợ giúp bằng
thân, khẩu, ý của mình hoặc của
chúng sanh khác.

Ví dụ như một người thấy một vị sư
đi khát thực lòng rất vui mừng liền
nhanh chóng cúng dường thức ăn và
nghĩ rằng cúng dường được phước.
Vui mừng là thọ hỷ. Biết cúng dường
có phước là hợp trí. Bồ thí cúng
dường là tâm thiện dục giới. Cúng
dường nhanh chóng là vô trợ.

56. Tâm Thiện thọ hỷ hợp trí hữu trợ:

Là Tâm biết cảnh sắc, thính, khí (hương), vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, **có sự hoan hỷ**, hợp với trí tuệ, có sự trợ giúp.

57. Tâm Thiện thọ hỷ ly trí vô trợ:

Là Tâm biết cảnh sắc, thính, khí (hương), vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, **có sự hoan hỷ**, không có trí tuệ, không có sự trợ giúp.

58. Tâm Thiện thọ hỷ ly trí hữu trợ:

Là Tâm biết cảnh sắc, thính, khí (hương), vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, **có sự hoan hỷ**, không có trí tuệ, có sự trợ giúp.

**59. Tâm Thiện thọ xả
hợp trí vô trợ:**

Là Tâm biết cảnh sắc,
thinh, khí (hương), vị,
xúc, pháp mà khởi lên
sự thiện lành, **có cảm
thọ xả**, hợp với trí tuệ,
không có sự trợ giúp.



**60. Tâm Thiện thọ xả
hợp trí hữu trợ:**

Là Tâm biết cảnh sắc,
thinh, khí (hương), vị,
xúc, pháp mà khởi lên
sự thiện lành, **có cảm
thọ xả**, hợp với trí tuệ,
có sự trợ giúp.

61. Tâm Thiện thọ xả ly trí vô trợ:

Là Tâm biết cảnh sắc, thính, khí (hương), vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, **có cảm thọ xả**, không có trí tuệ, không có sự trợ giúp.

62. Tâm Thiện thọ xả ly trí hữu trợ:

Là Tâm biết cảnh sắc, thính, khí (hương), vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, **có cảm thọ xả**, không có trí tuệ, có sự trợ giúp.

63. Tâm Quả dục giới tịnh hảo:

Là Quả của tâm thiện dục giới tịnh hảo.

Những tâm này **làm việc tái sinh, hộ kiếp và tử** cho người và chư thiên ở cõi dục giới

64. Tâm Quả thọ hỷ hợp trí vô trợ:

Là Quả của tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ.

**65. Tâm Quả thọ hỷ
hợp trí hữu trợ:**
Là Quả của tâm
thiện thọ hỷ hợp trí
hữu trợ.

**66. Tâm Quả thọ hỷ
ly trí vô trợ:**
Là Quả của tâm
thiện thọ hỷ ly trí vô
trợ.

**67. Tâm Quả thọ hỷ
ly trí hữu trợ:**
Là Quả của tâm
thiện thọ hỷ ly trí
hữu trợ.

**68. Tâm Quả
thọ xả hợp trí
vô trợ:
Là Quả của tâm
thiện thọ xả
hợp trí vô trợ.**

**69. Tâm Quả
thọ xả hợp trí
hữu trợ:
Là Quả của tâm
thiện thọ xả
hợp trí hữu
trợ.**

**70. Tâm Quả thọ xả
ly trí vô trợ:
Là Quả của tâm
thiện thọ xả ly trí vô
trợ.**

**71. Tâm Quả thọ xả
ly trí hữu trợ:
Là Quả của tâm thiện
thọ xả ly trí hữu trợ.**

**72. Tâm Duy tác dục
giới tịnh hảo:**
Là Tâm làm việc lành
của các bậc A La Hán.
Tâm này cũng giống
như tâm thiện dục
giới tịnh hảo nhưng
không cho quả.

**73. Tâm Duy Tác thọ hỷ hợp
trí vô trợ:**
Là Tâm làm việc lành của các
bậc A La Hán.
Tâm này giống như Tâm
thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ
nhưng không cho quả.

74. Tâm Duy Tác thọ hỷ hợp trí hữu trợ:

Là Tâm làm việc lành của các bậc A La Hán.

Tâm này giống như Tâm thiện thọ hỷ hợp trí hữu trợ nhưng không cho quả.

75. Tâm Duy Tác thọ hỷ ly trí vô trợ:

Là Tâm làm việc lành của các bậc A La Hán.

Tâm này giống như Tâm thiện thọ hỷ ly trí vô trợ nhưng không cho quả.

76. Tâm Duy Tác thọ hỷ ly trí hữu trợ:

Là Tâm làm việc lành của các bậc A La Hán.

Tâm này giống như Tâm thiện thọ hỷ ly trí hữu trợ nhưng không cho quả.

**77. Tâm Duy Tác thọ
xả hợp trí vô trợ:
Là Tâm làm việc
lành của các bậc A
La Hán.**

**Tâm này giống như
Tâm thiện thọ xả hợp
trí vô trợ nhưng
không cho quả.**

**78. Tâm Duy Tác thọ
xả hợp trí hữu trợ:
Là Tâm làm việc
lành của các bậc A
La Hán.**

**Tâm này giống như
Tâm thiện thọ xả hợp
trí hữu trợ nhưng
không cho quả.**

**79. Tâm Duy Tác thọ
xả ly trí vô trợ:
Là Tâm làm việc lành
của các bậc A La
Hán.**

**Tâm này giống như
Tâm thiện thọ xả ly trí
vô trợ nhưng không
cho quả.**

**80. Tâm Duy Tác thọ
xả ly trí hữu trợ:
Là Tâm làm việc
lành của các bậc A
La Hán.**

**Tâm này giống như
Tâm thiện thọ xả ly trí
hữu trợ nhưng không
cho quả.**

**81. Tâm sắc
giới:**

**Là Tâm biết cảnh
đề mục thiền sắc
giới liên quan
đến cõi sắc giới.**

**82. Tâm Thiện
sắc giới:**

**Là Tâm tu
thiền đề mục
sắc giới và đặc
thiền sắc giới.**

**83. Tâm Thiện sơ
thiền sắc giới:**

Là Tâm tu thiền đề
mục sắc giới và đặc
thiền sắc giới lần
thứ nhất.

Có 5 chi thiền là
tâm, tứ, hỷ, lạc và
nhất tâm.

**84. Tâm Thiện nhị
thiền sắc giới:**

Là Tâm tu thiền đề
mục sắc giới và đặc
thiền sắc giới lần
thứ 2.

Có 4 chi thiền là tứ,
hỷ, lạc và nhất tâm.

85. Tâm Thiện tam thiên sắc giới:

Là Tâm tu thiên đề mục sắc giới và đắc thiên sắc giới lần thứ 3.

Có 3 chi thiên là hỷ, lạc và nhất tâm.

86. Tâm Thiện tứ thiên sắc giới:

Là Tâm tu thiên đề mục sắc giới và đắc thiên sắc giới lần thứ 4.

Có 2 chi thiên là lạc và nhất tâm.

87. Tâm Thiện ngũ thiên sắc giới:

Là Tâm tu thiên đề mục sắc giới và đắc thiên sắc giới lần thứ 5.

Có 2 chi thiên là xả và nhất tâm.

88. Tâm Quả sắc giới:
Là Quả của tâm thiện sắc giới.
Tâm này làm việc tái sinh, hộ kiếp và tử cho các vị Phạm thiên ở cõi sắc giới.

89. Tâm Quả sơ thiên sắc giới:
Là Quả của tâm thiện sơ thiên sắc giới.

**90. Tâm Quả
nhị thiên sắc
giới:**
Là Quả của
tâm thiện nhị
thiên sắc giới.

**91. Tâm Quả
tam thiên sắc
giới:**
Là Quả của
tâm thiện tam
thiên sắc giới.

**92. Tâm Quả
tứ thiên sắc
giới:**
Là Quả của tâm
thiện tứ thiên
sắc giới.

**93. Tâm Quả
ngũ thiên sắc
giới:**
Là Quả của tâm
thiện ngũ thiên
sắc giới.

94. Tâm Duy Tác sắc giới:

**Là Tâm tu thiền đặc
thiền sắc giới của các
bậc A La Hán.**

**Tâm này cũng giống như
tâm thiện sắc giới nhưng
không cho quá.**

**95. Tâm Duy Tác sơ thiền sắc
giới:**

**Là Tâm tu thiền và đặc thiền sắc
giới lần thứ nhất của các bậc A La
Hán.**

**Có 5 chi thiền là tâm, tứ, hỷ, lạc và
nhất tâm.**

**96. Tâm Duy Tác
nhị thiên sắc giới:**

Là Tâm tu thiên và
đắc thiên sắc giới
lần thứ 2 của các
bậc A La Hán.

Có 4 chi thiên là tứ,
hỷ, lạc và nhất tâm.

**97. Tâm Duy Tác
tam thiên sắc giới:**

Là Tâm tu thiên và
đắc thiên sắc giới
lần thứ 3 của các
bậc A La Hán.

Có 3 chi thiên là
hỷ, lạc và nhất tâm.

**98. Tâm Duy Tác
tứ thiên sắc giới:**

Là Tâm tu thiên và
đắc thiên sắc giới
lần thứ 4 của các
bậc A La Hán.

Có 2 chi thiên là lạc
và nhất tâm.

**99. Tâm Duy Tác
ngũ thiên sắc giới:**

Là Tâm tu thiên và
đắc thiên sắc giới
lần thứ 5 của các
bậc A La Hán.

Có 2 chi thiên là xả
và nhất tâm.

**100. Tâm vô sắc
giới:**

Là tâm tu thiền
đề mục vô sắc,
liên quan đến
cõi vô sắc.

**101. Tâm Thiện vô
sắc giới:**

Là tâm thiện tu thiền
và đặc thiền đề mục
vô sắc.

**102. Tâm Thiện không vô biên
xứ:**

Là tâm tu thiền và đặc thiền đề
mục hư không không biên giới,
vô cùng tận, không bờ mé.
Tâm này là nhân sanh làm
Phạm thiên ở cõi không vô
biên xứ.

**103. Tâm Thiện thức
vô biên xứ:**

Là tâm tu thiền và đặc
thiền đề mục thức
không biên giới, thức
không cùng tận, thức
không bờ mé.

Tâm này là nhân sanh
làm Phạm thiên ở cõi
thức vô biên xứ.

**104. Tâm Thiện vô
sở hữu xứ:**

Là tâm tu thiền và
đặc thiền đề mục
không có chi cả.

Tâm này là nhân
sanh làm Phạm thiên
ở cõi vô sở hữu xứ.

**105. Tâm Thiện phi
tướng phi phi tướng xứ:**

Là tâm tu thiền đặc thiền đề
mục không có tướng cũng
không không có tướng.

Trạng thái tâm này rất vi tế,
dường như không có tướng
nhưng chẳng phải là không
có tướng .

Tâm này là nhân sanh làm
Phạm thiên ở cõi phi tướng
phi phi tướng xứ.

106. Tâm Quả vô sắc giới:
 Là Quả của Tâm Thiện vô sắc giới.
 Tâm này **làm việc tục sinh, hộ kiếp và tử** cho các vị Phạm thiên ở cõi vô sắc.

107. Tâm Quả không vô biên xứ:
 Là Quả của Tâm Thiện không vô biên xứ.

108. Tâm Quả thức vô biên xứ:
 Là Quả của Tâm Thiện thức vô biên xứ.

109. Tâm Quả vô sở hữu xứ:
 Là Quả của Tâm Thiện vô sở hữu xứ.

110. Tâm Quả phi tướng phi phi tướng xứ:
 Là Quả của Tâm Thiện phi tướng phi phi tướng xứ.

**111. Tâm Duy Tác
vô sắc giới:**
Là Tâm tu thiền
và đặc thiền đề
mục vô sắc của
các bậc A La Hán.

**112. Tâm Duy Tác không
vô biên xứ:**
Là Tâm tu thiền và đặc
thiền đề mục không vô
biên xứ của các bậc A La
Hán.
Tâm này cũng giống như
Tâm Thiện không vô biên
xứ nhưng không cho quả.

**113. Tâm Duy Tác thức vô
biên xứ:**
Là Tâm tu thiền và đặc
thiền đề mục thức vô biên
xứ của các bậc A La Hán.
Tâm này cũng giống như
Tâm Thiện thức vô biên
xứ nhưng không cho quả.

114. Tâm Duy Tác vô sở hữu xứ:
Là Tâm tu thiền và đặc thiền đề
mục vô sở hữu xứ của các bậc A La
Hán.
Tâm này cũng giống như Tâm
Thiện vô sở hữu xứ nhưng không
cho quả.

**115. Tâm Duy Tác phi
tướng phi phi tướng xứ:**
Là Tâm tu thiền và đặc
thiền đề mục phi tướng
phi phi tướng xứ của các
bậc A La Hán.
Tâm này cũng giống như
Tâm Thiện phi tướng
phi phi tướng xứ nhưng
không cho quả.

116. Tâm Đạo:

Là Tâm **đắc đạo**.

Là tâm **đang sát trừ phiền não**.

Là tâm **đang thấy rõ Niết Bàn**.

117. Tâm Sơ đạo:

Là Tâm **đắc đạo** lần thứ nhất.

Là Tâm **đang sát trừ phiền não** lần thứ nhất.

Là Tâm **đang thấy rõ Niết Bàn** lần thứ nhất.

Tâm Sơ Đạo **diệt trừ được: Thân kiến, Hoài nghi, Giới cấm thủ.**

Tâm Sơ đạo được gọi là **Thất lai đạo**, cũng được gọi là **Dự lưu đạo** hay **Nhập lưu đạo**, cũng được gọi là **Tu Đà Hườn đạo**.

**118. Tâm Sơ
đạo Sơ thiên:**
Là Tâm **đắc đạo**
lần thứ **nhất**
và **đắc thiên** sắc
giới lần thứ
nhất.

**119. Tâm Sơ
đạo Nhị thiên:**
Là Tâm **đắc đạo**
lần thứ **nhất**
và **đắc thiên** sắc
giới lần thứ **2**.

**120. Tâm Sơ
đạo Tam thiên:**
Là Tâm **đắc đạo**
lần thứ **nhất**
và **đắc thiên** sắc
giới lần thứ **3**.

**121. Tâm Sơ
đạo Tứ thiên:**
Là Tâm **đắc đạo**
lần thứ **nhất**
và **đắc thiên** sắc
giới lần thứ **4**.

**122. Tâm Sơ
đạo Ngũ thiên:**
Là Tâm **đắc đạo**
lần thứ **nhất**
và **đắc thiên** sắc
giới lần thứ **5**.

123. Tâm Nhị đạo:

Là Tâm **đắc đạo** lần thứ 2.

Là tâm **đang sát trừ phiền
nã** lần thứ 2.

Là tâm **đang thấy rõ Niết
Bàn** lần thứ 2.

Tâm Nhị đạo làm **giảm nhẹ:
Dục ái và Sân.**

Tâm Nhị đạo cũng được gọi
là **Nhất lai đạo.**

Cũng được gọi là **Tư Đà
Hàm đạo.**

**124. Tâm Nhị
đạo Sơ thiên:**
Là Tâm đặc đạo
lần thứ 2
và đặc thiên sắc
giới lần thứ
nhất.

**125. Tâm Nhị
đạo Nhị thiên:**
Là Tâm đặc đạo
lần thứ 2
và đặc thiên sắc
giới lần thứ 2.

**126. Tâm Nhị
đạo Tam thiên:**
Là Tâm đặc đạo
lần thứ 2
và đặc thiên sắc
giới lần thứ 3.

**127. Tâm Nhị
đạo Tứ Thiên:**
Là Tâm đặc đạo
lần thứ 2
và đặc thiên sắc
giới lần thứ 4.

**128. Tâm Nhị
đạo Ngũ thiên:**
Là Tâm đặc đạo
lần thứ 2
và đặc thiên sắc
giới lần thứ 5.

129. Tâm Tam đạo:

Là Tâm **đắc đạo lần thứ 3.**

Là Tâm **đang sát trừ phiền não lần thứ 3.**

Là Tâm **đang thấy rõ Niết Bàn lần thứ 3.**

Tâm Tam đạo **diệt trừ được Dục ái và Sân.**

Tâm Tam đạo cũng được gọi là **Bất lai đạo, cũng được gọi là **A Na Hàm đạo.****

**130. Tâm Tam
đạo Sơ thiên:**
Là Tâm đặc đạo
lần thứ 3
và đặc thiên sắc
giới lần thứ nhất.

**131. Tâm Tam
đạo Nhị thiên:**
Là Tâm đặc đạo
lần thứ 3
và đặc thiên sắc
giới lần thứ 2.

**132. Tâm Tam
đạo Tam thiên:**
Là Tâm đặc đạo
lần thứ 3
và đặc thiên sắc
giới lần thứ 3.

**133. Tâm Tam
đạo Tứ thiên:**
Là Tâm đặc đạo
lần thứ 3
và đặc thiên sắc
giới lần thứ 4.

**134. Tâm Tam
đạo Ngũ thiên:**
Là Tâm đặc đạo
lần thứ 3
và đặc thiên sắc
giới lần thứ 5.

135. Tâm Tứ đạo:

Là Tâm **đắc đạo** lần thứ 4.

Là Tâm **đang sát trừ phiền não** lần thứ 4.

Là Tâm **đang thấy rõ Niết Bàn** lần thứ 4.

Tâm Tứ đạo **diệt trừ được Ái sắc, Ái vô sắc, Ngã mạn, Phóng dật và Vô minh.**

Tâm Tứ đạo cũng được gọi là **Vô Sanh đạo**, cũng được gọi là **A La Hán đạo.**

**136. Tâm Tứ
đạo Sơ thiên:**
Là Tâm đặc đạo
lần thứ 4
và đặc thiên sắc
giới lần thứ
nhất.

**137. Tâm Tứ
đạo Nhị thiên:**
Là Tâm đặc đạo
lần thứ 4
và đặc thiên sắc
giới lần thứ 2.

**138. Tâm Tứ
đạo Tam thiên:**
Là Tâm đặc đạo
lần thứ 4
và đặc thiên sắc
giới lần thứ 3.

**139. Tâm Tứ
đạo Tứ thiên:**
Là Tâm đặc đạo
lần thứ 4
và đặc thiên sắc
giới lần thứ 4.

**140. Tâm Tứ
đạo Ngũ thiên:**
Là Tâm đặc đạo
lần thứ 4
và đặc thiên sắc
giới lần thứ 5.

141. Tâm Quả Siêu Thế:
 Là Tâm **đắc quả siêu thế.**
 Là Tâm **đã sát trừ phiền não.**
 Là Tâm **thấy rõ Niết Bàn.**

142. Tâm Sơ quả:
 Là Tâm **đắc quả lần thứ nhất.**
 Là Tâm **đã sát trừ phiền não lần**
thứ nhất.
 Là Tâm **thấy rõ Niết Bàn lần thứ**
nhất.
 Tâm Sơ quả đã diệt trừ được
Thân kiến, Hoài nghi và Giới
cấm thủ.

**143. Tâm Sơ quả
Sơ thiên:**

Là Tâm đặc quả
lần thứ nhất
và đặc thiên sắc
giới lần thứ nhất.

**144. Tâm Sơ quả
Nhị thiên:**

Là Tâm đặc quả
lần thứ nhất
và đặc thiên sắc
giới lần thứ 2.

**145. Tâm Sơ quả
Tam thiên:**

Là Tâm đặc quả
lần thứ nhất
và đặc thiên sắc
giới lần thứ 3.

**146. Tâm Sơ quả
Tứ thiên:**

Là Tâm đặc quả
lần thứ nhất
và đặc thiên sắc
giới lần thứ 4.

**147. Tâm Sơ quả
Ngũ thiên:**

Là Tâm đặc quả
lần thứ nhất
và đặc thiên sắc
giới lần thứ 5.

148. Tâm Nhị quả:
Là Tâm đắc quả lần thứ 2.
Là Tâm đã sát trừ phiền não
lần thứ 2.
Là Tâm thấy rõ Niết Bàn lần
thứ 2.
Tâm Nhị quả làm giảm nhẹ
Dục ái và Sân.

**149. Tâm Nhị
quả Sơ thiên:**
Là Tâm **đắc quả**
lần thứ 2
và **đắc thiên sắc**
giới lần thứ
nhất.

**150. Tâm Nhị
quả Nhị thiên:**
Là Tâm **đắc quả**
lần thứ 2
và **đắc thiên sắc**
giới lần thứ 2.

**151. Tâm Nhị
quả Tam thiên:**
Là Tâm **đắc quả**
lần thứ 2
và **đắc thiên sắc**
giới lần thứ 3.

**152. Tâm Nhị
quả Tứ thiên:**
Là Tâm **đắc quả**
lần thứ 2
và **đắc thiên sắc**
giới lần thứ 4.

**153. Tâm Nhị
quả Ngũ thiên:**
Là Tâm **đắc quả**
lần thứ 2
và **đắc thiên sắc**
giới lần thứ 5.

154. Tâm Tam quả:

Là Tâm **đắc quả** lần thứ 3.

Là Tâm **đã sát trừ phiền não** lần thứ 3.

Là Tâm **thấy rõ Niết Bàn** lần thứ 3.

Tâm Tam quả **diệt trừ được Dục ái và Sân.**

**155. Tâm Tam quả Sơ
thiền:**

Là Tâm **đắc quả** lần
thứ 3
và **đắc thiền sắc giới**
lần thứ nhất.

**156. Tâm Tam quả
Nhị thiền:**

Là Tâm **đắc quả** lần
thứ 3
và **đắc thiền sắc giới**
lần thứ 2.

**157. Tâm Tam quả
Tam thiền:**

Là Tâm **đắc quả** lần
thứ 3
và **đắc thiền sắc giới**
lần thứ 3.

**158. Tâm Tam quả Tứ
thiền:**

Là Tâm **đắc quả** lần
thứ 3
và **đắc thiền sắc giới**
lần thứ 4.

**159. Tâm Tam quả
Ngũ thiền:**

Là Tâm **đắc quả** lần
thứ 3
và **đắc thiền sắc giới**
lần thứ 5.

160. Tâm Tứ quả:
Là Tâm **đắc quả** lần thứ 4.
Là Tâm **đã sát trừ phiền não** lần
thứ 4.
Là tâm **thấy rõ Niết Bàn** lần thứ 4.
Tâm Tứ quả **diệt trừ được Ái sắc,**
Ái vô sắc, Ngã mạn, Phóng dật và
Vô minh.

**161. Tâm Tứ
quả Sơ thiên:
Là Tâm đặc quả
lần thứ 4
và đặc thiên sắc
giới lần thứ
nhất.**

**162. Tâm Tứ
quả Nhị thiên:
Là Tâm đặc quả
lần thứ 4
và đặc thiên sắc
giới lần thứ 2.**

**163. Tâm Tứ
quả Tam thiên:
Là Tâm đặc quả
lần thứ 4
và đặc thiên sắc
giới lần thứ 3.**

**164. Tâm Tứ
quả Tứ thiên:
Là Tâm đặc quả
lần thứ 4
và đặc thiên sắc
giới lần thứ 4.**

**165. Tâm Tứ
quả Ngũ thiên:
Là Tâm đặc quả
lần thứ 4
và đặc thiên sắc
giới lần thứ 5.**

166. Sở Hữu Tợ Tha:

Là những sở hữu **tợ tợ theo các pháp khác.**

Nếu chúng hợp với tâm thiện thì là pháp thiện.

Nếu chúng hợp với tâm bất thiện thì là pháp bất thiện.

Nếu chúng hợp với tâm vô ký thì là pháp vô ký.

167. Sở Hữu Biến Hành:

Là sở hữu có mặt, **đồng hành với 121 tâm.**

168. Sở Hữu Xúc:

Là sự gặp gỡ tiếp xúc giữa **6 vật** (nhãn vật, nhĩ vật, tỷ vật, thiệt vật, thân vật, ý vật), hoặc **6 căn** (nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn), với **6 cảnh** (cảnh sắc, cảnh thanh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc, cảnh pháp), và với **6 thức** (nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức).

Có 6 loại xúc là:

Nhãn xúc (nằm trong nhãn thức),
 Nhĩ xúc (nằm trong nhĩ thức),
 Tỷ xúc (nằm trong tỷ thức),
 Thiệt xúc (nằm trong thiệt thức),
 Thân xúc (nằm trong thân thức),
 Ý xúc (nằm trong ý thức).

169. Sở Hữu Thọ:

Thọ là trạng thái **tiếp nhận các cảm thọ** từ các đối tượng.

Thọ có 5 thứ và 6 loại.

5 thứ là:

Thọ Khổ: Đau nhức thân

Thọ Lạc: Êm ái thân

Thọ Ưu: Ưu phiền, đau đớn của tâm

Thọ Hỷ: Vui mừng, dễ chịu của tâm

Thọ Xả: ngoài ra ưu, hỷ, lạc, khổ.

6 loại là:

Nhãn thọ: là Sở Hữu Thọ trong tâm nhãn thức để tiếp nhận c...

170. Sở Hữu Tưởng:
Tưởng là trạng thái **nhớ lại, hồi tưởng lại** những cảnh vật đã qua, đã mất, đã diệt mà trước kia đã từng gặp.

Tưởng **có 6 loại** là:
Sắc tưởng, thính tưởng, khí tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng.

171. Sở Hữu Tư:
Tư là trạng thái **cố ý, cố quyết, cố tâm, cũng còn gọi là nghiệp.**

Sở Hữu Tư **có 6 loại** là:
Sắc tư, thính tư, khí tư, vị tư, xúc tư, pháp tư.

172. Sở Hữu Nhất Hành:
Là trạng thái **gom tâm vào một đề mục** chong ngay vào cảnh, an trụ vào đối tượng, hay còn gọi là Sở hữu Định.

173. Sở Hữu Mạng Quyền:
Là Sở Hữu có **quyền bảo vệ mạng sống** của các danh pháp khác.
Gọi là mạng vì bảo tồn sự sống của các danh pháp trong 3 sát na tiểu (sinh, trụ, diệt).
Gọi là quyền vì có quyền điều hành các danh pháp cùng sinh, cùng làm một phận sự.

174. Sở Hữu Tác Ý:
Là trạng thái **gom thâu đối tượng** làm thành cảnh cho tâm.

175. Sở Hữu Biệt Cảnh:
 Là những sở hữu **tuỳ theo**
 những hoàn cảnh riêng
 biệt, có mặt với một số
 tâm này, không có mặt với
 một số tâm kia.

176. Sở Hữu Tâm:
 Là trạng thái tâm lý **hướng tâm đến**
cảnh hay đem tâm đến đối tượng.
 Tâm tức là tìm kiếm cảnh cho tâm.
 Ví dụ như con ong bay đi tìm hoa.
 Tâm có **6 loại** là:
 Sắc tâm, thính tâm, khí tâm, vị tâm,
 xúc tâm, pháp tâm.

177. Sở Hữu Tứ:

Là trạng thái tâm lý **quan sát** đối tượng một cách khẩn khít, chăm chú. Ví dụ như con ong bay rà rà chung quanh cái bông mà nó đã gặp.

Tứ có **6 loại** là:

Sắc tứ, khinh tứ, khí tứ, vị tứ, xúc tứ, pháp tứ.

178. Sở Hữu Thắng Giải:

Là trạng thái tâm lý **quyết đoán**, giải quyết một cách thù thắng trước một sự vật.

Ví dụ như vị quan toà tuyên án một vụ kiện.

179. Sở Hữu Cần:

Là trạng thái tâm lý **siêng năng**, tinh tấn, cần mẫn, chuyên cần, cố gắng, nỗ lực.

**180. Sở Hữu
Hỷ:**
Là trạng thái
tâm lý **no vui**
bằng cảnh.

181. Sở Hữu Dục:
Là trạng thái tâm lý mong
muốn.
Dục có 3 loại là:
a. Tham Dục: Ham muốn
lục trần, lục dục.
b. Pháp dục: Ham muốn
làm các thiện pháp.
c. Tác Dục: Ham muốn
làm các thiện pháp của
các bậc A La Hán.

182. Sở Hữu Bất Thiện:
Là những trạng
thái tâm lý
không lành,
không tốt, ác,
xấu.

**183. Sở Hữu Bất Thiện
biến hành còn gọi là Sở
Hữu Si phần:**
Là trạng thái tâm lý có
mặt phổ biến, đồng
hành với 12 tâm bất
thiện.

184. Sở Hữu Si:

Là trạng thái tâm lý **mê mờ, tầm tối**, ngược với trí tuệ, đồng nghĩa với vô minh.

Chính vì Sở Hữu Si làm cho tâm chúng sanh đen tối không biết rõ pháp chơn để như Tứ đế, ngũ uẩn, 12 xứ, 18 giới.

185. Sở Hữu Vô tâm:

Là trạng thái tâm lý **không hồ thẹn** với tội lỗi.

186. Sở Hữu Vô úy (Vô quý):

Là trạng thái tâm lý **không ghê sợ** tội lỗi.

187. Sở Hữu Phóng dật:

Là trạng thái tâm lý **phóng túng, dao động**, bị trần cảnh chi phối.

188. Sở Hữu Tham phần:
Là những sở hữu trong thành phần của ham muốn.

189. Sở Hữu Tham:
Là trạng thái tâm lý tham đắm, chấp trước, luyến ái, say đắm đối tượng sắc, thanh, khí, vị, xúc, pháp.

190. Sở Hữu Tà kiến:
Là trạng thái tâm lý thấy sai, hiểu lầm, hiểu không đúng.

191. Sở Hữu Ngã mạn:
Là trạng thái tâm lý tự đắc, tự kiêu, tự đại, tự cao, tự mãn, tự tôn.

192. Sở Hữu Sân phần:
Là nhóm trạng thái tâm lý **sân hận, khó chịu, nóng nảy, bực bội, bất toại nguyện, không vừa ý.**

193. Sở Hữu Sân:
Là trạng thái tâm lý **bất bình, phần nộ, ưu phiền.**

194. Sở Hữu Tật:
Là trạng thái tâm lý **ganh ty, tật đổ.**

195. Sở Hữu Lận:
Là trạng thái tâm lý **keo kiệt, bòn xén, bòn rít, hà tiện.**

196. Sở Hữu Hối:
Là trạng thái tâm lý **hối tiếc** những việc đã qua: **hối hận** việc ác đã làm, **hối tiếc** việc thiện đã bỏ qua.

**197. Sở Hữu Hôn
phần:**

Là những trạng
thái tâm lý **mê
mờ, yếu đuối,
lười biếng, dă
dượi.**

**198. Sở Hữu
Hôn trầm:**

Là trạng thái
tâm lý **lười
biếng, lui sụt.**

**199. Sở Hữu
Thuy miên (Thùy
miên):**

Là trạng thái
tâm lý **buồn ngủ,
dă dượi.**

**200. Sở Hữu Hoài
nghi:**
**Là trạng thái tâm lý
lưỡng lự, phân vân,
nghi ngờ về nhân
quả, nghiệp báo,
luân hồi, tái sinh.**

201. Sở Hữu Tịnh**Hảo:**

Là những trạng
thái tâm lý **thanh
tịnh, tốt đẹp.**

202. Sở Hữu Tịnh**Hảo biến hành:**

Là những trạng
thái tâm lý **thanh
tịnh, tốt đẹp.** Có
mặt trong 91 tâm
tịnh hảo.

203. Sở Hữu Tín:

Là trạng thái tâm lý
**tin tưởng, tín
ngưỡng.**

Tín có **2 loại:**

Phàm tín và Thánh
tín.

hoặc là Chánh tín và
Tà tín.

204. Sở Hữu Niệm:

Là trạng thái tâm lý
**biết ngay, biết rõ ở
thời điểm hiện tại.**

Niệm có 4 đối tượng
là: Thân, Thọ, Tâm,
Pháp.

205. Sở Hữu Tàm:

Là trạng thái tâm lý
**hỗ thẹn với tội lỗi,
mắc cỡ với tội lỗi.**

**206. Sở Hữu Uý
(Quý):**

Là trạng thái **ghê sợ
với tội lỗi.**

207. Sở Hữu Vô tham:
Là trạng thái tâm lý
không tham muốn
lục đục, lục trần.
Ví dụ như nước
không dính lá sen.

208. Sở Hữu Vô sân:
Là trạng thái tâm lý
không nóng nảy, không
sân hận, không bất
 bình, không bất mãn,
không bất toại nguyện.
Vô sân đồng nghĩa với
tâm từ.

209. Sở Hữu Hành
xả:
Là trạng thái tâm lý
quân bình, không
thiên lệch.

**210. Sở Hữu
Tịnh thân:**
Là trạng thái tâm
lý làm cho các **sở
hữu cùng sanh** với
nó được **an tịnh**.

**211. Sở Hữu Tịnh
tâm:**
Là trạng thái tâm
lý làm cho **tâm
cùng sanh** với nó
được **an tịnh**.

**212. Sở Hữu
Khinh thân:**
Là trạng thái tâm lý
làm cho các **sở hữu
cùng sanh** với nó
được **nhẹ nhàng**.

**213. Sở Hữu
Khinh tâm:**
Là trạng thái tâm
lý làm cho **tâm
cùng sanh** với nó
được **nhẹ nhàng**.

214. Sở Hữu Nhu thân:

Là trạng thái tâm lý làm cho các **sở hữu cùng sanh** với nó được mềm mại, nhu nhuyễn.

215. Sở Hữu Nhu tâm:

Là trạng thái tâm lý làm cho **tâm cùng sanh** với nó được mềm mại, nhu nhuyễn.

216. Sở Hữu Thích thân:

Là trạng thái tâm lý làm cho các **sở hữu cùng sanh** với nó được thích ứng, thích nghi, thích hợp với việc làm.

217. Sở Hữu Thích tâm:

Là trạng thái tâm lý làm cho **tâm cùng sanh** với nó được thích ứng, thích nghi, thích hợp với việc làm.

218. Sở Hữu Thuần thân:

Là trạng thái tâm lý làm cho các **sở hữu cùng sanh** với nó được **thuần thực**.

219. Sở Hữu Thuần tâm:

Là trạng thái tâm lý làm cho **tâm cùng sanh** với nó được **thuần thực**.

220. Sở Hữu Chánh thân:

Là trạng thái tâm lý làm cho các **sở hữu cùng sanh** với nó được **chân chánh, ngay thẳng**.

221. Sở Hữu Chánh tâm:

Là trạng thái tâm lý làm cho **tâm cùng sanh** với nó được **chân chánh, ngay thẳng**.

Ví dụ như kim chỉ nam giúp cho kẻ lữ hành không lạc hướng.

222. Sở Hữu Giới phần:
 Là những sở hữu **có năng lực sát trừ nghiệp ác của thân và khẩu** khi hợp với tâm siêu thế; chế ngự nghiệp ác của thân và khẩu khi hợp với Tâm Thiện dục giới tịnh hảo.

223. Sở hữu Chánh ngữ:
 Là trạng thái tâm lý **điều khiển lời nói chân chánh**; là ngăn ngừa hoặc sát trừ ác nghiệp của khẩu; là không nói dối, không nói lời hung dữ, không nói lời chia rẽ, không nói lời vô ích.

224. Sở hữu Chánh nghiệp:
 Là trạng thái tâm lý **ngăn ngừa và sát trừ ác nghiệp của thân**; là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm.

225. Sở Hữu Chánh mạng:
 Là trạng thái tâm lý **ngăn ngừa và sát trừ sự nuôi mạng bằng cách tà vạy**, là không dùng thân, khẩu, ý ác để nuôi mạng.

226. Sở Hữu Vô lượng phần:
Là trạng thái tâm lý lấy **vô lượng chúng sanh** đau khổ và hạnh phúc làm đối tượng.

227. Sở Hữu Bi:
Là trạng thái tâm lý **thương xót chúng sanh** đau khổ.

228. Sở Hữu Tùy hỷ:
Là trạng thái tâm lý **vui theo sự hạnh phúc hay thành công của tất cả chúng sanh**, dù là người thân hay kẻ thù.

229. Sở Hữu Trí tuệ:
Là trạng thái tâm lý **sáng**
suốt, thông minh, hiểu biết
sự vật đúng với sự thật. Hiểu
biết Tứ đế. Ngược lại với vô
minh.

230. Sắc Tứ Đại:
Là 4 sắc lớn: **Đất, Nước,**
Lửa, Gió.

231. Sắc Đất:
Là sắc pháp
có **trạng thái**
cứng hoặc
mềm.

232. Sắc Nước:
Là sắc pháp có
trạng thái thấm,
rịn, tươi, ướt,
chảy ra và quên
lại.

233. Sắc
Lửa:
Là sắc pháp
có **trạng thái**
lạnh hoặc
nóng.

234. Sắc Gió:
Là sắc pháp có
trạng thái chuyển
động, rung động,
rung chuyển, di
chuyển.

**235. Sắc Y
Đại Sinh:**
Là sắc pháp
y cứ theo Tứ
đại mà sinh
ra.

**236. Sắc
Thần kinh:**
Là tinh chất
của Tứ đại.

**237. Sắc Thần kinh
Nhãn:**
Là tinh chất của Tứ
đại.
Là chỗ nương nhờ
của Nhãn thức.
Có khả năng thu bắt
cảnh sắc.
Có hình như đầu con
chí đực, nằm trong
mống mắt con
người.

**238. Sắc Thần
kinh Nhĩ:**
**Là tinh chất của
Tứ đại.**
**Là chỗ nương nhờ
của Nhĩ thức.**
**Có khả năng thâm
bất cảnh thính.**
**Có hình như lông
con cừu, nằm
trong lỗ tai.**

**239. Sắc Thần
kinh Tỷ:**
**Là tinh chất của Tứ
đại.**
**Là chỗ nương nhờ
của Tỷ thức.**
**Có khả năng thâm
bất cảnh khí.**
**Có hình như móng
chân con dê, nằm
trong lỗ mũi.**

240. Sắc Thần kinh Thiệt:
Là tinh chất của Tứ đại.
Là chỗ nương nhờ của Thiệt
thức.
Có khả năng thâm bắt cảnh vị.
Có hình như đầu lông con nhím,
nằm trong lưới.

241. Sắc Thần kinh
Thân:
Là tinh chất của Tứ đại.
Là chỗ nương nhờ của
thân thức.
Có khả năng thâm bắt
cảnh xúc.
Sắc thần kinh thân phủ
trùm khắp toàn thân.

242. Sắc Cảnh giới:
Là đối tượng của 5 sắc
thần kinh.

Đó là cảnh sắc, cảnh
thinh, cảnh khí, cảnh vị,
còn cảnh xúc là Đất,
Lửa, Gió trong sắc Tứ
đại.

**243. Sắc
Cảnh sắc:**
Là tất cả
hình, sắc, vật
mà mắt thấy
được.

**244. Sắc
Cảnh thanh:**
Là tất cả
tiếng, âm
thanh mà tai
nghe được.

**245. Sắc
Cảnh khí:**
Là tất cả hơi
hay mùi mà
mũi ngửi
được.

**246. Sắc
Cảnh vị:**
Là tất cả vị
cay, đắng,
ngọt, bùi mà
lưỡi nếm
được.

247. Sắc Tính:
Là sắc pháp **biểu**
hiện tính nam
hoặc tính nữ.

248. Sắc Nam tính:
Là sắc pháp **biểu hiện**
tướng trạng của
người nam, giống
đực, trống, có trạng
thái hùng dũng, cứng
cỏi.

249. Sắc Nữ
tính:
Là sắc pháp **biểu**
hiện tướng
trạng của người
nữ, giống cái,
mái, có trạng
thái ôn hoà, dịu
dàng, yếu điệu,
yếu ớt, hiền
hoà, dễ thương.

250. Sắc Ý vật:
 Là **sắc trái tim,**
hay sắc bộ não,
 hoặc sắc nào mà
 ý thức nương
 nhờ sinh ra.

**251. Sắc Mạng
 quyền:**
 Là **sắc pháp có khả
 năng bảo tồn các
 sắc nghiệp đồng
 sanh được tồn tại.**

252. Sắc Vật thực:
 Là **sắc pháp có chất
 dinh dưỡng,** có đặc
 tính nuôi dưỡng
 các sắc pháp khác
 được phát triển
 lớn mạnh.

**253. Sắc Hư
 không:**
 Là **khoảng giữa
 của các sắc pháp.**

254. Sắc Biểu tri (biểu - hiện; tri - bày):

Là sắc pháp biểu hiện tri bày, hiện bày nơi thân, hoặc khẩu để khi thấy hoặc nghe mà hiểu được.

255. Sắc Thân biểu tri:

Là sắc pháp hiện bày biểu lộ bằng thân như cử động, múa tay, ra dấu để người khác thấy mà biết được.

256. Sắc Khẩu biểu tri:

Là sắc pháp hiện bày biểu lộ bằng miệng như tiếng nói, tiếng cười để người khác nghe mà hiểu được.

257. Sắc Đặc biệt:
Là sắc pháp có tính chất
riêng biệt, thù thắng.

**258. Sắc
Khinh:**
Là sắc pháp
có trạng thái
nhẹ nhàng.

**259. Sắc
Nhu:**
Là sắc pháp có
trạng thái
mềm dịu,
không thô
cứng.

**260. Sắc
Thích nghiệp:**
Là sắc pháp
có trạng thái
thích hợp với
việc làm.

261. Sắc Tứ tướng:
Là sắc pháp có
tướng trạng riêng
biệt.

262. Sắc Sinh:
Là sắc pháp
vừa sinh khởi,
vừa sinh ra.

263. Sắc Tiến:
Là sắc pháp
được phát triển,
tăng thêm.

264. Sắc Dị:
Là sắc già đi,
khác đi.

265. Sắc Diệt:
Là sắc pháp bị
tiêu hoại, tiêu
diệt.

266. Danh chế định:
Là đặt tên cho các pháp.

267. Danh chơn chế định:
Là đặt tên cho một sự thật chơn đế.
Ví dụ như tâm tham...

268. Phi danh chơn chế định:
Là đặt tên cho một pháp không phải là sự thật.
Ví dụ như chồng, vợ, sư phụ, đệ tử...

**269. Danh chơn Phi danh
chơn chế định:**
Là đặt tên cho một **pháp đầu
có thực** và **pháp sau là không
có thực.**
Ví dụ như tâm tham của tôi...

**270. Phi danh chơn Danh
chơn chế định:**
Là đặt tên cho **pháp đầu
không có thực** và **pháp sau
là có thực.**
Ví dụ như tôi có trí tuệ...

**271. Danh chơn Danh chơn
chế định:**
Là đặt tên cho **pháp đầu có
thực** và **pháp sau cũng có thực.**
Ví dụ như tâm chánh niệm...

**272. Phi danh chơn Phi danh
chơn chế định:**
Là đặt tên cho **pháp đầu không
có thực** mà **pháp sau cũng
không có thực.**
Ví dụ như chồng của em, sư
phụ của con...

273. Nghĩa chế định:
Là dùng ý nghĩa để đặt
tên cho các pháp.

274. Hình
thức chế định:
Là dùng hình
thức để đặt tên
cho các pháp.
Ví dụ như
biển, núi,
sông, hồ...

**275. Hiệp thành chế
định:**

**Là hợp lại nhiều bộ phận
để đặt tên cho các pháp.
Ví dụ như rui, mè, kèo,
cột hợp lại thành một
ngôi nhà.**

**276. Chúng sanh
chế định:**

**Là nhìn các loại
chúng sanh mà
đặt tên.**

**Ví dụ như thú,
người, trời, ma,
quỷ, thánh, thần,
tiên, Phật...**

**277. Phương
hướng chế định:
Là nhìn phương
hướng mà đặt tên.
Ví dụ như Đông,
Tây, Nam, Bắc.**

**278. Thời gian
chế định:
Là nhìn thời gian
mà đặt tên.
Ví dụ như Xuân,
Hạ, Thu, Đông,
sáng, trưa, chiều,
tối.**

**279. Hư không chế
định:**

**Là nhìn các chỗ trống,
khe hở, khoảng hư
không mà đặt tên.**

**Ví dụ như giếng,
hang, hố, huyết...**

**280. Hình tướng chế
định:**

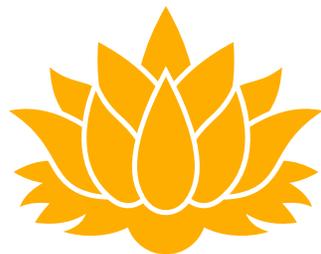
**Là nhìn những tướng
trạng khác nhau mà
đặt tên.**

**Ví dụ như lá cờ, bảng
hiệu, tượng Phật.**

CHƯƠNG XI



215 DANH TỪ ABHIDHAMMA PALI-VIỆT-ANH



Akusala Cittāni
Tâm Bất Thiện
Immoral Consciousness

Lobhamulacitta - 8

8 Tâm Tham

Consciousness Rooted in Attachment - 8

1. Somanassasahagataṃ
 diṭṭhigatasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ:

Thọ hỷ hợp tà vô trợ.

One consciousness, unprompted, accompanied by pleasure, and connected with wrong view.

2. Somanassasahagataṃ
 diṭṭhigatasampayuttaṃ sasāṅkhārikaṃ:

Thọ hỷ hợp tà hữu trợ.

One consciousness, prompted, accompanied by pleasure, and connected with wrong view.

3. Somanassasahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ:

Thọ hỷ ly tà vô trợ.

One consciousness, unprompted, accompanied by pleasure, and disconnected with wrong view.

4. Somanassasahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ:

Thọ hỷ ly tà hữu trợ.

One consciousness, prompted, accompanied by pleasure, and disconnected with wrong view.

5. Upekkhāsahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ:

Thọ xả hợp tà vô trợ.

One consciousness, unprompted, accompanied by indifference, and connected with wrong view.

6. Upekkhāsaḥagataṃ
diṭṭhigatasampayuttaṃ saṅkhārikaṃ:

Thọ xả hợp tà hũu trợ.

One consciousness, prompted, accompanied by indifference, and connected with wrong view.

7. Upekkhāsaḥagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ
asaṅkhārikaṃ:

Thọ xả ly tà vô trợ.

One consciousness, unprompted, accompanied by indifference, and disconnected with wrong view.

8. Upekkhāsaḥagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ
saṅkhārikaṃ:

Thọ xả ly tà hũu trợ.

One consciousness, prompted, accompanied by indifference, and disconnected with wrong view.

Dosamulacitta - 2

2 Tâm Sân

Consciousness Rooted in Illwill or Aversion - 2

9. Domanassasahagataṃ paṭighasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ:

Thọ ưu hợp phần vô trợ.

One consciousness, unprompted, accompanied by displeasure, and connected with illwill.

10. Domanassasahagataṃ paṭighasampayuttaṃ saṅkhārikaṃ:

Thọ ưu hợp phần hữu trợ.

One consciousness, prompted, accompanied by displeasure, and connected with illwill.

Mohamūlacitta - 2

2 Tâm Si

Consciousness Rooted in Delusion or Ignorance - 2

11. Upekkhāsaḥagataṃ
vicikicchāsampayuttaṃ:

Thọ xả hợp hoài nghi.

One consciousness, accompanied by indifference, and connected with doubts.

12. Upekkhāsaḥagataṃ
uddhaccasampayuttaṃ:

Thọ xả hợp phóng dật.

One consciousness, accompanied by indifference, and connected with restlessness.

Ahetuka Cittāni - 18

18 Tâm Vô Nhân

18 Types Of Rootless Coónciousness

Akusala Vipāka Cittāni - 7

7 Tâm Quả Bất Thiện Vô Nhân Immoral Resultant Consciousness without Roots - 7

13. Upekkhāsahagataṃ cakhuviññāṇaṃ:

Nhãn thức thọ xả.

Immoral resultant Eye-consciousness,
accompanied by indifference.

14. Upekkhāsahagataṃ sotaviññāṇaṃ:

Nhĩ thức thọ xả.

Immoral resultant Ear-consciousness,
accompanied by indifference.

15. Upekkhāsahagataṃ ghānaviññāṇaṃ:

Tỷ thức thọ xả.

Immoral resultant Nose-consciousness,
accompanied by indifference.

16. Upekkhāsaḥagataṃ jivhāviññāṇaṃ:

Thiệt thức thọ xả.

Immoral resultant Tongue-consciousness,
accompanied by indifference.

17. Dukkhasaḥagataṃ kāyaviññāṇaṃ:

Thân thức thọ khổ.

Immoral resultant Body-consciousness,
accompanied by pain.

18. Upekkhāsaḥagataṃ sampañicchanacittaṃ:

Tâm tiếp thân thọ xả.

Immoral resultant Receiving consciousness,
accompanied by indifference.

19. Upekkhāsaḥagataṃ santīraṇacittaṃ:

Tâm quán sát thọ xả.

Immoral resultant Investigating consciousness,
accompanied by indifference.

Kusala Vipāk'āhetuka Cittāni - 8

8 Tâm Quả Thiện Vô Nhân

**Moral Resultant Consciousness without Roots
- 8**

20. Upekkhāsahagataṃ cakhuviññāṇaṃ:

Nhãn thức thọ xả.

Moral resultant Eye-consciousness,
accompanied by indifference.

21. Upekkhāsahagataṃ sotaviññāṇaṃ:

Nhĩ thức thọ xả.

Moral resultant Ear-consciousness, accompanied
by indifference.

22. Upekkhāsaḥagataṃ ghānaviññāṇaṃ:

Tỷ thức thọ xả.

Moral resultant Nose-consciousness,
accompanied by indifference.

23. Upekkhāsaḥagataṃ jivhāviññāṇaṃ:

Thiệt thức thọ xả.

Moral resultant Tongue-consciousness,
accompanied by indifference.

24. Sukkhāsaḥagataṃ kāyaviññāṇaṃ:

Thân thức thọ lạc.

Moral resultant Body-consciousness,
accompanied by happiness.

25. Upekkhāsaḥagataṃ Sampaticchanacittaṃ:

Tâm tiếp thân thọ xả.

Moral resultant Receiving consciousness,
accompanied by indifference.

26. Upekkhāsaḥagataṃ santīranacittaṃ:

Tâm quán sát thọ xả.

Moral resultant Investigating consciousness,
accompanied by indifference.

27. Somanassasaḥagataṃ santīranacittaṃ:

Tâm quán sát thọ hỷ.

Moral resultant Investigating consciousness,
accompanied by pleasure.

Ahetuka Kiriya Cittāni - 3

3 Tâm Duy Tác Vô Nhân

Functional Consciousness without Roots - 3

28. Upekkhāsaḥagataṃ
pañcadvārāvajjanacittaṃ:

Tâm khán ngũ môn thọ xả.

Five Sense-door adverting consciousness,
accompanied by indifference.

29. Upekkhāsahagataṃ
manodvārāvajjanacittaṃ:

Tâm khán ý môn thọ xả.

Mind-door adverting consciousness,
accompanied by indifference.

30. Somanassasahagataṃ hasituppādacittaṃ:

Tâm sinh tiêu thọ hỷ.

Smile-producing consciousness, accompanied by
pleasure.

Sobhana Cittāni - 24

24 Tâm Thiện Dục Giới Tịnh Hảo

24 Types of “Beautiful” Consciousness of the Sensuous Sphere

Attha Kāmāvacara Kusala Cittāni
8 Tâm Thiện Dục Giới Tịnh Hảo
Eight Types of Moral Consciousness

31. Somanassasahagataṃ Ñāṇasampayuttaṃ
asaṅkhārikam:

Thọ hỷ hợp trí vô trợ.

One consciousness, unprompted, accompanied
by pleasure, associated with knowledge

32. Somanassasahagataṃ Ñāṇasampayuttaṃ
sasāṅkhārikam:

Thọ hỷ hợp trí hữu trợ.

One consciousness, prompted, accompanied by
pleasure, associated with knowledge.

33. Somanassasahagataṃ Ñāṇavippayuttaṃ
asaṅkhārikam:

Thọ hỷ ly trí vô trợ.

One consciousness, unprompted, accompanied by pleasure, dissociated with knowledge.

34. Somanassasahagataṃ Ñāṇavippayuttaṃ saṅkhārikaṃ:

Thọ hỷ ly trí hữu trợ.

One consciousness, prompted, accompanied by pleasure, dissociated with knowledge.

35. Upekkhāsahagataṃ Ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ:

Thọ xả hợp trí vô trợ.

One consciousness, unprompted, accompanied by indifference, associated with knowledge.

36. Upekkhāsahagataṃ Ñāṇasampayuttaṃ saṅkhārikaṃ:

Thọ xả hợp trí hữu trợ.

One consciousness, prompted, accompanied by indifference, associated with knowledge.

37. Upekkhāsaḥagataṃ Nāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ:

Thọ xả ly trí vô trợ.

One consciousness, unprompted, accompanied by indifference, dissociated with knowledge.

38. Upekkhāsaḥagataṃ Nāṇavippayuttaṃ saṅkhārikaṃ:

Thọ xả ly trí hữu trợ.

One consciousness, prompted, accompanied by indifference, dissociated with knowledge.

Attha Kāmāvacara Vipāka Cittāni

8 Tâm Quả Thiện Dục Giới Tịnh Hảo

Eight types of Resultant Consciousness

39. Somanassasahagataṃ Ñāṇasampayuttaṃ
asaṅkhārikaṃ:

Thọ hỷ hợp trí vô trợ.

One consciousness, unprompted, accompanied
by pleasure, associated with knowledge.

40. Somanassasahagataṃ Ñāṇasampayuttaṃ
sasāṅkhārikaṃ:

Thọ hỷ hợp trí hữu trợ.

One consciousness, prompted, accompanied by
pleasure, associated with knowledge.

41. Somanassasahagataṃ Ñāṇavippayuttaṃ
asaṅkhārikaṃ:

Thọ hỷ ly trí vô trợ.

One consciousness, unprompted, accompanied
by pleasure, dissociated with knowledge.

42. Somanassasahagataṃ Ñāṇavippayuttaṃ
sasaṅkhārikaṃ:

Thọ hỷ ly trí hữu trợ.

One consciousness, prompted, accompanied by
pleasure, dissociated with knowledge,

43. Upekkhāsahagataṃ Ñāṇasampayuttaṃ
asaṅkhārikaṃ:

Thọ xả hạp trí vô trợ.

One consciousness, unprompted, accompanied
by indifference, associated with knowledge.

44. Upekkhāsahagataṃ Ñāṇasampayuttaṃ
sasaṅkhārikaṃ:

Thọ xả hạp trí hữu trợ.

One consciousness, prompted, accompanied by
indifference, associated with knowledge.

45. Upekkhāsaḥagataṃ Ñāṇavippayuttaṃ
asaṅkhārikaṃ:

Thọ xả ly trí vô trợ.

One consciousness, unprompted, accompanied
by indifference, dissociated with knowledge.

46. Upekkhāsaḥagataṃ Ñāṇavippayuttaṃ
sasāṅkhārikaṃ:

Thọ xả ly trí hữu trợ.

One consciousness, prompted, accompanied by
indifference, dissociated with knowledge.

Attha Kāmāvacara Kiriya Cittāni
8 Tâm Duy Tác Dục Giới Tịnh Hảo
Eight types of Functional Consciousness

47. Somanassasahagataṃ Ñāṇasampayuttaṃ
asaṅkhārikaṃ:

Thọ hỷ hợp trí vô trợ.

One consciousness, unprompted, accompanied by pleasure, associated with knowledge.

48. Somanassasahagataṃ Ñāṇasampayuttaṃ saṅkhārikaṃ:

Thọ hỷ hợp trí hữu trợ.

One consciousness, prompted, accompanied by pleasure, associated with knowledge.

49. Somanassasahagataṃ Ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ:

Thọ hỷ ly trí vô trợ.

One consciousness, unprompted, accompanied by pleasure, dissociated with knowledge.

50. Somanassasahagataṃ Ñāṇavippayuttaṃ saṅkhārikaṃ:

Thọ hỷ ly trí hữu trợ.

One consciousness, prompted, accompanied by pleasure, dissociated with knowledge.

51. Upekkhāsaḥagataṃ Ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ:

Thọ xả hợp trí vô trợ.

One consciousness, unprompted, accompanied by indifference, associated with knowledge.

52. Upekkhāsaḥagataṃ Ñāṇasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ:

Thọ xả hợp trí hữu trợ.

One consciousness, prompted accompanied by indifference, associated with knowledge.

53. Upekkhāsaḥagataṃ Ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ:

Thọ xả ly trí vô trợ.

One consciousness, unprompted, accompanied by indifference, dissociated with knowledge.

54. Upekkhāsaḥagataṃ Nāṇavippayuttaṃ saṅkhārikam:

Thọ xả lý trí hữu trợ.

One consciousness, prompted, accompanied by indifference, dissociated with knowledge.

Rūpāvacara Cittāni - 15

15 Tâm Sắc Giới

Form-Sphere Consciousness - 15

Rūpāvacara Kusala Cittāni - 5

5 Tâm Thiện Sắc Giới

Form-Sphere Moral Consciousness - 5

55. Vitakka vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ pathamajjhāna kusalacittaṃ:

Tâm thiện sơ thiền đồng sanh với tâm, tứ, hỷ, lạc, định.

First Jhāna moral consciousness together with initial application, sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

56. Vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ dutiyajjhāna kusalacittaṃ:

Tâm thiện nhị thiên đồng sanh tứ, hỷ, lạc và định.

Second Jhāna moral consciousness together with sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

57. Pīti sukha ekaggatā sahitaṃ tatiyajjhāna kusalacittaṃ:

Tâm thiện tam thiên đồng sanh hỷ, lạc và định.

Third Jhāna moral consciousness together with joy, happiness, and one-pointedness.

58. Sukha ekaggatā sahitaṃ catutthajjhāna kusalacittaṃ:

Tâm thiện tứ thiên đồng sanh lạc và định.

Fourth Jhāna moral consciousness together with happiness and one-pointedness.

59. Upekkhā ekaggatā sahitam pañcamajjhāna kusalacittam:

Tâm thiện ngũ thiên đồng sanh xả và định.

Fifth Jhāna moral consciousness together with equanimity and one-pointedness.

Rūpāvacara Vipāka Cittāni-5

5 Tâm Quả Sắc Giới

Form-Sphere Resultant Consciousness-5

60. Vitakka vicāra pīti sukha ekaggatā sahitam pathamajjhāna vipākacittam:

Tâm quả sơ thiên đồng sanh tâm, tứ, hỷ, lạc và định.

First Jhāna Resultant consciousness together with initial application, sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

61. Vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ dutiyajjhāna vipākacittaṃ:

Tâm quả nhị thiên đồng sanh tứ, hỷ, lạc và định.

Second Jhāna Resultant consciousness together with sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

62. Pīti sukha ekaggatā sahitaṃ tatiyajjhāna vipākacittaṃ:

Tâm quả tam thiên đồng sanh hỷ, lạc và định.

Third Jhāna Resultant consciousness together with joy, happiness, and one-pointedness.

63. Sukha ekaggatā sahitaṃ catutthajjhāna vipākacittaṃ:

Tâm quả tứ thiền đồng sanh lạc và định.

Fourth Jhāna Resultant consciousness together with happiness and one-pointedness.

64. Upekkhā ekaggatā sahitam pañcamajjhāna vipākacittam:

Tâm quả ngũ thiền đồng sanh xả và định.

Fifth Jhāna Resultant consciousness together with equanimity and one-pointedness.

Rūpāvacara Kiriya Cittāni - 5

5 Tâm Duy Tác Sắc Giới

Form Sphere Functional Consciousness - 5

65. Vitakka vicāra pīti sukha ekaggatā sahitam pathamajjhāna kirīyacittam:

Tâm Duy Tác sơ thiền đồng sanh tầm, tứ, hỷ, lạc và định.

First Jhāna Functional consciousness together with initial application, sustained application, joy, happiness and one-pointedness.

66. Vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ dutiyajjhāna kirīyacittaṃ:

Tâm Duy Tác nhị thiên đồng sanh tứ, hỷ, lạc và định.

Second Jhāna Functional consciousness together with sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

67. Pīti sukha ekaggatā sahitaṃ tatiyajjhāna kirīyacittaṃ:

Tâm Duy Tác tam thiên đồng sanh hỷ, lạc và định.

Third Jhāna Functional consciousness together with joy, happiness, and one-pointedness.

68. Sukha ekaggatā sahitaṃ catutthajjhāna kirīyacittaṃ:

Tâm Duy Tác tứ thiên đồng sanh lạc và định.

Fourth Jhāna Functional consciousness together with happiness and one-pointedness.

69. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ pañcamajjhāna kirīyacittaṃ:

Tâm Duy Tác ngũ thiên đồng sanh xả và định.

Fifth Jhāna Functional consciousness together with equanimity and one-pointedness.

Arūpāvacara Cittāni - 12

12 Tâm Vô Sắc Giới

Formless-sphere Consciousness - 12

Arūpāvacara Kusala Cittāni - 4

4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới

Formless-Sphere Moral Consciousness - 4

70. Upekkhā ekaggatā ākāsañcāyatana
kusalacittaṃ:

Tâm thiện không vô biên xứ đồng sanh xả và
định.

Moral Jhāna consciousness dwelling on the
“Infinity of Space” together with 2 Jhāna factors
equanimity and one-pointedness.

71. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ
viññānañcāyatana kusalacittaṃ:

Tâm thiện thức vô biên xứ đồng sanh xả và định.

Moral Jhāna consciousness dwelling on the
“Infinity of Consciousness” together with 2 Jhāna
factors equanimity and one-pointedness.

72. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ
ākāñcaññāyatana kusalacittaṃ:

Tâm thiện vô sở hữu xứ đồng sanh xả và định.

Moral Jhāna consciousness dwelling on “Nothingness” together with 2 Jhāna factors equanimity and one-pointedness.

73. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ nevasaññānasannāyatana kusalacittaṃ:

Tâm thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ đồng sanh xả và định.

Moral Jhāna consciousness wherein “Perception neither is nor is not” together with 2 Jhāna factors equanimity and one-pointedness.

Arūpāvacara Vipāka Cittāni - 4

4 Tâm Quả Vô Sắc Giới

Formless-sphere Resultant Consciousness - 4

74. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ ākāsañcāyatana vipākacittaṃ:

Tâm quả không vô biên xứ đồng sanh xả và định.

Resultant Jhāna-consciousness dwelling on the “Infinity of Space” together with 2 Jhāna factors equanimity and one-pointedness.

75. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ
viññāṇañcāyatana vipākacittaṃ:

Tâm quả thức vô biên xứ đồng sanh xả và định.

Resultant Jhāna-consciousness dwelling on the “Infinity of Consciousness” together with 2 Jhāna factors equanimity and one-pointedness.

76. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ
ākiñcaññāyatana vipākacittaṃ:

Tâm quả vô sở hữu xứ đồng sanh xả và định.

Resultant Jhāna-consciousness dwelling on “Nothingness” together with 2 Jhāna factors equanimity and one-pointedness.

77. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ
nevasaññānāsaññāyatana vipākacittaṃ:

Tâm quả phi tướng phi phi tướng xứ đồng sanh xả và định.

Resultant Jhāna-consciousness wherein
“Perception neither is nor is not” together with 2
Jhāna factors equanimity and one-pointedness.

Arūpāvacara Kiriya Cittāni - 4

4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới

Formless-Sphere Functional Consciousness - 4

78. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ
ākāsānañcāyatana kirīyacittaṃ:

Tâm Duy Tác không vô biên xứ đồng sanh xả và định.

Functional Jhāna-consciousness dwelling on the
“Infinity of Space” together with 2 Jhāna factors
equanimity and one-pointedness.

79. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ
viññāṇaṃcāyatana kirīyacittaṃ:

Tâm Duy Tác thức vô biên xứ đồng sanh xả và định.

Functional Jhāna-consciousness dwelling on the “Infinity of Consciousness” together with 2 Jhāna factors equanimity and one-pointedness.

80. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ
ākiñcaññāyatana kirīyacittaṃ:

Tâm Duy Tác vô sở hữu xứ đồng sanh xả và định.

Functional Jhāna-consciousness dwelling on the “Nothingness” together with 2 Jhāna factors equanimity and one-pointedness.

81. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ
nevasaññānasaññāyatana kirīyacittaṃ:

Tâm Duy Tác phi tướng phi phi tướng xứ đồng sanh xả và định.

Functional Jhāna-consciousness wherein “Perception neither is nor is not” together with 2 Jhāna factors equanimity and one-pointedness.

Lokuttara Cittāni - 40
40 Tâm Siêu Thế
Supramundane Consciousness - 8

Lokuttara Kusala Cittāni - 20
20 Tâm Đạo
Moral Supramundane Consciousness - 20

Sotāpatti maggacittam. - 5
5 Tâm Sơ Đạo.
Sotāpatti Path-consciousness - 5

82. Vitakka vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ pathamajjhāna sotāpattimagga cittaṃ:

Tâm Sơ Đạo sơ thiên đồng sanh tâm, tứ, hỷ, lạc và định.

The First Jhāna Sotāpatti Path-consciousness together with initial application, sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

83. Vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ dutiyajjhāna Sotāpattimagga cittaṃ:

Tâm Sơ Đạo nhị thiên đồng sanh tứ, hỷ, lạc và định.

The second Jhāna Sotāpatti Path-consciousness together with sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

84. Pīti sukha ekaggatā sahitaṃ tatiyajjhāna sotāpattimaggacittaṃ:

Tâm Sơ Đạo tam thiên đồng sanh hỷ, lạc và định.

The Third Jhāna Sotāpatti Path-consciousness together with joy, happiness, and one-pointedness.

85. Sukha ekaggatā sahitaṃ catutthajjhāna sotāpattimaggacittaṃ:

Tâm Sơ Đạo tứ thiên đồng sanh với lạc và định.

The Fourth Jhāna Sotāpatti Path-consciousness together with happiness and one-pointedness.

86. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ pañcamajjhāna sotāpattimaggacittaṃ:

Tâm Sơ Đạo ngũ thiền đồng sanh xả và định.

The Fifth Jhāna Sotāpatti Path-consciousness together with equanimity and one-pointedness.

Sakadāgāmi maggacittam. - 5

5 Tâm Nhị Đạo.

Sakadāgāmi Path-consciousness - 5

87. Vitakka vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ pathamajjhāna Sakadāgāmimaggacittaṃ:

Tâm Nhị Đạo sơ thiền đồng sanh tâm, tứ, hỷ, lạc và định.

The First Jhāna Sakadāgāmi Path-consciousness together with initial application, sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

88. Vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ dutiyajjhāna Sakadāgāmimaggacittaṃ:

Tâm Nhị Đạo nhị thiên đồng sanh tứ, hỷ, lạc và định.

The second Jhāna Sakadāgāmi Path-consciousness together with sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

89. Pīti sukha ekaggatā sahitaṃ tatiyajjhāna Sakadāgāmimaggacittaṃ:

Tâm Nhị Đạo tam thiên đồng sanh hỷ, lạc và định.

The Third Jhāna Sakadāgāmi Path-consciousness together with joy, happiness, and one-pointedness.

90. Sukha ekaggatā sahitaṃ catutthajjhāna Sakadāgāmimaggacittaṃ :

Tâm Nhị Đạo tứ thiên đồng sanh lạc và định.

The Fourth Jhāna Sakadāgāmi Path-consciousness together with happiness and one-pointedness.

91. Upekkhā ekaggatā sahitam pañcamajjhāna Sakadāgāmimaggacittam:

Tâm Nhị Đạo ngũ thiền đồng sanh xả và định.

The Fifth Jhāna Sakadāgāmi Path-consciousness together with equanimity and one-pointedness.

Anāgāmi maggacittam. - 5

5 Tâm Tam Đạo.

Anāgāmi Path-consciousness - 5

92. Vitakka vicāra pīti sukha ekaggatā sahitam pathamajjhāna Anāgāmimaggacittam:

Tâm Tam Đạo sơ thiền đồng sanh tâm, tứ, hỷ, lạc và định.

The First Jhāna Anāgāmi Path-consciousness together with initial application, sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

93. Vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ dutiyajjhāna Anāgāmicāgacittaṃ:

Tâm Tam Đạo nhị thiên đồng sanh tứ, hỷ, lạc và định.

The second Jhāna Anāgāmi Path-consciousness together with sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

94. Pīti sukha ekaggatā sahitaṃ tatiyajjhāna Anāgāmicāgacittaṃ:

Tâm Tam Đạo tam thiên đồng sanh hỷ, lạc và định.

The Third Jhāna Anāgāmi Path-consciousness together with joy, happiness, and one-pointedness.

95. Sukha ekaggatā sahitaṃ catutthajjhāna Anāgāmicāgacittaṃ:

Tâm Tam Đạo tứ thiên đồng sanh lạc và định.

The Fourth Jhāna Anāgāmi Path-consciousness together with happiness and one-pointedness.

96. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ pañcamajjhāna Anāgāmimaggaṃ:

Tâm Tam Đạo ngũ thiền đồng sanh xả và định.
The Fifth Jhāna Anāgāmi Path-consciousness together with equanimity and one-pointedness.

Arahatta maggacittañ c'āti - 5

5 Tâm Tứ Đạo.

Arahatta Path-consciousness - 5

97. Vitakka vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ pathamajjhāna Arahattamaggaṃ:

Tâm Tứ Đạo sơ thiền đồng sanh tâm, tứ, hỷ, lạc và định.

The First Jhāna Arahatta Path-consciousness together with initial application, sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

98. Vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ dutiyajjhāna Arahattamaggacittam:

Tâm Tứ Đạo nhị thiên đồng sanh tứ, hỷ, lạc và định.

The second Jhāna Arahatta Path-consciousness together with sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

99. Pīti sukha ekaggatā sahitaṃ tatiyajjhāna Arahattamaggacittam:

Tâm Tứ Đạo tam thiên đồng sanh hỷ, lạc và định.

The Third Jhāna Arahatta Path-consciousness together with joy, happiness, and one-pointedness.

100. Sukha ekaggatā sahitaṃ catutthajjhāna Arahattamaggacittam:

Tâm Tứ Đạo tứ thiên đồng sanh lạc và định.

The Fourth Jhāna Arahatta Path-consciousness together with happiness and one-pointedness.

101. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ
pañcamajjhāna Arahattamaggacittaṃ:

Tâm Tứ Đạo ngũ thiên đồng sanh xả và định.
The Fifth Jhāna Arahatta Path-consciousness together with equanimity and one-pointedness.

Lokuttara Vipāka Cittāni - 20

20 Tâm Quả Siêu Thế

Resultant Supramundane Consciousness - 20

Sotāpatti phalacittam. - 5

5 Tâm Sơ Quả

Sotāpatti Fruit-consciousness - 5

102. Vitakka vicāra pīti sukha ekaggatā
sahitaṃ pathamajjhāna Sotāpattiphalacittaṃ:

Tâm Sơ Quả sơ thiên đồng sanh tâm, tứ, hỷ, lạc và định.

The First Jhāna Sotāpatti Fruit-consciousness together with initial application, sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

103. Vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ dutiyajjhāna Sotāpattiphalacittaṃ:

Tâm Sơ Quả nhị thiên đồng sanh tứ, hỷ, lạc và định.

The second Jhāna Sotāpatti Fruit-consciousness together with sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

104. Pīti sukha ekaggatā sahitaṃ tatiyajjhāna Sotāpattiphalacittaṃ:

Tâm Sơ Quả tam thiên đồng sanh hỷ, lạc và định.

The Third Jhāna Sotāpatti Fruit-consciousness together with joy, happiness, and one-pointedness.

105. Sukha ekaggatā sahitaṃ catutthajjhāna
Sotāpattiphalacittaṃ:

Tâm Sơ Quả tứ thiên đồng sanh lạc và định.

The Fourth Jhāna Sotāpatti Fruit-consciousness
together with happiness and one-pointedness.

106. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ
pañcamajjhāna Sotāpattiphalacittaṃ:

Tâm Sơ Quả ngũ thiên đồng sanh xả và định.

The Fifth Jhāna Sotāpatti Fruit-consciousness
together with equanimity and one-pointedness.

Sakadāgāmi phalacittam. - 5

5 Tâm Nhị Quả.

Sakadāgāmi Fruit-consciousness - 5

107. Vitakka vicāra pīti sukha ekaggatā
sahitaṃ pathamajjhāna Sakadāgāmiphalacittaṃ:

Tâm Nhị Quả sơ thiên đồng sanh tâm, tứ, hỷ, lạc
và định.

The First Jhāna Sakadāgāmi Fruit-consciousness together with initial application, sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

108. Vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ dutiyajjhāna Sakadāgāmiphalacittaṃ:

Tâm Nhị Quả nhị thiên đồng sanh tứ, hỷ, lạc và định.

The second Jhāna Sakadāgāmi Fruit-consciousness together with sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

109. Pīti sukha ekaggatā sahitaṃ tatiyajjhāna Sakadāgāmiphalacittaṃ:

Tâm Nhị Quả tam thiên đồng sanh hỷ, lạc và định.

The Third Jhāna Sakadāgāmi Fruit-consciousness together with joy, happiness, and one-pointedness.

110. Sukha ekaggatā sahitaṃ catutthajjhāna Sakadāgāmiphalacittaṃ:

Tâm Nhị Quả tứ thiên đồng sanh lạc và định.

The Fourth Jhāna Sakadāgāmi Fruit-consciousness together with happiness and one-pointedness.

111. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ pañcamajjhāna Sakadāgāmiphala-cittaṃ :
Tâm Nhị Quả ngũ thiên đồng sanh xả và định.

The Fifth Jhāna Sakadāgāmi Fruit-consciousness together with equanimity and one-pointedness.

Anāgāmi phalacittam. - 5

5 Tâm Tam Quả

Anāgāmi Fruit-consciousness - 5

112. Vitakka vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ pathamajjhāna Anāgāmiphala-cittaṃ:

Tâm Tam Quả sơ thiên đồng sanh tâm, tứ, hỷ, lạc và định.

The First Jhāna Anāgāmi Fruit-consciousness together with initial application, sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

113. Vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ dutiyajjhāna Anāgāmiphala-cittaṃ:

Tâm Tam Quả nhị thiên đồng sanh tứ, hỷ, lạc và định.

The second Jhāna Anāgāmi Fruit-consciousness together with sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

114. Pīti sukha ekaggatā sahitaṃ tatiyajjhāna Anāgāmiphala-cittaṃ:

Tâm Tam Quả tam thiên đồng sanh hỷ, lạc và định.

The Third Jhāna Anāgāmi Fruit-consciousness together with joy, happiness, and one-pointedness.

115. Sukha ekaggatā sahitaṃ catutthajjhāna Anāgāmi-phalacittaṃ:

Tâm Tam Quả tứ thiền đồng sanh với lạc và định.

The Fourth Jhāna Anāgāmi Fruit-consciousness together with happiness and one-pointedness.

116. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ pañcamajjhāna Anāgāmi-phalacittaṃ:

Tâm Tam Quả ngũ thiền đồng sanh với xả và định.

The Fifth Jhāna Anāgāmi Fruit-consciousness together with equanimity and one-pointedness.

Arahatta phalacittañ c'āti - 5

5 Tâm Tứ Quả

Arahatta Fruit-consciousness - 5

117. Vitakka vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ pathamajjhāna Arahattaphalacittaṃ:

Tâm Tứ Quả sơ thiền đồng sanh với tầm, tứ, hỷ, lạc và định.

The First Jhāna Arahatta Fruit-consciousness together with initial application, sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

118. Vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ dutiyajjhāna Arahattaphalacittaṃ:

Tâm Tứ Quả nhị thiền đồng sanh với tứ, hỷ, lạc và định.

The second Jhāna Arahatta Fruit-consciousness together with sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

119. Pīti sukha ekaggatā sahitaṃ tatiyajjhāna Arahattaphalacittaṃ:

Tâm Tứ Quả tam thiền đồng sanh với hỷ, lạc và định.

The Third Jhāna Arahatta Fruit-consciousness together with joy, happiness, and one-pointedness.

120. Sukha ekaggatā sahitam catutthajjhāna Arahattaphalacittam:

Tâm Tứ Quả tứ thiên đồng sanh với lạc và định.

The Fourth Jhāna Arahatta Fruit-consciousness together with happiness and one-pointedness.

121. Upekkhā ekaggatā sahitam pañcamajjhāna Arahattaphalacittam:

Tâm Tứ Quả ngũ thiên đồng sanh với xả và định.

The Fifth Jhāna Arahatta Fruit-consciousness together with equanimity and one-pointedness.

Dvipaññāsa Cetasikā
52 Tâm Sở
52 Kinds of Mental States

Sabbacittasādhāranā -7**7 Tâm Sở Biến Hành****Universals - 7**

122. Phassa:

Xúc.

Contact.

123. Vedanā:

Thọ.

Feeling.

124. Saññā:

Tưởng.

Perception.

125. Cetanā:

Tu.

Volition.

126. Ekaggatā:

Định

One-Pointedness.

127. Jīvitindrīya:

Mạng quyền.

Psychic life.

128. Manasikāra:

Tác ý.

Attention.

Pakiññakā - 6

6 Sở Hữu Biệt Cảnh

Particulars - 6

129. Vitakka:

Tâm.

Initial Application.

130. Vicāra:

Tứ.

Sustained Application.

131. Adhimokkha:

Thắng giải.

Decision.

132. Viriya:

Cần.

Effort.

133. Pīti:

Hỷ.

Joy

134. Chanda:

Dục.

Conation.

Akusala - 14
14 Tâm Sở Bất Thiện
Immorals - 14

135. Moha:

Si.

Delusion.

136. Ahirika:

Vô tâm.

Shamelessness.

137. Anottappa:

Vô quý.

Fearlessness (of consequences, or to commit wrong).

138. Uddhacca:

Phóng dật.

Restlessness

139. Lobha:

Tham.

Attachment.

140. Ditṭhi:

Tà kiến.

Misbelief.

141. Māna:

Ngã mạn.

Conceit.

142. Dosa:

Sân.

Hatred.

143. Issā:

Tật.

Jealousy.

144. Macchāriya:

Lận.

Avarice.

145. Kukkucca:

Hối.

Worry.

146. Thīna:

Hôn trầm.

Sloth.

147. Middha:

Thụy miên.

Torpor.

148. Vicikicchā:

Hoài nghi.

Doubt.

Sobhanasādhāranā - 19
19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành
Beautiful - 19

149. Saddhā:

Tín.

Confidence.

150. Sati:

Niệm.

Mindfulness.

151. Hiri:

Tàm.

(Moral) Shame.

152. Ottappa:

Quý

(Moral) Dread

153. Alobha:

Vô tham.

Non-attachment.

154. Adosa:

Vô sân.

Goodwill.

155. Tattaramajjhataṭṭā:

Hành xả.

Equanimity.

156. Kāyapassaddhi:

Tịnh thân.

Tranquillity of mental states.

157. Cittapassaddhi:

Tịnh tâm.

Tranquillity of mind.

58. Kāyalahutā:

Khinh thân.

Lightness of mental states.

159. Cittalahutā:

Khinh tâm.

Lightness of mind.

160. Kāyamudutā:

Nhu thân.

Pliancy of mental states.

161. Cittamudutā:

Nhu tâm.

Pliancy of mind.

162. Kāyakammaññatā:

Thuần thân.

Adaptability of mental states.

163. Cittakammaññatā:

Thuần tâm.

Adaptability of mind.

164. Kāyapāguññatā:

Thích thân.

Proficiency of mental states.

165. Cittapāguññatā:

Thích tâm.

Proficiency of mind.

166. Kāyujukatā:

Chánh thân.

Rectitude of mental states.

167. Cittujukatā:

Chánh tâm.

Rectitude of mind.

Viratiyo - 3

3 Sở Hữu Giới Phần

Abstinences - 3

168. Sammā vācā:

Chánh ngữ.

Right Speech.

169. Sammā kammantā:

Chánh nghiệp.

Right Action.

170. Sammā ājīva:

Chánh mạng.

Right Livelihood.

Appamaññā - 2
2 Sở Hữu Vô Lượng Phần
Illimitables - 2

171. Karuṇā:

Bi.

Compassion.

172. Muditā:

Tuỳ hỷ.

Appreciative or Sympathetic Joy.

Paññindriya - 1
1 Sở Hữu Trí Tuệ
Wisdom - 1

173. Paññindrīya:

Trí tuệ.

Wisdom

Rūpa - 28
28 Sắc Pháp
Matter - 28

Mahābhūta - 4
4 Sắc Tứ Đại
The Four Great Essentials - 4

174. Pathavī:
 Đất.

The Earth element.

175. Āpo:

Nước.

The Water element.

176. Tejo:

Lửa.

The Fire element.

177. Vāyo:

Gió.

The Air element.

Upādārūpa - 24

24 Sắc Y Đại Sinh

Material qualities derived from

The Four Great Essentials - 24

Pasādarūpa - 5

5 Sắc Thần Kinh

Sensitive Phenomena - 5

178. Cakkhupasāda:

Thần kinh nhãn.

Eye-sensitivity.

179. Sotapasāda:

Thần kinh nhĩ.

Ear-sensitivity.

180. Ghānapasāda:

Thần kinh tỷ.

Nose-sensitivity.

181. Jivhāpasāda:

Thần kinh thiệt.

Tongue-sensitivity.

182. Kāyapasāda:

Thần kinh thân.

Body-sensitivity.

Gocararūpa - 5
5 Sắc Cảnh Giới

Objective Phenomena - 5

183. Rūparammaṇa:

Sắc cảnh sắc.

Visible form.

184. Saddārammaṇa:

Sắc cảnh thanh.

Sound.

185. Gandhārammaṇa:

Sắc cảnh khí.

Smell.

186. Rasārammaṇa:

Sắc cảnh vị.

Taste.

Bhāvarūpa - 2
2 Sắc Tính
Sexual Phenomena - 2

187. Iṭṭhībhāva:

Sắc nữ tính

Femininity.

188. Purisabhāva:

Sắc nam tính.

Masculinity.

189. Hadayarūpa:

Sắc ý vật.

Heart base.

190. Jīvitarūpa:

Sắc mạng quyền.

Life faculty.

191. Āhārarūpa:

Sắc vật thực.

Nutriment.

192. Paricchedarūpa:

Sắc hư không.

Space element.

Viññattirūpa - 2

2 Sắc Biểu Tri

Communicating Phenomena - 2

193. Kāyaviññatti:

Sắc thân biểu tri.

Bodily intimation.

194. Vacīviññatti:

Sắc khẩu biểu tri.

Vocal intimation.

Vikārarūpa - 3

3 Sắc Đặc Biệt

Mutable Phenomena

195. Lahutārūpa:

Sắc khinh.

Lightness.

196. Mudatārūpa:

Sắc nhu.

Malleability.

197. Kammaññatārūpa:

Sắc thích nghiệp

Wioldiness.

Lakkhanarūpa - 4

4 Sắc Tứ Tướng

Characteristic of Matter - 4

198. Upacayarūpa:

Sắc sinh.

Production.

199. Santatirūpa:

Sắc tiến.

Continuity.

200. Jaratārūpa:

Sắc dị.

Decay.

201. Aniccatārūpa:

Sắc diệt.

Impermanent.

202. Nibbāna:

Níp-bàn.

Nibbāna.

Paññatti
Pháp Tục Đế
(Pháp Chế Định)
Concepts

Nāmapaññatti - 6

6 Danh Chế Định

Name-concept - 6

203. Vijjamānapaññatti:

Danh chơn chế định.

Real concept.

204. Avijjamānapaññatti:

Phi danh chơn chế định.

Unreal concept.

205. Vijjamānena avijjamānapaññatti:

Danh chơn Phi danh chơn chế định.

Real and unreal concept.

206. Avijjamānena vijjamānapaññatti:

Phi danh chơn Danh chơn chế định.

Unreal and real concept.

207. Vijjamānena vijjamānapaññatti:

Danh chơn Danh chơn chế định.

Real and real concept.

208. Avijjamānena avijjamānapaññatti:

Phi danh chơn Phi danh chơn chế định.

Unreal and unreal concept.

Atthapaññatti - 7

7 Nghĩa Chế Định

Meaning-concept - 7

209. Santānapaññatti:

Hình thức chế định.

Formal concepts.

210. Samūhapaññatti:

Hiệp thành chế định.

Collective concepts.

211. Sattapaññatti:

Chúng sanh chế định.

Living being concepts.

212. Disāpaññatti:

Phương hướng chế định.

Local concepts.

213. Kālapaññatti:

Thời gian chế định.

Time concepts.

214. Ākāsapaññatti:

Hư không chế định.

Space concepts.

215. Nimittapaññatti:

Hình tướng chế định.

Sign concepts.

Sankhayā: Số Number

Eka là 1.

One.

Dvi là 2.

Two.

Ti là 3.

Three.

Catu là 4.
Four.

Pañca là 5.
Five.

Cha là 6.
Six.

Satta là 7.
Seven.

At̥ṭha là 8.
Eight.

Nava là 9.
Nine.

Dasa là 10.
Ten.

Ekādasā là 11.
Eleven.

Dvādasā hay bārāsa là 12.
Twelve.

Terasa là 13.
Thirteen.

Catuddasa hay cuddasa là 14.
Fourteen.

Pañcadasa hay paṇṇarasa là 15.
Fifteen.

Soḷasa là 16.
Sixteen.

Sattarasa là 17.
Seventeen.

Attharasa là 18.
Eighteen.

Ekūnavīsati hay Ūnavīsa là 19.
Nineteen.

Vīsa hay vīsati là 20.
Twenty.

Ekavīsati là 21.
Twenty one.

Dvāvīsati hay bāvīsati là 22.
Twenty two.

Tevīsati là 23.
Twenty three.

Catuvīsati là 24.
Twenty four.

Pañcavīsati là 25.
Twenty five.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU,	2
LỜI TRI ÂN,	5
HỒI HƯỚNG	7
SÁCH THAM KHẢO	8
CHƯƠNG I	12
(BÀI 1)	12
PHẦN CHIA PHÁP	
CHƯƠNG II	32
(BÀI 2)	32
SƠ ĐỒ CHIA PHÁP	
BẢNG CHỮ	
CHƯƠNG III	42
(BÀI 3)	42
SƠ ĐỒ CHIA PHÁP	
BẢNG SỐ	
CHƯƠNG IV	52
SƠ ĐỒ	
CHIA PHÁP TRỐNG	
CHƯƠNG V	63
(BÀI 4)	63
PHẦN GỒM PHÁP ABHIDHAMMA	
CHƯƠNG VI	81

(BÀI 5)	81
SƠ ĐỒ GỒM PHÁP BẰNG CHỮ	
CHƯƠNG VII	98
(BÀI 6)	98
SƠ ĐỒ GỒM PHÁP BẰNG SỐ	
CHƯƠNG VIII	115
SƠ ĐỒ GỒM PHÁP TRỐNG	
CHƯƠNG IX	132
(BÀI 7)	132
ĐỊNH NGHĨA DANH TỪ ABHIDHAMMA	
CHƯƠNG X	191
280 ĐỊNH NGHĨA BẰNG HÌNH DANH TỪ ABHIDHAMMA	
CHƯƠNG XI	292
215 DANH TỪ ABHIDHAMMA PALI-VIỆT-ANH	